100 Kỳ Quan Thế Giới

HOÀI ANH biên dịch

100 Kỳ Quan Thế Giới



NXB VĂN HÓA THÔNG TIN

100 KỲ QUAN THẾ GIỚI

Nguyên tác:
WONDERS OF THE WORLD
của ROSEMARY BERG
& RICHARD CAVENDISH.

HOÀI ANH biên dịch

100 Kỳ Quan Thế Giới



NXB VĂN HÓA THÔNG TIN

Tái bản lần I

100 KỲ QUAN THẾ GIỚI

Kỳ tích khiến người kinh ngạc thán phục. 100 kỳ tích trong cuốn sách này khiến bạn kinh lạ và ca ngợi, chúng đều do loài người dùng hai tay xây dựng. Từ Jericho (thành cổ ở phía bắc Biển Chết Tây Á) thôn nhỏ canh tác sớm nhất, đến những kỳ tích công trình ở Nam Mỹ, Nhật Bản gần đây, xuyên qua 1 vạn năm lịch sử loài người, đồng thời chúng lại rải rác khắp toàn cầu. Ở đây xếp sắp dựa theo châu mà chúng ở và niên đại xa gần.

Người ở bất kỳ nơi nào trên thế giới đều thích cảnh vật hùng tráng, và tồn tại một thứ động lực mạnh mẽ muốn đem sức mạnh kỹ thuật có thể cung cấp cho vật kiến trúc cao nhất, nặng nhất, lớn nhất đè xuống trái đất đã và đang rên xiết. Từ Trận Đá khổng lồ ở Anh quốc và đập nước lớn Itaipue ở Brazil đều là như thế. Tháp truyền hình quốc gia Canada Toronto cao 535 mét, chọc thẳng tầng mây. Trong gió hơi lay động. Tòa Empire State Building từng được hưởng danh tiếng vật kiến trúc cao nhất thế giới đến hơn 40 năm, tháp sắt Eiffel và giáo đường Trung thế kỷ chỏm nhọn cao vút tới mây cũng vậy, nó chứng minh sự nghiệp mà loài người có thể thành tựu khi đặt mục tiêu ở bầu trời.

KỲ QUAN VÀ THẦN BÍ

Có một số kỳ tích là kỳ tích của công trình, là kỳ tích của chinh phục khoảng cách và chiến thắng thiên nhiên, như kênh Suez, kênh Panama, đường sắt lớn chạy ngang Sibir, đập nước lớn Aswan. Có một số là kỳ tích kiến trúc hoàn thành không có sự giúp đỡ của máy móc hiện đại khiến người kinh ngạc thán phục, như Trận Đá Lớn ở Anh quốc, Trường thành Trung Quốc, kiến trúc đá ở Đại Zimbabwe, giáo đường đá ở Ethiopia. Có một số lại xây dựng ở nơi rất khó đến được, như tu viện Meteóra ở Hy Lạp.

Trong số những thành tựu sáng tạo ra ở địa điểm và thời gian rất không giống nhau, chúng ta có thể nhận thấy chỗ tương tự của chúng: hí viện hình tròn Cổ La Mã và nhà thể dục nóc tròn siêu cấp New Orleans, thần điện Iakaushima Nhật Bản và cổng vòng cung St. Louis bên sông Missipsipi, tượng điêu khắc lớn pharaoh. Kỳ tích ở thể bao gồm một thứ nhân tố thần bí chưa biết, nó đúng là tồn tại trong bóng tối Kim tự tháp lớn, tồn tại trong đền miếu Maya trong rừng rậm Yucatan, tồn tại trên đồ án trong hoang mạc Nasca, tồn tại trên tượng đá trên đảo Phục sinh lặng lẽ đăm đăm nhìn Thái Bình Dương.

THIÊN ĐƯỜNG Ở NHÂN GIAN

Rất nhiều kiến trúc đá lớn và đá cẩm thạch từ Persepolis đến điện Kremlin, đều biểu hiện quyền lực của vua chúa, chúng thể hiện uy nghiêm của vua chúa đối với thần dân, nhưng điều có ý vị châm biếm là, chúng cũng có thể biến thành một cái lồng vàng, như có những đế vương trong Tử cấm thành Bắc Kinh Trung Quốc, họ hoàn toàn cách ly với đời sống hiện thực, thành một ông vua mờ tối, tầm thường.

Ý đồ xây dựng của những kiến trúc này cũng có thể là muốn sáng tạo một thiên đường ở nhân gian hoàn thiện. Shal Jehan từng xây dựng Thành Đỏ ở Delhi nói: "Nếu nhân gian có thiên đường, thiên đường là ở đây, là ở đây, là ở đây". Sự xây dựng cung Alhambra ở Tây Ban Nha và cung Topkapi ở Istanbul, cũng có ý đồ như vậy. Tòa nhà lớn của William Rudolph Mearst và Lạc viên Disney là dùng phương pháp của thế kỷ 20 thực hiện thiên đường ở nhân gian.



Ở cung Versailles, các kiến trúc sư và người thiết kế sân vườn thời Louis XIX mong muốn xây dựng một cung điện có tỉ lệ cân đối, nó không chỉ có thể thể hiện vinh quang của Vua Mặt trời mà thể hiện ra đường lớn giữa đời.

Cái đó cũng thể hiện trên kiến trúc tôn giáo khí thế đồ sộ - giáo đường, chùa Hồi giáo, và đền chùa - chúng thể hiện nhận thức của tôn giáo đối với thế giới. "Núi chùa miếu" khổng lồ của quốc gia Phương Đông như Borobudur trên đảo Java và Angkor ở Campuchia là sách giáo khoa bằng đá về bản chất chân thực của vũ trụ.

Bởi thế dù có tính quan trọng của định vị vật kiến trúc, cũng cần phải có tính quan trọng của việc bảo trì xếp hàng một đường thẳng với vũ trụ. Kim tự tháp Ai Cập được xây dựng như vậy. Bốn đường biên của nó nhằm bốn phương hướng đông, nam, tây, bắc. 3000 năm sau ở một bên khác của trái đất, thành Teotihuacan ở Mexico cũng là thiết kế như vậy.

Có lúc sự xác định vị trí và phương hướng là để phục vụ cho hiệu quả hùng tráng mà có ý nghĩa tượng trưng. Lăng mộ Newglege ở Ireland là xây dựng như vậy: ngày đông chí hàng năm, một chùm tia sáng mặt trời có thể dọc theo hành lang dài tối tăm chiếu sáng chỗ tối sâu nhất của huyệt mộ. Ở Chichen Itza của Mexico bậc thang và đồ án do bóng tối hình thành của đền miếu kiểu kim tự tháp ở đây, xem ra tựa hồ Thần rắn cuộn khúc quanh co bò ra khỏi đền.

Cuốn sách này dựa theo thứ tự của đại lục, cái quan trọng nhất mà nó muốn biểu hiện là hùng tâm không mệt mỏi, kỹ năng cao siêu và sức sáng tạo vĩ đại mà loài người thể hiện ra ở nhiều khu vực trên thế giới. 100 kỳ quan thế giới là kỳ tích của tinh thần nhân loại.



Đền kiểu kim tự tháp Quelzalcoalt (tức Thần Rắn có lông vũ) ở Chichen Itza, Mexico.

Châu Âu

Từ phần mộ thời kỳ đồ đá lớn mà nặng của Newglege (Trang viên mới) Ireland, đến Trung tâm Pompidou dẫn tới tranh luận ở Paris chúng cách nhau 5000 năm, tràn đầy thuật kiến trúc phi thường của công trình sư và sự nghiệp trác việt. Trận Đá Lớn, ở khoảng thời gian năm 1500, là một giáo đường vĩ đại bỏ ra lao động khó khăn vất vả và sử dụng kỹ năng đáng kinh ngạc để xây thành. Sự uy nghiêm mang tính thiêng liêng và quy mô nghi thức của nó hiện nay chỉ có thể đoán phỏng, nhưng tảng đá màu xám tối cũ của nó lặng lẽ đứng trên đồng bằng Salisbury, và cột đá lớn thỉnh thoảng còn có mảnh vụn tróc rụng đó, đến nay còn khiến người sợ hãi không thôi.

KINH ĐIỂN

Ở thế kỷ 5 trước công nguyên, một thành thị nhỏ coi là trung tâm dẫn dắt và mốc chỉ hướng của văn minh Hy Lạp, hình thành ở phía đông Địa Trung Hải. Tinh hoa phi thường của Athens là xuất hiện tác phẩm bi kịch của ba nhà viết kịch lớn Eschyles, Sophocles và Euripides, tác phẩm hài kịch của Aristophanes, còn có tư tưởng triết học của nhà hiền triết Socrates, tác phẩm sử học lớn của nhà sử học Merodote và Thucydides, và điêu khắc của Phidias, do đó đặt cơ sở cho văn hóa Phương Tây. Nó cũng sản sinh đền Parthenon, đền nữ thần bảo hộ thành thị, từ đó trở đi đứng sừng sững coi là một tượng trưng của vinh quang Hy Lạp.

La Mã vào lúc đó là một thành nhỏ ở khu vực biên giới xa xôi của Italia không được người chú ý. Về phía người văn minh mà nói, không có hứng thú rõ rệt đối với nó. Nhưng người La Mã biểu hiện sức mạnh của họ và bắt đầu lấn nuốt các nước láng giềng của họ. Khi thế kỷ 3 trước công nguyên sắp kết thúc, La Mã



Đền Parthenon vươn lên trên bầu trời Athens.

khống chế hoặc giả nói thống trị nửa số đất đai trở lên của Italia. Nước La Mã và binh đoàn Cổ La Mã khó đối phó của nó tiến mạnh về hướng xây dựng một đế quốc khổng lồ, vào thế kỷ 2 công nguyên, từ Great Britain vượt qua Châu Âu và Bắc Phi, tới Ai Cập, Mesopotamia và Bắc Hải. Ở La Mã hí viện hình tròn là bia kỷ niệm tượng trưng cho sự trang nghiêm của đế quốc và lịch sử tanh máu; ở Britain, biên giới xa nhất về phía bắc của đế quốc, thành biên giới Hadrian là bằng chứng tốt nhất cho dã tâm và thiên tài quân sự của La Mã.

Sự suy yếu và sụp đổ của La Mã, khiến bộ lạc nước Đức tràn qua sông Rhin quét ngang Châu Âu, một văn minh Châu Âu của Phương Tây mới xuất hiện thời Trung thế kỷ. Đạo Cơ đốc là đèn chỉ đường của nó, nó hình thành vật kiến trúc phong cách cao cả coi là do Thượng đế chỉ đạo (về sau gọi nó một cách chế giễu là kiểu gothic), sáng tạo giáo đường lớn, như giáo đường Chartres, đồng thời ở Granada tắm trong ánh sáng mặt trời, nó hấp thụ văn hóa người Maures, ở nhân gian xây dựng một thiên đường nó vừa vặn ở khoảng giữa suối phun nước và khu vườn râm mát của lâu đài Alhambra.

Thiên tài Hy Lạp và La Mã nắm lấy then chốt chuyển biến của thời Phục Hưng Âu châu mang lại cho tài năng sáng tạo của họ. La Mã, coi là trung tâm đạo Cơ đốc Phương Tây, trên phần mộ Thánh Peter xây dựng một giáo đường mới đồ sộ, báo trước hình thức kiến trúc baroque và phong cách hùng tráng sắp tới. Trùm thương nhân Venise, họ khống chế mậu dịch Châu Âu và Phương Đông, dọc theo kênh xây dựng cung điện bên nước. Ở phía bắc của họ, quốc gia cũng đất thấp như họ cũng xây dựng cung điện sang trọng ở Bruxelles. Ảnh hưởng Phục Hưng lan tận Matxcơva, giáo đường phố Mikhail, Archangel xây dựng bên trong thành lũy của điện Kremlin.

Khi quốc gia dân tộc đó bước lên vũ đài, những người thống trị lợi dụng quy mô và vẻ hùng tráng của những cung điện đó để chống đỡ và tuyên bố địa vị cao cả của họ trên thế giới. Ở Vienna, vương triều Habsburg thống trị một đế quốc ở Hofburg. Một vương triều Habsburg xây dựng tu viện, tức Escorial ở phía ngoài Madrid. Versailles thiết kế cho Louis XIV, vua Mặt trời và những người kế thừa ông, một môi trường quý tộc ở nước Pháp.

THẾ GIỚI MÁY MÓC

Thế kỷ 18 ở Anh, bắt đầu một thời kỳ mới của cách mạng công nghiệp. Tượng trưng hoàn mỹ của nó là cầu sắt trên sông Severna dựng năm 1779. Nó là vật kiến trúc chủ yếu dùng sắt chế thành đầu tiên trên thế giới, nó dẫn tới đem một nền kinh tế nông nghiệp kiểu điền viên của Tây Âu biến đổi thành một nền kinh tế công nghiệp máy móc chiếm ưu thế, nhà máy sản xuất hàng loạt để cung cấp nhu yếu phẩm cho lượng lớn thành trấn xuất hiện và người tiêu dùng. Tháp Eiffel ở Paris và đường sắt xuyên qua Sibir, từ Matxcơva vươn đến

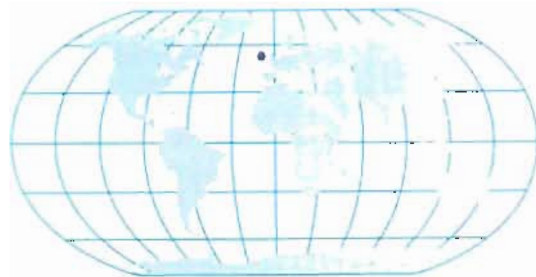


Trung tâm Pompidou, từ trong đến ngoài triệt để thay đổi truyền thống.

tận bờ biển Châu Á, là tượng trưng của thời đại máy móc.

Thế kỷ 19 phản ứng chống lại sự đe dọa của chủ nghĩa công nghiệp, khơi dậy niềm mơ ước đối với thời xa xưa, chủ yếu biểu hiện ở hoài niệm đối với thời kỳ đồ đá. Thành lũy Windsor ở Anh, là một thành lũy và nơi thường trú của hoàng gia vương triều Normandie, được George IV xây dựng lại, đồng thời xuất hiện chế độ phong kiến hư ảo của nữ nam tước (baroness) ở thành lũy Novaenstein tại Bavaria đồn đại một câu chuyện ảo tưởng lãng mạn, vua Ludwig được ca ngợi là kỵ sĩ Thiên nga hoặc anh hùng trong mộng trong truyền thuyết.

Trào lưu hiện đại về phương diện kiến trúc lại quay về với sáng tạo mộng tưởng là chủ yếu, trên đại thể ở bên ngoài Châu Âu, cái xuất hiện ở Châu Âu lại là Trung tâm Pompidou Paris, táo bạo khiêu chiến với thành tựu 5000 năm trước đây.



IRELAND 4000 NĂM TRƯỚC CÔNG NGUYÊN

LĂNG MỘ NEWGLEGE

Ngày đông chí, ánh mặt trời buổi sớm chiếu vào trái tim đen ngòm của huyệt mộ này



Năm 1699, những người tìm kiếm vật liệu đá xây dựng đào được lăng mộ Newglege, họ bảo nó là một hang đá. Từ lúc đó trở đi, người ta vẫn cho rằng lăng mộ do người Đan Mạch xây dựng. Nó được coi là lăng của các vua Dara cầm quyền mấy thế kỷ đầu công nguyên, thậm chí được coi là mộ của một người đời sau quan hệ huyết thống xa trong quần thể mộ hình tổ ong ở khu vực Mycena. Sự thực, nó so với Mycena niên đại xa hơn, thậm chí so với Trận Đá khổng lồ và quần thể Kim tự tháp niên đại còn xa hơn. Nằm trên khu vực sông Boyne, Newglege thường được đề cập trong văn học Ireland. Nó là một ngôi mộ đá to lớn có đường thông nguồn gốc có thể dõi ngược lên đến 3200 năm trước công nguyện, nó biểu hiện rõ ràng ở lưu vực sông Boyne hồi ấy một xã hội đồ đá mới kỹ thuật tiên tiến giàu có đã ở vào thời kỳ toàn thịnh.

Đường thông mộ đá rộng 91cm, dài 16,7 mét, hai bên và vùng nóc đều do cả khối đá lớn đắp dựng, thông đến một phòng ngủ ở giữa có 3 lối đi, chiều cao mặt trước đường thông là 1,5 mét, đến cửa vào phòng ngủ ở giữa, lên cao gấp đôi. Phòng ngủ và đường thông bị che lấp sau đống đá hình nón, tính ra đống đá có đến 200000 tấn vật liệu đá rời. Toàn



Lăng mộ do đá và đất xây thành, mặt ngoài là sỏi thạch anh màu trắng. Bốn chung quanh có một vòng đá lớn dựng, chỉ có mấy tảng đá phía trước cho cửa vào lăng mộ là vẫn còn ở chỗ cũ.

thể kiến trúc là phong kín, để phòng nước thấm vào. Bốn chung quanh quây một vòng đá khổng lồ đứng sừng sững.

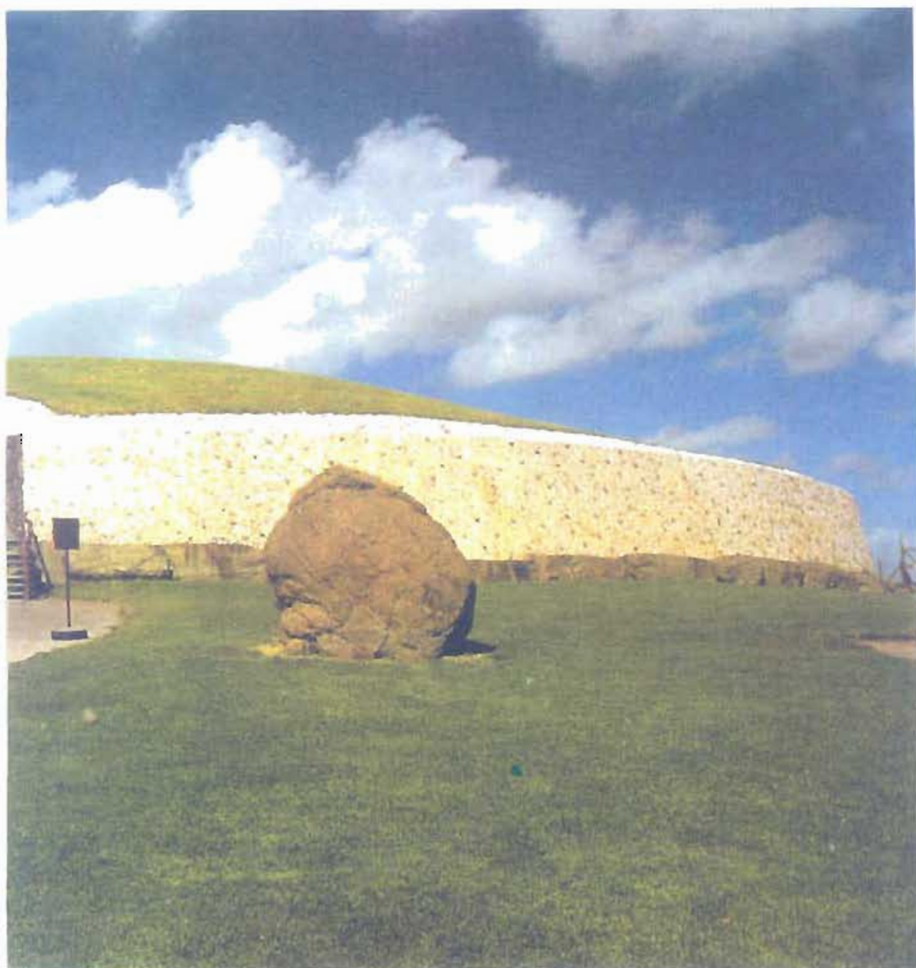
Newglege đề xuất rất nhiều câu hỏi chưa tìm được câu trả lời. Trong phần mộ tinh xảo như thế vì sao chỉ có 5 di hài rõ rệt. Tảng đá khổng lồ như thế chở đến khu mộ bằng cách nào (nó không phải là do khai thác, xem ra là do sông băng vận động mà được lưu giữ lại ở chung quanh vùng đất này)? Lăng mộ xây dựng thời gian dài như thế, có bao nhiêu người tham gia xây dựng? Có tảng đá trang trí dùng đồ hình kỷ hà rõ rệt, nhưng tại sao có khi thứ đồ hình trang trí này lại lặn chìm khó nhìn thấy?

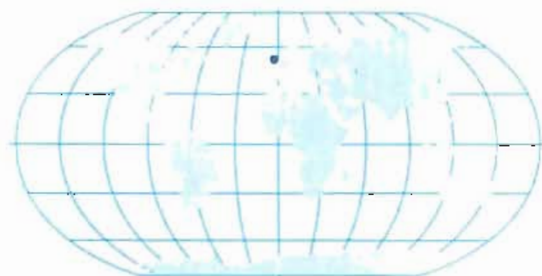
Một điểm khác hết sức khẳng định là: người khai quật lăng mộ Newglege, bác sĩ Okelly, chỉ ra định hướng chầu về phương đông của lăng mộ khiến ánh mặt trời buổi sớm giữa mùa đông có thể dọc theo đường thông dài chiếu vào phòng ngủ. Lúc lăng mộ xây xong, đã có hiệu ứng như vậy, ánh mặt trời chiếu trên mặt một tảng đá dùng hình tròn trang trí ở đầu xa nhất của phòng ngủ.

Thì ra có tảng đá ấy lấp kín cửa đường thông, ánh mặt trời từ bên trên nóc mộ xuyên qua lỗ hổng hẹp dài được đục ra chiếu vào. Trong một tuần lễ trước và sau ngày đông chí, có thể nhìn thấy cảnh quan này. Tình huống của ngôi mộ Mehl Howe xây dựng trước năm 2500 trước công nguyên trên quần đảo Orkney Scotland cũng tương tự như vậy, nhưng đó là ráng chiều giữa mùa đông chiếu vào huyệt mộ. Ý nghĩa của mặt trời đối với Newglege giúp cho văn học Ireland thời kỳ đầu rút ra lý luận: phần mộ và sinh vật siêu tự nhiên, rất có mối tương quan với "Thần Thiện" Dagada hoặc cũng gọi là Thần Mặt Trời.



Đầu năm, ánh mặt trời có thể chiếu sáng phòng ngủ bên trong chừng 17 phút. Rõ ràng người xây dựng lăng mộ giỏi về lịch pháp.





ANH – 4000 NĂM TRƯỚC ĐẾN 2000 NĂM TRƯỚC CÔNG NGUYÊN

TRẬN ĐÁ KHỔNG LỒ

Những trận đá sừng sững này, lạnh lùng chăm chú nhìn những đồng bạn của chúng ngã xuống, gợi cho người tỉnh ngộ sâu sắc.

Henry James



Trận Đá khổng lồ vẫn là một câu đố. Suy đoán có liên quan đến nó, dường như có lý và hết sức hoang đường đều có, người ta sôi nổi tranh luận về dụng ý của Trận Đá khổng lồ. Kiến trúc sư Anh thế kỷ 17 Inigo Jones hạ kết luận nói, chúng có thể là thử nghiệm đầu tiên bắt chước kiến trúc La Mã tạo dựng; những người khác tin tưởng là do bàn tay của người ở bên ngoài trái đất làm nên, hoặc có thể dùng làm nơi đổ bộ khi bay tới gần trái đất. Không biết đến ngày nào chúng ta mới có thể giải được câu đố này, nhưng đối với những người bị hấp dẫn bởi không khí của di tích cổ, cảnh quan đẹp đẽ của nó, cái đó không quan trọng.

Kiến trúc Trận Đá khổng lồ chia thuộc mấy giai đoạn khác nhau, có giai đoạn cách nay hơn 1000 năm. Giai đoạn thứ nhất khoảng chừng năm 3100 trước công nguyên, đào hào bao quanh, mé ngoài của nó là một tảng đá nghiêng, mé trong của nó là một đống đất nhỏ và một lỗ mắt tròn. Sau đó, bên mé trong hào bao quanh, dùng cái gọi là đá ong xanh xếp thành hai vòng tròn có tâm đường tròn, cuối cùng, những cái đó đều biến mất. Khoảng năm 2100 trước công nguyên (lúc này vật kiến trúc ở giai đoạn thứ nhất sớm đã thành cổ tích), bộ phận được người ta quen thuộc nhất của Trận Đá khổng lồ đã bắt đầu có hình mẫu đầu tiên. Một vòng bên trên là gạch lõm đá ong xanh khổng lồ và mí cửa. Trong vòng có tâm đường tròn là cổng chào đá lớn hiện ra hình móng ngựa (hai tảng đá lớn dựng thẳng làm cột, một tảng đá lớn nằm bên trên làm mí) xem ra người đời sau hết đời này đến đời khác, nhiều lần lại xếp đá ong xanh. Ngày nay, móng ngựa đá ong xám lồng với một móng ngựa đá ong xanh, trong vòng tròn đồng tâm đá ong xám là vòng đá ong xanh.

Đá ong xanh dẫn tới rất nhiều suy đoán. Một thời gian dài người ta cho rằng đá ong xanh chỉ có thể khai thác được ở dãy núi Prescery miền nam Wales. Như vậy rất có thể là đặt trên bờ, từ đường thủy chở tới. Nhưng các nhà địa chất học gần đây đối với thuyết này nêu ý kiến phản bác, nói chủng loại đá nhiều như thế không thể lấy từ cùng một địa điểm.



Đá lớn đặt trên bánh xe lăn, được kéo qua vùng thôn quê, trên mặt dốc đứt đoạn, mỗi tảng một vị trí, xây lên ngôi đền ở Efbury (cách Trận Đá khổng lồ vài cây số.)

Trái lại càng giống như là do sông băng đưa chúng từ các nơi đến khu vực gần quanh Trận Đá khổng lồ.

Kiến trúc Trận Đá khổng lồ vừa không phải là cái nguyên thủy, vừa không phải là cái tùy tiện tạo dựng. Hình trạng của Trận Đá chứng tỏ sự lý giải thấu suốt về tỷ lệ các bộ phận trong chỉnh thể của người ta khẳng định đầy đủ tài năng toán học của người xây dựng. Toàn thể kiến trúc có thể là một đài thiên văn, dùng để dự đoán nguyệt thực. Mọi người đều biết Trận Đá khổng lồ là nơi ngày Hạ chí người ta đến chầu thánh (đường trục của cổng chào đá hình móng ngựa, thông đến đường cổ có cột đá cùng mặt trời mới mọc giữa mùa hạ, nằm trên một đường thẳng). Hiện tượng ấy làm sâu thêm dự đoán về ý nghĩa thần bí của nơi này.

Người ta phổ biến cho rằng, Trận Đá khổng lồ cũng có liên quan với gia đình Druids đặc biệt có hứng thú đối với hiện tượng thiên văn. Nhưng thuyết này chưa suy tính đến niên đại xa xưa của di tích - Druids thuộc vào xã hội Celte. Nếu trong những năm tháng về sau, họ đúng là có liên quan với Trận Đá khổng lồ, ở thời xây dựng Trận Đá khổng lồ, họ chắc chắn là chưa tồn tại.

Khảo cổ học phát triển thành một môn khoa học nghiêm nhặt, chính xác hơn dùng Carbone 14 đo lường niên đại và phân tích kỹ càng cấu tạo địa chất, quan điểm nguồn gốc từ Druids không đáng tin cậy nữa. Ngày nay, Trận Đá khổng lồ và tiếng vọng tôn giáo của nó vẫn là một câu đố.

Dưới sánh sáng khác nhau, từ góc độ khác nhau nhìn Trận Đá khổng lồ hiện ra dưới bầu trời. Không nghi ngờ gì nữa, sức hấp dẫn của Trận Đá khổng lồ tồn tại mãi từ ngàn xưa đến nay. Nhưng người ta vẫn tranh luận sôi nổi về ý đồ và ý nghĩa vốn có của Trận Đá khổng lồ.





HY LẠP - XÂY DỰNG NĂM 450 TRƯỚC CÔNG NGUYÊN

ĐỀN PARTHENON

Kiệt tác hoàn mỹ nhất của nghệ thuật cổ đại, dù chỉ còn sót lại tường long vách lở, nó vẫn khí thế hùng vĩ, khiến người xúc động

***Bedyck**, năm 1889.*



Người ta vẫn dùng những lời đẹp nhất để miêu tả đền Parthenon, ngôi đền dâng cho nữ thần đồng trinh Athena thần bảo hộ thành Athens này được coi là mẫu mực tinh xảo nhất của kiến trúc cổ điển và kiệt tác nghệ thuật điêu khắc. Nó là kiến trúc thuộc khoảng giữa thế kỷ 5 trước công nguyên. Lúc đó, người Ba Tư từng thành công chiếm được thành Athens, bị vết thương nặng trí mạng. Dưới ảnh hưởng của nhà chính trị Pericles, thành thị này tràn đầy kiêu ngạo và tự tin, quy hoạch xây dựng đồ sộ để phản ánh thứ tình tự ấy, dùng hình thức tiến cống, cưỡng ép đòi lấy tiền tài từ chỗ quân đồng minh Athens, để trù liệu vốn xây dựng. Đền mới Athena ở ngọn đồi bảo vệ thành Athens sẽ chứng minh với người đời: văn minh cổ điển đang ở vào thời kỳ toàn thịnh.

Dài 69,5 mét, rộng 30,5 mét đền Parthenon có phong cách kiến trúc Doris, hành lang cột chung quanh và hành lang cột bên ngoài quây lấy nội điện. Trong nội điện có khám thần, bên trong là một pho tượng nữ thần lớn chế tác bằng vàng và ngà voi. Hành lang cột chung quanh có 46 cây cột lớn - 8 cây cột phía trước đền rõ ràng dễ thấy, 17 cây cột mé bên, mỗi cây có rãnh lõm, do rất nhiều đá tròn lớp xếp thành, hiện ra hình chùy hướng lên phía trên. Giống như tường tam giác mà nó chống đỡ và rầm đỡ trên cột, cột dùng đá cẩm thạch chạm trổ mà thành, nhưng nóc của đền là làm bằng gỗ. Phong cách kiến trúc của đền là do phong cách vật kiến trúc kết cấu gỗ giản đơn diễn biến mà tới. Đền Parthenon dùng đá giải quyết đúng đắn vấn đề công trình học thời kỳ xa xưa. Nhưng đường nét và hình thức giản khiết của nó dễ khiến người hiểu lầm: kiến trúc sư của nó Ictinus là người Ionia miền đông Hy Lạp, không thẹn là bậc thầy lớn về thấu thị kiến trúc. Ông có thể nhìn thấy suốt ngoại hình của một vật kiến trúc vừa khéo vào chỗ thích đáng nhất để làm hài lòng người từ bên dưới ngửa mặt nhìn lên.

Đền Parthenon xây trên nền đất đền Athena thời kỳ xa xưa, từng có một pho tượng nữ thần lớn do nhà điêu khắc vĩ đại Phidias tạo bằng vàng và ngà voi, Athena là một nữ thần anh dũng, cũng là một người bảo hộ nghệ thuật.

Tuy Parthenon là một ngôi đền, nó cũng là một nhà triển lãm nghệ thuật, là trường sở lý tưởng để trưng bày tác phẩm điêu khắc. Từ mặt ngoài có thể nhìn thấy điêu khắc nhân vật trên tường tam giác, mí trên cột của nó. Nhưng "tượng trên vách Parthenon" nổi tiếng (một nửa do huân tước Elkin dời đến Luân Đôn, năm 1816



Rìa vách quá cao, khó thưởng thức những bộ phận chi tiết của nó.

được viện bảo tàng Great Bribish Museums mua) cách mặt đất 12 mét, vây dọc theo tường bên ngoài cứng rắn của nội điện.

Kiến trúc màu trắng của đền Hy Lạp ngày nay, khiến người sinh cảm giác chói mắt, chỉ là biểu tượng giả. Đền Parthenon trước vốn màu sắc tươi đẹp trang nhã. Những năm gần đây, nhân Athens khói mù ập tới xâm lấn, và du khách như sóng triều ào tới ngọn đồi bảo vệ thành, khiến đá cẩm thạch bị tổn hại nghiêm trọng. Trong những năm tháng trước đây, đền bị sử dụng rộng rãi, dùng làm giáo đường Chính giáo phương Đông Hy Lạp, dùng làm giáo đường Thiên chúa giáo La Mã, dùng làm chùa Hồi giáo. Năm 1867 quân đội Thổ Nhĩ Kỳ dùng nó làm kho đạn dược, sau đó bị quân đội Venise vây đánh thành công đem nó phá hủy. Thế kỷ 19 kế hoạch trùng tu do sự không quyết, bị sự cản trở. Ngày nay dù cho rất nhiều cây cột bị tròng dây kéo đổ rất nhiều tác phẩm nghệ thuật điêu khắc bị viện bảo tàng nước ngoài thu giữ, đền Parthenon vẫn là một cảnh quan làm rúng động hồn người.

Đền Hy Lạp, kiến trúc giản luyện, thông thường hình chữ nhật, tượng thần ở đầu mút phía đông. Đền lớn như đền Parthenon, mặt ngoài có hành lang cột.





PHÁP - XÂY DỰNG NĂM 19 TRƯỚC CÔNG NGUYÊN

CẦU GARD

Một công trình xây dựng kết hợp giữa giản khiết và hoàn mỹ, trong quá trình xây dựng, ngày càng thành một kiệt tác nghệ thuật.

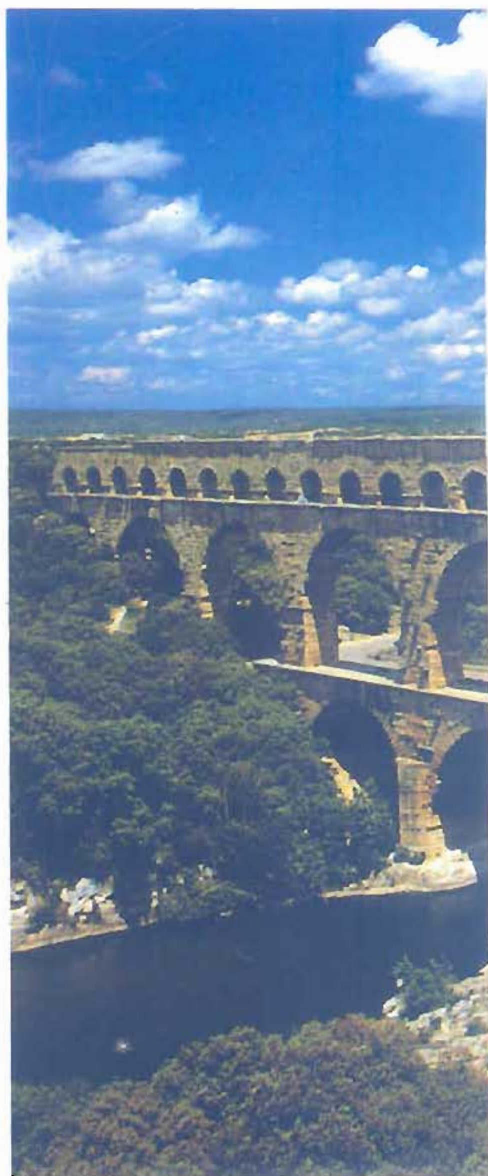


Vì một mục đích rõ rệt và thực dụng, người La Mã xây dựng cầu Gard: chở nước ngọt của sông Gard đến Nîmes bên trong nước Pháp. Cầu cao 49 mét, dài 274 mét. Nó là một bộ phận của hệ thống ngòi và cầu, từ Nîmes đến đầu nguồn gần Gard, kéo dài 48km. Đó là một công trình xây dựng thổ mộc vẫn phát huy tác dụng, không có điểm xuyết và trang sức, nhưng khiến người chú ý và giải quyết hoàn mỹ vấn đề cơ bản.

Văn bia ghi chép, cầu Gard do tướng quân và tổng đốc La Mã Aguriba, bạn và anh em cọc chèo với hoàng đế Augustua, xây dựng. Thời gian có thể dõi ngược lên đến năm 19 trước công nguyên. Nhưng có nhà khảo cổ học tranh luận nói, vật kiến trúc công nghệ hoàn mỹ như thế chỉ có thể là niên đại về sau xây dựng, Nîmes là từ vùng phụ cận đền thờ thủy thần mà người ta tin rằng có bản lĩnh chữa khỏi bệnh ở bản địa, phát triển lên. Ở thời kỳ người Cổ La Mã thống trị, nó thành một thành thị có 20200 mẫu đất và 5 vạn nhân khẩu. Nó lấy tên Nymsas, gốc từ tên Thủy thần. Tính ra ngòi nước này mỗi ngày có thể cung cấp cho mỗi người 409 lít nước.

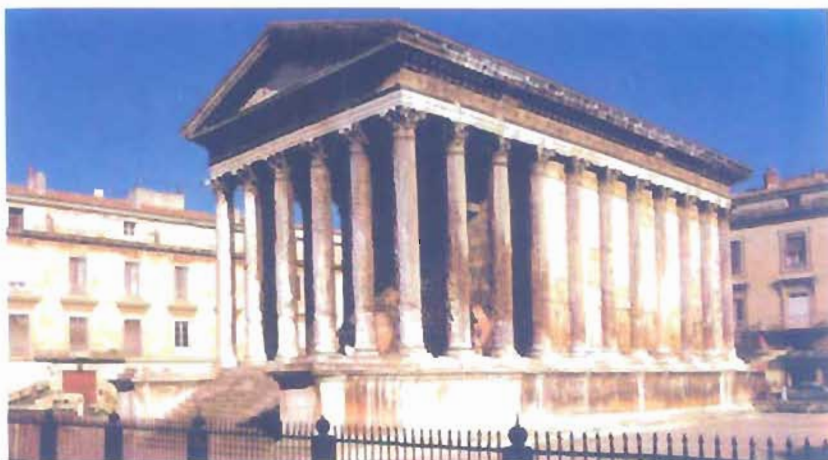
Cầu Gard là ba lớp cầu vành lược. Lớp đáy có 6 cổng vòm, lớp giữa 11 cổng vòm, lớp trên 35 cổng vòm, vừa khéo ở phía dưới rãnh nước. Gạch đá xây lát không dùng vôi quét. Vật nhô ra sần sùi hai bên dùng để nối liền khung đòn tay gỗ, đặc trưng này có thể bị coi là xây dựng cầu kém vụng, còn chưa được tốt, nhưng đối với việc duy tu cầu lại rất quan trọng, vì nước ở khu vực này là nước cứng, lượng lớn khoáng vật chìm lắng nhanh chóng ứ đọng trong rãnh nước. Ngày nay người ta đi dọc theo tầng nóc cầu Gard, có thể nhìn thấy rãnh nước, đá che lấp trên mặt nó có nhiều tảng đã biến mất. Toàn thể thiết kế độ nghiêng của ngòi nước bắc dàn cao là 1/3000, nguồn nước và cửa nước chảy vào thành phố, độ chênh lệch mực nước chừng 17 mét.

Phát hiện khiến người kinh lạ, trong 6 cổng vòm tầng đáy chỉ có một cổng vươn qua sông Gard, mà cổng vòm mỗi tầng đều không giống nhau. Cầu Gard cũng không phải là bắc qua sông Gard thành góc thẳng



đứng 90 độ, mà thuận dòng nước chảy hơi uốn cong.

Ngọn cuối của ngòi nước bắc dàn cao hình dạng như thế nào? Ở Nîmes vẫn có thể nhìn thấy một ao nước đường kính 6 mét được bảo tồn hoàn hảo. Nước từ ngòi nước chảy vào ao nước, sau đó do 5 ống nước chia dẫn 5 rãnh nước phương hướng khác nhau. 3 cửa mở ở vùng đáy ao nước dùng để gom lại vật lắng đọng, khi cần thiết có thể tiến hành tẩy rửa sạch.



Không giống như tên, Cung Carré (vuông) không phải là một ngôi nhà hình vuông mà là một đền La Mã hình chữ nhật.

Cầu bắc dàn cao trên ngòi là một cống hiến quan trọng của người La Mã cho điều kiện sinh hoạt văn minh và vệ sinh. Cầu Gard bắc qua sông Gard dẫn nước đến Nymes, lại chia chảy đến nhà tắm công cộng, ao phun nước và nhà tư nhân.



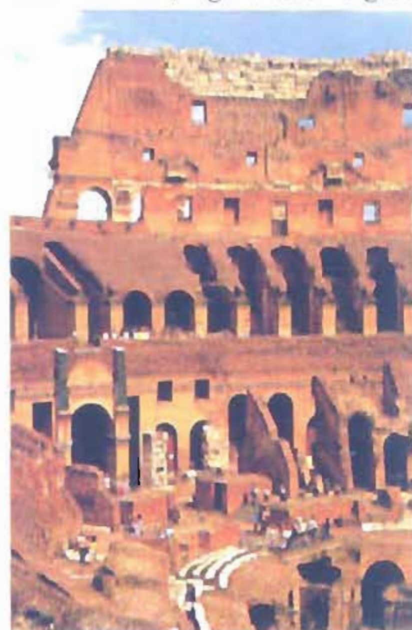
ITALIA - XÂY DỰNG NĂM 80 CÔNG NGUYÊN

ĐẠI HÍ VIỆN COLOSSEUM

Trong hoạt động mừng khánh thành đại hí viện trưng bày 5000 thụ dữ



Đại hí viện hình tròn do người La Mã xây dựng. Một đấu trường thú dữ hình bầu dục, bốn chung quanh là từng tầng chỗ ngồi. Khán giả đông đảo có thể từ phía trên an toàn nhìn xuống dưới xem cảnh giác đấu và giết chóc hùng tráng. Đấu sĩ và thú dữ vờn qua trước cặp mắt mọi người rồi chém giết nhau. Trước khi xây dựng đại hí viện, La Mã sớm đã có đại hí viện hình tròn, sau cơn hỏa hoạn lớn năm 64 công nguyên cần xây dựng một đại hí viện mới. Năm 69 công nguyên hoàng đế Titus Flavius Vespasianus hạ chỉ xây dựng một kiến trúc mang tính vĩnh cửu, và lấy tên của dòng họ ông đặt tên cho nó. Nó cần được xây dựng lớn, đẹp hơn bất kỳ kiến trúc nào khác.



Sắp xếp chỗ ngồi và đường thông rất có hiệu quả. Số hiệu trên vé khán giả chỉ rõ từ khán đài nào có đấu trường.

Trên lòng hồ một cái hồ trong hí viện màu vàng sang trọng của tiên đế Nero, xây lên một đấu trường mới, tức hí viện hình tròn Flavium mà người ta quen thuộc. Nói về kiến trúc, địa điểm được lựa chọn là sáng suốt. Nó đồng thời chứng tỏ một thời đại tàn bạo chuyên chế đã chấm dứt. Quy mô mà Vespianus xây dựng có thể là đẹp hơn quy mô của Nero xây dựng. Nhưng ông xuất hiện với tư thế của công chúng mà không chỉ nhằm tìm thú vui hưởng lạc cho cá nhân. Điều có ý nghĩa châm biếm là Nero sau khi chết đã phục thù: từ thế kỷ thứ 8 đến nay, hí viện hình tròn Flavium vẫn cứ được gọi là đại hí viện. Người ta vẫn cứ gọi pho tượng lớn dựng sừng sững ở gần đó là tượng Nero (Vespanius không đem pho tượng này phá hủy. Nhưng ông hạ lệnh dời đầu tượng đi thay đầu khác vào đó, lại đặt tên là tượng Apollo.)

Chu vi dài gần 0,5km, chiều cao vượt quá 55 mét, đại hí viện dùng đá cẩm thạch vôi đọng lại dưới dòng suối, đá bọt bằng vôi, và gạch silicat xây thành. Năm 80 công nguyên do người kế thừa Vespanius, hoàng đế Titus chủ trì lễ khánh thành, trong hoạt động chào mừng, trưng bày 5000 thú dữ. Dù cho lúc ấy công trình còn chưa hoàn tất, chỉ là trong thời kỳ vị hoàng đế sau Domitia thống trị, mới thêm vào một tầng khán đài sau cùng.

Cấu tạo của kiến trúc này hết sức phức tạp. Thiết kế khéo léo giải quyết vấn đề khống chế nghẽn tắc. Hí viện hình tròn có thể chứa khoảng 5 vạn người, hệ thống cầu thang và hành lang của nó bảo đảm đi vào các tầng khán đài thông suốt không trở ngại.

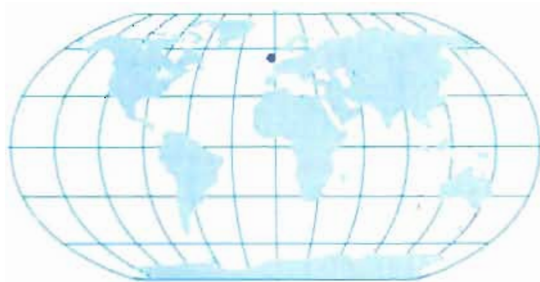
Cái quan trọng nhất là sự khống chế cẩn thận đối với thú dữ. Các kiến trúc sư của đại hí viện đã chứng tỏ kỹ thuật cao siêu, đã thiết kế đường thông và mạng lưới máy lên xuống khiến thú dữ cuồng nộ từ chuồng

giam dưới đáy khán đài trực tiếp đi vào đấu trường. Cũng như bệ đỡ tầng nóc, đại bộ phận kết cấu cơ sở này vẫn còn có thể nhìn thấy. Bệ đỡ từng chống lên cột mui buồm khổng lồ che rợp vùng nóc lộ thiên của hí viện. Bố trí kỹ càng mui buồm, ròng rọc và dây kéo, do công tác chuyên môn này mà chiêu mộ thủy thủ đến thao tác. Đại hí viện có thể coi là kiến trúc trước đó chưa từng có, nó có công nghệ tiên tiến và hệ thống khống chế nghẽn tắc hữu hiệu. Thậm chí phương thức kiến trúc dường như cũng là kiểu mới đáng kinh ngạc, giống như thứ phương pháp mà kiến trúc cao tầng xi măng cốt thép thế kỷ 20 sử dụng. Đại hí viện khánh thành đã gần 2000 năm, nó vẫn là tấm bia lớn kiệt xuất của thành tựu La Mã, từ phương diện nào đó mà nói, cũng là tấm bia lớn của việc ưa thích chém giết của người La Mã.

Ở thế kỷ 18 và 19, buổi tối xem thú đấu ở trường được coi là việc không thể thiếu. Sau đó vật kiến trúc này trở thành đống đổ nát, sâu bọ bò khắp mặt đất. Những năm 50 thế kỷ 19, khi cây cối xanh tốt bị dẫn đi, tiếng phản đối vang lên tứ phía.



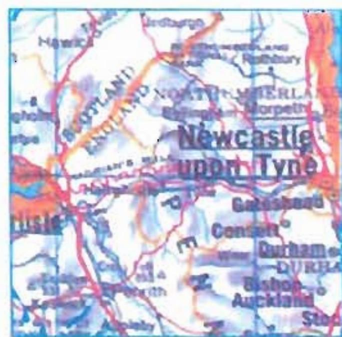
Ban đêm, đại hí viện dùng dàn ánh sáng lan rộng chiếu sáng. Từ mở cửa cho công chúng đến nay, vẫn là một trong những điểm cảnh chủ yếu nhất của Roma. Nhà điêu khắc Italia kiệt xuất nhất thế kỷ 16 Benvenuto Cellini, một buổi tối đến sân thể dục lộ thiên đã thành phế tích, niệm chú kêu gọi vong linh, kết quả khiến ông kinh hãi không thôi.



ANH - XÂY DỰNG THẾ KỶ 2 CÔNG NGUYÊN

TƯỜNG BIÊN GIỚI HADRIAN

Một bình phong khổng lồ kéo dài trên đỉnh núi cheo leo hiểm trở, trở thành một trong những danh thắng của Great Britain.



Tường biên giới Hadrian dọc theo bờ biển miền bắc England, toàn thể chiều dài 120km, cao khoảng 4,5 mét, rộng từ 2,5 đến 3 mét, dùng khoảng 75 vạn mét khối đá xây thành. Dù cho dựa theo tiêu chuẩn hùng vĩ của đế quốc La Mã điển hình để đo lường, nó vẫn là một công trình kiến trúc hùng tráng khiến người kinh ngạc. Rốt cuộc vì sao phải xây dựng tường biên giới Hadrian? Mấy thế kỷ nay các nhà khảo cổ học và nhà sử học vẫn tranh luận không ngớt. Mà mỗi lần đào mới lại khiến tranh cãi tiếp tục. Tác giả truyện ký về tường biên giới Hadrian có sự trình bày giản đơn: vua chúa xây dựng tường biên giới Hadrian là để phân cách người La Mã với người ngoại bang.

Vào năm 43 công nguyên trước mấy đời người, quân đội La Mã đã đến xâm lược Britain, năm 84 quân đội La Mã tiến về phương bắc, trong chiến dịch Mons Glaupis ở miền bắc England cuối cùng chinh phục được một số bộ lạc rối ren của người Scotland. Nhưng, thắng lợi của La Mã là ngắn ngủi. Vào năm 122 khi Hadrian đến, quân đội La Mã đã rút lui đến khu vực hang núi Tain, ở đấy, họ sớm đã xây dựng con đường Stanget và một số đồn trại quan trọng, hình thành biên giới khu vực miền tây từ Cobrick đến Chandler dài 128km. Habrian dường như đã rút ra được một kết luận nhụt chí: người ngoại bang Bắc Britain là không thể bị chế phục. Bởi vậy ông muốn xây dựng một bức bình phong chắn mang tính vĩnh cửu sừng sững ở đầu mút phía tây bắc đế quốc khổng lồ của ông. Nó vừa là một khu quân sự phức tạp, vừa là tượng trưng cho chính quyền La Mã.

Tường biên giới Hadrian xây ở chỗ cách Stanget và Tain vài cây số về phía bắc. Phải bắc cầu qua sông, còn phải đi qua vùng đất hoang dã không có cỏ mọc. Công trình này phải triệu đến công trình sư, kiến trúc sư và thợ đá kỹ thuật thành thạo. Binh lực to lớn trong quân đội La Mã khiến công trình này có khả năng hoàn thành trong vòng bảy, tám năm. Nhưng trong quãng thời gian này, kế hoạch mấy lần thay đổi. Thí dụ như chiều rộng của tường biên giới thay đổi mấy lần; đoạn phía tây ban đầu dùng bùn cỏ xây dựng, sau đó đổi dùng đá xây dựng.

Tường biên giới đầu tiên có thành lũy cách quãng (cách quãng một dặm La Mã, khoảng 1481 mét một thành lũy) và lầu tháp (khoảng giữa hai thành lũy, hai lầu tháp cách quãng đều nhau). Những thành lũy này có thể để cho một số quân nhân đóng, nhưng đại bộ phận quân đội đóng ở mặt phía nam tường biên giới. Không lâu, tất cả những cái đó đều bị biến đổi. Dọc tuyến tường biên giới lại xây dựng 14 đồn trại quan trọng mới, bao gồm những đồn trại vẫn có thể nhìn thấy ở Haltwhistle, Chester và Prestwick. Tiền tuyến Hadrian thành nhà của khoảng 1 vạn quân đội.

Tường biên giới ngoài thành lũy, lầu tháp và đồn trại ra, còn có đường đi, căn cứ cấp dưỡng và công sự. Người ta ở khoảng giữa hai gò đất vững

chãi vẫn có thể nhìn thấy rãnh hào Vanlem đáy bằng. Nó song song với tường biên giới vươn dài về phía nam.

Dọc theo đường thông quân sự này, một con đường nhỏ giữa khoảng tường biên giới và rãnh hào Vanlem, cũng có thể đi được.

Mặt nam tường biên giới Hadrian bên đường Stanget có hai di chỉ rất thú vị: hai nơi Cobrick và Vendoryda đều có viện bảo tàng được người khen ngợi, cũng đều có phát hiện khảo cổ khiến người chú ý. Những di tích được đào lên vàng thau lẫn lộn, trình bày rất nhiều biến đổi về chiếm hữu và sử dụng trong mấy trăm năm nay. Năm 1964 ở Cobrich phát hiện một quân cờ làm bằng gỗ, có dấu hiệu La Mã thế kỷ thứ 2 công nguyên. Ở Vendoryda có một mốc chỉ đường La Mã vẫn đứng ở chỗ cũ tại Stanangaite. Công trình phục chế hiện đại ở đây giúp ích cho người tham quan thưởng thức tường biên giới Hadrian, nó là một bình phong chắn khiến người tấm tắc ca ngợi. Phát hiện nổi tiếng nhất trong những di chỉ này, là một mó thẻ gỗ, kể lại vấn đề cấp dưỡng và nhân sự La Mã.

Mấy thế kỷ nay, một số tảng đá trên tường biên giới Hadrian bị lấy trộm (trên rất nhiều vật kiến trúc ở khu vực này lưu lại chứng cớ). Ở một số địa phương, nhân khai thác sử dụng thuốc nổ mà bị phá hoại. Khoảng thế kỷ 18, một đoạn dài tường biên giới Hadrian bị san phẳng làm đường (tức con đường cấp B 6318 hiện nay). Dù cho như vậy, tường biên giới Hadrian đến nay vẫn kéo dài trên đỉnh núi cheo leo hiểm trở, trở thành một trong những danh thắng của Great Britain.



Gần Haltwhistle, tường biên giới nằm ngang trên một gò nhỏ trơ trọi. Ở đây người ta nhìn thấy dấu vết còn sót lại của thành lũy. Nó từng là một doanh trại chứa được 1000 quân và một bệnh viện.

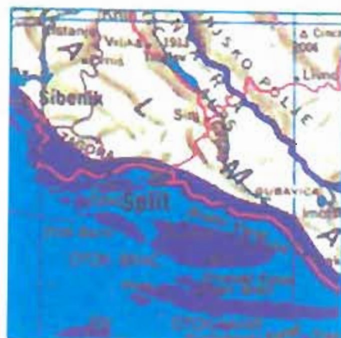
NAM TƯ - XÂY DỰNG THẾ KỶ 3 CÔNG NGUYÊN

HOÀNG CUNG DIOCLETIAN



Trình bày một cách phi thường cuốn lịch sử dài

Ribek West



Cuối thế kỷ 3 công nguyên hoàng đế La Mã Diocletian xây dựng một cơ ngơi di dưỡng nghìn năm to lớn ở bờ biển Adria. Dùng từ cung điện để miêu tả nó e rằng không thích hợp. Tường dày 2,1 mét, cao 15 - 21 mét bao quanh 360 mẫu đất. Hình dáng chữ nhật của nó tương tự với hình dáng thành lũy La Mã. Nó có cửa thành cao to, tháp nhìn xa và hai đường quan trọng đan nhau. Đến ngày nay, hai con đường ấy vẫn là đường giao thông quan trọng.

Sau khi Diocletian chết, dinh cơ của ông dần dần có người vào ở, dần dần biến thành một thành thị. Ngày nay cái mà nó hấp dẫn người là kiến trúc ở các thời kỳ khác nhau đan cài như răng lược, tường và cột của kiến trúc vốn có nương tựa nhau, hình thành phong cách kiến trúc kỳ lạ độc đáo, khó mà gọi tên ra được. Đêm trước đại chiến thứ hai, nhà văn Anh Ribek West tham quan tòa hoàng cung này. Trong bài báo ông nói: "1/5 nhân khẩu Split ở bên trong tường thành hoàng cung ước tính 9000 người. Mỗi một không gian mà các kiến trúc sư của Diocletian để lại đều khiến từng gian nhà một giống như tổ ong ken liền chiếm cứ".

Hoàng cung mặt hướng ra biển cả, hành lang cột cao to nguy nga đứng thẳng. Trong cung, ở nhà hầm to lớn may mắn còn bảo tồn được hoàn hảo, bên trên là tẩm cung của hoàng đế, một đại sảnh và một môn sảnh nóc vòm, lăng mộ của hoàng đế hiện ra hình bát giác, chung quanh là cột lớn



Một bộ phận của hoàng cung bên cạnh giáo đường Trung thế kỷ Diocletian tiến hành cải cách chế độ của đế quốc La Mã, từng nuôi ý nhấn mạnh sự sang trọng của nơi làm việc của hoàng gia, qua hoàng cung vàng lộng lẫy có thể thấy được một phần

corinthe. Đến thế kỷ 7, nó thành giáo đường lớn của thành phố này. Thế kỷ 13 xây dựng thêm cửa gỗ tinh xảo và chỗ ngồi cho ban hát thánh thi, nếu không thế thì sự biến hóa về kết cấu của tòa kiến trúc là hết sức nhỏ bé. Tranh chân dung hoàng đế Diocletian và hoàng hậu Purisk vẫn treo ở trên hiên rầm đỡ bên trong. Đối diện với lăng vua đền Chupit bảo tồn hoàn hảo, có một lối vào cửa đẹp đẽ, sau này nó thành phòng rửa tội của giáo đường lớn (cảnh ngộ rất giống với nhà tắm của Diocletian xây dựng ở La Mã,— một bộ phận trong đó thành giáo đường Sainte Maria Digri Angali.)

Hoàng cung Diocletian xây dựng trên nền nhà cũ ông ta ở trước đó. Sự sang trọng của cung điện và điều kiện sống của ông ta trước đó hình thành sự đối tỉ, khiến người kinh ngạc. Theo lời đồn ông ta là con một nô lệ. Từng làm vệ sĩ trong cung đình, về sau lên nhanh như gió nắm quyền. Năm 284 ông ta lên làm hoàng đế. Đứng trước một cơ cấu quốc gia khổng lồ mà hỗn loạn, do xe bốn ngựa thống trị, hai kẻ thống trị phía đông (ông ta chiếm ưu thế) và hai kẻ thống trị phía tây, La Mã không còn là trung tâm duy nhất của đế quốc nữa, mãi đến năm 303, Diocletian mới đi tuần du La Mã.



Phòng tắm mắt nhìn về phía hoàng cung có thể nhìn thấy cảnh quan khi sát mặt nước. Sau khi Diocletian chết hoàng cung dần dần thành một thành thị chen chúc.

Rất có thể ý nghĩ ban đầu xây dựng hoàng cung là muốn xây dựng một hình tượng hoàng đế siêu nhiên giống như thần. Nhưng, Diocletian sau bức tường hoàng cung không thể vượt qua, làm kén tự trói buộc mình, tận hưởng vinh hoa phú quý, cuối cùng bị ép thoái vị. Ông để lại trong ký ức người ta, là ông sáng suốt ngăn chặn sự suy vong của một đế quốc trong cơn nguy ngập; ông giết hại giáo đồ Cơ đốc, nhưng lăng mộ của ông lại thành giáo đường lớn Cơ đốc giáo.



Nóc vòm La Mã đồ sộ trong cung.



ITALIA - XÂY DỰNG NĂM 1173

THÁP NGHIÊNG PISE

Một kiến trúc dường như trái với lực hấp dẫn. Nó nhân là nơi thí nghiệm sáng lập một định luật vật lý mà nổi tiếng.



Tháp nghiêng nổi tiếng của thành Pise thực tế là gác chuông của giáo đường lớn Pise, là một bộ phận của chỉnh thể hùng vĩ giáo đường lớn, gác chuông, phòng rửa tội và nghĩa địa tổ chức thành. Nếu tháp là đứng thẳng thì rất có thể tiếng tăm của nó chủ yếu là hạn chế trong phạm vi sử học nghệ thuật và kiến trúc. Nhưng nhân sự sai lệch về kiến trúc, hình tượng tháp người đời đều biết.

Tháp nghiêng cao 54,5 mét, văn bia ghi chép năm 1174 khởi công xây dựng tháp nghiêng, nhưng do lịch của Pise so với lịch thông thường sớm hơn một năm, như vậy năm đích thực khởi công là năm 1173. Kiến trúc sư ban đầu là Bonanno Pisano và William ở thành Inbrooke nhưng họ không thể sống để nhìn thấy tháp nghiêng xây xong, mãi đến nửa cuối thế kỷ 14 mới có gác chuông.

Một số người cho rằng sự nghiêng của tháp là cố ý, là táo bạo thể hiện kỹ thuật của kiến trúc sư. Cách nhìn này đúng là không thể khiến người tin phục. Điều đáng tin hơn là, người thiết kế biết sẽ tạo tháp trên đất thiếu cứng rắn, do đó trong kế hoạch của họ, cho phép nền đất xây dựng có độ lún nhất định. Nhìn tháp nghiêng ngày nay, thể hội cảm thụ lạ lùng đặc biệt khi leo 294 bậc lên xuống, thấy người bị kéo nghiêng về một phía mà luống cuống, người ta cảm thấy kinh lạ vì sự thực tháp nghiêng vẫn đứng vững. Năm này qua năm khác, góc độ nghiêng và nỗi lo lắng về tương lai của nó mỗi ngày một tăng. Đầu thế kỷ 20 tháp nghiêng lệch khỏi đường thẳng đứng 4,3 mét, hiện nay là 4,6 mét. Gần đây có bỏ ra một khoản tiền lớn, tìm kiếm phương pháp giải quyết.



Từ lầu chuông của tháp nghiêng nhìn ra ngoài, có thể thấy nhà rửa tội và cái nóc tròn khác thường của nó

Tháp nghiêng trong hình mẫu là hình tròn, bao gồm gác chuông cộng sáu tầng khoảng giữa bốn chung quanh quây hành lang trụ liền vòm. Theo người ta nói rất có thể là chịu ảnh hưởng của phong cách Byzantine hoặc đạo Islam. Vấn đề phong cách kiến trúc đạo Islam rất thú vị. Gác chuông độc lập của giáo đường Cơ đốc giáo, linh cảm này có phải là đến từ Tháp Ánh sáng của thế giới Muslin không, không ai nói được rõ ràng.

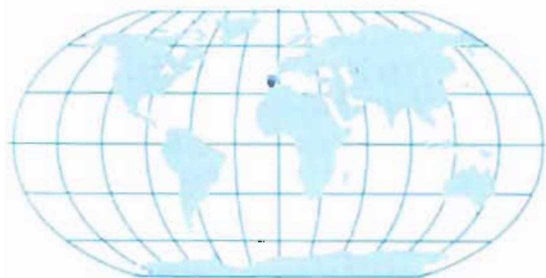
Tháp nghiêng xây dựng để làm gác chuông cho giáo đường lớn thành Pise. Thời gian xây dựng là 100 năm sau trận hải chiến Palermo người Pise đánh bại người Saracen năm 1063. Phong cách kiến trúc là kiểu Pise La Mã. Viền mép phía ngoài giữa khoảng đá cẩm thạch đỏ trắng, có thể lại một lần nữa phát hiện ảnh hưởng của đạo Islam. Vòng ngoài của tầng đáy tháp nghiêng là hành

lang vòm. Chỗ cửa vào đẹp đỡ mặt chính là từng tầng hành lang vòm mở rộng, tầng này tiếp tầng khác, lên đến mui. Chỗ giáp nhau của trung điện và nhà chái bên trên có nóc vòm tạo hình mỹ quan là về sau xây thêm.

Năm 1564 nhà khoa học Galileo ra đời ở Pise. Theo người ta đồn, ông dùng tháp nghiêng làm một thực nghiệm, để chứng minh dù trọng lượng của vật thể như thế nào, sự tăng tốc của vật thể từ nóc tháp rơi thẳng xuống là giống nhau. Không nghi ngờ gì nữa, Galileo dẫn chứng thực điểm này. Nhưng có phải ông từ trên tháp nghiêng làm thực nghiệm này hay không, chưa có căn cứ chuẩn xác. Nhưng tháp nghiêng cũng là một trường sở lý tưởng cho việc thực nghiệm về lực hấp dẫn, mặc dù bản thân nó trái với lực hấp dẫn.



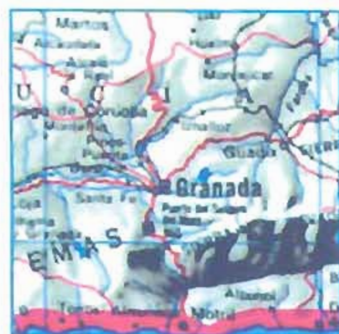
Tháp nghiêng dựa sát giáo đường lớn Pise. Khi xây dựng thành Pise mậu dịch thịnh vượng, giao lưu chặt chẽ với Sicilia và vùng Hồi giáo Cận Đông..



TÂY BAN NHA – XÂY DỰNG TỪ NĂM 1238 - 1358

CUNG ALHAMBRA

Cung Alhambra, hoặc gọi là thành lũy màu đỏ, trang hoàng nhiều màu sặc sỡ, ánh sáng lóa mắt, trên đời có một không hai



Nhìn từ bên ngoài cung Alhambra chỉ là tổ hợp thô vụng của tháp canh và u trên tường thành, thiết kế không có quy tắc lại thiếu sức quyến rũ kiến trúc. Trong cung khắp chốn đều thể hiện ra sự trang nhã hoa mỹ, không lần ra đầu mối. Đó là sự hình dung cung Alhambra của nhà văn Mỹ Washington Irving năm 1829. Tất cả hình thành sự đối tỉ rõ rệt với ngày nay. Nhìn từ bề ngoài, nó là một đồn trại quan trọng, một lũy phòng ngự có 23 tháp canh. Nó do người Maures xây dựng vào thời kỳ quyền lực đạo Islam bị sự đe dọa của đạo Cơ đốc sống lại. Nhìn vào bên trong của nó, nó là một thử nghiệm tạo dựng thiên đường.

Cung Alhambra là tổng bộ quân sự, trung tâm hành chính và cung điện hoàng gia của vương triều Granada Nasrid. Nó do người xây dựng vương triều Mohammed I Al Ahmar bắt đầu xây dựng vào khoảng giữa thế kỷ 13, nhưng cung điện hoàng gia có thể lần đến thời kỳ Yusef I và Mohammed cầm quyền nửa sau thế kỷ 14. Sân vườn, hành lang và ngòi nước hình thành một chuỗi cảnh sắc dài dài đập vào mắt. Khắp chốn đều là trang sức sang trọng như ngói gốm, kiến trúc đá có lỗ mắt lung linh, đồ án trang trí hình lá của điêu khắc và thư pháp tinh vi khiến người khen ngợi, v.v... Một số người coi đó là thành tựu cao nhất của nghệ thuật trang hoàng đạo Islam Phương Tây, đẹp đẽ, trang nhã, sang trọng. Một số người khác cho rằng toàn thể cung điện có một không khí sa sút, một chứng trạng rõ ràng văn hóa có phần suy thoái.

Không nghi ngờ gì nữa, những nóc vòm này có một cái kỳ ảo và u minh, kết cấu hình tổ ong màu sắc sặc sỡ bên dưới khung gỗ treo rủ do cột nhỏ chống đỡ. Những câu thơ khắc lên đó kể về các vì sao và thiên thể. Nước chảy trong máng nước tượng trưng cho bốn dòng sông của thiên quốc đạo Islam. Trong toàn thể thiết kế, kiến trúc sư coi nước và ánh sáng là bộ phận chủ thể.

Thiết kế cung Alhambra là hoa viên và đình viên kết hợp với nhau. Thông thường gian phòng bốn mặt có cửa, tên gọi của đình viên đầy hình tượng khiến người suy nghĩ xa xôi. Vườn Mía (trồng trong đài trồng hoa bên ao nước dài), Phòng Chị Em (sự thực trên mặt đất có lát hai tảng đá cẩm thạch trắng), Nước Sư Tử (lấy 12 con sư tử đá chống đỡ suối phun nước chính giữa cổ xưa để đặt tên), Phòng Sứ tiết là trường sở hoạt động quan phương - người của vương cung tiếp kiến sứ thần ngoại quốc và nghi lễ cung đình - tượng điêu khắc vẫn là đồ án Thiên đường. Nóc gỗ của Phòng Nghị sự cách mặt đất 183 mét, theo người ta nói điêu khắc trên nóc có ý đồ biểu hiện cảnh Thiên quốc.

Đến khoảng giữa thế kỷ 13, Granada là vương quốc người Maures tương đối quan trọng cuối cùng còn tồn tại ở Tây Ban Nha. 25 vị vua của vương triều Nasrid liên tục cầm quyền 250 năm. Họ là người bảo vệ nghệ thuật và học thuật nổi tiếng, thu hút đến nhà sử học Muslin vĩ đại Iven Carleton làm việc nghiên cứu sinh hoạt cung đình văn minh cao độ.

Năm 1492 vương tộc Nasrid cuối cùng rời khỏi Granada. Thế kỷ 16 hoàng đế Charles V xây dựng cung điện của mình trong cung Alhambra. Về sau những vật kiến trúc này chưa được người đời coi trọng. Một

bộ phận đồn trại quan trọng của Nasrid bị quân đội Napoléon hủy hoại. Thế kỷ 19, chuyện phong lưu cung đình dẫn tới suy nghĩ xa xôi của những người đến thăm như Victor Hugo, Théophile Gautier, và Washington Irving. Năm 1829 Washington Irving xuất bản cuốn "Truyền thuyết cung Alhambra". Có thể thấy một phần nguyên nhân của việc cố gắng ngăn chặn sự suy sụp của cung Alhambra và bảo tồn nó là kết quả của việc miêu tả cung điện này của các nhà văn đó.

Vườn Sư Tử lộ thiên trong cung. Suối phun chính giữa do sư tử đá chống đỡ. Hành lang liền vòm chung quanh Vườn Sư Tử là kết cấu gỗ và vôi vữa.



Bộ phận chi tiết của đồ án trang trí dùng phong cách đan xen giữa đồ hình kỷ hà của người Maures với thư pháp đẹp đẽ khỏe khoắn.



PHÁP - VÀO NĂM 1260 ĐƯỢC THÁNH HÓA

GIÁO ĐƯỜNG LỚN CHARTRES

Chỗ giáo đồ đạo Druzea lễ bái ngày trước, đứng sừng sững một giáo đường mỹ lệ, kỷ niệm Đức Mẹ Maria.



Nhà thờ Đức Bà Chartres đứng sừng sững ở vùng quê bằng phẳng chu vi vài cây số. Nó là thành tựu huy hoàng của kiến trúc gothic và văn minh Cơ đốc giáo Trung cổ. Từ trước khi Cơ đốc giáo truyền vào ở một nơi tại Chartres xây dựng lên giáo đường này. Vào thời đại La Mã hoặc thời đại sớm hơn, nơi đây từng là một thánh sở quan trọng của người Celte dị giáo. Nghe đồn nơi này sau bị nhà hầm giáo đường lớn nhất nước Pháp chiếm dụng.

Trong một quãng thời gian rất dài thế kỷ 18, giáo đường lớn có một pho tượng gỗ Đức Bà mang thai Jésus được người ta sùng kính. Nghe đồn cái đó có thể dõi ngược lên đến thời đại dị giáo. Nó rất có thể là hình tượng Thần Mẹ của người Celte được thu nuôi và thành giáo đồ Cơ đốc, nhưng thời kỳ Đại Cách mạng Pháp bị đốt cháy trong lửa chiến.

Khoảng từ năm 360 trở đi, nơi đây kế tiếp nhau xây dựng lên hết giáo đường này đến giáo đường khác, nhưng đều bị hỏa hoạn thiêu hủy. Đến năm 1194 toàn bộ giáo đường trừ mặt chầu về phía tây và nhà hầm đều bị san thành đất phẳng. Sau đó trên đống đổ nát lại xây dựng lên một ngôi giáo đường. Ngôi giáo đường này năm 1260 được thánh hóa, là kiến trúc hùng vĩ mà du khách ngày nay nhìn thấy.

Mặt tây giáo đường hai tháp nhọn đập vào mắt mọi người, chiều cao đều vượt quá 91 mét. Ngôi tháp nhọn thấp, cấu tạo giản đơn có thể dõi ngược lên đến những năm 30 thế kỷ 12. Ngôi tháp nhọn cao, cấu tạo tinh xảo, có thể dõi ngược lên đến năm 1513. Phía dưới là ba cửa lớn chầu về phía tây, và rất nhiều tượng điêu khắc thế kỷ 12, chính giữa là tượng điêu khắc Jésus trong vòng hào quang. Một cửa sổ hình hoa hồng miêu tả cảnh ngày phán xử cuối cùng. Chỗ cửa vào nhà chái nam, bắc đều dùng tượng điêu khắc thế kỷ 13 trang sức. Giáo đường lớn trong và ngoài tổng cộng có hơn 1 vạn pho tượng chế tác bằng đá và pha lê.

Gần 2044 mét vuông pha lê màu vô cùng đẹp đẽ của giáo đường rất là nổi tiếng, màu lam thẫm nồng đậm dưới ánh mặt trời rất lộng lẫy khiến người thích thú. Nhà chái nam bắc có khung cửa sổ đồ án hình hoa hồng đồ sộ khiến người khó quên, một vật quý báu khác là một cửa sổ thế kỷ 12, gọi là *Noto Dame de la Belle Vemiere* (Đức Bà Maria chế bằng pha lê đẹp). Pha lê mắc một thứ "bệnh" thần bí, gần đây đã tiến hành xử lý.



Tượng điêu khắc chỗ cửa chính giáo đường. Tượng điêu khắc của Chartres trình bày nhận thức của giáo đồ Cơ đốc về quy luật vũ trụ.

Trên mặt đất trung điện thiết kế một tòa mê cung, hoặc có thể là nơi để cho người sám hối quỳ. Bình phong của bàn thờ khắc cảnh sinh hoạt của Đức Bà và Jésus. Khắc hình trên bình phong bắt đầu từ năm 1514, nhưng trải qua thời gian gần 200 năm vẫn chưa chấm dứt.

Mấy thế kỷ nay, người hành hương như sóng triều ùa đến Chartres vẫn không dứt, giáo đường, ngoài tượng gỗ Đức Bà ra, còn có đầu mẹ của Sainte Annie Mary và một bộ y phục người ta đồn là Đức Bà khi sinh Jésus mặc, thánh vật này rất nổi tiếng, hiện bảo tồn trong hòm thánh tích.



Tượng trưng cho Christ và bốn người rao giảng Phúc âm phía trên cửa tây giáo đường. Trong giáo đường có ngàn vạn tượng điêu khắc đá và pha lê, miêu tả nhân vật và sự kiện lịch sử trong Cựu ước và Tân ước, trong đó có thánh đồ và Thượng đế, và khái niệm trừu tượng như thiện và ác, hoặc bảy môn trong văn nghệ khoa học (ngữ pháp, tu từ, lô gích, thuật toán, kỷ hà, âm nhạc, thiên văn) v.v...

Một giáo đường đẹp kỷ niệm Đức Bà Maria của nước Pháp, hùng cứ bên trên nóc nhà và ống khói thành phố.

GIÁO ĐƯỜNG

KIẾN TRÚC GIÁO ĐƯỜNG VÀ PHÙ HIỆU TƯỢNG TRƯNG CỦA GIÁO ĐƯỜNG NÓI LÊN CÁCH HIỂU CỦA TÍN ĐỒ CƠ ĐỐC VÀ ĐẠO CƠ ĐỐC ĐỐI VỚI TRẦN THẾ

Thế kỷ 4 công nguyên, đế quốc La Mã coi đạo Cơ đốc là tôn giáo pháp định, giáo đường sớm nhất bắt đầu xây dựng. Kiến trúc sư giáo đường lấy đại sảnh hành lang cột hình chữ nhật dùng làm tòa án và trường sở hội họp của thương nhân mà ở các thành thị La Mã đều có thể nhìn thấy, làm dạng thức. Hành lang trụ liền vòm bên trong chia kiến trúc hình chữ nhật thành 3 bộ phận, bộ phận giữa rộng hơn cao hơn, hai bộ phận bên hẹp hơn thấp hơn, hai bên điện giữa là hành lang bên cạnh tức dạng thức thường thấy ở giáo đường. Thánh đường thường thường ở phía trong khám vách nửa vòng tròn mé đông, hành lang cửa lại ở chỗ vào cửa mé tây.

Mấy thế kỷ sau đó, giáo đường tiếp tục đi theo dạng thức đại sảnh hành lang cột hình chữ nhật, nhưng bắt đầu có một loại khác thiết kế hình thập tự Cơ đốc. Ở Đông Âu, bốn cánh tay hình thập tự chiều dài ngang nhau. Ở Phương Tây, cánh tay phía tây dài hơn ba cánh tay khác, bao gồm điện giữa cho giáo đồ làm lễ. "Điện giữa" bắt nguồn từ chữ La tinh *navis* (ý là chiếc thuyền), có liên quan với giáo đường tượng trưng bằng chiếc thuyền chở đầy tín đồ trung tín an toàn vượt qua biển hiểm nghèo của cuộc đời.

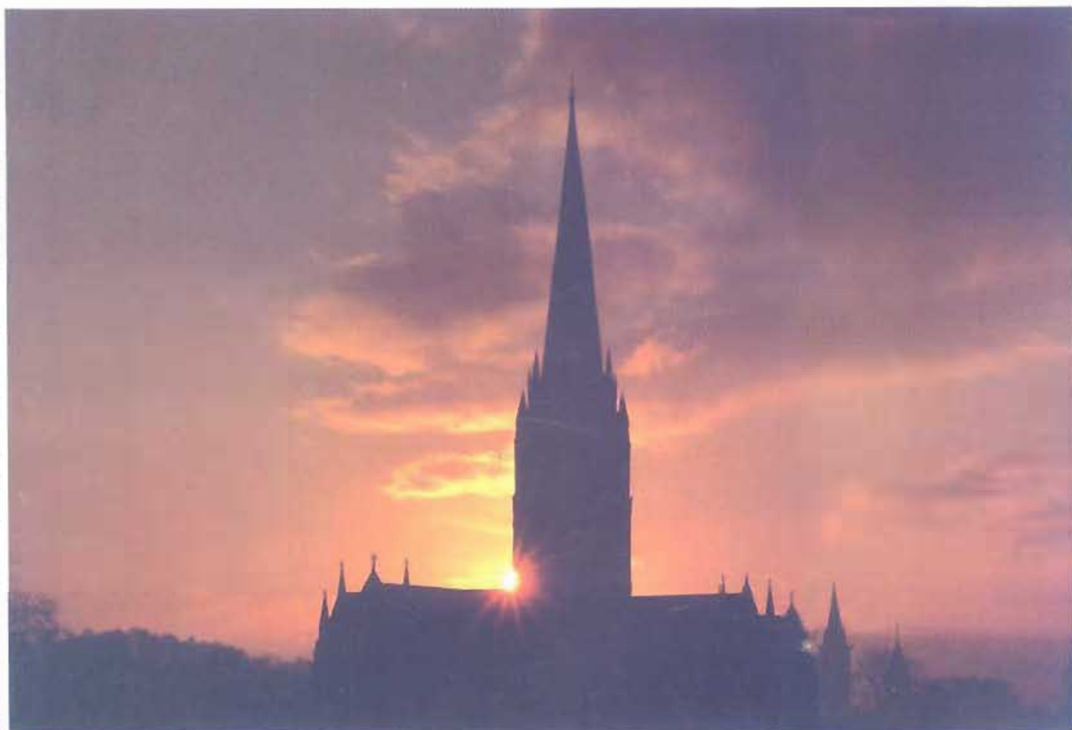
Cánh tay phía đông của giáo đường là thánh đàn để mục sư chủ trì nghi thức lễ bái. Tuyến trục ngang của bản đồ thiết kế hình thành hai nhà chái nam bắc. Phía trên điểm giao thoa là gác chuông. Giáo đường lớn đầu mút phía tây cũng có gác chuông.

Thế kỷ 11 và thế kỷ 12, giáo đường đá phong cách kiến trúc La Mã, tường lớn, cửa sổ nhỏ, nóc nhà do cột to nặng và cổng vòm hình tròn, chống đỡ là làm bằng gỗ.

VƯƠN TỚI TẦNG MÂY

Thế kỷ 12 ở Pháp xuất hiện một phong cách rõ ràng là khác; nó làm chủ tể kiến trúc Phương Tây mãi đến đại bộ phận thời gian thế kỷ 16. Giáo đường lớn Chartres là hình mẫu chủ yếu của loại phong cách này thời kỳ đầu.

Đặc trưng của kiến trúc kiểu



Giáo đường Salisbury cao nhất nước Anh. Nó biểu đạt hoàn mỹ ý nghĩa lên trời.

gothic là vòm hình nhọn. Xem phong thái của nó, mắt phải nhìn lên phía trên, mãi đến vùng nóc, mà không phải là nhìn từ trên xuống dưới giống như nhìn cổng vòm hình nửa vòng tròn kiểu La Mã. Kiến trúc sư vô danh đã xây dựng mấy vật kiến trúc rất đẹp, nóc nhà bằng đá hình khum cao vút do vách nâng lơ lửng trên không chống đỡ. Những vật kiến trúc này nhấn mạnh mặt phẳng vuông góc, là đứng thẳng đích thực, giáo đường và nóc nhọn của nó dường như không chịu ảnh hưởng của sức hút tâm trái đất.

Cửa sổ biến thành càng ngày càng lớn, mép ô vuông cửa sổ đá hiện ra dạng sóng sâu, pha lê màu rất tươi thắm, đồ án và hình vẽ nhân vật bên trên là kể cho số lớn giáo đồ không biết chữ nghe câu chuyện trong Kinh Thánh và nội dung của giáo lý. Trong giáo đường hùng vĩ gothic như vậy, điêu khắc đá miêu tả từng chương sử thiên quốc và nhân vật từ ngày khai sáng vũ trụ đến nay, tái hiện toàn thể thế giới mà tư duy tinh thần Cơ đốc giáo Trung thế kỷ nhận thức. Giáo đường là hình ảnh rút gọn của thế giới này, thiên thần trong nóc khum diễn tấu khúc nhạc, tạo không khí hài hòa trong khoảng thiên đường. Trên nóc giáo đường vẽ các ngôi sao rực rỡ, đại biểu cho vòm trời.

Ở TRUNG TÂM CỦA THẾ GIỚI

Lúc ấy không có ai gọi loại kiến trúc này là kiểu gothic. Đó là một từ có nghĩa châm biếm biểu thị nguyên thủy và dã man do thế kỷ 16 sáng tạo. Ở thời kỳ Phục hưng, hết sức ca ngợi Cổ Hy Lạp và Cổ La Mã, bao gồm kiến trúc cổ điển, có niềm tin mới đối với tính khả năng của con người là chủ của vạn vật. Tạo hình giáo đường bắt đầu giống đền thần La Mã, xuất hiện hành lang cửa cột tròn trang sức dạ cửa tam giác.

Ở La Mã, trái tim của thế giới đạo Cơ đốc Phương Tây, đầu thế kỷ 16 giáo đường Saint Pierre, do Donato Bramante thiết kế, về cơ bản là hình thập tự cánh tay bằng nhau, phía trên khoảng giữa là nóc tròn khoa trương. Như vậy một giáo đường lấy trung tâm quy hoạch có ý nghĩa tượng trưng hoàn toàn khác với giáo đường kiểu gothic. Cánh tay dài của điện chính giáo đường kiểu gothic dẫn ánh mắt và tâm linh người lễ bái về hướng thánh đàn ở đầu mút đằng xa. Nhưng trong một giáo đường lấy trung tâm quy hoạch, người lễ bái được đặt một cách tượng trưng vào trung tâm của thế giới, chung quanh mà tất cả mọi sự vật tốt đẹp, hài hòa trong vũ trụ. Một loại giáo đường lấy thần làm đấng tối cao, một loại giáo đường khác lấy con người làm "vạn vật chi linh".



Giáo đường lớn Saint Paul Luân Đôn xây dựng thế kỷ 17, nó biểu thị kiến trúc cổ điển lại thịnh hành.

Thế kỷ 17, 18 loại phong cách cổ điển tiếp tục chiếm địa vị chủ đạo. Cái đó ở trong giáo đường kiểu baroque được biểu hiện đến nơi đến chốn, có hành lang cột đền thần, trên cổng vòm hình cung sang trọng, có vật bày biện và trang sức tinh xảo đẹp đẽ.

Thế kỷ 19 kiến trúc kiểu gothic lại một dạo thịnh hành, đó là một thứ phản kháng đối với phong cách cổ điểm ngầm chứa trong tín ngưỡng của tín đồ dị giáo. Thời kỳ này, cuộc chiến tranh giữa kiểu gothic và kiểu cổ điển vẫn tiến hành, mãi đến khi các kiến trúc sư hiện đại từ chối kế thừa phong cách của quá khứ vứt bỏ cả hai loại phong cách kiến trúc. Nhưng trước đó, đã xuất hiện tác phẩm kết hợp một cách thần kỳ giữa kiểu gothic và nghệ thuật mới của Antoni Gaudi, ông xây dựng giáo đường La Sagrada Familia kỳ lạ ở Barcelona.



THỤY SĨ - XÂY DỰNG NĂM 1333

CẦU KAPOBRUCK

Là cầu gỗ cổ xưa nhất Châu Âu, nó bảo vệ thành trì khỏi bị tấn công.

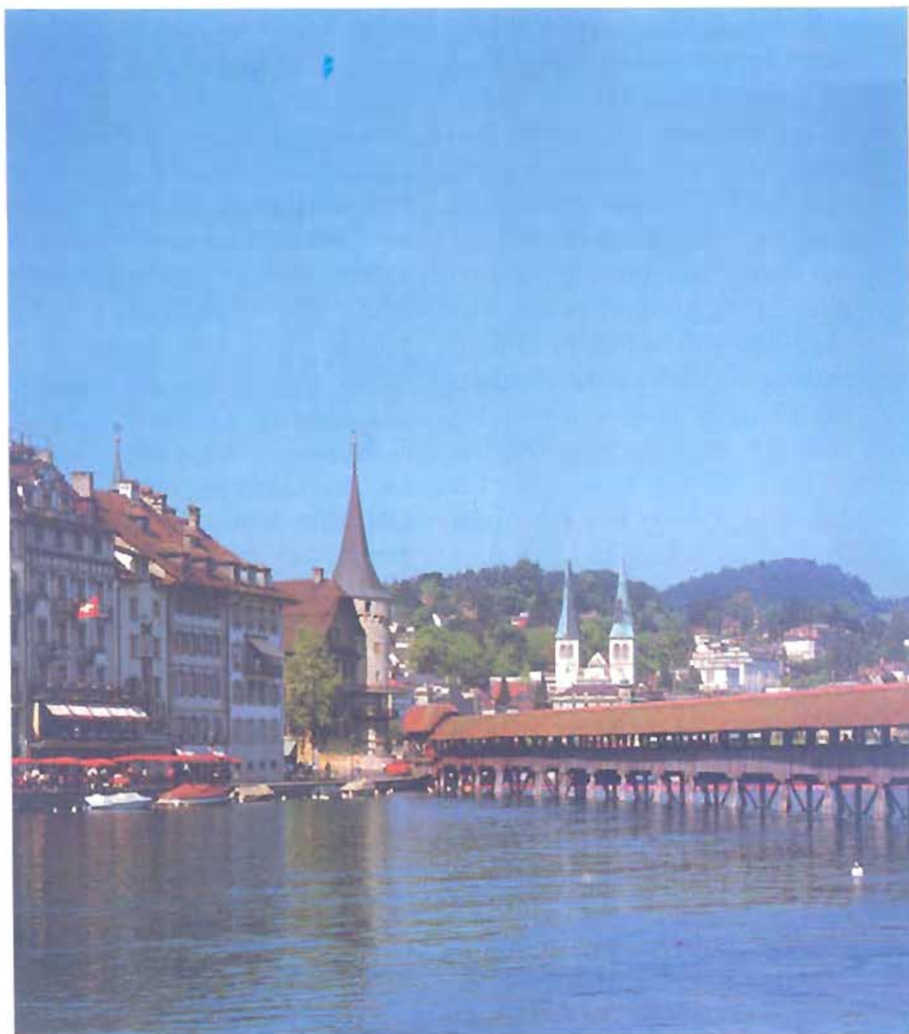


Thành phố Zurich (nơi này là khu vực Thụy Sĩ nói tiếng Đức, cho nên lại gọi là Schusen), ở góc tây bắc hồ Zurich, chung quanh nhiều núi, phong cảnh đẹp đẽ. Trên sông Rhône có cây cầu gỗ, trên cầu có kiến trúc tựa như mái nhà, để che mưa gió, người ta gọi là cầu Kapobruck (ý là cầu giáo đường), để tượng trưng cho thành phố này. Nó xây dựng năm 1333, là cây cầu gỗ cổ xưa nhất Châu Âu. Toàn bộ chiều dài hơn 194 mét, xuyên nghiêng qua sông Rhône.

Đầu phía nam cầu có một tháp nước mái ngói hình bát giác. Tháp nước và cầu này vốn là một bộ phận của công sự phòng ngự thành trấn hồi Trung cổ. Lúc bấy giờ tháp nước là chỗ kho tàng nhà nước, nhà giam và hỏi cung phạm nhân. Trên đòn tay cầu gỗ có 112 bức tranh thế kỷ 17. Những bức tranh này miêu tả lịch sử Zurich và sự tích anh hùng của nhân dân khu vực này, có tác dụng quan trọng trong cuộc đấu tranh giành độc lập cho Thụy Sĩ của nhân dân bản địa. Chúng còn kể lại sinh bình và truyền kỳ về hai vị thần bảo hộ Zurich, Saint Léger và Saint Mauris. Mỗi bức tranh đều kèm theo câu thơ Đức ngữ.

Về phía tây còn có một cây cầu cổ khác thường kèm kiến trúc che, cầu Sproil (ý là Cầu Cối Xay) bắc ngang sông Rhône, nó xây dựng năm 1407. Trên cầu trang sức bức tranh thế kỷ 17 rùng rợn "Điệu nhảy của Thần Chết".

Mặt bắc của sông Rhône là



khu thành thị cổ xưa nhất của thành phố Zurich, vẫn bảo lưu bố cục thời Trung cổ, có tường thành và tháp canh nhìn xa thế kỷ 14, quảng trường Weinmakite hấp dẫn người, tòa thị chính thế kỷ 17, giáo đường hai tháp cầu nguyện cho Saint Léger và Saint Maurice năm 1644.

Bia sư tử nổi tiếng do nhà điêu khắc vĩ đại Đan Mạch Thorvalsen thiết kế, hoàn thành vào năm 1821. Zurich còn có viện bảo tàng giao thông lớn nhất Châu Âu, đài thiên văn, viện bảo tàng về thời kỳ Sông Băng (bên trong có công viên Sông Băng), còn có viện bảo tàng phục trang dân tộc Thụy Sĩ. Du thuyền hơi nước có thể chở bạn băng ngang hồ Zurich lãng mạn, thưởng thức qua toàn cảnh dãy núi rừng cây chung quanh.

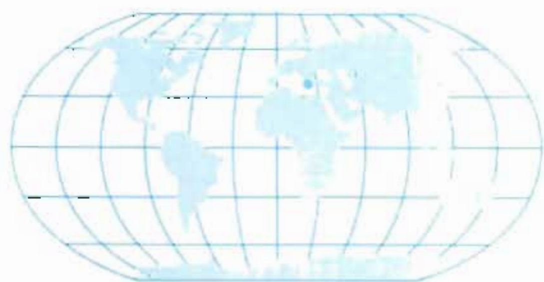
Zurich ban đầu chỉ là một làng đánh cá nhỏ. Thế kỷ 13 mở thông cửa ngõ Gothad, mở rộng đường thông núi Alpes giữa miền Bắc Italia với Rhinland, điều đó mang lại vận may cho làng đánh cá nhỏ vắng vẻ này. Đường thông ngày càng nhộn nhịp, thành phố cũng theo đó mà phát triển phồn vinh, thành một trung tâm thương nghiệp quan trọng. Thành phố này vẫn thuộc vương triều Habsburg Áo thống trị, mãi đến thế kỷ 13 nhân dân vùng dậy phản kháng, mới thoát khỏi xiềng xích.



Ban đêm tháp nước được đèn dưới chân chiếu rọi, rất đặc sắc



Lấy tháp nước làm tiền cảnh, nhìn cầu theo chiều ngang, đầu mút phía xa là nhà thờ Saint Pierre, trong bối cảnh là hai tháp của giáo đường Saint Léger và Saint Mauris, hai vị thần bảo hộ thành



HY LẠP - XÂY DỰNG KHOẢNG NĂM 1380

TU VIỆN METÉORA

Trên núi đá chống trời cao vài trăm thước Anh, các tăng lữ sống khổ hạnh thờ Thượng đế.



Metéora có ý "ở không trung", mà tu viện này đúng là ở trong không trung. Nơi này ở vào rìa dãy núi Pindus, những tu viện này tọa lạc bên trên ngọn núi đá cheo leo cao đến 549 mét, mắt nhìn xuống khắp vùng sông Pinios ở Thessalie miền đông Hy Lạp. Đến những năm 20 của thế kỷ 20, du khách muốn lên phải trèo thang chênh vênh, những thang này dài 30,5 mét hoặc dài hơn, buộc trên đá núi (Như vậy có thể từ bên trên thu hết thang đi coi là hành động dự phòng bị tấn công). Phương pháp thứ hai là đặt người vào trong túi lưới kéo vút lên.

Đồ dùng sinh hoạt hiện nay vẫn là dùng túi lưới kéo lên. Sau đại chiến thứ nhất đặc biệt là sau những năm 60 đắp một con đường mới từ thành Kalabaka đến tu viện làm tiện lợi cho giao thông của tu viện, khiến tu viện bắt đầu thu hút khách du lịch. Hiện nay lối đi lên là đi qua một đoạn bậc lên xuống đục từ đá ra, sau đó đi qua chiếc cầu trên vách đá cheo leo khiến người chóng mặt. Rất nhiều tăng lữ vì muốn lại được thanh tĩnh mà di cư nơi khác nên tu viện hiện nay càng giống viện bảo tàng.

Ở nơi hoang vu xa xôi này thờ Thượng đế, lánh xa hưởng lạc, thoát khỏi phiền não của đời sống hàng ngày, đến nay là nhân tố cơ bản của tin thờ Thượng đế. Những tu sĩ Khổ tu đầu tiên ở thế kỷ 12 đã sống trong những hang động hoặc đỉnh núi đá ở khu vực này. Năm 1250, người đứng đầu tu viện tức người sáng lập tu viện Metéora đến nơi này, ông là vị thánh nhân Saint Adanaxi từ Núi Thánh đến. Theo truyền thuyết ông được một tiên nữ hoặc một con chim ưng già đưa lên trên ngọn núi đá ở chỗ là tu viện hiện nay. Môn đồ của ông,



Các tu viện ở Rosar trước đây chỉ có thông qua túi lưới lắc lư và thang lay lắc mới có thể lên được.

Joseph, là vương tử Servia, ba bốn mươi năm sau lại mở rộng và cải thiện nơi này.

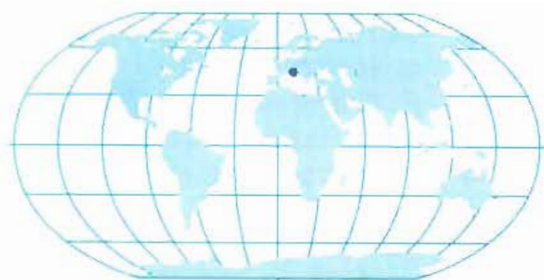
Ở thế kỷ 15 - 16, người Thổ Nhĩ Kỳ chinh phục Thessalie, quần thể tăng lữ rất nhiều tu viện khác thành lập ở đây. Nhưng trong thế kỷ 17 - 18, bắt đầu thời gian dài dần dần sa sút, rất nhiều tu viện trong số đó không còn tồn tại. Đến thế kỷ 19 tu viện thu hút những khách du lịch không sợ gian nan hiểm trở, do đó tình huống về tu viện được lan truyền.

Tu viện dùng đá xây dựng, mái nhà ngói đỏ, hành lang bằng gỗ vươn lên bên trên vực sâu khiến người chóng mặt. Mỗi một tăng lữ đều có một gian phòng nhỏ hẹp. Trong tu viện có một giáo đường và nhà ăn để tăng lữ dùng bữa. Trên đá đào ra ao chứa nước mưa, những năm 60 nhà ăn Esquio Svaley được khôi phục làm viện bảo tàng. Trong tu viện Metéora bạn có thể nhìn thấy nhà bếp rất sơ sài, bên trong có bát và muỗng chuôi dài thô sơ, hai giáo đường ở đây đều dùng bích họa trang trí, trên bích họa vẽ cảnh địa ngục và người tử đạo chịu đau khổ trừng phạt đáng sợ, đầy các thứ thảm trạng chém, chặt đầu, chùy đánh, đinh đóng, đâm giết, nấu vạc dầu, lột da. Tu viện Esquio Nicolas hiếm dấu chân người, có rất nhiều bích họa đẹp thế kỷ đều là do một họa sĩ đến từ Crète tên Siophinis vẽ.

Ở đây có tu viện tu sĩ, nhưng cũng có tu viện nữ tu, một cái trong đó là Esquio Stephenas, nơi này phải đi qua cầu bắc trên khe sâu mới có thể đến được.



Sự vất vả và khó khăn của việc xây dựng những nơi ẩn cư tôn giáo sừng sững trên vách đá cheo leo có thể tưởng tượng thấy được. Đời sống tu viện khổ hạnh, nhưng lại khiến họ tránh khỏi sự xâm lấn và quấy nhiễu của bên ngoài.



ITALIA - CHỦ YẾU BẮT ĐẦU ĐÀO TỪ THẾ KỶ 15

KÊNH LỚN

Đường phố đẹp nhất thế giới

Filippo di Commiens



Giữa mùa hè hàng ngàn du khách chen chúc trên xe buýt trên nước chạy trên Kênh Lớn; mà vào buổi sớm mùa đông ẩm ướt, xám nhờ, khi sương mù bốc lên trên hồ đá ngầm lâng lâng bay đến chung quanh Kênh Lớn, kênh lại giàu sức quyến rũ. Người ta rất khó không bị cảnh quan của Venise thu hút. Đến bất cứ chỗ nào đều có thể thấy những vật kiến trúc kết hợp giữa gạch và đá cẩm thạch hoàn mỹ đập vào mắt mọi người, kiểu gothic, kiểu cửa sổ hoa ô vuông trang nhã, hoặc kiểu kiến trúc quái đản khoa trương khác khiến người kinh ngạc. Ở đây cơ hồ khắp chốn là nước, nước khẽ vỗ rìa những vật kiến trúc, nước phản chiếu bóng lâu đài dinh thự. Dòng kênh trở thành các thứ đường giao thông trên nước của Venise. Venise ở một nhóm đảo trên vùng phá (nước mặn) gần biển Adriatic, về lịch sử nhân mậu dịch trên biển thành một trong những đế quốc thương nghiệp vĩ đại nhất. Nước là sinh mệnh của nó. Điều này được chứng thực trong ngày lễ Jésus thăng thiên hàng năm. Trong hoạt động mừng lễ trọng thể Spozaliza yêu biển, Duje ném một chiếc nhẫn vàng xuống biển, cưới biển cả làm vợ.

Kênh Lớn là đường giao thông quan trọng của Venise, hiện ra hình chữ "S", từ ga xe lửa phía tây bắc thành phố chảy về Ponta Dra Serut ở phía đông nam thành phố, ngoằn ngoèo 4km, bắc ngang Kênh Lớn chỉ có ba chiếc cầu - một chiếc ở gần ga xe lửa, một chiếc tọa lạc cạnh viện bảo tàng nghệ thuật Academie, lại có một chiếc cầu cổ xưa nhất và nổi tiếng nhất Aristo. Chỗ khác, gọi là "Cầu Than Thở" thuyền *gondora* chở khách qua lại hai bờ Kênh Lớn.

Thành phố Venise xây dựng trên hàng trăm đảo, vốn là đất đầm lầy. Venise đứng trên hàng trăm vạn cọc gỗ, là một thứ phong cách kiến trúc độc đáo để thích hợp với điều kiện trên biển mà phát triển. Cung điện hai bên bờ Kênh Lớn biểu hiện ra sự huy hoàng của Venise các thời đại lịch sử từ thế kỷ 13 đến thế kỷ 20.

Du khách có thể một năm 365 ngày, thậm chí một đời du ngoạn Kênh Lớn, vẫn có thể phát hiện ra cái mới lạ. Cung điện Cadoro có thể là nổi tiếng nhất trong tất cả các cung điện. Hiện nay là một viện bảo tàng mỹ thuật. Trải qua nhiều năm tu bổ khôi phục, lại mở cửa cho công chúng vào xem. Kiến trúc này là mẫu mực đẹp nhất trong những kiến trúc kiểu gothic của Venise. Nghe đồn nó có tên này vì liên quan với sự thực nó vốn được dùng vàng để trang sức. Cung điện Cadoro xây



Gondora, tượng trưng cho Venise, là du thuyền dày công thiết kế cho nước nông. Lấy độ sâu mớn nước nông nhất chịu đựng trọng lượng chở ở hạn độ lớn nhất.

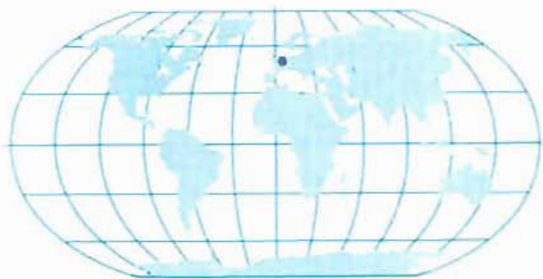
dựng xong trước khoảng giữa thế kỷ 15. Cung điện Dario xây dựng bên bờ Kênh Lớn vào thời điểm hơi muộn một chút, là kiến trúc phong cách hoàn toàn khác, mặt chính quay ra đường phố khảm đá cẩm thạch màu. Trong cuốn sách "Mốc chỉ đường Venise" của nhà phê bình nghệ thuật kiêm nhà triết học Anh thế kỷ 19 John Ruskin gọi tòa cung điện khiến người thích thú này là mẫu mực tuyệt đẹp của kiến trúc bản địa phong cách Phục Hưng thời kỳ đầu của Venise.

Giáo đường Đức bà Santa Maria Della Saluta ở đầu mút phía đông nam Kênh Lớn là do Longhera thiết kế: để kỷ niệm thành phố này thoát nạn dịch mà xây dựng vào khoảng năm 1630 - 1687. Tháng 11 hàng năm, dùng thuyền bắc thành một cây cầu nổi qua Kênh Lớn, để tiện cho người ta đến giáo đường này dự ngày lễ một năm một lần.

Khách sạn Tourki (xây dựng đầu thế kỷ 13, đã trải qua đại tu) lâu đài Gustinian (xây dựng khoảng giữa thế kỷ 15), lâu đài Rezzonico, (xây dựng thế kỷ 17-18, hiện đổi làm viện bảo tàng), lâu đài Mosto (xây dựng thế kỷ 13), dọc theo Kênh Lớn có thể thấy vật kiến trúc giống như Kênh Lớn, dài dài một chuỗi.



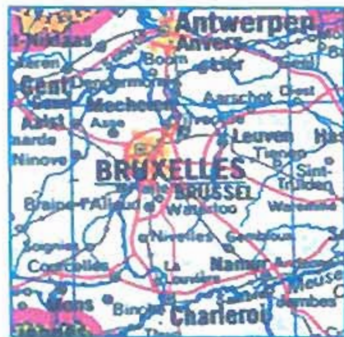
Cách sông nhìn sang, là nhà thờ hai nóc vòm Sainte Maria hùng vĩ. Kiến trúc baroque Venise được thần thánh hóa này là do Baldesari Langhenno thế kỷ 17 thiết kế.



BỈ - BẮT ĐẦU XÂY DỰNG NĂM 1402

QUẢNG TRƯỜNG LỚN

Quảng trường hùng vĩ là tượng trưng cho thương hội Bruxelles thời Trung Cổ có nhiều của cải



Nhà văn Pháp Victor Hugo từng cư trú ở Bruxelles một quãng thời gian thế kỷ 19 ca ngợi quảng trường lớn là quảng trường đô thị đẹp nhất Châu Âu. Tòa Thị Chính khiến người kinh lạ là kiến trúc kiểu gothic Flanders, cung điện hoàng gia tinh xảo, hội quán thương hội cao lớn, còn có tường đầu hồi nhà với tháp nhọn nhỏ, trang sức hoa, chạm trổ, tượng điêu khắc, trang sức đầu viên ngói tàu dựa theo hình đầu người và động vật, tượng bán thân, tượng chiến lợi phẩm, tượng tròn, thú trên huy hiệu, cột đứng và lan can, tất cả những cái đó giống như bối cảnh sân khấu mà một vở kịch sân khấu lớn cần đến.

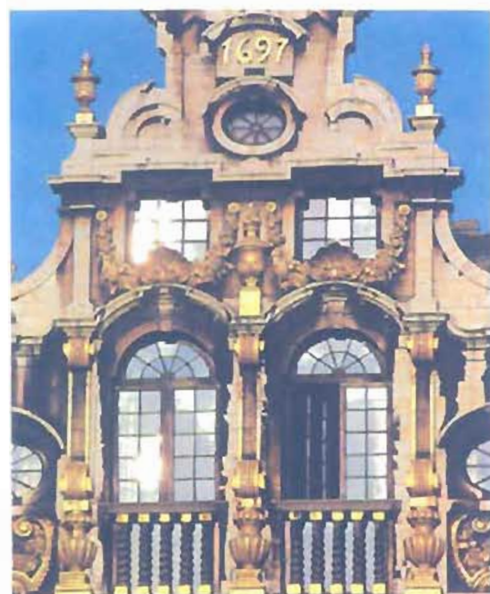
Trên quảng trường hàng ngày đều có chợ hoa, sáng ngày chủ nhật có chợ chim. Nơi đây từng là nơi quý tộc Bergondi tiến hành quyết đấu. Quảng trường này đầu tiên là một cái chợ của Bruxelles cổ xưa, mà Bruxelles là một thôn trang nhỏ trên vùng đầm lầy dọc bờ sông Seine thúc đẩy mậu dịch phồn vinh.

Năm 1402 bắt đầu xây dựng Tòa Thị chính *the hotel de Ville*. Nó chiếm đại bộ phận một góc của quảng trường. Đến năm 1480 đại thể xây xong. Tháp nhọn cao 91 mét khiến người chóng mặt do kiến trúc sư Jane Van Ruizbroak thiết kế cho công tước Bergondi có thể dõi ngược lên đến những năm 50 thế kỷ 15. Trên đỉnh tháp tượng đồng Tổng lãnh thiên sứ Saint Marc chân đạp lên Satan cao 5 mét dùng làm kim chỉ hướng gió, trên cổng vòm là hơn 100 tượng điêu khắc, đều là tái hiện nguyên tác thế kỷ 19, các gian phòng trang hoàng lịch sự trong Tòa Thị chính treo những thảm treo của Bruxelles và tranh vẽ. Hai suối phun nước trong sân vườn bên trong đại diện cho hai dòng sông chủ yếu của Bỉ: Sông Schelde và sông Meuse.

Một phía khác của quảng trường là the Maison du Roi, chỉ là hư danh, chưa bao giờ là nhà của hoàng gia, mà là chỗ ở của trưởng quan do bọn thống trị Tây Ban Nha chỉ định. Dựa theo phong cách hoa lệ vốn có thế kỷ 16, khoảng năm 1873 đến 1895 trùng tu lại toàn bộ, hiện nay là viện bảo tàng lịch sử thành phố Bruxelles, vật trưng bày hấp dẫn nhất là hơn 300 bộ phục sức trải qua mấy thế kỷ coi là lễ vật dâng hiến vị Phúc thần của thành phố này *mannehen Pis*.

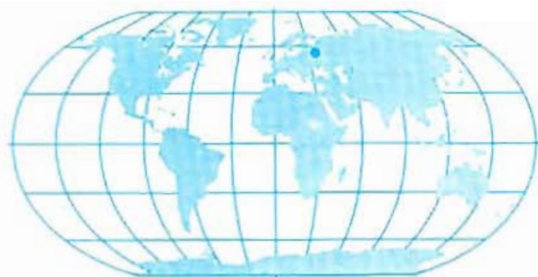
Hội quán Thương hội là nơi tụ họp và giải trí của các phú thương Bruxelles. Trước đây là vật kiến trúc làm bằng gỗ. Năm 1695 một đội quân Pháp bao vây Bruxelles, pháo kích liên tục 36 tiếng đồng hồ, phá hủy 16 ngôi giáo đường và hàng nghìn nhà cửa, quảng trường cũng bị thương nặng. Thương nhân thành phố này lập tức khẳng khái bỏ vốn ra xây dựng lại kiến trúc baroque xa hoa.

Những ngôi nhà này thường căn cứ vào đặc trưng trang hoàng lấy vật được yêu thích đặt tên, nhà số 7 là cáo, bên trên lối vào cửa có một con cáo bằng vàng. Nhà số 26 Victor Hugo ở là bồ câu. Phía trên cây bằng vàng nhà số 10 là một pho tượng kỵ sĩ. Nhà số 5 thuộc hội chuyên nghề xạ thủ là chó sói, phía trên cửa là bức tranh chó sói cho Romulus và Renus bú sữa. Trên nóc tường đầu hồi là tượng trưng cho Bruxelles tái sinh: một con phượng hoàng bằng vàng lớn.



Hội quán thủy thủ, năm 1697 xây lại, dùng vàng lá trang sức.

Quảng trường lớn xây lại những năm 90 thế kỷ 17. Ban đêm kiến trúc baroque được đèn ánh sáng lan rộng chiếu sáng tưng bừng. Những ngôi nhà này là trường sở tiến hành thương vụ và hoạt động xã giao của các nhà doanh thương lớn Bruxelles.



NGA - CHỦ YẾU XÂY DỰNG NĂM 1475

ĐIỆN KREMLIN

Thành trì của Sa hoàng nước Nga nóc tròn màu vàng kim, vọng gác tường son, sừng sững bên bờ sông Matxcơva.



Hoàng đế Ivan là người đầu tiên có thể đích thực gọi được là Sa hoàng của cả nước Nga, vào năm 1547 ông đăng quang ở điện Kremlin Mátxcơva. Điện Kremlin có ý là "thành lũy" hoặc "nội thành". Một số thành thị lớn Nga đều có "Kremlin" cổ xưa. Nhưng từ sau năm 1547 chỉ có thành trì ở Matxcơva mới được gọi là "Kremlin".

Khi thành trì này xây dựng ban đầu vào thế kỷ 12, Matxcova lấy nó làm hạt nhân phát triển lên. Thành trì hiện ra hình tam giác, vị trí ở bên bờ sông Matxcơva, chiếm 28 mẫu, bên trong có cung điện của Sa hoàng và nhiều giáo đường. Năm 1917 sau Cách mạng Tháng Mười, điện Kremlin thành nơi làm việc của Chính phủ Liên Xô cũ.

Tường bao quanh cao chót vót xây dựng lại vào thế kỷ 15. Tường xây bằng gạch, cao tới 18,3 mét, dài tới 1,6km, khoảng giữa có hơn 20 tháp canh, có tháp canh trên cửa lớn có nóc nhọn hình lều bạt. Lối vào cửa chính là cổng Slaski mặt nhìn ra Hồng trường. Tháp chuông Ivan đại đế cao đến 81 mét là do Sa hoàng Boris Godunov đề xuất xây dựng năm 1600, nó cũng là một tháp canh nhìn xa, có thể quan sát một chu vi 32 cây số. Dưới chân nó có một chiếc "Chuông Vua" là chuông lớn nhất thế giới, đúc những năm 30 thế kỷ 18, trọng lượng vượt quá 203 tấn. Gần đó còn có một vật khổng lồ – "Pháo Vua". Khẩu pháo này đường kính 89cm, chế tạo năm 1586, trọng lượng tới 40,6 tấn. "Chuông Vua" chưa từng gõ, "Pháp Vua" cũng chưa từng bắn phát đạn nào.

Khoảng cuối thế kỷ 15, Ivan III ủy thác kiến trúc sư Italia xây dựng lại điện Kremlin coi là thủ đô La Mã thứ ba. Cung nhiều cạnh dùng đá trắng nhiều cạnh xây thành năm 1491, trong cung đại sảnh Sa hoàng thiết triều quy mô hùng vĩ, trang sức hoa mỹ. Giáo đường Đức Bà thăng thiên xây những năm 70 thế kỷ 15, là nơi làm lễ đăng quang của Sa hoàng. Gần lối vào chính có một ngai báu của Ivan IV chạm trổ bằng gỗ hồ đào, chế tạo năm 1551. Giáo đường Báo hiếu xây dựng lại những năm 60 thế kỷ 16. Nhân toàn bộ nóc nhà của nó đều thếp vàng, cho nên lúc bấy giờ được gọi là "Nóc vòm màu vàng kim". Giáo đường lớn Thiên sứ Saint Michel là kiến trúc phong cách Nga trong đó chịu ảnh hưởng thời đại Phục hưng Italia, là lăng mộ đế vương các đời Matxcơva trước Piot đại đế. Ba ngôi giáo đường này đều có bích họa và tượng điêu khắc khiến người khó quên, gần có còn có một số giáo đường tương đối thứ yếu.

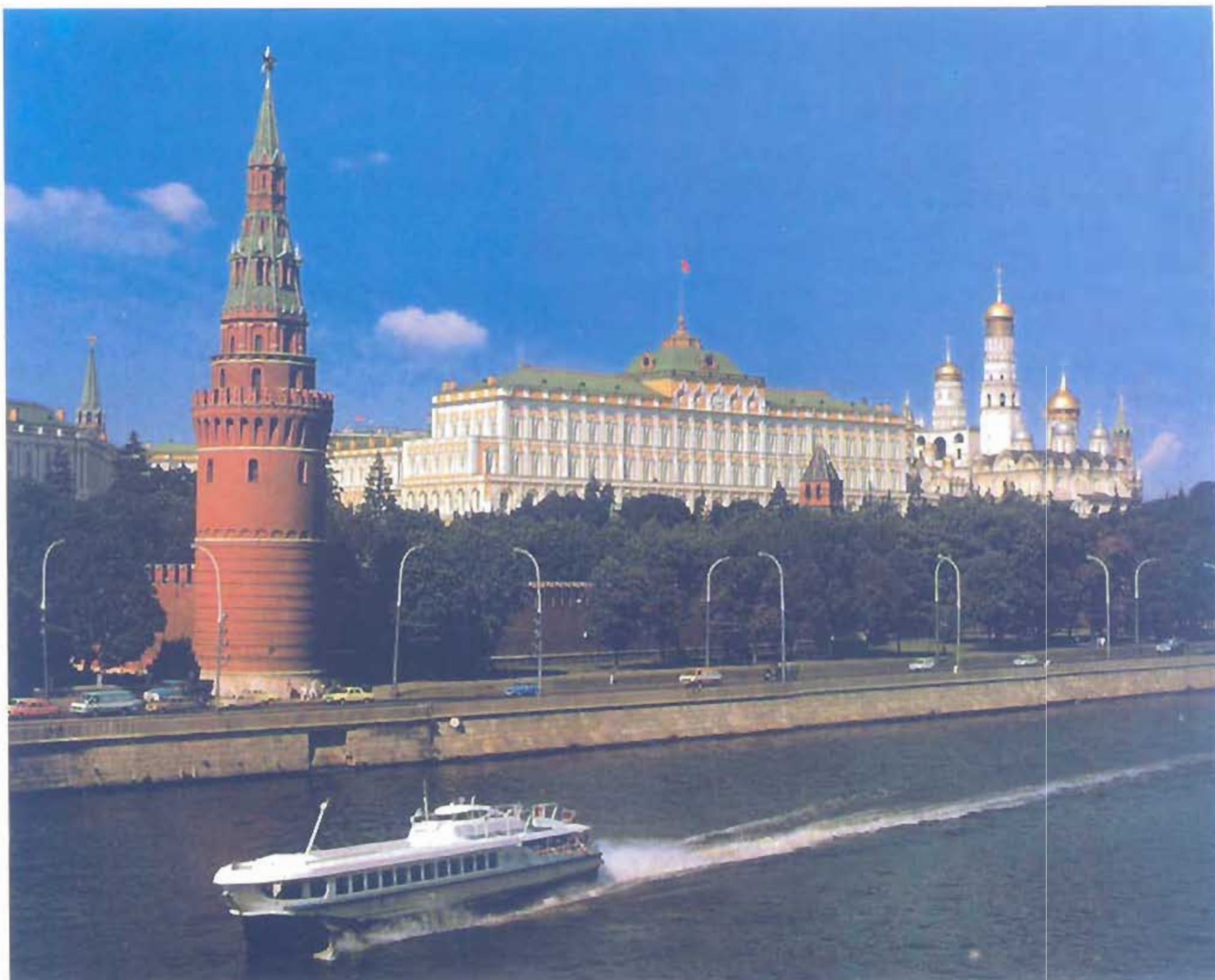
Điện Kremlin Lớn, cung



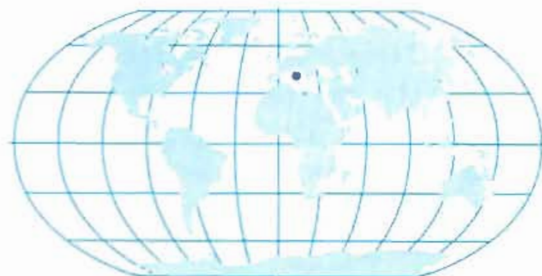
Giáo đường Đức Bà thăng thiên là xây cho Ivan III, xây xong năm 1429.

điện chủ thể của Điện Kremlin, về sau thành nơi cử hành Hội nghị của Xô Viết Tối cao, xây xong năm 1849. Châu báu hoàng gia thu thập mấy trăm năm nay được trưng bày trong Kho vũ khí, trong đó có từ vũ khí, khôi giáp đến mũ miện, đồ quý báu của hoàng gia bao gồm ngai báu, châu báu, lễ phục của quan, xe ngựa, tẩu thuốc tinh xảo và trứng lễ Phục sinh Faberge. Tòa giáo trưởng Chính thống giáo phương Đông xây dựng những năm 50 thế kỷ 17 hiện nay là viện bảo tàng văn hóa nghệ thuật nước Nga.

Hội trường lớn cử hành Đại hội Đảng ở điện Kremlin xây dựng năm 1961, nó được xây ở dưới đất, để khỏi ảnh hưởng đến mỹ quan của những kiến trúc cổ xưa. Phía ngoài điện Kremlin là Hồng trường, Lăng Lênin ở đấy, di hài Người dành cho mọi người chiêm ngưỡng. Di hài Xtalin từ năm 1953 đến 1961 cũng đặt tại đây. Trong quảng trường có giáo đường Saint Basile được người ta khen là mẫu mực, nóc tròn của nó giống như một củ hành tây. Nó xây dựng những năm 50 thế kỷ 16 theo lệnh của Ivan IV, từ đó trở thành tượng trưng của nước Nga.



Từ bờ bên này sông nhìn điện Kremlin. Bên trái là tháp nước, hút nước từ sông đến tháp nước, rồi có ống nước thông đến vườn hoa của vật kiến trúc. Tháp nước xây năm 1817. Chỗ xa nhất là tháp chuông Ivan đại đế.



ITALIA - BẮT ĐẦU XÂY DỰNG NĂM 1506

GIÁO ĐƯỜNG LỚN SAINT PIERRE

Giáo đường lớn Saint Pierre là từ một phần mộ rất sơ sài giản dị xây dựng lên. Dường như tất cả những kiến trúc sư Italia có tiếng tăm thế kỷ 16 đều tham gia xây dựng nó.



Giáo đường lớn Saint Pierre chiếm 22.300 mét vuông, mãi đến năm 1990 ở Châu Phi dựng một giáo đường Thiên chúa giáo, nếu không nó vẫn là giáo đường Cơ đốc giáo lớn nhất thế giới. Quy mô của nó lớn đến nỗi khiến người kinh ngạc.

Cái mà hiện nay chúng ta biết về nguồn gốc giáo đường này là: thế kỷ I công nguyên có một tín đồ hiến thân cho tín ngưỡng của ông, đó là sứ đồ Pierre. Năm 64 ông được chôn ở một nghĩa địa công cộng, do đó mộ Pierre thành nơi đến hành hương. Hoàng đế Constantin là giáo đồ Cơ đốc, ông xây dựng một giáo đường ở chung quanh mộ, giáo đường này có 1000 năm lịch sử. Về sau kiến trúc này bắt đầu đổ nát, giáo hoàng Nicolas V trù tính xây lại một giáo đường hùng vĩ ở đây để thay thế. Trong 170 năm về sau, do một vị kiến trúc sư của giáo hoàng chết, hoặc giả một thiết kế này thay thế một thiết kế khác, khiến công tác xây dựng một giáo đường Saint Pierre mới thường bỏ dở nửa chừng.

Bramante vào năm 1506 bắt đầu xây dựng một giáo đường nóc tròn cỡ lớn. Sau khi ông qua đời năm 1514, Raphael thay thế ông. Sau khi Raphael qua đời năm 1520, lại sử dụng thiết kế khác, nóc tròn bị thủ tiêu, đưa vào một số thiết kế kiểu gothic, Michelangelo năm 71 tuổi thay thế làm công tác này - "Vì tình yêu với Chúa Trời, với Đức Bà với Thánh Pierre" - khôi phục lại nóc tròn. Nhưng ông cũng chết trước khi công trình hoàn thành. Về sau thiết kế trung điện, mặt chính và hành lang cột là không sáng suốt, đối với du khách đi đến gần, cảnh quan nóc tròn bị phá hoại.

Giáo đường lớn vào ngày 18



tháng 11 năm 1626 do Giáo hoàng Urban VIII chủ trì lễ khánh thành. Quảng trường trước mặt nó xây dựng khoảng năm 1656 và năm 1667, tốc độ của nó nhanh hơn nhiều. Nó là kiệt tác của Bernini. Quảng trường có 284 cây cột kiểu Toskara, xếp thành bốn hàng, phía trên cột có tượng các sứ đồ. Trong giáo đường, Bernini tạo một số cái không phải là tất cả mọi người đều tán thưởng - khám vách làm bằng đồng to lớn, do cột quanh co uốn khúc cao đến 29 mét chống đỡ, giống như lọng che phía trên thánh đàn của giáo hoàng.

Nếu nhìn kỹ càng từ nóc đến nền giáo đường, từ trên ban công nối liền với tháp chỏm nóc tròn có thể ngắm nhìn La Mã từ xa, xuống dưới có thể đi đến phía dưới thánh đàn cao cao nhìn mộ huyệt khai quật phía dưới giáo đường Constantin trước đây. Nơi đây phát hiện một tấm bia kỷ niệm dường như chỉ rõ cho mọi người là phần mộ của Thánh Pierre, nhưng đến nay không có đủ chứng cớ về phương diện khảo cổ khẳng định hoặc phủ định điểm này.

Giáo đường Saint Pierre qui mô to lớn, bên trong trang sức hoa lệ, khiến cho một số du khách thấy nó khéo đẹp quá mức, do đó cảm thấy bị đè nén. Ấn tượng đầu tiên đi vào kiến trúc sâu đến 189 mét của giáo đường, quả thực có quá nhiều cái để bạn cảm thụ, không có khả năng lập tức thưởng thức được hết. Ngôi giáo đường lớn này, về chỉnh thể mà nói, sẽ khiến bạn tấm tắc ca ngợi.



Trang sức bên trong cực kỳ tinh xảo hoa lệ, có thể cạnh tranh vẻ đẹp với phong cách baroque.

Quảng trường hùng vĩ của nhà thờ Saint Pierre do Bernini xây dựng. Quảng trường này biểu hiện ánh sáng và sự tôn nghiêm của giáo đường chính Thiên chúa giáo La Mã, nóc tròn khổng lồ của nó là do Michelangelo thiết kế.



ÁO - CHỦ YẾU BẮT ĐẦU XÂY DỰNG TỪ 1533

HOFBURG

Trong trường dạy thuật cưỡi ngựa trang nhã của vương cung Habsburg, ngựa Lipiza màu trắng xếp hàng tiến lên.



So với nói Hofburg là một tòa cung điện, chi bằng nói nó là thể hỗn hợp kiến trúc các thứ phong cách, các thời kỳ từ thế kỷ 13 đến thế kỷ 19. Nó là nhà ở và cung đình của vương triều Habsburg, các hoàng đế đế quốc La Mã thần thánh và sau đó là những người thống trị đế quốc Áo Hung tại Vienna. Sân vườn này tiếp với sân vườn khác, mảng cánh bên này tiếp mảng cánh bên khác, quần thể kiến trúc khổng lồ rối loạn hỗn tạp, thành hình ảnh thu gọn của bản thân đế quốc Habsburg nghiêng ngả muốn đổ, nhưng nó lại chứa rất nhiều vật phẩm quý báu từ đàn piano của Beethoven, đến áo bào the mỏng, đồ trang sức trên đầu của hoàng đế Mexico Montezuma II, không có gì không có.

Một bộ phận của Hofburg được dùng làm công sở chính phủ, bộ phận còn lại thành viện bảo tàng, trưng bày vật quý giá mấy đời người vương triều Habsburg tích tụ lại. Nơi cổ xưa nhất trong cung là Skwilhof, đó là lấy tên đội cảnh vệ Thụy Sĩ trú đóng ở đây đặt tên. Nhưng vào năm 1533 sau khi Ferdinand I đem thành lũy này làm chỗ ở của ông, nó mới đích thực thành nơi thường trú của hoàng gia. Trong phòng của hoàng đế, bạn có thể nhìn thấy lò lửa để sưởi, nhà thiết triều và chỗ ở giản dị mộc mạc của hoàng đế Joseph Fachice. Vị hoàng đế này sau khi ở ngôi 80 năm qua đời năm 1916. Ông có một người vợ khó mà dò đoán nhưng lại khiến người điên đảo, hoàng hậu Elisabeth. Nơi đây có một gian phòng cho bà rèn luyện thân thể. Buổi sáng chủ nhật đội hợp xướng đồng nam Vienna nổi tiếng diễn xướng khúc Misa ở giáo đường nhỏ. Trong phòng chứa đồ quý báu của hoàng đế chứa một mũ miện khảm bảo thạch nghe đồn nguồn gốc có thể dõi ngược lên đến thế kỷ 10. Nơi đây còn có áo bào quan toàn lông dê trong truyện truyền kỳ và lễ phục, áo nhà tu giáo đường sang trọng, châu



Phía trước hoàng cung
"Xe ngựa của ngài còn đang đợi."



Ngựa hay ở trường dạy thuật cưỡi ngựa mẫu mực nhất trên thế giới, sải bước trang nghiêm đẹp đẽ, ở đây kỵ sĩ và ngựa cơ hồ cần luyện tập nhiều như nhau

báu và hộp thánh kế thừa được từ công tước Burgundi. Nơi đây còn có một cổ vật lớn Cơ đốc giáo: giáo thánh, nó vì từng dùng để đâm vào vùng lưng Jésus bị đóng đinh trên thập tự giá mà được lưu truyền.

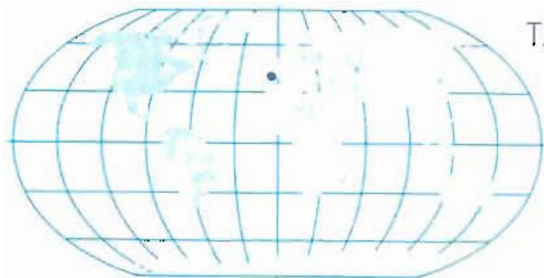
Trong mấy trăm năm, hoàng tộc Habsburg không ngừng mở rộng cung điện. Ferdinand I dựng một dãy nhà kiểu thời Phục Hưng rất đẹp nhưng sau đó làm chuồng ngựa. Một bộ phận của nó hiện nay trở thành hành lang tranh Emalianburg là chỗ ở của hoàng hậu Elisabeth khi ở Hofburg, bắt đầu xây dựng năm 1575, văn phòng của tổng thống Áo hiện nay là nhà dựng thế kỷ 17.

Thư viện đẹp xây dựng những năm 20 thế kỷ 18, chứa 9 vạn cuốn sách mà gia tộc có. Đại sảnh của nó có cột đẹp và có nóc vòm bích họa dùng phép vẽ thấu thị vẽ nên giàu cảm giác lập thể mà lại sát thực, cho nên được gọi là "Thánh điện của Sách". Sách vở thần học và pháp học đóng bìa xanh, trứ tác khoa học dùng bìa vàng, các sách vở khác dùng bìa đỏ. Trường dạy thuật cưỡi ngựa Tây Ban Nha nổi tiếng là một kiến trúc có cột tròn và đèn treo hình cành cây, nó xây xong vào năm 1753. Ngựa Lipiza màu trắng trình bày cách bước cổ kính trang nhã riêng có của nó.

Ở Albertina có số tác phẩm nghệ thuật hội họa bảo tàng lớn nhất thế giới, số lượng đến hơn 100 vạn tác phẩm. Bức tranh "Bàn tay cầu nguyện" của Durer cũng bảo tàng ở đây. Giáo đường Augustinakcu, giáo đường của giáo khu hoàng cung cũng ở gần đó. Vốn đó là một bộ phận của tu viện Hội thánh Augustine. Ở đấy, Marie Antoinette được coi là đại biểu cho vận xấu, lấy chồng sau là vua nước Pháp Louis XVI, Marie Louise lấy Napoléon.



Ở trước cửa cung ngoài, bia kỷ niệm hoàng tử Eugène cưỡi ngựa.



TÂY BAN NHA - XÂY DỰNG TỪ NĂM 1563 ĐẾN NĂM 1584

QUẦN THỂ KIẾN TRÚC ESCORIAL

Nghe nói trong quần thể kiến trúc này có hành lang dài 16km và gần 100 cầu thang, ở Tây Ban Nha được gọi là kỳ tích thứ tám của thế giới.



Tu viện và vương cung thông thường không dính dáng với nhau, một vị quốc vương trong chuyến đi có thể mời viện trưởng tu viện đến chiêu đãi, thành viên gia đình đế vương có thể vì linh hồn vĩnh hằng của ông ta bỏ tiền nhờ tăng lữ cầu nguyện cho ông ta, mà Filippo II của Tây Ban Nha lại lựa chọn sáng lập một nơi đồng thời là tu viện và vương cung, đó là quần thể kiến trúc Escorial.

Ngày 10 tháng 8 năm 1557 quân đội của Filippo đánh bại người Pháp ở Saint Contant thuộc Flanders. Ngày ấy là ngày có ý nghĩa - là ngày lễ tôn giáo Saint Lawrence. Điều khiến người không hiểu là giáo đường Saint Contant thờ Saint Lawrence trong chiến tranh bị phá hoại. Filippo là một tín đồ Cơ đốc giáo nhiệt thành, ông thể rằng phải để Saint Lawrence có một giáo đường mới. Nghe nói quần thể kiến trúc Escorial là thiết kế dựa theo mô hình giá gỗ của dàn hỏa thiêu bởi vì Saint Lawrence tử đạo trên dàn hỏa thiêu. Tu viện này sẽ thuộc về Hội Ẩn tu, họ là những người đi theo Saint Augustin và Saint Gérôme, nghe đồn họ sống trong trầm tư mặc tưởng và cầu nguyện.



Trên nóc nhà thư viện của Filippo là tranh vẽ lấy ngụ ngôn làm nội dung.

Escorial ở Tây Ban Nha được coi là kỳ tích thứ tám của thế giới về vẻ ngoài xem ra có phần giống đồn trại quan trọng. Bức tường vây quanh bên ngoài của kiến trúc kết cấu hình chữ nhật ấy dài 207 mét, rộng 153 mét, mặt chính quần thể kiến trúc giản dị sơ sài, đứng đắn cân đối, cái đó đối với một số người yêu chuộng thiên lệch nào đó mà nói là quá mộc mạc. Nhiều lần thử đếm số cửa và cửa sổ kết quả rút ra khó được nhất trí, nhưng con số này ước chừng là 1250 cửa và 2500 cửa sổ. Có hai kiến trúc sư chính tham gia công tác này Juan Batista ở Toledo năm 1559 chế định kế hoạch thứ nhất. Xem ra trong thiết kế ông lợi dụng kinh nghiệm xây dựng giáo đường San Peter ở La Mã. Sau khi Juan Batista chết, do Juan Herrera hoàn thành công trình này.

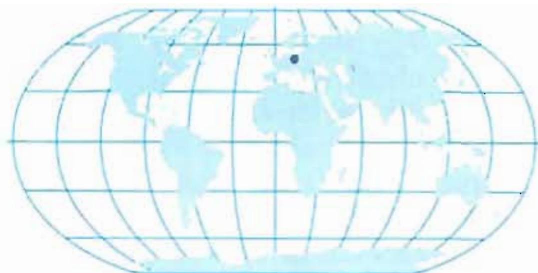
Escorial xây dựng từ năm

1563, năm 1584 xây xong. Bản thân quốc vương đối với sự tiến triển của nó biểu thị hứng thú rất tích cực. Nhà ở của hoàng gia mà thiết kế như vậy; quốc vương có thể từ gian phòng của ông trực tiếp vào giáo đường, mà vị quốc vương vừa già vừa bệnh này có thể từ giường của ông nhìn thấy thánh đàn cao cao. Cung điện của Filippo nối liền với đầu mút phía đông của giáo đường, nổi bật trên các bộ phận còn lại của quần thể kiến trúc, được gọi là chuỗi trên dàn hỏa thiêu Saint Lawrence. Người kế thừa Filippo đòi hỏi nhà ở xa hoa và rộng rãi, và không kiên trì việc nhìn thấy thánh đàn cao cao, cho nên dựng riêng cung thất ở mặt bắc giáo đường. Mặt nam của giáo đường là một ngôi nhà ba tầng lầu hành lang chạy quanh, vườn ở khoảng giữa được gọi là Vườn tác giả sách Phúc Âm, bởi vì trong sân vườn có tượng của họ.

Escorial vừa là tu viện vừa là vương cung, cho nên nó lại là vườn lăng của quốc vương Tây Ban Nha, tòa "Đền Vĩ nhân" này ở phía dưới thánh đàn cao lớn của giáo đường, mãi rất lâu sau khi Filippo chết mới xây xong. Trong hành lang dài phía trên cửa vào mặt tây Escorial có thư viện, đó lại là nơi Filippo sinh tiền nhìn thấy nó hoàn thành. Lượng lớn sách và bản thảo có giá trị được chứa giữ trong gian phòng này, trang sức bằng những bức tranh lấy ngụ ý về các mặt triết học, thần học, âm nhạc và hình học làm chủ đề.



Phần trước đầu phía nam của quần thể kiến trúc Escorial. Nó dùng đá hoa cương vàng xám xây thành. Bề ngoài giản dị, có lầu tháp chỏm nhọn, nó thể hiện khí chất cẩn trọng, giản phác của Filippo II, nghe nói nó có 2500 cửa sổ, nhưng nhiều lần tính đếm kết quả đều không nhất trí.



TIỆP KHẮC - XÂY DỰNG CUỐI THẾ KỶ 16

NGÕ VÀNG

Nhà ở đây giống như của người lùn ở, giống như là xưởng thủ công của người lùn cần mẫn.



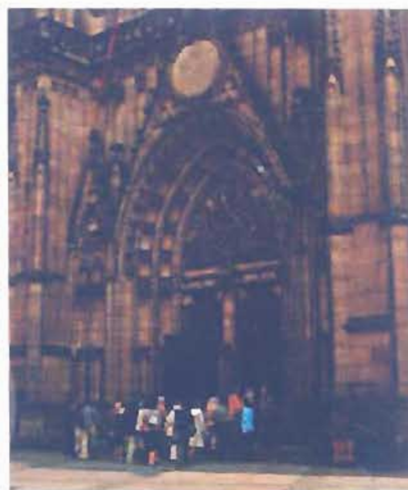
Ngõ Vàng vốn được gọi là phố của thuật sĩ luyện kim. Đó là một phố nhỏ đá tròn nhỏ hẹp, dựa sát vào bờ thành lũy Heradekni. Nhà cửa thấp nhỏ trên phố xem ra giống như nhà trong đồng thoại của anh em Grimm. Những nhà này mang màu sắc tranh bột màu, có tường cửa nho nhỏ và nóc nhà thấp lùn, còn có ống khói xem ra dường như quá nhiều. Tất cả những cái đó đều có hiệu quả ma thuật.

Những năm 90 thế kỷ 16, thời Rudolph II, lúc bấy giờ đại bộ phận thời gian của vương triều Habsburg ở tại Prague. Những nhà này do vệ binh của thành lũy ở. Về sau nơi đây thợ vàng đến tụ tập, do đó lưu hành một truyền thuyết như thế này: hoàng đế đem thuật sĩ luyện kim của ông an trí ở đây, để họ quây quanh lò nấu và dụng cụ chưng cất luyện ra vàng và thuốc trường sinh bất lão. Do bởi Rudolph II đúng là có hứng thú nồng nàn đối với thuật luyện kim, điều đó tăng thêm độ tin cậy của truyền thuyết.

Một đầu của phố là lầu tháp Dariboka. Lúc mới xây dựng năm 1496, đó vốn là một nhà giam. Theo lời đồn, nhà giam lấy tên tù phạm đầu tiên của nó, một thanh niên tên Kozojeda Dalibo mà đặt tên. Tội trạng của y là cùng nông dân đứng lên phản kháng địa chủ bản địa. Dù xiềng xích trên người, anh học kéo viôlôngxen. Diễn tấu của anh rất hay, khiến người ta thường dừng chân lắng nghe. Cuối cùng có một hôm người ta đợi mãi không thấy tiếng đàn của Dalibo, từ đó Dalibo và tiếng đàn của anh vĩnh viễn biến mất. Vở ca kịch "Dalibo" của nhạc sĩ sáng tác Tiệp Khắc thế kỷ 19 Edrich Smetana viết là lấy câu chuyện đó làm nền.

Franz Kafka, tác giả "Lâu đài" và một số tác phẩm mang không khí thần bí nồng đậm là sử dụng thủ pháp biểu hiện chủ nghĩa mà nổi tiếng, ông từng ở Ngõ Vàng mấy tháng từ tháng 11 năm 1916 đến tháng 3 năm 1917 người chị Otera có tình cảm rất sâu với Kafka giúp ông thuê ngôi nhà số 22, ông ở đây viết rất nhiều truyện, sau đó được đưa vào tập truyện "Một thầy thuốc nông thôn" và xuất bản năm 1919. Kafka ở Ngõ Vàng sống được rất vui vẻ, ông thường thường đêm khuya tản bộ dọc theo đường phố rất dốc vòng quanh thành lũy.

Prague được nhất trí thừa nhận là một trong những thành phố động lòng người nhất trên thế giới. Nó tọa lạc ở bờ sông Vitava, bờ phía tây sông nổi lên quần thể kiến trúc kiểu



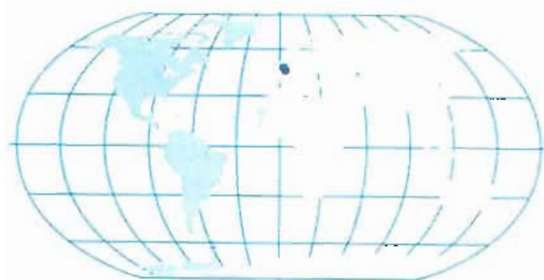
Chỗ vào cửa chủ yếu của giáo đường Saint Vartas của quần thể kiến trúc cung Heradekni

cung điện thành lũy Heradekni đứng sừng sững trên vùng đất cao chót vót. Thời gian dài đó là nhà ở của bọn thống trị Bohemia (nay là Sec), hiện giờ là phủ tổng thống.

Thành lũy khi mới xây dựng thế kỷ thứ 9 là kết cấu gỗ. Hồi thế kỷ 12 dùng đá xây dựng lại. Đến năm 1355, quốc vương Bohemia Richard IV chịu lễ đăng quang ở La Mã, sau khi thành hoàng đế đế quốc La Mã, Prague thành thủ đô của đế quốc La Mã thần thánh, lúc đó thành lũy lại xây dựng lại một lần nữa. Trong mấy thế kỷ sau đó, còn có mấy lần sửa sang và xây dựng lại, đến thế kỷ 18, hàng đầu phía tây của quần thể kiến trúc xây dựng cung mới cho hoàng hậu. Những gian phòng nổi tiếng trong cung cũ bao gồm phòng Frakislav và phòng gương kiểu Versailles. Giáo đường Saint Vatas là do Charles IV xây dựng và vào năm 1877 đến năm 1929 tiến hành mở rộng. Lầu tháp và chỏm tháp của nó nhìn xuống toàn thể quần thể kiến trúc. Trong giáo đường lớn có giáo đường nhỏ Saint Venceslaws, chứa tranh và châu báu quý giá. Bởi chỏm tháp chính của giáo đường cao tới mây xanh, cho nên nó là giáo đường lớn nhất quan trọng nhất của Prague, đây cũng là nơi an táng vua các đời Tiệp Khắc và vợ của họ. Trong số họ có Richard IV, Ferdinand I, Maximilian II. Trong giáo đường vẫn bảo tồn quan tài vỏ sắt của Rudorf II.



Theo lời đồn, Rudolph II để những thuật sĩ luyện kim của ông ở trong những ngôi nhà thấp này, một số lớn phương sĩ làm thí nghiệm đêm ngày để chế tạo đá điểm vàng.



PHÁP - BẮT ĐẦU XÂY DỰNG NĂM 1661

CUNG VERSAILLES

Từng có rất nhiều cố gắng mô phỏng cung Versailles, nhưng cho đến nay nó vẫn là sáng tạo của Louis XIV không có cách nào mô phỏng: cung điện của Vua Mặt trời.



Versailles là nơi cách Paris không đến 24km, Louis XIII chọn địa điểm này xây dựng một trang viên quy mô không lớn để làm nơi săn bắn. Con trai ông Louis XIV cũng thích săn bắn, nhưng đối với mảnh đất này lại có kế hoạch càng dầy công hơn. Ông đối với cung điện hiện có đều cảm thấy không hài lòng (kể cả điện Louvres và điện Tuileries), bởi vậy vào năm 1660 quyết định mở Versailles làm cấm điện của hoàng gia khổng lồ. Vương cung mới về bất kỳ phương diện nào đều có thể dung nạp được toàn thể triều đình nước Pháp.

Louis XIV chết năm 1715. Louis XV mời kiến trúc sư Gabriel bắt tay vào tiến một bước xây dựng công trình, bao gồm xây dựng một nhà hát ca kịch và cung Trianon. Thời Louis XVI lại xây thêm thư viện đẹp đẽ. Marie Antoinette chiếm dụng cung Trianon. Nhưng hiện thực sắp ùa vào cung điện kiểu sân khấu. Tháng 10 năm 1789 Cách mạng Pháp tràn tới Versailles, cung điện bị chiếm đóng.



Trên cổng lớn trang sức chim ưng và mũ miện đại biểu cho huy hiệu hoàng gia, khiến người thể nghiệm trước được sự tráng lệ của phía bên trong cửa.

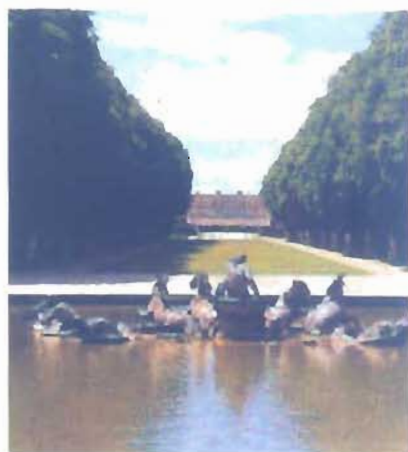
Công trình bắt đầu vào năm 1661, Louis XIV trong hai năm tiêu số vốn lớn, dẫn tới sự kháng nghị cực độ đau khổ của bộ môn tài chính. Sự thực công trình tiếp tục kéo dài mấy chục năm, động dụng mấy vạn công nhân, vốn hao tổn không ngừng tăng thêm. Kiến trúc sư ban đầu là Louis Le Vau, sau đó do Mardouin thay thế, ông làm việc xây dựng Versailles lâu tới 30 năm, André Lenôtre phụ trách vườn rừng. Do thiết lế hoa viên rộng lớn của ông vượt quá trang viên cũ rất nhiều, lúc đó mới quyết định xây dựng nó thành một cung điện cực kỳ sang trọng.

Hoa viên trang sức bằng vô số suối phun nước, tượng điêu khắc và hang động núi non bộ của cung Versailles trong mấy năm đầu Vua Mặt trời ở ngôi trở thành nơi hấp dẫn tầng lớp quý tộc Paris. Vào năm 1664, năm 1668 và năm 1674 lại thành bối cảnh phô trương diễn xuất văn nghệ hào hoa và ca kịch kinh điển do Lully sáng tác và kịch Molière, Racine. Từ trên ý nghĩa nào đó mà nói, toàn thể nơi này giống như một bối cảnh sân khấu. Truyền thống này truyền cho người kế thừa Louis XIV, đặc biệt là Marie Antoinette, bà ta xây dựng nhà hát của mình trong cung, lại xây dựng một thôn trang nhỏ có cảnh điền viên, bên trong chứa sẵn một số người chăn nuôi và nông dân, như vậy bà ta và bè bạn của bà ta có thể đóng giả làm nông

dân vui đùa.

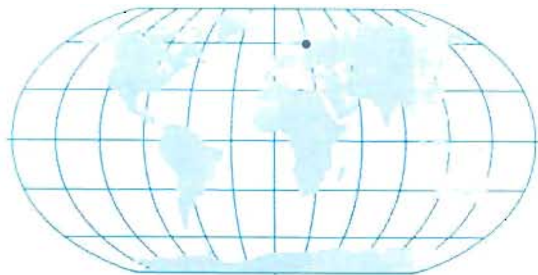
Hoa viên cung Versailles chiếm 101 hecta, có rất nhiều cảnh sắc nhân tạo, trường sở tản bộ và vườn hoa, còn có một con kênh lớn và "Venise" nhỏ của nó. Hoa viên của bản thân cung điện đã khiến người giật mình kinh ngạc, mặt chính của hoa viên dài 640 mét, khoảng giữa có phòng gương, đó là một hành lang dài 72 mét, rộng 10,6 mét, cao 12,8 mét. 17 cửa sổ cúi nhìn xuống hoa viên, trên tường đối diện lắp gương lớn đối nhau. Nơi đây có tranh của Lebrun vẽ, đều là chiều nịnh Louis XIV thống trị khoảng năm 1661 đến 1678.

Những nghệ thuật ca tụng quốc vương này tăng thêm vòng hào quang của ngôi vua, đó là điều Louis XIV cố ý muốn tìm kiếm. Năm 1682 cung Versailles thành nơi ở dài ngày của Louis XIV, toàn thể triều đình Pháp không lâu thành lập ở đây. Trình tự phiền phức được đặt ra, quy định lễ nghi tinh tế được tuân theo. Nếu được quốc vương sủng ái thì có hy vọng lên cao, bởi thế kẻ nịnh nọt ôm hy vọng, chờ đợi được nhà vua tiếp kiến buổi sáng sớm hay trước khi đi ngủ ban đêm, nhưng có khi hy vọng như vậy không được như nguyện.



Apollon cưỡi xe Mặt trời từ ao nước của đình viện vọt ra

Chính như sự đồ sộ và tráng lệ của cung Versailles thể hiện quyền lực và sự cao sang của hoàng đế; phong cách kiểu cổ điển và sự cân đối về kiến trúc của nó là để biểu hiện một thứ hài hòa với uy nghiêm của nước Pháp thời Louis XIV



NGA - BẮT ĐẦU XÂY DỰNG NĂM 1714

PETERHOF

Suối phun nước và thác nước nhân tạo của cung Peterhof hoàng gia Nga ở ngoại ô Saint Petersburg (từng mang tên là Leningrad) khiến người hoa mắt



Peter đại đế vào năm 1703 coi Saint Petersburg là thủ đô mới của ông. Do ông là một người có khuynh hướng Tây Phương kiên định mạnh mẽ, ông bắt tay vào xây dựng ở ngoại thành một kiến trúc có thể so sánh với cung Versailles. Ông đích thân quy hoạch bố cục, huy động quân đội và nông nô đến đào đường nước ngòi rãnh cho một loạt suối phun nước và thác nước nhân tạo khiến người hoa mắt. Những suối phun nước này mỗi giây cần 34095 lít nước.

Trong hoa viên 21 hecta này có rất nhiều thác và suối phun nước, trong đó có một số đặt thiết kế phun nước không định giờ, tưới cho những du khách không chuẩn bị ướt như chuột lột. Thác lớn nhất trong số đó nó từ bảy bậc thềm rất rộng dần dần thấp xuống, mé tây mỗi bậc thềm đều có suối phun phun nước và tượng thần cổ điển, tượng anh hùng thếp vàng. Anh hùng Samson trong "Cựu ước" được bố trí trên ao nước khổng lồ, banh miệng một con sư tử ra, trong miệng sư tử có một cột nước phun lên không trung, cao đến 20 mét. Chung quanh hoa nước lóng lánh bắn vọt, còn có giả sơn, lợn biển, thủy tiên nữ, Thần Biển mình người đuôi cá Poséidon đang thổi kèn hiệu vui chơi điên cuồng. Ngày Thánh Samson ở Poltava năm 1709, vừa khéo là ngày vui mừng nước Nga đánh thắng "sư tử" Thụy Điển.

Quần thể kiến trúc cung điện và hoa viên ở Peterhof vào thời kỳ hai cuộc đại chiến bị phá hoại nghiêm trọng, sau năm 1945 lại sửa sang phục hồi rất tráng lệ. Tiếp liền với phía sau thác nước là cung Peterhof. Nó tọa lạc trên một mô đất bằng, cúi nhìn xuống vịnh Phần Lan, Petersburg ở cạnh vịnh Phần Lan biển Polo. Cung Peterhof bắt đầu từ năm 1714 xây dựng cho Peter đại đế, sau đó lại mở rộng và cải tạo rất lớn cho con gái ông, nữ hoàng Elizabeth, về sau mỗi vị Sa hoàng đều có sửa sang lại nơi này. Trong số họ có một vị nữ hoàng Ekaterina, khi bà ở đây, phát động thành công một cuộc chính biến, lật đổ người chồng bất hòa với bà Peter III và lên ngôi vua.

Chỗ ở của Peter đại đế có thư phòng vách ván gỗ cao su, hiện nay đã được trùng tu, một số gian phòng khác dùng vàng thếp, thủy tinh và đồng xanh trang sức rất hoa lệ huy hoàng, có một số gian phòng hoàng tộc cư trú dùng gấm đoạn màu lục hoặc màu trắng trang sức. Phòng tranh chân dung bày hơn 350 bức tranh chân dung.

Trong sân vườn phía ngoài có một số vật kiến trúc nhỏ hơn, trong đó bao gồm Marbre ở bờ biển Gerf. Khi cung Peterhof đang xây dựng, Peter đại đế ở nơi này, nó xây xong năm 1722, nhưng cũng từng mở rộng cho nữ hoàng Elizabeth. Nhà sơn trên thực tế là xây dựng lại với mức độ siêu cấp, bên trong bày tranh sơn nền giấy, bên trên dùng chữ vàng kim trên nền đen vẽ phong cảnh Trung Quốc. Trong các gian phòng thời đại Peter đại đế treo các thứ quy định mà khách của ông phải tuân thủ, trong đó có một điều cấm chỉ đi giày cưỡi ngựa lên giường. Gác chứa của quý lạ cũng xây

dựng cho Peter đại đế, đặt nó ở lầu hai của đình các dùng bữa. Một bộ phận bàn ăn có thể hạ xuống đến tầng trệt do người hầu lau chùi sạch sẽ bày lại chén dĩa.

Vào giai đoạn bắt đầu xây dựng cung Peterhof, kiến trúc sư sân vườn hàng đầu của Peter đại đế là người Pháp Alexandre Leblond, người được nữ hoàng Elizabeth thuê dùng là kiến trúc sư cung đình Italia Bartolommeo Rastrelli. J. J. Verdon những năm 70 thế kỷ 18 trang sức lại rất nhiều gian phòng cho nữ hoàng Catherine Nicolas I vào thế kỷ 19 mở rộng công viên.

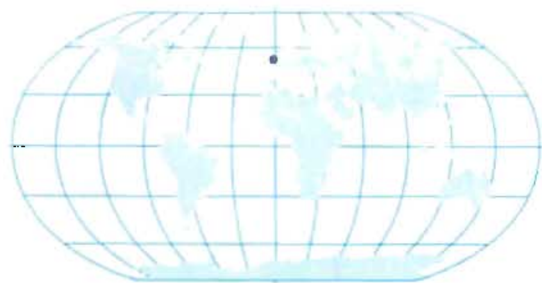


Từ trong cung nhìn ra, thác lớn tiếp với hồ nhân tạo. Bên sông bố trí suối phun nước. Phía xa là vịnh Phần Lan.

Trung tâm cảnh nước của Peterhof, Samson đang banh miệng sư tử. Bối cảnh là Peterhop.

ANH - XÂY DỰNG NĂM 1779

CẦU SẮT LỚN



Một kết cấu hình vòm, khẩu độ 30,48 mét, cao 15,87 mét rộng 5,48 mét, toàn bộ đúc bằng sắt, nặng vài trăm tấn, tôi ngờ rằng tượng người khổng lồ đảo Rhodes không biết có nặng bằng nó không.

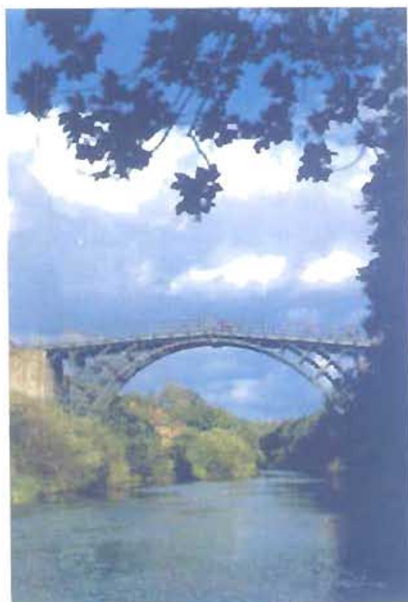
John Wesly



Coi là kiến trúc thứ nhất trong số kiến trúc còn cùng loại trên thế giới, cầu sắt lớn Colbruckder trên sông Severn nước Anh có một thứ cân xứng và trang nhã cổ điển hoàn toàn thích hợp với thế kỷ 18, nhưng nó dự báo sự vật sắp sửa xuất hiện. Đó là công trình giàu óc tổ chức vào hồi bấy giờ. Nó là một bài tụng ca ca ngợi kỹ thuật và dũng khí của những thương nhân chế tạo đồ sắt cấu tứ thiết kế chiếc cầu lớn này.

Thomas Fano Berrycart đến từ Shrewsbury là một kiến trúc sư kiêm nhà thiết kế cầu. Năm 1773 ông đề xuất với người ủy thác của ông, John Wilkinston, công trình này, Wilkinston ở bản địa và Willes đều có xưởng sắt, ông là người tôn sùng đồ sắt, biệt hiệu là "người điên về đồ sắt" Willes. Ông đầu đội một chiếc mũ sắt, tạo loạt thuyền sắt đầu tiên, đặt trong một cỗ quan tài sắt, trước mộ có một tấm bia kỷ niệm hình vuông chế bằng sắt kỷ niệm ông. Kế hoạch ông giúp đỡ bắt đầu thực thi. Trùm về nghề đồ sắt Colbruckder trẻ tuổi Abraham cũng tham gia vào việc này, những người hợp sức quan trọng khác có Sir Edouard Blackwill, về sau thành một trong những người sáng lập xưởng đồ sứ Conpott. Còn có hai vị trong gia tộc Gester, họ về sau sáng lập công xưởng sắt nổi tiếng ở Merthyr-Tydfil.

Sau vài lần chủ trì thất bại, xưởng Daber vào năm 1777 bắt đầu đúc dấu kiện sườn vòm cầu và mặt cầu. Mỗi thanh vòm cầu chủ yếu nặng đến 5,1 tấn, cầu rõ ràng là Berrycart thiết kế, ít năm sau đó qua đời, nhưng cây cầu này cũng như vậy, thậm chí quy công càng nhiều hơn cho kỹ thuật và kinh nghiệm của Daber và người dưới quyền của ông ta. Cây cầu này giống như kết cấu gỗ, là chế sẵn rồi sau mới tiến hành lắp ghép, dùng đầu nối và nêm móc vào với nhau, mà không phải là nối liền. Năm 1779 do tình huống giao thông trên cầu không ngừng lại nửa chừng, tốn thời gian mấy tháng đem cầu dựng lên. Đường trên bộ còn cần xây dựng mặt cầu và lắp đặt, cuối cùng cầu lớn vào ngày đầu năm 1781 thông xe.



Dưới tình huống thuyền qua lại không ngừng trên sông Severn, năm 1779 tốn thời gian vài tháng, đặt thành công cây cầu đã đúc sẵn.

Cây cầu đẹp đẽ này khẩu độ là 30,6 mét, trọng lượng hơi cao hơn 384 tấn, nó không chỉ là dẫn tới hứng thú rất lớn và hiếu kỳ cho người thời bấy giờ, hiện nay vẫn là như vậy, người ta đều đến xem nó, họa sĩ vẽ

nó; nó cũng là quảng cáo có sức mạnh cho thương nhân chế tạo đồ sắt và kỹ thuật mới của họ.

Đầu mút phía bắc đầu xuất hiện một cái chợ một tuần họp một phiên cho đến hiện nay, mỗi thứ sáu đều rất sầm uất. Một thị trấn nhỏ tên là thị trấn Cầu Sắt phát triển lên. Năm 1795 cầu lớn trải qua một cơn nước lũ đáng sợ trên sông Severn mà không tổn thương chút nào, trừ cầu sắt ra, tất cả các cầu đá khác trên sông đều bị phá hoại, sự kiện này để lại ấn tượng sâu sắc cho người ta, do đó công xưởng Colbruckder bắt đầu nhận được càng nhiều đơn đặt hàng cầu sắt.

Những năm 70 thế kỷ 20 tiến hành sửa sang cầu lớn. Hiện nay thành vật triển lãm trung tâm của quần thể viện bảo tàng cầu sắt Georges, quần thể viện bảo tàng này cũng là nhà triển lãm về truyền thống công nghiệp thế giới, nó bao gồm cả viện bảo tàng đồ sắt Colbruckder. Ở viện bảo tàng đồ sứ của xưởng Zikreven Dunnil, và một thị trấn nhỏ công nghiệp Brit Hill xây dựng lại những năm 90 thế kỷ 19, vật triển lãm hấp dẫn người có lò nấu luyện sắt bằng than cốc của Abraham Daber I, sau đó trải qua cải tạo dùng đúc bộ phận của cầu sắt lớn, còn có nhiều lớp mặt phẳng nghiêng trên sông đào Shropucon được dùng để chuyển thuyền xuống sông đào.



Cầu sắt lớn là một trong những di tích cổ công nghiệp nổi tiếng nhất của Anh. Nó là sản vật của kỹ thuật và kinh nghiệm của nhà chế tạo đồ sắt Daber ở Colbruckder.

THỜI ĐẠI ĐỒ SẮT

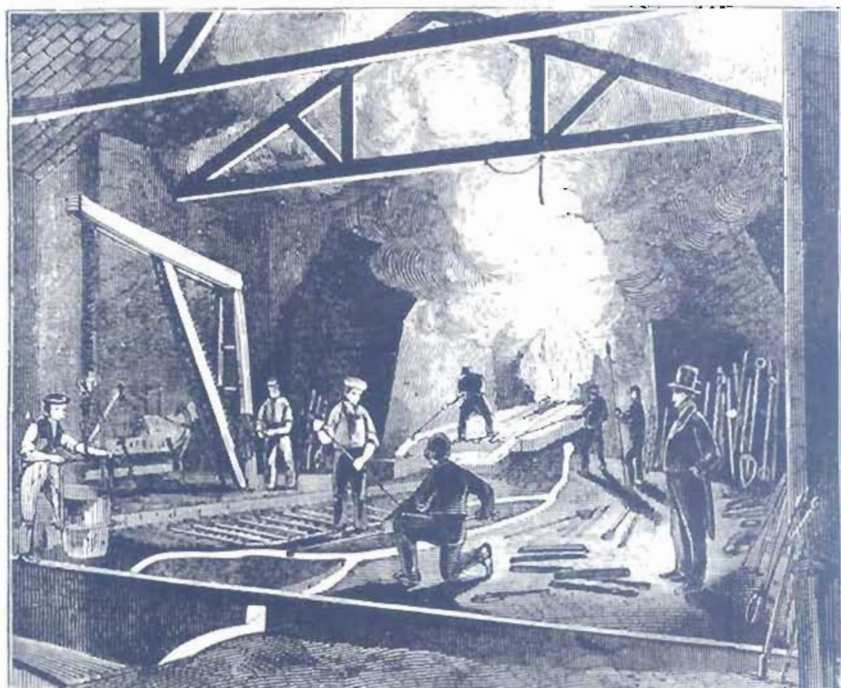
Cách mạng công nghiệp mang lại đường sắt, cầu sắt, vật kiến trúc chế bằng sắt và nhà máy lấy sắt làm vật liệu chủ yếu

Thời đại đồ sắt đầu tiên bắt đầu từ niên đại tiền sử xa xăm chưa biết. Lúc đó loài người đã biết cách làm thế nào đem quặng mỏ sắt dưới đất luyện thành sắt và chế thành vũ khí và công cụ sắt đó ưu thế hơn các chế phẩm khác. Ở Châu Âu, mấy trăm năm nay, dùng bễ nhân tạo thay thế sức vật hoặc sức người kéo, trong lò đốt than đem quặng sắt luyện thành sắt chín.

Nước Pháp vào khoảng năm 1400 đưa vào lò cao quạt gió, cái đó khiến có khả năng đem quặng sắt luyện thành sắt đúc đại quy mô. Bễ do xe nước thúc đẩy, sắt nấu chảy được rót vào trong khuôn mẫu. Những khuôn mẫu này giống như con lợn mẹ mang đàn lợn con của nó, bởi thế sắt sản xuất ra như vậy được gọi là "sắt lợn" (pigiron). Lúc bấy giờ nhà máy sắt chỉ có thể đặt gần nơi có mỏ sắt, có rừng cây có thể cung cấp than đốt và có nguồn thủy lực.

NGÀY NGÀY ĐÊM ĐÊM

Thời đại đồ sắt thứ hai bắt đầu vào năm 1709 ở Anh quốc. Lúc đó Abraham Derby phát minh dùng than cốc thay than gỗ để luyện sắt. Nó mang lại cho công nghiệp nhiên liệu mới, hữu hiệu hơn, nhưng vẫn phải dựa vào nguồn thủy lực không ổn định để cung cấp động lực. Cứu tinh xuất hiện, đó là hơi nước.



Nhà máy sắt Batley thời đại sắt và máy hơi nước trước đây.

Cỗ máy hơi nước thành công đầu tiên do Thomas Newcomen phát minh. Ông là một thương nhân ngũ kim nhỏ ở quận Devon. Năm 1712 ông lắp một cỗ máy hơi nước cho mỏ than Dadly khu vực miền trung nước Anh rút nước từ trong tầng mỏ ra, công suất của nó ước chừng hơn năm mã lực. Sau đó máy hơi nước lớn hơn tốt hơn nhanh chóng được nghiên cứu chế tạo. Trong số đó cái nổi tiếng nhất là một cỗ máy hơi nước do James Watt phát minh. Nó là máy hơi nước có thể chuyển động trục, cũng tức là máy móc thúc đẩy.

Đồng thời công nghiệp dệt cũng bởi phát minh máy dệt mà tiến hành một cuộc cách mạng. Công nghiệp dệt trước đây là có công nhân kỹ thuật làm việc bằng tay ở nhà, hiện giờ trở thành không cần thiết, công việc giản đơn về kỹ thuật; do thợ nam, thợ nữ bình thường thậm chí thợ trẻ em làm trên tuyến sản xuất của nhà máy dệt là được. Như vậy thời đại nhà máy đã đến. Năm 1771, trùm công nghiệp dệt Richard Akwright (ông từng làm thợ cắt tóc ở Lankshire) mở một nhà máy dệt Cromford ở quận

Derby. Máy dệt trong xưởng của ông suốt ngày suốt đêm vang lên không ngừng. Thợ nữ và thợ trẻ em làm việc một tuần sáu ngày. Mỗi ngày 12 tiếng đồng hồ luân chuyển hết ca này đến ca khác làm việc.

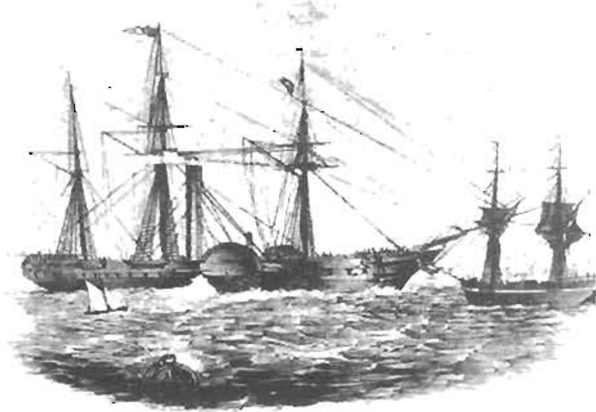
Nhà máy của Akwright vẫn dùng bánh xe nước làm chuyển động, nhưng không lâu ở phân xưởng đúc mỏ than và trong nhà máy đều dùng máy hơi nước, điều đó khiến nước Anh thành trung tâm công nghiệp của thế giới. Nếu nói máy hơi nước là động lực thúc đẩy cách mạng công nghiệp, thế thì sắt và vật phát sinh của nó - thép - là kim loại then chốt của cách mạng công nghiệp. Máy hơi nước thúc đẩy xe lửa chế bằng sắt kéo còi chấn động trên đường rầy rầm thét chạy qua. Bởi có đường sắt, khiến thông tin, mậu dịch và tốc độ vận chuyển sản phẩm nhà máy đại quy mô sản xuất ra đạt tới mức trước chưa từng có. Công trình sư đường sắt vĩ đại nhất Isambard Kingdom Brunel quyết tâm xây dựng một tàu thủy vượt đại dương do máy hơi nước thúc đẩy tốc độ trước chưa từng có, để đưa vận chuyển đường sắt của ông từ Luân Đôn đến Bristol vươn dài đến New York. Ông chế ở Bristol chiếc tàu mang tên "SS Great Britain", ngày nay vẫn có thể nhìn thấy nó trên bến tàu, tiếp đó Brunel thiết kế tàu nhanh viễn dương quy mô càng hùng vĩ.

Vào thế kỷ 19, các công trình sư thay thế tác dụng của các kiến trúc sư, thiết kế các loại các dạng kiến trúc quan trọng, nhà máy, kho xe, bến tàu, đường sắt, tất cả những cái đó đều cần dùng sắt. Cầu sắt đã bắc trước đây không có cách nào bắc qua eo biển. Khẩu độ của nóc vòm sắt ga xe lửa cũng là cái mà trước đây không thể đạt tới được. Năm 1851 xây dựng cho hội chợ lớn Luân Đôn một "thủy tinh cung". Đó là vật kiến trúc lớn nhất người ta nhìn thấy lúc bấy giờ. Nó tạo bằng vật kiện chế sẵn sắt và pha lê. Giống như thép sắt Eiffel ở Paris thể hiện ra: xà chữ "nhị" chế bằng sắt cung cấp bộ khung cho kiến trúc càng ngày càng cao.

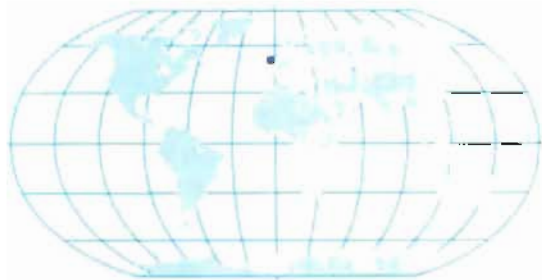
TRONG NƯỚC VÀ NGOÀI NƯỚC

Đời sống bên trong nước Anh cũng xảy ra biến đổi. Trong nhà có lò nấu cơm chế bằng sắt, nồi sắt và nồi đáy bằng, bệ lò, bàn, giá áo mũ, ghế tựa trong vườn, vật trang sức, lọ hoa, hòm thư, khí cụ gọt giày và bục cửa sổ cũng đều dùng sắt chế tạo. Trên phố chỗ nào cũng có thể thấy cửa, thanh vòm, mốc chỉ đường, đồ dùng uống nước, chuồng ngựa và lan can thấp che chở cho hoa chế bằng sắt. Trong mộ địa giáo đường bắt đầu xuất hiện bia mộ chế bằng sắt. Biển quảng cáo sắt tráng men sứ bắt đầu xuất hiện bên cạnh nhà và trên tường ga xe lửa.

Trước năm 1850, thời đại đồ sắt đã từ Anh quốc lan rộng đến các quốc gia khác. Đến năm 1809 khe núi Rhur nước Đức có nhà máy dùng máy hơi nước làm động lực, nơi này về sau thành một trong những khu công nghiệp chủ yếu của thế giới. Khu mỏ than nước Pháp và Bỉ, và bờ biển phía đông nước Mỹ nối nhau thực hành công nghiệp hóa. Đường sắt xe lửa máy hơi nước tiến vào đại lục Châu Âu, tàu thủy máy hơi nước tiến vào các đại dương trên thế giới. Năm 1869, Mỹ đem nối liền đường sắt liên hợp Thái Bình Dương bắt đầu từ miền đông với đường sắt Thái Bình Dương bắt đầu từ California, xây dựng thành đường sắt xuyên ngang đại lục đầu tiên. Lúc đó giai đoạn mới của cách mạng công nghiệp lấy sắt thép làm cơ sở, bắt đầu từ Đức và nước Mỹ.



Tàu thủy một nửa dùng máy hơi nước, một nửa dùng buồm thúc đẩy



ANH - XÂY DỰNG NĂM 1824 ĐẾN NĂM 1828

WINDSORBURG

Thành lũy có màu sắc lãng mạn nhất thế giới
Samuel Pepys



9 thế kỷ nay, Windsorburg vẫn là biệt thự thôn quê chủ yếu của hoàng gia Anh quốc. Nó sừng sững hùng vĩ trên bờ sông Thames, do rất nhiều vật kiến trúc kiểu tháp canh, ụ trên tường thành, chòi gác ở góc trên các thành khí thế hùng vĩ tổ chức thành. Dáng dấp ngày nay của Windsorburg quy công cho kiến trúc sư Sir Jeffrey Wyattvere. Vào những năm 20 thế kỷ 19, ông xây dựng lại thành lũy cho George IV mục đích là để mang lại ấn tượng sâu sắc về hoàng gia Trung thế kỷ. Mục đích của ông hoàn toàn đạt được. Từ đó về sau Windsorburg không tiến hành sửa đổi quan trọng nào nữa.

Mục đích thứ yếu của Georges là muốn bảo hộ mình bớt bị quấy nhiễu. Ở thời kỳ cha ông Georges III, người ta ít nhiều có thể đi lại chung quanh thành lũy Windsor chăm chú nhìn thành viên hoàng gia, tản bộ trên ban công, còn có thể thả diều trong sân vườn.

Lịch sử của thành lũy có thể dõi ngược lên Anh hoàng William I hồi thế kỷ XI. Ông xây dựng ở trên sườn núi bên sông Thames một đồn trại quan trọng bằng gỗ, dùng để khống chế đường thông từ mạn tây đi vào Luân Đôn. Thế kỷ 12, thành lũy dùng đá xây dựng lại, đến thế kỷ 13 lại xây dựng lại lần nữa. Thế kỷ 14, Edouard III ra đời ở đất này lại lần nữa xây dựng Windsorburg. Đến thế kỷ 17, thành lũy lại lần nữa đại tu toàn diện cho Charles III.

Dù đã có nhiều lần xây dựng lại, hình dáng cơ bản của thành lũy không thay đổi. Chính giữa là tháp tròn lầu chính của thành lũy được Wyattvere nâng cao thêm. Hai bên của tháp tròn, mỗi bên có một cái sân, chung quanh là tường phòng vệ. Sân mặt đông gọi là Khu Trên, sân phía tây gọi là Khu Dưới. Dãy phòng riêng của nữ hoàng đương kim Elizabeth ở Khu Trên mặt đông, không mở ra cho người ngoài vào xem.

Mặt bắc là dãy phòng của nhà nước, chỉ mở cửa cho người ngoài vào xem khi không có nữ hoàng ở. Những phòng này



Windsorburg nhìn từ sân vườn rộng rãi của công viên Windsor. Bên phải là tháp tròn. Kiến trúc sư Jeffrey Wyattvere năm 1828 được phong tước Sir, được ân tứ suốt đời sống trong Windsorburg.



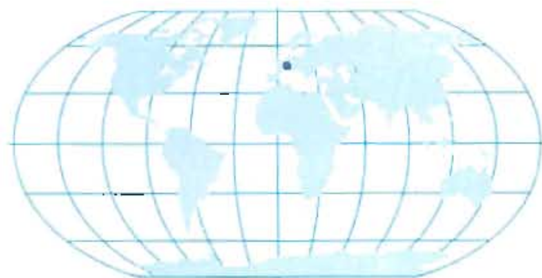
Vệ binh mặc chế phục đẹp đang trực ban.

dùng để chiêu đãi khách quý để mang lại ấn tượng sâu sắc cho họ. Trong nhà có tranh nổi tiếng, đồ dùng trong nhà và châu báu, trong đó bao gồm khôi giáp của Henri VIII và viên đạn bắn chết Norton. Cầu thang chính mang lại cho người ta ấn tượng sâu sắc là xây dựng cho nữ hoàng Victoria. Đầu phía trên của cầu thang là tượng Georges IV do Sir Francis Chantry chế tác. Đại đa số gian phòng đều là Wyattvere thiết kế cho Georges IV, nhưng trong đó có ba gian là Richard II thiết kế, hiện nay vẫn bảo tồn hoàn hảo.

Nhà Búp Bê nổi tiếng dựa gần chỗ cửa ra của dãy phòng nhà nước, là do Edouard Loudins xây dựng năm 1923, trong đó bảo tàng các thứ búp bê dâng cho nữ hoàng Mary, nó tổng cộng có 40 gian phòng, trong 5 nhà tắm đều có nước lạnh nóng, còn có thang máy làm việc và đèn điện. Trang hoàng và bố trí ngôi nhà nhỏ đều do bàn tay những thợ khéo giỏi hồi bấy giờ.

Kiến trúc chủ yếu trong Khu Dưới là giáo đường nhỏ Saint Georges. Rất nhiều vua mai táng ở đây, trong đó có Henri VIII, Richard I và Georges IV. Loudins thiết kế lăng mộ cho Georges V và nữ hoàng Mary.

Giáo đường kỷ niệm Albert được nữ hoàng Victoria đổi dựng thành nhà kỷ niệm người chồng thân yêu của bà, hoàng thân Albert. Ông chết năm 1861 ở Windsor. Nữ hoàng Victoria và hoàng thân Albert mai táng trong vườn lăng hoàng gia mỹ lệ của sân giáo đường.



ĐỨC - XÂY DỰNG NĂM 1869 ĐẾN NĂM 1886

NOVAENSTERINBURG

Quốc vương vụt nẩy ý nghĩ lạ lùng, khiến thành lũy trong mộng tưởng của một nhà thiết kế sân khấu biến thành hiện thực.





Cung điện của Ludwig ở Lindhor là một việc thử tái hiện lại truyền kỳ Đức Trung thế kỷ.

Novaensterinburg là một sự thực do ảo tưởng biến thành. Một thành lũy trong đồng thoại dùng ban công và lầu tháp trang điểm, trong lùm cây rặng núi Alpes Bavaria nhô lên khỏi mặt đất. Thành lũy khổng lồ vững chắc này tốn 17 năm mới xây xong. Cái cũng hết sức hoang đường là: đó là một thiết kế sân khấu (là tác phẩm của một họa sĩ bối cảnh có tiếng tăm ở Munich, Criscinjenk) do quốc vương Bavaria Ludwig II phát hiện dùng làm bối cảnh sân khấu để ông biểu diễn những câu chuyện truyền kỳ sắc thái lãng mạn Đức.

Ludwig khôn lớn lên trong thành lũy Hohensvango gần đó. Đó là một đồn trại quan trọng Trung cổ do cha ông Maximilian II sửa sang phục hồi. Bích họa trang sức trong thành lũy, ngoài những chủ đề khác còn kể lại chuyện truyền kỳ Lohengrimm. Ông dường như coi mình sánh ngang với kỵ sĩ Thiên Nga Lohengrimm, mà còn phát triển thành một người yêu thích điên cuồng thần thoại Đức. Năm 1861, vở ca kịch Lohengrimm của Wagner diễn xuất khiến ông say mê. Ba năm sau, khi ông 18 lên nối ngôi vua, một trong những việc ông làm đầu tiên là triệu kiến Wagner. Hiện giờ ông có chính quyền và tài chính của quốc vương, ông trở thành người bảo trợ cho Wagner, trả nợ cho Wagner, bằng lòng tài trợ cho sân khấu và trình diễn âm nhạc mà nhạc sĩ này mong mỏi. Wagner trên sân khấu dùng quy mô to lớn sáng tạo truyền thuyết Đức, biểu hiện trước công chúng sự đấu tranh giữa thiện và ác. Đồng thời Ludvig muốn sáng tạo một thành lũy trong đồng thoại, khiến nó về mỗi một phương diện đều xứng đáng với kỵ sĩ Đức.

Việc như vậy ở thời kỳ cuối thế kỷ 19 chỉ được sự giúp đỡ hữu hạn. Ludwig bị gọi là quốc vương điên, mọi người cho rằng ông là một người thoát ly hiện

thực. Dù cho ông có thói ghiền ăn mặc giả trang, phương thức sinh hoạt cổ quái (suốt ngày ngủ, nghe nói còn trên bàn ăn mời hồn ma Louis XIV về dự tiệc), tuy đến lúc sinh mệnh ông chấm dứt người ta không chút nghi ngờ về chuyện ông điên, nhưng Bismark vào thời ông ta còn trẻ, từng khen ngợi ông ta đầu óc tỉnh táo.

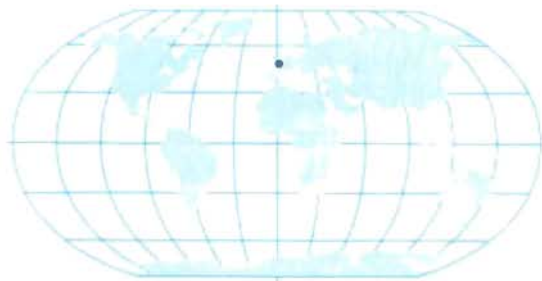
Nghe đồi 15 người thợ tốn thời gian bốn năm rưỡi chạm trổ kỹ càng cái giường của quốc vương. Bên trong thành lũy có nhiều phong cách kiến trúc khác nhau, đó là một thể hỗn hợp của kiểu Maures có thạch nhũ, kiểu gothic, phong cách baroque, phòng triều kiến là kiểu phái suy đồi Byzantine chính cống, đại sảnh nhà ca hát to lớn ánh đèn rực rỡ sang trọng đường hoàng, đó là cái để Wagner sử dụng biểu diễn.

Sự thú vị đối với phong cách Trung cổ của Ludwig không trở ngại cho việc ông sử dụng kỹ thuật hiện đại. Thành lũy lắp thiết bị hơi ấm tiên tiến khiến không khí nóng lưu thông trong thành lũy, còn có nhà bếp lắp hệ thống nước lạnh nóng.

Dù có vương cung đẹp như trong chuyện đồng thoại, quốc vương lại không nhân thế mà được sống hạnh phúc. Năm 1886, ông dời vào vương cung không đến ba tháng thì bị phế truất, ông dường như lập tức nhảy xuống sông tự vẫn.



Thành lũy giống như cảnh tiên của Ludwig II của Bavaria sừng sững giữa khoảng núi tuyết Alpes, giống như một giấc mộng lãng mạn Trung thế kỷ

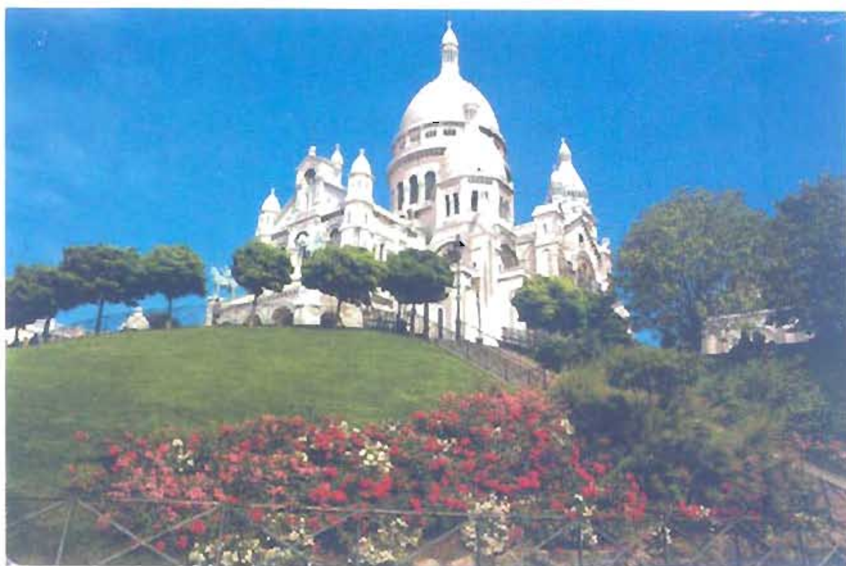


PHÁP - XÂY DỰNG NĂM 1874 ĐẾN NĂM 1919

GIÁO ĐƯỜNG THÁNH TÂM

Giáo đường thế kỷ 19 này vĩnh viễn liên hệ với khu tụ tập của nhà văn và họa sĩ thế kỷ 19.





Nóc tròn lớn màu trắng sáng và tháp nóc phản ánh phong cách Byzantine của giáo đường này.

Giáo đường Thánh Tâm (Sacre-Coeur) sừng sững trên vùng đất cao của một gò nhỏ tức Montmartre mặt bắc trung tâm thành phố Paris, nhưng nó lại chịu ảnh hưởng của giáo đường lớn Saint-Florent ở Berry về phía tây nam.

Giáo đường Saint-Florent là một ngôi giáo đường kiểu Byzantine không tầm thường, xây dựng cuối thế kỷ 12. Nó có 5 nóc tròn, có phần giống nhà thờ Saint Marc ở Venise. Vào thế kỷ 19, giáo đường lớn Frent tiến hành sửa sang phục hồi đại quy mô, một trong những kiến trúc sư phụ trách công tác trùng tu là Paul Abadie. Khi ông được cử xây dựng giáo đường Thánh Tâm năm 1874, trong óc ông vẫn nghĩ đến giáo đường Saint-Florent. Có người oán trách Abadie đã làm hỏng Saint-Florent, mà còn xây Thánh Tâm không có gì là hay đẹp.

Công trình này được sự giúp đỡ của nhà nước, nó có điểm tượng trưng giống như nước Pháp sau thất bại trong chiến tranh Phổ Pháp 1870-1871 khôi phục lại niềm tin. Công xã Paris khởi nghĩa sau chiến tranh, là bắt nguồn từ vùng đất cao Montmartre, cho nên xây dựng giáo đường Thánh Tâm ở đây cũng là để kỷ niệm phong trào khởi nghĩa. Được sự tán đồng của tập đoàn thống trị Thiên chúa giáo La Mã, xây dựng ngôi giáo đường này coi là tượng trưng cho sự sám hối của toàn thể quốc gia.

Vật liệu đá cần cho việc xây dựng giáo đường mới là từ thành lũy Landon mặt nam Paris chở đến, cái đó khiến toàn thể kiến trúc mang ánh sáng màu trắng, tạo nên nét đặc sắc của giáo đường này. Thoạt đầu công trình tiến triển chậm chạp, bãi khai thác đá phía dưới công trường trước đây dùng khai thác thạch cao để chế tạo thạch cao chín, khiến việc xây dựng nền móng giáo đường trở thành rất phức tạp,

năm 1891 giáo đường đã được dùng tiến hành hoạt động tôn giáo, nhưng đến năm 1919 mới xây xong hoàn toàn.

Nóc tròn lớn của giáo đường về bề ngoài nói cho đúng là theo kiểu Đông phương hơn là theo kiểu Âu châu. Nó cao 79 mét, người tham quan có thể leo lên vùng nóc trên cùng để thưởng thức cảnh đẹp Paris và phần bên trong giáo đường. Gác chuông của nó còn cao hơn nóc tròn chừng 30 mét, bên trong có một quả chuông, nó là một trong những quả chuông lớn nhất thế giới, cao 3 mét, nặng 19,3 tấn. Nhân là lễ vật của tỉnh Savoie năm 1895, cho nên gọi là Savoya.

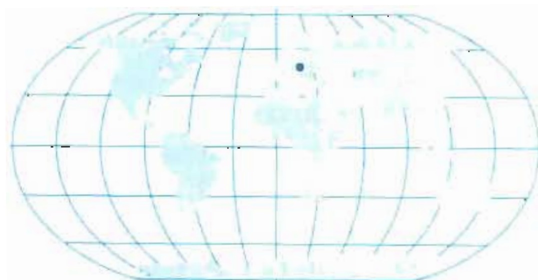
Phần bên trong giáo đường có lượng lớn bức nạm khảm tinh tế, nhưng pha lê màu vốn có bị hủy hoại trong đại chiến thứ hai. Bức tranh khảm phía trên bục cao của ban hát thánh thi, biểu hiện lòng trung thành đối với Thánh Tâm.

Phía dưới mặt chính của bia kỷ niệm có từng bậc thang một, có thể lần bậc mà lên. Thiết kế của nó là trưng bày tượng Jésus và các yếu nhân của Samaris và tượng Maria ở trong ngôi nhà cửa tây. Nhà hầm vươn dài ra đến toàn thể mặt dưới của giáo đường được coi là nơi trưng bày nghệ thuật tôn giáo và mở cửa cho du khách vào xem.

Từ trên nóc ban công phía ngoài giáo đường có thể nhìn thấy cảnh sắc đẹp đẽ, từ trên ban công đi xuống lại có thể đi qua bậc đá cheo leo và đường phố hẹp trên vùng đất cao. Cái mà tu viện lớn Montmartre thời Trung cổ lưu lại chỉ có giáo đường Saint Pierre. Sau khi khôi phục lại thế kỷ 19, nó có một sân vườn giáo đường phong cách lãng mạn chủ nghĩa. Nolastudanter là "Quảng trường làng" của Montmartre, ở đấy có một ngôi nhà kiểu thế kỷ 18 khiến người thích thú. Viện bảo tàng Montmartre trên đường Hutgorto chứa lượng lớn tranh, ảnh, đồ cổ và kỷ niệm về các họa sĩ, nhạc sĩ, nhà văn ở khu này, quán cà phê, hộp đêm của họ, trong đó lưu lại hồi ức về sinh hoạt văn nghệ sĩ phóng đãng không gò bó. Giáo đường Thánh Tâm vẫn là đỉnh vao vinh dự của Montmartre ngày nay.

Sự xây dựng giáo đường là để dâng thánh tâm của Jésus Christ, tượng trưng cho tinh yêu cứu thế. Bởi vậy từ ngày nó xây xong trở đi vẫn thu hút những người hành hương.





HUNG-GA-RI - XÂY DỰNG TRONG KHOẢNG NĂM 1884 ĐẾN NĂM 1902

TÒA NHÀ QUỐC HỘI HUNG-GA-RI

Tác phẩm lớn sừng sững đứng bên sông Danube biểu hiện tình dân tộc và tinh thần tự hào của dân tộc Hung-ga-ri



Mấy thế kỷ nay, vương quốc cổ xưa Hung-ga-ri coi là một bộ phận của đế quốc Habsburg vào năm 1867 được thừa nhận là một quốc gia có chủ quyền độc lập, tuy nó vẫn cùng Áo do một nhà vua hoàng đế Francis Joseph tiến hành thống trị. Francis cùng năm đăng quang ở Budapest làm quốc vương Hung-ga-ri. Hung-ga-ri mới ra đời có một quốc hội độc lập, năm 1880 được phép xây dựng một tòa nhà quốc hội ở Budapest. Dưới sự lãnh đạo của kiến trúc sư Staender Iure, công trình bắt đầu vào năm

Nóc tròn hùng vĩ đèn ánh sáng lan rộng chiếu rọi, vươn lên bầu trời. Kiến trúc sư Staender Imre là một chuyên gia coi trọng kiến trúc lịch sử. Ông là học trò của kiến trúc sư giáo đường Áo Frédéric Schmidt, bậc thầy về kiến trúc baroque.

1884, đến năm 1896 đã tiến triển, khiến nó trở thành trường sở để chào mừng người Magyars 1000 năm chinh phục Hung-ga-ri. Đến năm 1902 chính thức xây xong.

Tòa nhà Quốc hội đứng cao sừng sững ở bờ sông Danube, là một kiến trúc hùng vĩ to lớn, cũng là một trong những kiến trúc tráng lệ nhất kiểu gothic thế kỷ 19 trên thế giới. Kiến trúc này biểu hiện hùng tâm của quốc gia mới độc lập, biểu hiện lịch sử anh hùng và tinh thần tự hào dân tộc của một quốc gia Cơ đốc giáo, cũng biểu hiện tính quốc tế của thủ đô và của cải mang đến do công nghiệp Hung-ga-ri đương thời phát triển.

Kiến trúc có tháp và chỏm nhọn hoa lệ. Nóc tròn lớn chính giữa đứng giữa khoảng hai tháp cao kiểu gothic. Nóc tròn vừa vặn cao 96 mét, ám chỉ người Magyars chinh phục đất này năm 896. Tòa nhà lớn dài chừng 268 mét, rộng 116 mét, bên trong có 10 sân vườn, 29 cầu thang và mấy trăm gian phòng.

Chủ đề của nó là tính dân tộc Hung-ga-ri. Phía ngoài vật kiến trúc trang sức tượng những người thống trị Hung-ga-ri, các vương tử Transylvania và các dũng sĩ thời trước. Phía trên cửa sổ có huy hiệu hình thuẫn của quốc vương và vương tử. Mặt trước tòa nhà lớn có tượng Frédéric II cưỡi ngựa. Ông là vương tử Transylvanie, đầu thế kỷ 19

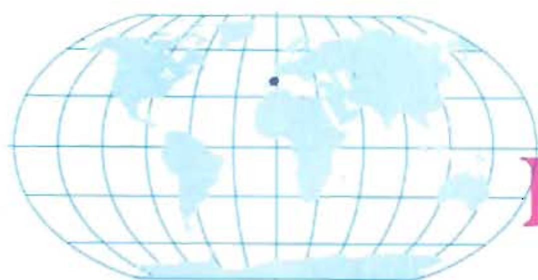


Một trong những kiến trúc của cơ cấu lập pháp lớn nhất trên thế giới, biểu hiện chủ nghĩa dân tộc Hung-ga-ri.

lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa chống lại vương triều Habsburg. Ở đầu mút phía bắc có một tổ hợp tượng lấy Kossuth làm trung tâm. Ông lãnh đạo cuộc cách mạng chống lại nhà đương cục Habsburg năm 1848, ngoài ra trong một quãng thời kỳ không đảm nhiệm chức Nhiếp chính vương Hung-ga-ri.

Bên dưới nóc tròn trung tâm của kiến trúc là một đại sảnh lớn 16 mặt tường. Ở hai bên đại sảnh này mỗi bên có một đại sảnh cung cấp cho hai viện của Quốc hội sử dụng: Thượng nghị viện (vào năm 1945 bị phế bỏ), ở đại sảnh mặt bắc, Hạ nghị viện (hiện nay là Nghị viện Quốc dân) ở mặt nam chỗ vào cửa chính ở mặt đông, do bậc thềm thông đến chỗ vào cửa, hai bên bậc thềm mỗi bên có một con sư tử bằng đồng.

Trong đại sảnh phía dưới trần nhà dùng bích họa trang sức, dựng một cầu thang lớn, bên ban công cầu thang thứ nhất có một bức tượng bán thân kiến trúc sư Staender Imre. Một hành lang hình tròn vòng quanh đại sảnh trung ương, trong đại sảnh còn có tượng các nhân vật quan trọng trong lịch sử Hung-ga-ri, trong đó Abit cuối thế kỷ 9 quét sạch Hung-ga-ri, sau đó chinh phục thủ lĩnh kỵ binh Magyars của Transylvania; Saint Stephen, cũng là Stephen I, xây dựng vương quốc Hung-ga-ri và chủ trì đi theo đạo Cơ đốc; còn có chiến sĩ nổi tiếng Zinuce Hanjoti vào năm 1456 đánh bại người Thổ Nhĩ Kỳ ở Bergleyde. Ngôi nha lớn này dùng cho cuộc chiêu đãi quan phương và việc quan trọng quốc gia, thể hiện tinh thần của tòa kiến trúc này.



TÂY BAN NHA - BẮT ĐẦU XÂY DỰNG TỪ NĂM 1884

GIÁO ĐƯỜNG LA SAGRADA FAMILIA

Tòa kiến trúc rất xa với truyền thống này nhằm mục đích gọi trở về giáo nghĩa chính thống của Thiên chúa giáo La Mã.



Giáo đường La Sagrada Familia (Dòng họ thiêng liêng, đây là dòng họ Holy) vào năm 1884 khởi công xây nền, mãi đến ngày nay vẫn chưa xây xong. Mục đích là trở thành tượng trưng cho tín ngưỡng Thiên chúa giáo, nó muốn trở thành trung tâm của quần thể kiến trúc bao gồm trường học và trường sở giáo dục. Ngôi giáo đường chưa hoàn thành này là tác phẩm của kiến trúc sư Antonio Gaudi.

Không có một người tham quan nào nhìn một kiến trúc như vậy mà không kinh ngạc. Đó là một tòa kiến trúc lớn giàu sức sống, mặt chính của nó thể hiện câu chuyện Jésus giáng sinh, đó là chủ đề truyền thống của Cơ đốc giáo, trong không khí bảo trì sự sùng kính, kính sợ của nó, nhà kiến trúc đặt nó trong một bối cảnh hoàn toàn độc sáng, gần với chủ nghĩa siêu thực. Tác phẩm của Gaudi biểu hiện ảnh hưởng kiểu Maure ở trình độ nhất định. Chúng ta biết ông hết sức quen thuộc với phong trào phái Tiền Raphael và trứ tác của John Ruskin và William Morris, ông có phần yêu chuộng thiên lệch "nghệ thuật mới", nhưng ông đối với kiến trúc lại kiên trì một phương pháp đúng là độc nhất vô nhị. Theo ông nhìn, kiến trúc là một quá trình hữu cơ - đá phải biểu hiện được hình thái sống, quá trình trang sức giống như sự sinh trưởng của thực vật. Ông không đặt kế hoạch chính xác đối với công trình mà chỉ vẽ phác thảo sơ sài. Ông thích ở liền tại hiện trường thi công, nhìn sự hình thành của vật kiến trúc, tùy ý sửa đổi nó, không thích để người khác đến chấp hành một bản thiết kế.

Phương pháp làm việc của ông cắt nghĩa tại sao giáo đường La Sagrada Familia đến nay vẫn chưa xây xong. Khi Gaudi bắt tay vào năm 1891, công trình ở vào thời kỳ đầu. Ông hao tốn rất nhiều tinh lực, sau năm 1914 từ chối nhận sự ủy thác tất cả các công trình khác. Sau khi ông bị tông chết năm 1926, không ai đủ sức dùng phương thức của ông tiếp tục công trình giáo đường.

Nghe nói Gaudi thiết kế ngôi giáo đường này có ba mặt



Gaudi thích trang sức màu sắc và linh hoạt. Từ con rồng của vườn hoa Gailer có thể nhìn thấy điểm này

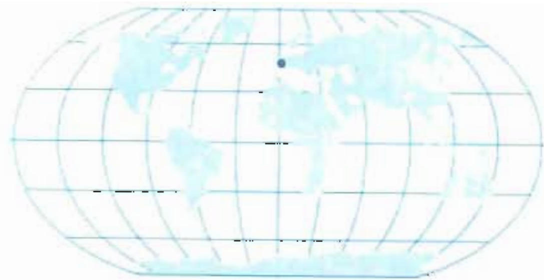
chính cao lớn, để biểu hiện sự giáng sinh, tuẫn nạn và phục sinh của Jésus. Phía trên mỗi mặt chính đều có bốn ngôi tháp lớn, giống như mặt chính Jésus giáng sinh xây xong những năm 50 có bốn tháp ở trên nóc. Nhà kiến trúc này là một người theo chủ nghĩa hoàn mỹ. Thí dụ nghe đồn vì pho tượng "Trốn đến Ai Cập" của ông, ông tìm được một con lừa làm việc, bởi vì ngoại hình mệt mỏi của nó là dạng vẻ của tượng trong tưởng tượng của ông. Được sự đồng ý của chủ lừa, ông chế tác hình mẫu thạch cao cho con lừa này. Nếu Gaudi còn sống, giáo đường sẽ không bảo lưu màu sắc bề ngoài vốn có, không những là hình thái của vật thể giới tự nhiên, màu sắc của chúng cũng sẽ gợi lên linh cảm của ông. Rất nhiều tác phẩm của ông đều biểu hiện ông có thể vận dụng các thứ sắc điệu, chất cảm và vẻ ngoài một cách linh hoạt không bị gò bó.

Nhà kiến trúc này cũng là một họa sĩ và thợ khéo có trình độ nghề nghiệp. Ông thiết kế những đồ dùng gia đình, cửa sắt và chấn song mới lạ. Trong số những kiến trúc của ông ở Barcelona, hai nơi Casa Batru và Casa Miller (hai nơi này đều chứa chung cư tư nhân) rất là đặc sắc.

Về việc tiếp tục công tác của Gaudi có phải là sáng suốt hay không, vẫn đều có tranh luận. Có người nói cái đó giống như muốn chắp cánh tay cho tượng Vénus ở Milo, có người nói khái niệm đó sớm nên vứt bỏ, sau đó có người muốn đổi mặt chính Jésus giáng sinh thành trang sức bối cảnh Thánh đàn. Nhưng hiện nay một mặt chính Jésus tuẫn nạn hoàn toàn mới đã xây xong, khiến một số thiết kế nào đó của Gaudi phai nhạt màu sắc đi. Nhưng khi bạn liên hệ quan điểm của Gaudi với những nỗ lực về sau tổng hợp lại mà nhìn, cách nghĩ Gaudi tỏ ra càng không tầm thường.

Tuy Gaudi về tôn giáo là bảo thủ, nhưng trong thiết kế La Sagrada Familia lại biểu hiện chủ nghĩa siêu thực cuồng nhiệt.





PHÁP - XÂY DỰNG NĂM 1889

THÁP EIFFEL

Một công trình kỹ thuật thế kỷ 19 táo bạo biểu hiện rõ, là tượng trưng của Paris trước toàn thế giới.



Hơn trăm năm nay Tháp Eiffel là tượng trưng của Paris, là tiêu chí mà toàn thế giới đều có thể nhận ra. Nó cũng có thể được coi là một tượng trưng của thời đại công nghiệp, là một sự táo bạo biểu hiện rõ cao độ mà loài người có thể đạt được dưới điều kiện tri thức và kỹ thuật công trình cuối thế kỷ 19.

Trong quá trình phát triển kỹ thuật mới các bước biến hóa cũng đang tăng nhanh. Rất nhiều nơi rất nhiều người đều ôm ấp hùng tâm xây dựng một vật thể lớn cao 305 mét. Một số người từng gắng sức, nhưng đã thất bại. Đại bộ phận cho rằng cách nghĩ đó là hoang đường vô căn cứ. Nhưng ở Pháp, kỹ sư Gustave Eiffel tin rằng mình có thể làm được điều này. Eiffel và công ty vào năm 1884 định ra một kế hoạch "một tháp sắt 300 mét". Những kế hoạch này phần lớn là thành quả của chủ nhiệm nghiên cứu của Eiffel, Maurice Coquelin. Năm 1886 tuyên bố một cuộc thi thiết kế kiến trúc đặt ra cho Hội chợ Paris năm 1889. Hội chợ sẽ là cuộc triển lãm đồ sộ của tiến bộ công nghiệp. Ủy ban tổ chức của nó nói rõ với những người dự thi phải xây dựng một tháp rất cao 305 mét. Xem ra những người tổ chức khi định những quy tắc thi này đã tính đến kế hoạch tháp sắt. Tổng cộng có hơn 100 kế hoạch, dự thi, Eiffel được lựa chọn trong khoảng thời gian nhiều hơn hai năm một chút xây dựng vật kiến trúc cao nhất thế giới.



Tháp sắt ban đêm được chiếu sáng chói lòa. Eiffel còn thiết kế khung giá cho tượng nữ thần Tự do ở New York.

Nền đất của tháp sắt Eiffel là một quảng trường, chiếm đất 1,6 hecta, toàn bộ kết cấu nặng khoảng 10668 tấn. Nghe nói trong xây dựng đã sử dụng 350 vạn đinh ri-vê. Tháp sắt tổng cộng dùng hơn 18000 bộ phận cấu kiện, trong đó rất nhiều là bộ phận chế sẵn. Bản vẽ kỹ thuật tỉ mỉ càng gây tác dụng rất lớn. Tháp sắt cao nhất này là do một đội công trình 250 người xây dựng xong trong tốc độ khá nhanh.

Eiffel từng xây dựng một số cầu đường sắt, được ca ngợi là người có thể giải quyết được những vấn đề về kỹ thuật mang

tính khiêu chiến nhất. Xây dựng tháp sắt với tốc độ nhanh như thế quy công cho năng lực của ông vượt trước kế hoạch và hoàn thành kế hoạch một cách tuyệt đối chuẩn xác. Tháp sắt tọa lạc trên 16 cây cột chống, mỗi 4 cây cột tổ chức thành khung chân của tháp sắt) trên mỗi cây cột đều có nóc ép chất lỏng nghìn cân để bảo đảm khi xây dựng tầng ban công thứ nhất có một đường thẳng đứng chuẩn xác. Nhưng nếu không có những thiết kế bố trí này, toàn thể công trình này có thể không có cách nào hoàn thành.

Về sau trên tầng ban công thứ nhất mở một quán ăn. Trong Hội chợ năm 1889, đây là nơi dùng bữa. Tòa soạn báo "Figaro" có văn phòng của mình trên tầng ban công thứ hai ở chỗ cao 116 mét.

Tháp sắt hoàn thành trong 20 tháng. Mãi đến trước khi tòa cao ốc Chrysler ở New York xây xong năm 1929, nó vẫn giữ được vành nguyệt quế kiến trúc cao nhất thế giới. Trong khoảng thời gian hội chợ, có 200 vạn người đến đây tham quan, đáp thang máy lên tới tầng ban công thứ nhất, thứ hai và thứ ba, đến được đỉnh tháp cần thông qua 1671 bậc thang.

Tháp sắt Eiffel mỗi năm thu hút 300 vạn du khách, năm 1964 được coi là bia kỷ niệm lịch sử, nó được hết đời này sang đời khác say mê không suy giảm.



Eiffel trước tiên là nổi tiếng về kiến trúc cầu.

ĐƯỜNG SẮT LỚN XUYÊN SIBIR

Đường sắt dài nhất xuyên ngang đại lục Âu Á trên thế giới.



Nhà văn nổi tiếng Lawrence V. T. Porter khi đi du lịch Liên Xô (cũ) những năm 60 nói, trên thế giới trừ Liên Xô và Nhật Bản, tiếng tăm của đường sắt mỗi ngày một đi xuống. Đường sắt ở Liên Xô (cũ) và Nhật Bản không những là phương tiện giao thông chủ yếu, mà còn là kỳ tích trong cặp mắt hàng triệu người.

Đường sắt lớn Sibir ở Liên Xô (cũ) được gọi là đường sắt xuyên Sibir, được coi là kỳ tích không đáng lấy làm lạ. Đường sắt này xây dựng trong khoảng năm 1881 đến 1905, là tuyến đường sắt có chuyến cố định dài nhất trên thế giới. Xây dựng thành một đường sắt một đường rầy dài đến 7416km từ Mátxcơva thông đến Vladivostok ở bờ biển Nhật Bản, về sau đổi thành hai đường rầy.

Công trình từ hai đầu Mátxcơva và Vladivostok đồng thời khởi công. Năm 1898, hai đầu công trình tiến triển đến Irkoustsk. Du khách đến đây giống như đáp tàu băng qua hồ Baikal 40km. Khi mặt hồ mùa đông dài đặc Sibir đóng băng, cần phải đáp một tàu phá băng 4267 tấn. Chiếc tàu phá băng này chế tạo ở Anh, sau đó tháo thành mấy bộ phận chở đến Sibir. Về sau đường sắt vòng qua đầu phía nam hồ xây xong, không dùng chở sang ngang nữa. Chuyến đi đáp xe ngựa 100 năm trước phải mất ba tháng, nay rút ngắn lại được hai tuần, sau đó lại rút ngắn đến một tuần.



Xe lửa chạy đến Sibir khởi hành từ ga Yarovslav Mátxcơva. Vật kiến trúc cao lớn xây xong năm 1904 này có một bầu cửa cao, tiêu chí cho của cải và kỳ quan thần bí ở "vùng đất lớn đang ngủ say" phương xa.

Từ Tchita đến thành phố Komsomonsk, đoạn đầu mút phía đông mới dài 3621km đã hoàn thành. Do nguyên nhân về chiến lược, vị trí của nó ở tuyến cũ hướng về phía bắc rất nhiều, cách xa biên giới tiếp giáp với Trung Quốc.

Giờ xe lửa chạy định theo giờ Mátxcơva, đồng hồ của các ga xe lửa dọc tuyến cũng là giờ Mátxcơva, nhưng xe lửa phải xuyên qua tám khu vực giờ, giờ ở bờ biển Đông sớm hơn giờ Mátxcơva 7 tiếng đồng hồ. Xe lửa vượt qua dòng sông, xuyên qua dãy núi và đồng bằng lớn mùa đông tuyết phủ, qua hồ đầm, đồng trống và làng mạc, giáo đường nóc vòm hoặc chóp nhọn, cả thị trấn chủ yếu dựa vào đường sắt dựng lên.

Đường rầy của đường sắt đặc biệt rộng. Thời kỳ đầu từng có toa dành riêng cho phụ nữ, chức sắc tôn giáo và người hút thuốc lá. Ngày nay đại bộ phận đầu máy toa xe là sản phẩm

của những năm 40, có toa nằm và toa nhà ăn mở cửa suốt ngày. Những toa nhà ăn ấy còn kiêm cả công năng cửa hàng thương nghiệp, dân các thị trấn và làng mạc dọc tuyến đến đây mua hàng. Xe lửa xuất phát từ Mátxcơva, vượt qua sông Volga rồi hướng về phía đông chạy đến dãy núi Oural, nơi đây cách Mátxcơva 1770km, xe lửa do thế từ Âu châu tiến vào Á châu. Từ Sverdlovsk thị trấn công nghiệp chủ yếu ở dãy núi Oural, sau đó xe lửa chạy đến Omsk và Novossibirk, băng qua sông Ob tàu chở hàng và xà lan nườm nượp qua lại như mắc cửi, lại đến Krasnoiask bên bờ sông Ienissei, sau đó đến Irkoustsk, xuyên qua núi cao phía nam hồ Baikal, qua rìa sa mạc Gobi, dọc theo sông Chilka đến Beli và Vladivostok.



Đầu máy xe lửa nhãn hiệu Begart và đầu máy nhãn hiệu Bắc Kinh cùng dừng ở Sibir. Đầu máy xe lửa hiện đại hóa mất đi sự thân thiết và sức quyến rũ của đầu máy xe lửa hơi nước kiểu cũ.

Ban đầu đường sắt là một đường rầy, nhưng hiện nay đã tăng thêm rộng và thực hiện điện khí hóa.



PHÁP - XÂY DỰNG NĂM 1977

TRUNG TÂM POMPIDOU

Một mẫu mực kiến trúc khoa học kỹ thuật cao cấp nổi tiếng nhất đầu tiên trên thế giới.



Hành lang tranh, viện bảo tàng, thư viện, phòng hòa nhạc - những cái đó vẫn được coi là điện đường nghệ thuật của Nữ thần Muse dường như thiêng liêng bất khả xâm phạm, chỉ có thể đặt tại kiến trúc cổ điển tráng lệ. Những năm 70 thế kỷ 20 Paris xây dựng một trung tâm văn hóa đa công năng mới, nó vứt bỏ quan niệm cũ kỹ về nghệ thuật, đánh dấu điểm bước ngoặt về phương diện kiến trúc.

Trung tâm văn hóa quốc gia Georges Pompidou, là một tòa kiến trúc khiến người khó quên. Một dẫy lớn ống các thứ màu sắc dựng lên bày ở hai mé, một thang vịn tự động dọc theo mặt chính ngoằn ngoèo đi lên. Người ta thường đem so sánh nó với một xưởng máy, hoặc càng thường xuyên so sánh nó với một xưởng lọc dầu, nhưng



Trung tâm văn hóa Pompidou xem ra càng giống một xưởng lọc dầu, mà không giống trung tâm văn hóa nghệ thuật mà người ta hiểu. Mọi người đều có thể nhìn thấy kết cấu của nó. Để tiện cho bảo dưỡng và duy tu, ống, dây điện của nó đều lộ ra bên ngoài.

bề ngoài của nó không phải là xuất phát từ nguyện vọng phá bỏ thói cũ. Suy tính đến bước biến hóa của kỹ thuật hiện đại, các kiến trúc sư thấy đem ống nước nóng, ống nước, dây cáp điện, thiết chế điều hòa không khí chôn ở dưới đất hoặc trong góc tường là không hợp lý. Đem những cái giấu ở bên trong đặt ở bên ngoài còn tốt hơn nhiều, bởi vì như vậy muốn tiến hành bảo dưỡng và duy tu sẽ dễ dàng hơn nhiều.

Có một số người bài xích việc bố trí như vậy là xấu xí. Một

Cảnh trung tâm ban đêm. Thang tự động có tay vịn dọc tường trườn lên trên.



số người khen đó là một ý tưởng táo bạo và thông minh, một ý tưởng về nội bộ vật kiến trúc mang tính linh hoạt hơn nhiều so với thiết kế thông thường. Khi tuyên bố muốn tiến hành một cuộc thi thiết kế, yêu cầu trong kiến trúc đó có một thư viện, một viện bảo tàng nghệ thuật hiện đại, một trường sở trưng bày thiết kế công nghiệp và một cơ cấu nghiên cứu âm nhạc, các kiến trúc sư của 40 quốc gia đưa đến 681 bản phương án thiết kế khác nhau. Renzô Diano và Richard Roger giành được phần thắng. Những người xét giải cho rằng họ đã sáng tạo được phương thức mãn ý nhất, đem những công năng khác nhau tập trung vào một thể.

Bởi trung tâm Pompidou tọa lạc ở khu vực Beaubourg, cho nên thường thường được gọi là Beaubourg. Từ những năm 30 thế kỷ 20, bãi mà kiến trúc sư dụng đã được dọn dẹp sạch, nhưng đến năm 1971 thiết kế ấy khó khăn lắm mới được khởi công.

Ngày nay sự nổi tiếng của Trung tâm không chỉ bởi các thứ hoạt động trong Trung tâm, mà còn bởi vì trên quảng trường phía ngoài có biểu diễn ma thuật, tạp kỹ, nuốt lửa và các tiết mục khác hấp dẫn mọi người, không gian quảng trường trước mặt Trung tâm Pompidou lại là một thiết kế khác đến từ linh cảm của các kiến trúc sư được giải. Trong tất cả các thiết kế dự thi, chỉ có phương án của họ để ra một nửa đất nền, sáng tạo ra không gian bên ngoài nhà cho công chúng tại trung tâm thành phố Paris.

Ngoài việc cung cấp cho Paris một thư viện mà mọi người cần bức thiết, và không gian triển lãm có tính co dãn ra, trung tâm còn có một rạp chiếu bóng có thể làm phòng hòa nhạc, khu hoạt động của nhi đồng, quầy rượu và nhà ăn. Khi mở cửa lần đầu năm 1977, trong một ngày có 4 vạn rưỡi người tham quan. Nó nhanh chóng trở thành nơi được Paris chú ý đến và có sức hấp dẫn. Độ nổi tiếng của nó thậm chí vượt cả tháp sắt Eiffel. Tuy nó không hoàn toàn dựa theo ý đồ của kiến trúc sư xây dựng, (do sự hạn chế của quy định phòng hỏa, thời gian và tiền vốn, một số ý tưởng táo bạo, như sàn hoạt động, không sao thực hiện nổi), nó vẫn khơi dậy sự mô phỏng sáng tác của rất nhiều kiến trúc sư đối với nó, phản ảnh giờ phút đỉnh cao của hưng phấn do thành tựu kỹ thuật trong xã hội Tây phương mang lại. Ngày nay nói một cách tương đối, thứ hưng phấn đó dường như đã ngày càng vững chắc.

CHÂU Á



Các quốc vương Ba Tư ở trong cung điện tráng lệ Persepolis tiến hành thống trị.

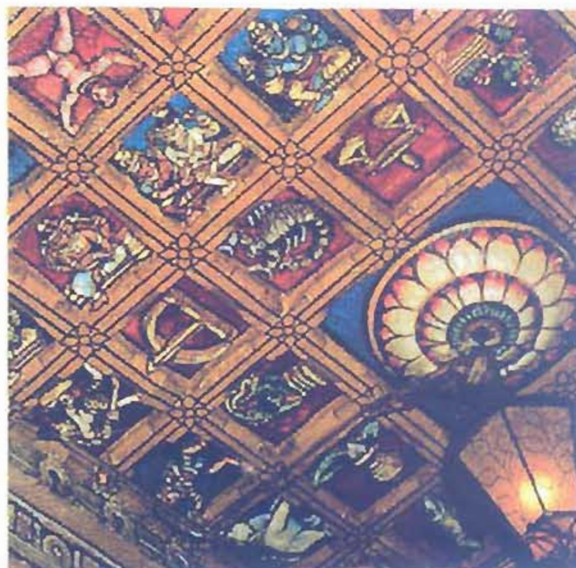
Châu Á từ Địa Trung Hải vươn đến Thái Bình Dương, là châu lớn nhất trên thế giới; chiếm 1/3 diện tích lục địa trái đất. Bia kỷ niệm lớn văn minh của nó bao gồm kiến trúc có thể là lớn nhất trên thế giới - Trường thành của Trung Quốc.

Thế hệ thứ nhất đi theo hướng văn minh, đầu tiên là bắt đầu từ Cận Đông, 1 vạn năm trước loài người vẫn chỉ là phân tán trong các bộ lạc nhỏ dựa vào săn bắn, hái lượm thức ăn để sống. Sau đó một số dân tộc du mục bắt đầu định cư ở một số khu vực. Lúc đó nguồn sống có một bộ phận dựa vào trồng cấy lúa má. Hiện nay một trong những khu vực định cư sớm nhất của loài người được phát hiện là Gujelico, cư dân ở đây khi người hiện đại phát hiện ra họ vẫn sống trong thời kỳ đồ đá. Họ dùng liềm chế bằng đá thu hoạch tiểu mạch và đại mạch, ăn cơm trong bát đá. Chữ viết còn chưa phát minh, nhưng từ lúc đó trở đi, phát triển nhanh chóng.

CÁC ĐẾ VƯƠNG VĨ ĐẠI

Thành trấn phát triển thành thành thị, thành thị lại phát triển thành vương quốc hoặc đế quốc lớn mạnh. Ở Mesopotamia, quốc vương của người Babylone và quốc vương của người Athos thời đó chiếm địa vị thống trị. Đại đế Cyrus xây dựng đế quốc Ba Tư, những người kế tiếp ông đem lãnh thổ từ Địa Trung Hải vươn đến sông Indus, trong đó bao gồm Ai Cập; Thổ Nhĩ Kỳ, Mesopotamia hiện tại và Iran hiện tại. Các quốc vương Ba Tư sống trong cung điện trang sức bằng đá cẩm thạch, ngà voi, vàng huy hoàng và lộng lẫy thống trị quốc gia của họ, những vật tinh xảo đẹp đẽ trong đó khiến thần dân của họ và sứ thần nước ngoài không thể không thán phục. Darios I xây ở Persepolis một điện thiết triều có thể chứa được 1 vạn người, thang lầu của nó quy mô hùng vĩ, kỵ sĩ có thể cưỡi ngựa lên lầu.

Thế kỷ 3 trước công nguyên, Tần Thủy Hoàng của Trung Quốc ở Phương Đông xây dựng một đế quốc mới. Chính thể ông sáng lập kéo dài hơn nghìn năm, chúng ta đem Trường thành quy công cho Tần Thủy Hoàng, nhưng cũng chính ông tạo thành cái chết cho ngàn



Tạo cho thần linh cung điện khi thế hùng vĩ, như đền thần Minaksi của Ấn Độ.

vạn thần dân. Đội quân đất nung dùng để canh giữ lăng mộ Tần Thủy Hoàng phát hiện vào năm 1974. Huyệt mộ của ông đến nay vẫn chưa mở ra, bên trong rất có thể chứa kho tàng quý báu khiến người giật mình kinh ngạc.

THẦN Ở NHÂN GIAN

Từ giáo đường nham thạch Thổ Nhĩ Kỳ giống như từ họa sĩ Hà Lan Bosch hư cấu ra, đến thần điện Thần đạo đẹp đẽ của Nhật Bản, dấu vết tôn giáo ở Châu Á chỗ nào cũng có thể thấy. Bạn có thể nhìn thấy nóc vòm chùa Hồi giáo và tháp ánh sáng, tháp báu của nó, đền chùa Ấn Độ giáo và Phật giáo, trong đó có lượng lớn điêu khắc và tượng thần nhiều tay. Bắt đầu từ thế kỷ 7 công nguyên, đạo Islam lan khắp Châu Á. Chùa nóc tròn mái đá ở Jerusalem, cung điện của vương triều Osman ở Istanbul và lăng Taj Mahan ở Agra đều là bia kỷ niệm của đạo Islam.

Nhưng đem so sánh với Borodudur đền miếu lớn nhất thế giới ở đảo Java thì tỏ ra rất nhỏ. Ấn Độ giáo là từ Ấn Độ truyền đến Đông Nam Á và Indonesia, cách Borobudur không xa có một ngôi đền thờ thần Shiva Ấn Độ giáo. Quần thể kiến trúc đền miếu đồ sộ Campuchia Angkor thờ một vị thần Ấn Độ giáo khác, Vishnou.

Những "núi đền miếu" to lớn này là dùng đá tái hiện núi thế giới truyền kỳ trong thần thoại Ấn Độ, toàn thể vũ trụ đều đặt trên quả núi ấy (đây là sự hiểu lầm của tác giả đối với khái niệm Phật giáo - Người dịch). Họ coi mình là hóa thân của thần minh Ấn Độ giáo ở cõi đời.



Sư tử đồng trong Tử cấm thành, hoàng cung của hoàng đế Trung Quốc.

Mấy trăm năm nay Thiên hoàng của Nhật Bản đã được tôn kính làm thần minh sống ở cõi đời. Vương triều đế quốc tuyên bố mình là con cháu của Nữ thần Thái Dương, thần Mặt Trời chiếu sáng trên trời của Thần đạo. Thiên hoàng lấy việc thừa hành lệnh chỉ của thần làm lý do nắm quyền lớn thống trị. Thiên hoàng Hirosito (Dụ Nhân) năm 1946 chính thức phủ nhận cách nói này.

Ở một số địa phương trong tầng lớp văn hóa tương đối đại chúng hóa. Phật giáo và tôn giáo khác sớm hơn ở bản địa dung hợp với nhau. Nara Nhật Bản dựng một ngôi chùa bằng gỗ lớn nhất thế giới để đặt mọi pho tượng Phật lớn.

Hoàng đế của Trung Quốc nếu không phải là trên ý nghĩa nghiêm nhặt mà nói họ là thần minh, rõ ràng là so với bất cứ người nào đều càng gần như thần minh. Coi là con trời, ông chịu mệnh trời trao phó lên ngôi vua. Người ta tin rằng ông có thể tùy ý thăng chức hoặc giáng chức các quan trên trời giống như ông làm với các quan dưới đất. Hoàng đế Trung Quốc thiêng liêng như thế, cho nên từ thế kỷ 15 trở đi, họ ở bên trong tường vây Tử cấm thành Bắc Kinh tránh né trăm họ bình thường, trừ phi được đặc biệt cho phép. Điều có ý vị châm biếm là, cách làm đem một số hoàng đế hoàn toàn cách tuyệt với bên ngoài, khiến họ thành đối tượng bị theo đuổi của những đại thần, hoạn quan và phi tần có dã tâm tranh quyền đoạt lợi.

Trong thế kỷ 20, nhà thiết kế thành thị Thụy Sĩ Le Corbusier xây dựng thành phố mới ở Chandigarh Ấn Độ là sáng tạo xuất sắc nhất, được tranh luận nhiều nhất trong kiến trúc hiện đại hóa. Đồng thời người Nhật Bản cũng có công trình quan trọng mang lại vinh dự cho họ. Cầu lớn Sero Naikai Nhật Bản gần đây nhất, dài 11km, bắc qua mặt nước êm lặng của Biển Trong.



ISRAEL - XÂY DỰNG 9000 NĂM TRƯỚC CÔNG NGUYÊN

JERICHO

Đó là một trong những thành thị cổ xưa nhất thế giới, năm xưa Josué từng dẫn quân bao vây thành này.



Trong Kinh Thánh nói, khi thành Jericho bị người Israel xâm lược bao vây, thành Jericho đột nhiên sụp đổ, thành Jericho cũng nhân truyền thuyết đó mà nổi tiếng. Căn cứ vào "Truyện ký Josiah" chương 6, lúc bấy giờ người Israel khiêng tủ Kinh Thánh (tủ chứa Kinh của Chúa Trời, theo truyền thuyết Chúa Trời sẽ hiển hiện ở bên trên nó); trong tiếng kèn hiệu lanh lảnh vòng quanh thành mà đi. Theo với tiếng vang của kèn hiệu lần thứ bảy, tất cả những người Israel đồng thanh gào thét: "Tường thành sẽ sụp đổ", mọi người ùa lên cướp lấy thành.

Những năm 30 thế kỷ 20, các nhà khảo cổ học đào di chỉ Jericho, cho rằng họ đã tìm được tường thành đổ nát. Nhưng sau đó chứng minh những tường thành này so với thời kỳ Josiah thế kỷ 13 trước công nguyên còn sớm hơn 1000 năm.

Địa điểm thành mà trong "Kinh Thánh" Cựu ước nói đến, là một gò đất nhỏ cách thành Jericho hiện nay 1,6km, trong tiếng Ả Rập gọi là *Teles Sutan*. Những năm 50 thế kỷ 20, nhà khảo cổ học Anh Catherine Canien trong công tác chủ trì khai quật phát hiện Jericho không chỉ sớm hơn thời kỳ Josiah, càng là một trong những thành thị cổ xưa nhất thế giới. Sự thực nó đúng là có lý do được phân định là thành thị cổ xưa nhất trên thế giới, tuy nhiên đại bộ phận các nhà khảo cổ học không muốn phán đoán thẳng thừng như vậy về vùng đất này.

Ở thời đại đồ đá giữa 9000 năm trước công nguyên, người săn bắn du mục dựng lều ở đây.



Rất rõ ràng, văn minh nhân loại cần được bảo vệ. Thành thị thời kỳ đồ đá này xây tường thành kiên cố, tháp đá hình tròn ở bên trong tường thành. Sau đó, trước tháp lại đào thêm hào. Nước suối dồi dào và khí hậu ôn hòa của bản địa khiến Jericho sau thời kỳ đồ đá thành một thành thị hấp dẫn người.

quyết định rất rõ rệt.

Thành Jericho sớm bị thiêu hủy trong hỏa hoạn. Khoảng năm 7000 năm trước công nguyên, một thành thị quy mô lớn hơn trước được xây dựng trên đống đổ nát. Sau đó rất lâu, ở mảnh đất này liên tục thay thế nhau xuất hiện thành thị có tường thành. Thế kỷ 1 trước công nguyên, chính quyền bù nhìn La Mã Judis Merod I, ở chỗ cách Jericho 6km về phía nam xây dựng một cung điện phong cách La Mã. Năm 4 trước công nguyên ông qua đời ở đây. Bộ phận di tích cung điện trong cuộc khai quật những năm 50 thế kỷ 20 được phát hiện. Hồi thế kỷ 8 công nguyên Khalifa Hisham của vương triều Umaya xây dựng ở gần đó một cung mùa đông hoa lệ.



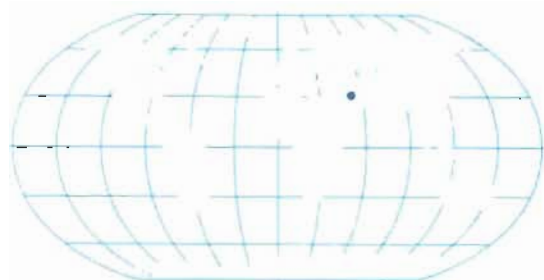
Một trong những nghệ phẩm thủ công nổi tiếng trong cung điện - một bức tranh khảm có cây cam quít, linh dương và sư tử đuổi linh dương

xem ra trên di chỉ dường như có những nơi như đền thần để thờ phụng tế lễ thần. Khoảng 8000 năm trước công nguyên, thị trấn hiện có đã hình thành. Nhà cửa ở đây do gạch bùn xây thành, lấy cột gỗ chống đỡ. Đó là một trong những nhà ở sớm nhất phát hiện được. Thị trấn nhỏ do một bức tường thành tương đối có uy thế che chở, tường thành dài 800 mét, và có xây một tháp đá hình tròn đường kính 9 mét, cao 9 mét.

Dân trong thị trấn không giống với dân tộc du mục thời kỳ xa xưa, bộ phận rất ít của họ dựa vào nông nghiệp mà sống. Ở đây không chỉ đào được mảnh vụn xương nhọn dùng vào việc thu hoạch hoa màu, mảnh đá lửa hình liềm mà còn đào được các thứ hạt tiểu mạch và đại mạch trải qua nuôi bón mà thành. Ở đây còn có suối ngầm dưới đất, do đó mảng lớn vùng đất hoang lưu vực sông Jordan hình thành một vùng đất xanh tươi. Dân ở Jéricho cũng có thể đã tìm được phương pháp tưới ruộng đất. Trong sự chuyển biến của lịch sử văn minh nhân loại từ đời sống săn bắn du mục đến đời sống định cư sau nông nghiệp, Jericho là một trong những nơi loài người có được bước phát triển mang tính



Phế tích một bộ phận cung điện - hai chùa Hồi giáo và một nhà tắm công cộng



IRAN - NĂM 522 TRƯỚC CÔNG NGUYÊN

PERSEPOLIS

Là một đế vương, trong thắng lợi ngựa không dừng vó vẫy quân đi qua Persépolis mà không lưu luyến, há chẳng phải là anh hùng đích thực?

Christopher Marlowe

(Đại đế Tamerlan - tức Thiết Mộc Nhi)



Di chỉ Persepolis hiện còn tuy to lớn, nhưng chỉ mang lại cho người ta ấn tượng đại khái về sự giàu có ngày trước của kinh đô cổ này. Về điểm này, nhà sử học Cổ Hy Lạp Plutarch cung cấp một số tình huống, nghe nói 300 năm trước công nguyên đại đế Alexandre chinh phục Persépolis, huy động 10000 con lừa và 5000 lạc đà mới chở được tất cả của cải đi. Những của cải ấy thuộc các đế vương vương triều Achaemenids, Persépolis chỉ là một trong ba kinh đô của vương triều. Thành này do Darios I xây dựng khi bắt đầu thống trị năm 522 trước công nguyên. Ông mỗi năm chỉ hai mùa xuân thu đến đây, mùa hè và mùa đông chia ra ở núi Ekbatno và Sosa, Persépolis không ngừng phát triển, sau khi đại đế Alexandre đến không lâu, thành này trong hỏa hoạn lớn bị thiêu hủy mới ngừng lại. Trong lịch sử có một thuyết nói, thành này là do đại đế Alexandre ra lệnh thiêu hủy, là để trả thù người Ba Tư về việc cướp bóc thành Athens, nhưng không có chứng cớ chứng tỏ sự hủy hoại này là hữu ý.

Bắt đầu từ những năm 30 thế kỷ 20, ở Persépolis tiến hành công tác khai quật khoa học, từ đó mà phát hiện khu đất to lớn thuộc về vương thất ở vùng núi đá vôi này. Vùng đất này rộng 297 mét, dài 448 mét, bố cục của nó trải qua thiết kế dày công, xây dựng đường ống dẫn nước và hệ thống cung cấp nước dưới đất phức tạp. Bậc thềm đá to lớn thông đến khu đất này cũng trải qua tính toán dày công - có thể dùng cho người ta cưỡi ngựa leo lên đến khu đất này.

Căn cứ vào ghi chép của văn bia bên trên thềm đá, đại sảnh chỗ cửa vào do người kế nhiệm Darios là Xerxès I xây dựng. Điêu khắc văn bia sử dụng ba thứ văn tự, ngữ Iran, ngữ Babylon và ngữ Cổ Ba Tư. Trên tường còn khắc nội dung khác - tức tên một số người tham quan thời kỳ gần đây, trong đó bao gồm ký giả báo *Herald Tribune* ở New York cuối



Phù điêu trên tường cung điện miêu tả các sứ giả mang vật cống từ khu vực xa xôi của đế quốc về, thể hiện đầy đủ quyền lực của đế vương.

những năm 60 thế kỷ 19, Henry Morton Stanly, ông nhân ở Phi Châu tìm thấy bác sĩ Livingston mất tích mà nổi tiếng.

Persépolis được dùng để cử hành nghi lễ của vương thất, quốc vương và người trong gia tộc của ông đều có phòng ở tại đây, nhưng cái quan trọng nhất trong cung điện là nhà thiết triều, đặc biệt là đại sảnh thiết triều của Darios, cũng gọi là Abodona. Đại sảnh mỗi bên dài đến 61 mét, có 6 hàng cột chống cao 8 mét. Đại sảnh tính ra có thể chứa được 10000 người, đại sảnh của vương triều Xerxès được gọi là đại sảnh trăm cột, mỗi bên dài 73 mét, còn lớn hơn nhà thiết triều của Darias. Hiện nay xem ra rất rõ ràng, chất liệu chính của kiến trúc này là đá vôi, nhưng hồi bấy giờ từng có cột nhà bằng gỗ và khung nóc nhà. Về phương diện trang sức trong cung điện, sử dụng lượng lớn chất liệu như viên ngói, vàng bạc ròng, ngà voi và đá cẩm thạch v.v... đẹp đẽ, sơn quét tươi sáng.

Cái đáng ca ngợi trong di tích Persépolis là điêu khắc đá của nó, hình vẽ trên rất nhiều phù điêu dọc theo tường và bậc thềm biểu hiện cảnh các nhà quý tộc hoặc đoàn đại biểu nước ngoài yêu cầu bệ kiến quốc vương hoặc dự ngày lễ và kính dâng cống phẩm. Trên hai vách lối vào cửa đại sảnh thiết triều của Darios có điêu khắc đá nhân vật giống như vậy, trong số đó bên một đoạn cầu thang có 23 bức ván khảm, từ trong đó có thể nhận ra từng dân tộc của vương triều Achaemenids, thí dụ như người Bactria giắt lạc đà, người Ấn Độ quấn vải ở lưng mang hai cái búa v.v... Hình vẽ điêu khắc đá trong một số phòng tư nhân nhỏ hơn, biểu hiện cảnh đời sống riêng tư - người hầu tắm cầm khăn tắm, nước hoa và phất trần xua ruồi.



Di tích cung điện vắng lặng dưới trời xanh là chứng nhân huy hoàng từng có của Darios I và các vua nối ngôi ông.

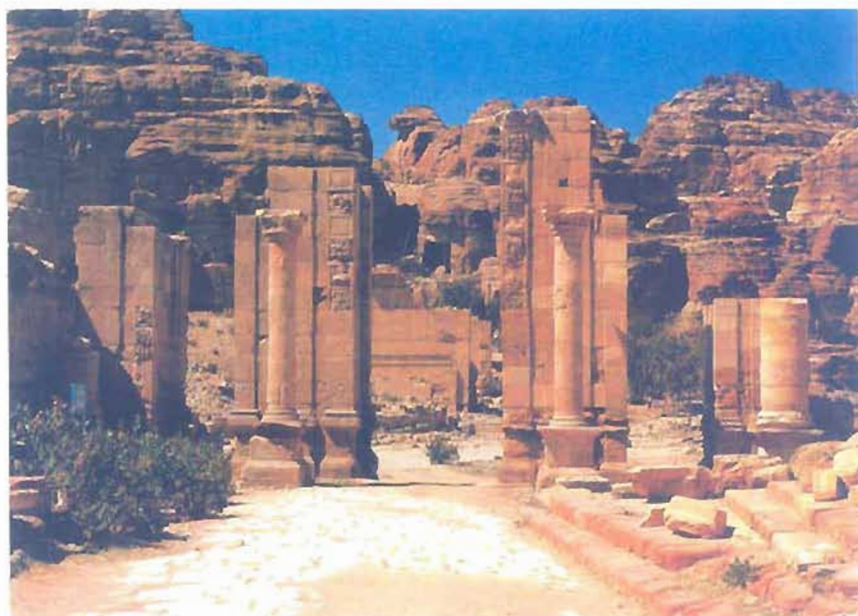


JORDAN - KHOẢNG NĂM 300 TRƯỚC CÔNG NGUYÊN

PETRA

Petra không phải là một thành thị. Màu sắc của nó cũng không phải là màu đỏ hoa hồng, lịch sử của nó không lâu dài bằng một nửa lịch sử nhân loại, nhưng nó vẫn có chỗ không tầm thường.





Tuy Petra chỉ có mấy trăm năm lịch sử, nhưng đây từng là trung tâm của tuyến đường buôn bán từ vịnh Ba Tư đến Hồng Hải.

Nhắc đến Petra, rất có thể có người sẽ buột miệng nói ra một câu danh ngôn quen thuộc: "Một thành thị màu đỏ hoa hồng, lịch sử của nó bằng một nửa lịch sử nhân loại". Đó là một câu trong bài thơ của nhà thơ Anh thế kỷ 19 J.W. Bergen. Vài năm sau, sau khi Bergen đến tham quan nơi này, ông không thể không thừa nhận sự miêu tả trước đây là không sát đúng, Petra không phải là màu đỏ hoa hồng, nó thậm chí không thể gọi là một thành thị, lại càng giống một nghĩa địa công cộng tựa như bia kỷ niệm - nhà ở đây có thể là làm bằng đất, hiện giờ đã không còn tồn tại. Nơi đây có rất nhiều vấn đề không có cách nào giải đáp, mà không khí thần bí khiến càng có sức hấp dẫn.

Thế kỷ 6 trước công nguyên, một bộ lạc du mục tên là Nabateans khống chế khu vực khá sâu dài giữa Aqabah và Biển Chết, ở miền đông sông Arabegan (ý là trong quãng thời gian nào đó trong một năm nước sông dâng tràn ngòi rãnh hoặc lòng sông khô cạn) ở Jordan. Do khống chế đường thông mậu dịch quan trọng, người Nabateans trở thành lớn mạnh mà giàu có, Petra là di sản của họ. Quần thể bia mộ ở chỗ này từng được coi là nhà cửa, hiện giờ người ta nhận thức được đó là những phần mộ, đục trong nham thạch cao hơn mực nước biển 914 mét khó mà đến được. Có cái đồ án tinh tế trang nhã, có cái là trang sức nóc tường đầu hồi "kiểu bậc thang" đặc sắc của Nabateans thể hiện phong cách kiến trúc Ai Cập và Athos. Trọng điểm toàn thể kiến trúc đặt ở mặt chính, bên trong là nhà lớn không chút trang sức.

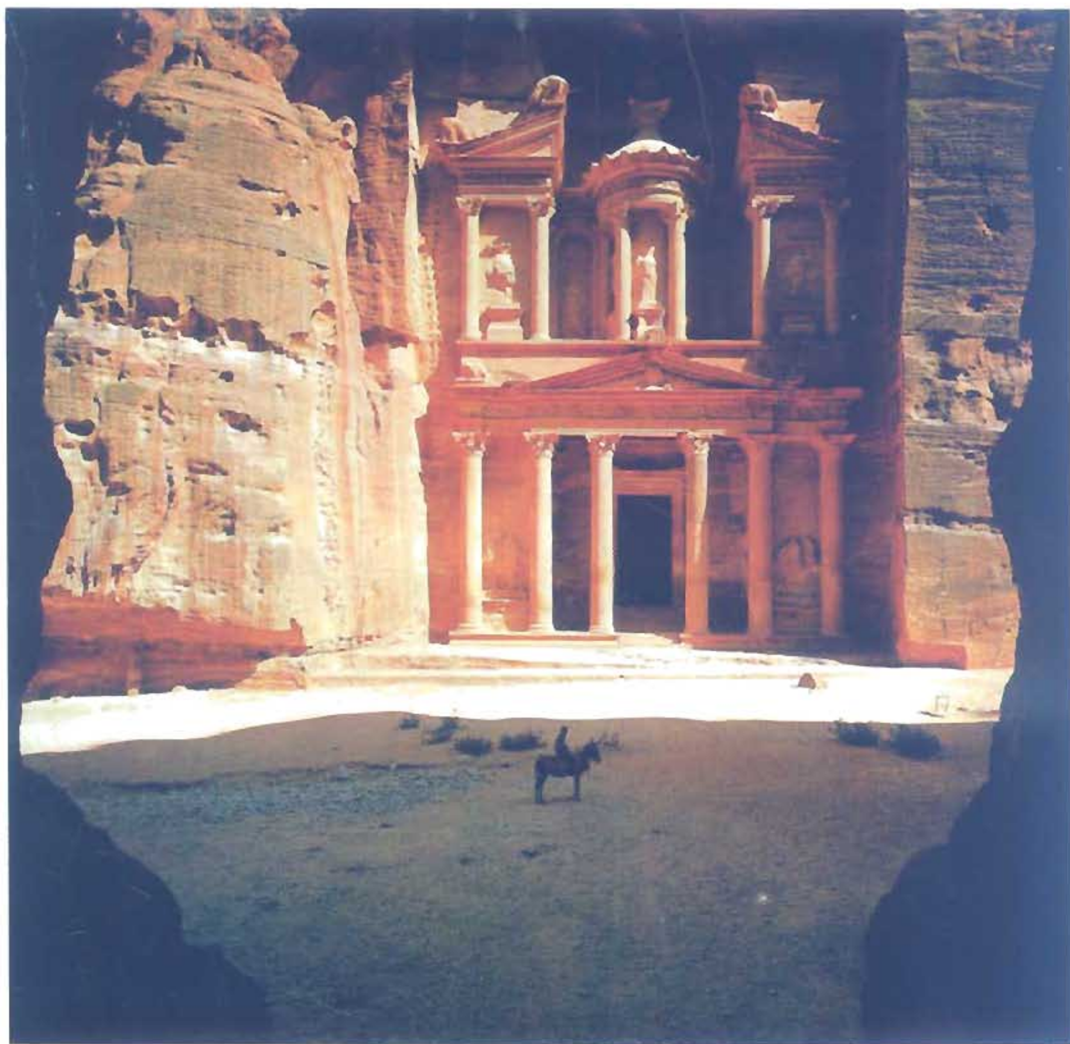
Năm 106, Petra thành một bộ phận của đế quốc La Mã có tất cả những kiến trúc mà văn hóa Cổ La Mã thường có như quảng trường, nhà tắm công cộng, nhà hát v.v... Theo với sự hưng khởi của cổ thành Balmira, phương thức mậu dịch xảy ra biến hóa, Petra sa sút.

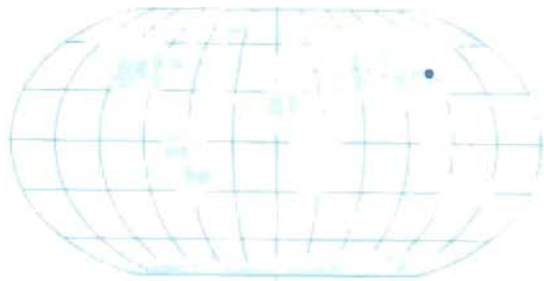
Trong vài trăm năm, Petra chỉ được dân bộ lạc bản địa biết.

Năm 1812 công nguyên, Petra được phát hiện lại. Lúc bấy giờ một nhà thám hiểm Thụy Sĩ tên John Bechat, có thể nói được tiếng Ả Rập lưu loát, ăn mặc giống như một người Muslin (Hồi giáo). Ông thuyết phục được một người hướng đạo bản địa, tỏ ý mong muốn có thể kính dâng trước mộ một con sơn dương. Có người đồn đại nói gần ngôi mộ đó có một thành thị bị vùi lấp. Người hướng đạo ấy dẫn Bechat, dọc theo Sikh, con đường ngày nay du khách tới Petra tất phải qua - một khe nứt hẹp lún sâu trong nham thạch - đến trước một vật kiến trúc khiến người khó quên, mặt chính của nó rộng 27 mét, cao 40 mét. Tòa kiến trúc này là "Kho báu". Phong cách thiết kế của kiến trúc này so với nói là kiểu Nabateans chi bằng nói là kiểu cổ điển. Dù vậy, kho báu vẫn là bia kỷ niệm nổi tiếng của Petra. Chum ở vùng nóc mặt chính từng được cho là dùng để chứa của cải của một vị pharaon nào đó, trước đây rất nhiều du khách từng thử dùng súng bắn trúng cái chum này để lấy của cải trong đó.

Khe núi mở ra ở một bên kho báu, hiện ra rất nhiều phần mộ đào vào trong nham thạch. Những mộ này do sa thạch màu phấn cấu thành, cùng trộn lẫn rất nhiều màu sắc khác. Có cái điêu khắc trên bia phơi ra trong gió, bị xâm thực không sao nhận ra nổi. Có đủ chứng cớ về phương diện khảo cổ học chứng tỏ, Petra ban đầu vừa không phải là màu đỏ hoa hồng, vừa không phải là màu hồng nhạt giống như cá hồi chó, mà tô điểm bằng bùn xám, hoàn toàn không giống với tình huống nhìn thấy ngày nay. Một phương diện khác khi người ta dọc theo Sikh nhỏ hẹp, khuất lấp tiến về phía trước, bỗng nhiên nhìn thấy mặt chính kho báu dưới ánh mặt trời chiếu, không nghi ngờ gì nữa, sự từng trải như vậy ở bất kỳ thời đại nào đều mang lại cho người ta một thứ cảm thụ kinh lạ.

Kiến trúc Kho báu nổi tiếng rất có thể là mộ địa của một trong những người thống trị vương triều Nabateans.





TRUNG QUỐC - XÂY DỰNG CUỐI THẾ KỶ 3 TRƯỚC CÔNG NGUYÊN

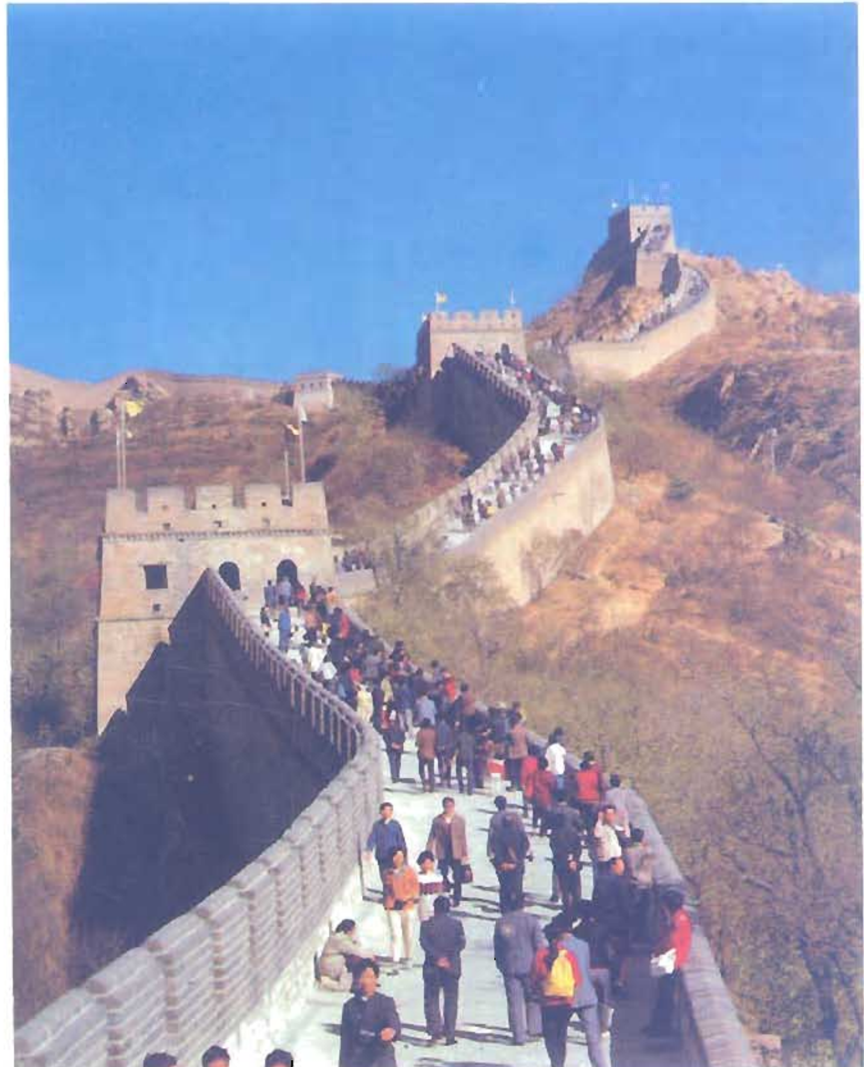
TRƯỜNG THÀNH

Kiến trúc lớn nhất thế giới do sức người dựng nên, nó khiến hàng ngàn hàng vạn người bỏ mạng.



Trường thành của Trung Quốc là một trong những kỳ tích công trình kiến trúc đặc sắc nhất từ khi có sử đến nay, cũng là một trong những công trình có số người thương vong nhiều nhất. Nó là do vị vua đầu tiên thống nhất Trung Quốc Tần Thủy Hoàng xây dựng sau năm 220 trước công nguyên. Công trình tốn thời gian gần mười năm, trước lúc đó một số nước chư hầu nhỏ đấu chọi với nhau ở phương bắc mỗi nước dựng một số trường thành nhỏ. Tần Thủy Hoàng trưng triệu một đội ngũ do nông dân, binh sĩ, tù phạm và cả chính trị phạm tổ chức thành đem những trường thành nhỏ trước đây xây lại và nối liền với nhau, hình thành bình phong chắn biên giới phương bắc xuyên vượt núi non, nó là chiến lũy ngăn chặn kỵ binh du mục trên thảo nguyên lớn Mông Cổ phương bắc tập kích, cũng có thể còn là một chứng minh hùng hồn cho quyền lực và vinh quang của bản thân Tần Thủy Hoàng.

Tần Thủy Hoàng ủy phái tướng giỏi nhất của ông, Mông Điềm, phụ trách công trình này.



Người tham quan thảnh thơi tản bộ trên nóc Trường thành. Binh sĩ của thiên tử từng xếp đội ngũ chiến đấu 10 người một hàng đi qua đây.



Trường thành ở chỗ hẻm núi Mộ Thiên, ngoằn ngoèo xuyên qua rặng núi, giống như đường xe đi vòng.

Tường thành dọc theo dốc núi nhấp nhô vươn dài, xuyên qua sa mạc và đầm lầy. Tường đắp bằng đất lấy đá làm nền móng, mặt ngoài dùng gạch gắn chặt vào. Từ trên đài nhìn xa có thể nhìn thấy tín hiệu khói mù, mà buổi tối lợi dụng đống lửa, tin tức như vậy có thể dùng tốc độ hiếm thấy truyền suốt toàn quốc.

Nghe nói 30 vạn người tham gia công trình gian khổ này. Mà công tác tổ chức và bản thân việc cung ứng cấp dưỡng cho một đội ngũ khổng lồ như vậy là thành tựu khiến người kinh ngạc và ca ngợi, nghe đồn từng có một thầy phù thủy nói với Tần Thủy Hoàng nếu muốn tường thành vững chãi, ắt phải có một người họ Vạn, hoặc giả cần một vạn người chôn ở bên trong. Tần Thủy Hoàng tìm được một người họ Vạn, giết chết anh ta rồi chôn anh ta bên trong tường. Có thể nói một cách không chút khoa trương, gần mấy ngàn người chết trong khi xây dựng Trường thành, thi thể của họ đắp thành Trường thành. Cho nên Trường thành được gọi là Trường thành của nấm mộ và nước mắt trên đời.

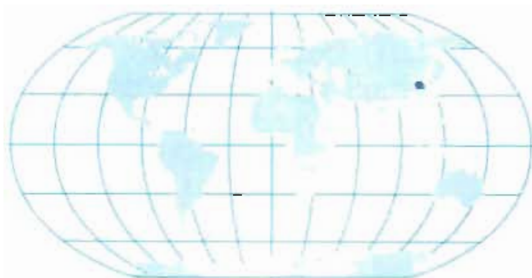
Nếu quản lý được thích đáng, Trường thành có công hiệu thực tế, nhưng trong vài trăm năm sau đó, Trường thành không người chăm sóc, tiếp theo đó lại mấy lần sửa đắp. Triều Tùy vào năm 607 bắt đầu đắp lại Trường thành. Nghe nói hồi bấy giờ không dưới trăm vạn dân công bị bức xây đắp Trường thành, một nửa số người trong đó bỏ mạng. Mãi đến thế kỷ 15 triều Minh tiến hành xây đắp phạm vi tương đối lớn đối với Trường thành, lần cuối cùng nó mới thành hình. Hiện giờ bộ phận Trường thành đã đắp lại cung cấp cho du lãm tham quan.

Trường thành bắt đầu từ Bột Hải Quan phía đông bắc Bắc Kinh, vượt qua Hoa Bắc, thẳng đến sa mạc Gobi. Do vô số lần đắp lại, tổng chiều dài của nó có thể chênh lệch vài trăm kilômét, thậm chí vài ngàn kilômét, có một số chỗ có tường song song, còn có tường nhánh không đến xuể, những cái đó hoặc có thể tính vào bên trong hoặc có thể không tính vào bên trong (con số quan phương mới nhất là 6350 km). Nhưng căn cứ vào tin trên báo, năm 1990 một người Trung Quốc đi trọn toàn chặng đường Trường thành. Khí cụ đếm bước của ông ta biểu hiện rõ Trường thành tổng chiều dài 6700km.

Trường thành vừa là một bình phong chắn vừa là một tuyến đường chính giao thông rất lớn. Nóc Trường thành rộng 5,5 mét, đủ dung nạp bộ binh 10 người một hàng hoặc kỵ binh 5 người một hàng đi qua, chiều cao bình quân của nó là 9 mét, đài nhìn xa cao đến 12 mét. Trải qua mấy nghìn năm mưa gió, Trường thành vẫn khiến người rúng động tâm hồn.



Đài nhìn xa trên Bát Đạt Lĩnh.



TRUNG QUỐC - TẠO NĂM 210 TRƯỚC CÔNG NGUYÊN

ĐỘI QUÂN ĐẤT NUNG

2000 năm nay một đội quân đất nung lớn bằng người thật canh giữ lăng mộ một vị hoàng đế.



Năm 1974, ở gần Lâm Đồng, Trung Quốc một số nông dân khi đang đào giếng kinh lạ phát hiện họ đào được một số tượng chiến sĩ lớn bằng người thật và một số tượng ngựa. Phát hiện ngẫu nhiên này dẫn tới cuộc điều tra khảo cổ phấn khởi nhất thế kỷ này, đào được vài ngàn tượng đất nung - họ được chôn bên cạnh Tần Thủy Hoàng người xây dựng Vạn lý trường thành đầu tiên của Trung Quốc, họ không nghi ngờ gì nữa là được triệu tập đến đánh trận cho ông sau khi ông chết.



Tóc bộ binh búi trên đầu.

Đến nay ở ba đại sảnh dưới đất và trong hầm phát hiện 8000 tượng, có bộ binh, xạ thủ bắn cung, xạ thủ cung nỏ đá, kỵ binh, chiến xa chiến mã - đều xếp hàng thành đội hình tác chiến. Họ cao 1,6 mét đến 1,7 mét, hình mặt và vẻ mặt mỗi cái mỗi khác, có những người đứng, có những người rút kiếm quỳ, rõ ràng đang ngăn chặn kẻ địch tấn công, có người mặc giáp đội khôi, nhưng đại đa số mặc áo ngắn bó sát người, lưng thắt dải, bên dưới quấn xà cạp, đi giày mũi vuông. Bộ phận thân của tượng là rỗng, nhưng tứ chi là đặc. Vũ khí của họ - kiếm, trường mâu, cung tên - đều là thật. Yên cương ngựa là bằng đồng, tóc mỗi bộ binh vén lên, thắt một cái nút trên đỉnh đầu, kỵ binh đều đội mũ dùng dải buộc bên dưới cằm cổ.

Những tượng đất nung này vốn đều vẽ màu, màu sắc tươi thắm. Nhưng 2000 năm nay lặng lẽ đứng canh giữ, một phần màu sắc đã phai đi. Gần 6000 tượng binh mã phát hiện được trong hầm số 1. Hầm này ở chỗ sâu 4,9 mét, dài chừng 229 mét, rộng 61 mét, ở đây có tượng đất nung bộ binh, xạ thủ bắn cung



Những tượng này cung cấp tư liệu quý báu về quân phục, trang bị và vũ khí của quân đội vương quốc Tần.

và chiến xa. Trong hầm số 2 nhỏ hơn còn có vài trăm bộ binh, chiến xa và xạ thủ bắn cung. Hầm số 3 chỉ có 68 tượng đất nung, rõ ràng là tướng chỉ huy và thuộc hạ của họ.

Hầm số 1 và rất nhiều tượng đất nung trong hầm hiện đang mở cửa cho du khách vào xem. Phim quay ghi lại tình huống đào chiếu ở viện bảo tàng hiện trường, ngoài ra một số tượng đất nung và hai chiếc xe ngựa lớn bằng vật thật đằng trước buộc ngựa, bên trên có phu đánh xe ngồi. Chúng được phát hiện

năm 1980, hoàng đế, đại thần, phi tần thời bấy giờ ngồi trên công cụ giao thông là như vậy.

Tần Thủy Hoàng chết năm 210 trước công nguyên, mộ của ông ở phía dưới một sống đất cao khoảng 43 mét gần đó, đến nay vẫn chưa đào, không ai biết lối vào cửa ở chỗ nào. Rất có thể người xây mộ đều bị giết chết chôn trong mộ, khiến bí mật không có cách nào tiết lộ. Theo tin đồn rất nhiều thần tử, người hầu và phụ nữ đều bị chôn sống trong mộ ông để sau khi ông chết vẫn phục vụ cho ông. Kiến trúc toàn thể lăng mộ đều là khi ông còn sống cưỡng bức nhân công đến làm việc, tốn nhiều năm xây dựng nên.

Phát hiện năm 1974 là độc nhất vô nhị, trong viện bảo tàng Hàm Dương cách đó không xa có 2500 tượng đất nung nhỏ cao 60cm trong mộ Hán (triều Hán là triều đại thay thế triều Tần) phát hiện năm 1965, trong đó có bộ binh và kỵ binh. Theo tin trên báo, năm 1990 các nhà khảo cổ học Trung Quốc lại đào được một ngôi mộ Hán, trong đó hầm và đường ngầm giống như mê cung lại phát hiện được hàng ngàn tượng bao gồm đàn ông, thanh niên và ngựa, họ mang vũ khí bằng đồng và sắt, còn có một xe lớn bằng gỗ.



Binh sĩ đất nung lớn bằng người thật.

Khi đào trong một hang phát hiện các tướng sĩ xếp hàng theo cấp bậc. Những binh sĩ điêu khắc không người nào giống người nào, họ là một đội quân hoàn chỉnh của hoàng đế.

HAI TRIỀU TẦN HÁN CỦA TRUNG QUỐC

TỪ THỜI KỲ TẦN HÁN XÂY DỰNG LÊN ĐẾ QUỐC PHONG KIẾN KÉO DÀI MÃI ĐẾN THẾ KỶ 20

Trung Quốc, quốc gia có đất đai rộng mênh mông, lịch sử của nó có thể dõi nguồn ngược lên đến trước 3000 năm trước công nguyên thậm chí đến niên đại xa xôi không rõ thời tiền sử. Nhưng sự xây dựng Trung Quốc thời kỳ Trung cổ và cận đại phải bắt đầu từ thời kỳ Tần Hán, hai chữ "Trung Quốc" đã xuất hiện từ trước triều Tần, có thể thấy Trung Quốc là một trong những nước cổ văn minh thế giới.



Tranh trong huyệt mộ một vị hoàng đế đời Hán.

Trường thành và đội quân đất nung canh giữ lăng đời Tần là di sản của Tần Thủy Hoàng. Tần Thủy Hoàng Doanh Chính ra đời năm 259 trước công nguyên, theo lời đồn là con tư sinh của mẹ ông và một thương nhân. Năm ông 13 tuổi lên nối ngôi vua của cha, ông là một vị vua chuyên chế có chí lớn mưu cao, kiến thức và can đảm, ông chinh phục rất nhiều nước thời Chiến Quốc ở hai bờ Hoàng Hà, và mở rộng thế lực của ông đến phương Nam, vào năm 221 trước công nguyên, xây dựng đế quốc của ông - triều Tần.

Ngoài xây đắp Trường thành, Tần Thủy Hoàng còn cưỡng bức nông dân, tù binh và chính trị phạm đắp công lộ, đào kênh, trong mấy cuộc mưu sát ông đều may mắn thoát nạn. Tần Thủy Hoàng trong thời gian ở ngôi, thống nhất chữ viết, tiền tệ và phép đo lường.

ĐẾ QUỐC LÂU BỀN

Tần Thủy Hoàng dựng đô ở Hàm Dương phía tây thành Tây An. Tần Thủy Hoàng lợi dụng nhà nước quan văn mạnh mẽ để thống trị vương quốc của ông. Bất kỳ người nào đụng chạm đến chế độ của ông đều bị trừng phạt nghiêm khắc, do đó xảy ra sự kiện "đốt sách chôn học trò" vào năm 213 trước công nguyên. Ngoài những sách vở lưu giữ trong kho sách hoàng gia ra, tất cả những trước tác học thuật đều bị tiêu hủy. Nghe nói có 460 học giả sau khi bị phát hiện trái với mệnh lệnh này đều bị chôn sống. Sau khi Tần Thủy Hoàng chết, kho sách hoàng gia trong cơn hỗn loạn cũng bị thiêu hủy, tạo thành tổn thất nặng nề về lịch sử văn hóa Trung Quốc.

Tần Thủy Hoàng để lại dấu ấn sâu của ông ở Trung Quốc. Đế chế phong kiến do ông xây dựng năm 221 trước công nguyên là chế độ chính trị dài nhất trong lịch sử. Hơn 2000 năm trải qua sự biến thiên của các triều đại, mãi đến năm 1911 công nguyên mới bị lật đổ.

Tần Thủy Hoàng chết năm 210 trước công nguyên, sự sợ hãi của người ta đối với ông biến mất, người kế thừa nhu nhược của ông không có cách nào khống chế cục diện, nhưng đế quốc vẫn còn tồn tại. Năm 206 trước công nguyên xảy ra khởi nghĩa nông dân, lật đổ vương triều Tần. Người lãnh đạo khởi nghĩa Lưu Bang xây dựng triều Hán. Theo lời đồn 72 cái nốt ruồi trên đùi trái ông giúp ích cho ông (dân gian coi 72 thành một con số thần bí mà có sức mạnh siêu phàm).

Từ năm 206 trước công nguyên đến năm 220 công nguyên, triều Hán trải qua hơn 400 năm. Các đế vương triều Hán nối nhau mở rộng cương thổ về phía nam, ít nhất về danh nghĩa khống chế khu vực Trung Quốc hiện đại. Họ chinh phục khu vực phía bắc bán đảo Triều Tiên hiện nay, mở thông con đường tơ lụa từ Châu Á đến Châu Âu, tơ lụa có thể từ đường này đến tận La Mã. Chính là bắt đầu từ đời Hán, tư tưởng Nho gia và chế độ nhà nước quan văn được cố định lại. Hai cái liên hệ chặt chẽ thành bộ phận tổ thành của đời sống Trung Quốc cổ đại.

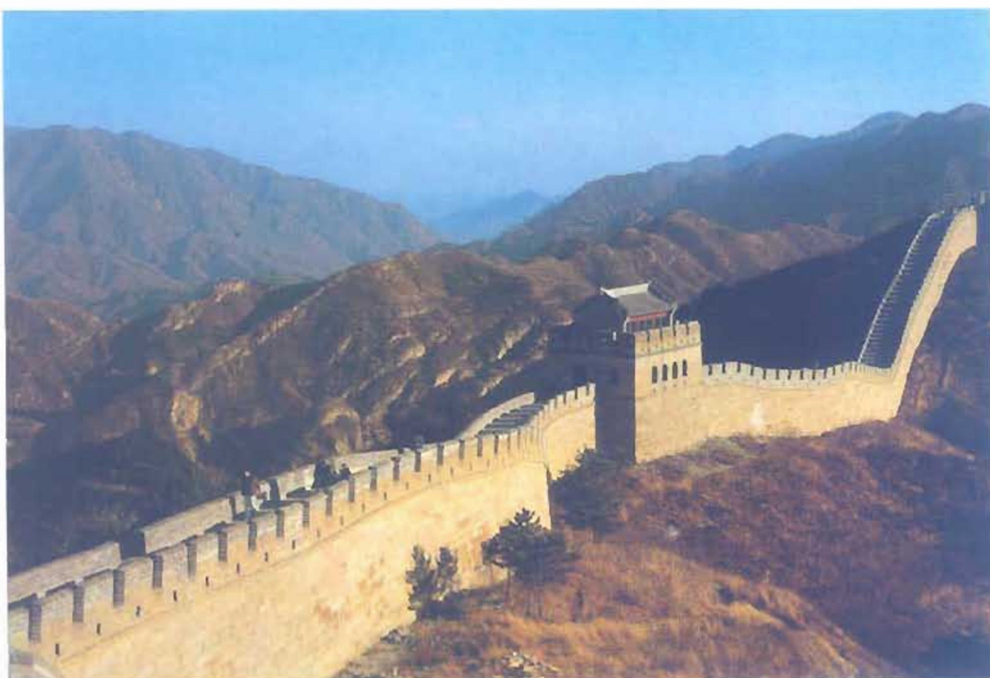
CHẾ ĐỘ QUAN LIÊU TRÊN TRỜI

Khổng Tử sống vào khoảng năm 500 trước công nguyên, trước đời Hán rất lâu. Tất cả những trứ tác của ông trong vụ "đốt sách chôn học trò" bị hủy (người ta đoán phỏng như thế). Về sau bản sao được cất giấu lại thấy ánh sáng mặt trời, trứ tác thất truyền cũng do những học giả già dựa vào trí nhớ chép lại. "Ngũ kinh" được coi là Khổng Tử biên soạn có ảnh hưởng lớn lao.

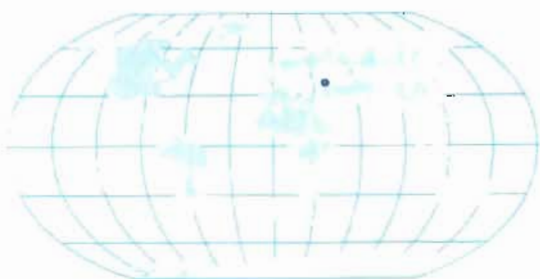
Tư tưởng Nho gia, ít nhất là tư tưởng Nho gia xây dựng lại đời Hán là một thứ hình mẫu chế độ hành chính có văn nhân tham dự để quản lý xã hội, đã cung cấp một hình mẫu đáng được ca ngợi. Nó dạy người ta phải kính trọng người đương quyền, người cao tuổi bề trên và tầng lớp có học vấn; nó đề xướng truyền thống và chế độ thời cổ, lễ độ và lễ tiết, trấn định và không thiên lệch; nó tán đồng một cá nhân nên ở yên vị trí trong xã hội mà mình ở vào; tiếp nhận số phận của mình, đừng nên không an phận.

Không lấy gì làm lạ, ở Trung Quốc hồi bấy giờ trong một xã hội bị chế độ quan trường phiền phức chế ước khắt khe, đẳng cấp quan trường rõ rệt như vậy, Khổng Tử dĩ nhiên được tôn làm một vị thần. Một thứ chế độ hành chính như vậy không gì là không bao biện, dĩ chí bao gồm cả vương quốc trên trời là thần chủ tể, sự thiết lập chế độ quan liêu tức là như vậy. Người ta tin rằng các quan chức trên trời cũng dùng phương thức truyền thống của Trung Quốc để thống trị vũ trụ. Hoàng đế cũng được phú cho quyền lực quản lý quan chức trên trời, ông thậm chí có thể thăng chức hoặc bãi miễn một số thần nhỏ địa phương.

Trung Quốc ngày nay là một quốc gia nhiều dân tộc thống nhất đang dùng tốc độ phát triển trước chưa từng có tiến về mục tiêu lý tưởng.



Xây đắp Trường thành là để ngăn cản dân tộc du mục tiến xuống phía nam, đồng thời nó cũng là tượng trưng cho quyền lực đế chế lâu dài.



THỔ NHĨ KỲ - NĂM 62 TRƯỚC CÔNG NGUYÊN

NÚI NEMRUT

Đó là một bia kỷ niệm hùng vĩ, chủ nhân của nó là một vị quốc vương không mấy quan trọng nhưng lại liệt mình vào hàng các thần.



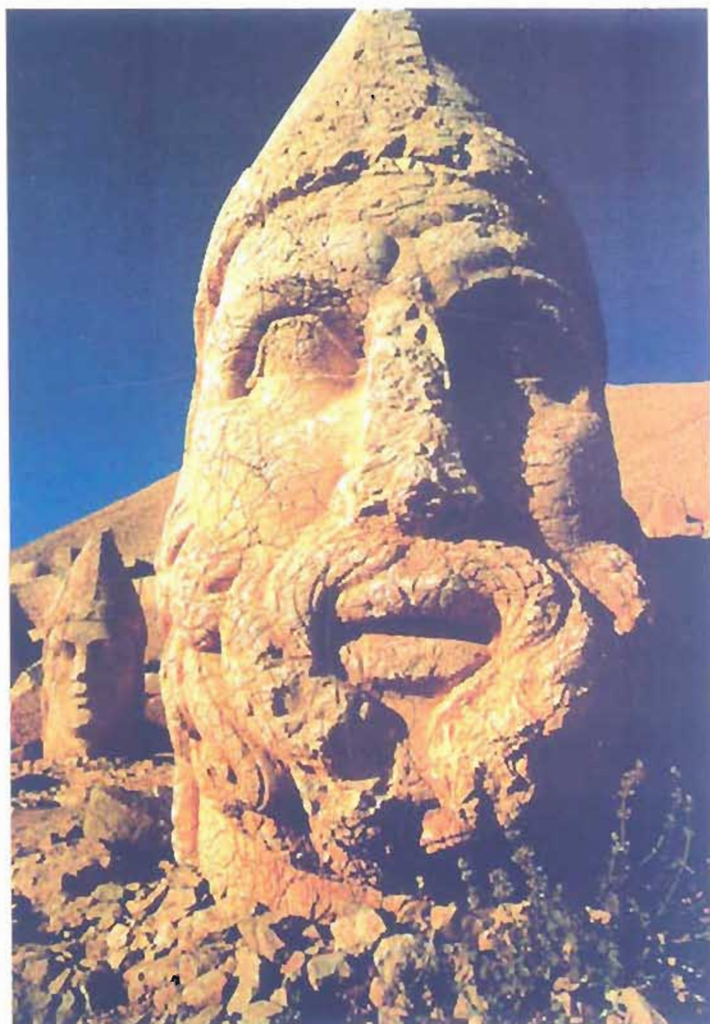
Trên ngọn núi cao nhất vương quốc Anteuk có một con chim ưng canh giữ, đây cũng có thể là chỗ gần trời và vương quốc của các thần hơn cả.

Núi Nemrut là một núi cao 2134 mét so với mực nước biển ở miền đông nam Anatolia. Từ năm 69 đến năm 34 trước công nguyên, quốc vương vùng Comagina Anteuk I xây dựng trên đỉnh núi một bia kỷ niệm khác thường để biểu thị vinh quang của ông và các thiên thần (căn cứ vào văn bia). Coi là thế hệ sau của người Ba Tư và người Hy Lạp, vương quốc mà ông thống trị thu được ích lợi lớn trong mậu dịch giữa Syria và Ba Tư.

Trong rất nhiều thần thoại các thần đều lấy đỉnh núi làm nơi cư trú truyền thống của họ, cho nên Anteuk khiến núi Nemrut thành ngôi nhà chứa rất nhiều tượng thần lớn - tượng điêu khắc của chính ông cũng nằm bên trong. Một ngôi mộ cổ trên đỉnh núi do đá lổng

lẻo chất thành. Hai mé đông tây của mộ do hai con sư tử và hai con chim ưng canh giữ. Trên đỉnh núi có tượng của Herakles, Zeus Oromasdys (thần có liên quan với Thần Thiện của Ba Tư Ahura, Mazida) Dix (nữ thần số mệnh Hy Lạp), Apollon. Mitra và tượng bản thân Anteuk. Tượng thần đều có tư thế ngồi. Trong mấy thế kỷ gió mưa, đầu của tượng thần đều tách lìa thân thể, nằm ngả ra bốn chung quanh với hình thái lạ lùng độc đáo. Thân phận của mỗi tượng thần là căn cứ vào văn bia mà xác nhận. Sự nhận ra những hình vẽ trên phù điêu trên ván đá dựng thẳng tạo thành rìa vách cũng là như vậy. Hình điêu khắc bên trên là người Macedonia và người Ba Tư tổ tiên Anteuk, trước mỗi tượng thần đều có đàn tế để thắp hương.

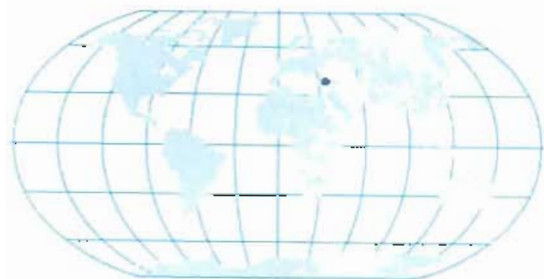
Mộ cổ cao đến 49 mét, đường kính 152 mét. Tổ tiên trên tượng và trên phù điêu ở hai mé mộ cổ là giống nhau, nhưng tượng ở đất dốc mặt nam bảo tồn được tốt hơn. Tuy nhiên chúng không phải là do cả khối đá điêu khắc mà thành, mà là do từng lớp đá đắp thành. Vùng đầu tượng đá lớn hỗn hợp một cách độc đáo đặc trưng vùng mặt của người Hy Lạp và trang sức đầu cùng kiểu tóc của người Ba Tư. Không nghi ngờ gì nữa, Anteuk liệt mình vào hàng các thần. Hình trên phù điêu trên bệ phía tây bảo tồn hoàn hảo miêu tả ông ta đang nắm tay các thần Apollon, Zeus và Herakles. Cũng như vậy một tấm đá lớn miêu tả một con sư tử dẫn tới sự hứng thú của mọi người. Nó biểu hiện rõ vị trí



"Trời xanh, hãy nhìn tác phẩm của tôi đi, ông sẽ tuyệt vọng. Tất cả đầu của thiên thần và anh hùng đều rơi trên mặt đất" (Đoạn văn này không biết trích dẫn từ đâu - Người dịch)

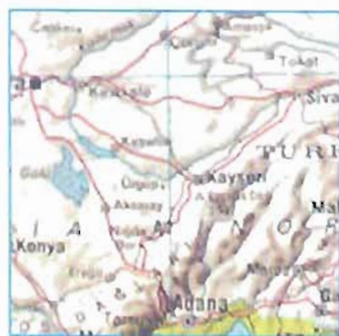
của Hằng tinh và Mộc tinh, Thủy tinh, Hỏa tinh vào ngày 7 tháng 7 năm 62 trước công nguyên. Về ý nghĩa của ngày nay vẫn chưa xác minh, nhưng nó cũng có thể là ghi lại ngày khởi công xây dựng những kiến trúc này.

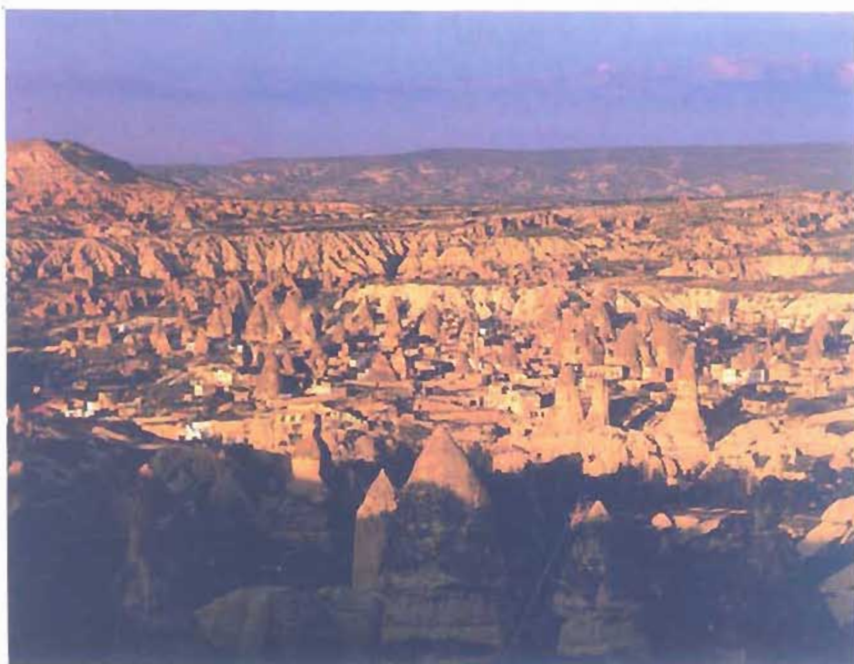
Phía đông mộ cổ có một đàn tế bảo tồn lại được. Có dấu vết chứng minh khoảng giữa hai bệ đông, tây có một đường thông hai bên xây tường. Từ một con đường nhỏ dưới núi có thể đi vào đường thông này. Toàn thể kiến trúc rất có thể là nơi định kỳ cử hành nghi thức tôn giáo. Sau mấy thế kỷ vắng lặng, năm 1881, một kỹ sư Đức tên Karl Syst, phát hiện núi Nemrut. Tuy trong công tác khai quật tiếp theo đó, người ta chưa thể phát hiện mộ của Anteuk, nhưng người ta khẳng định mộ của ông ở nơi này. Có di hài của người hay không căn bản không quan trọng, nhưng trong tượng điêu khắc khổng lồ còn lại, sự ngạo mạn tự cao, ngạo nghễ trước thần minh của ông ta vẫn bảo lưu lại.



GIÁO ĐƯỜNG HANG NÚI CAPPADOCIA

Trên hàng trăm ngàn giáo đường hang núi này thể hiện rõ ràng nghệ thuật Byzantine.

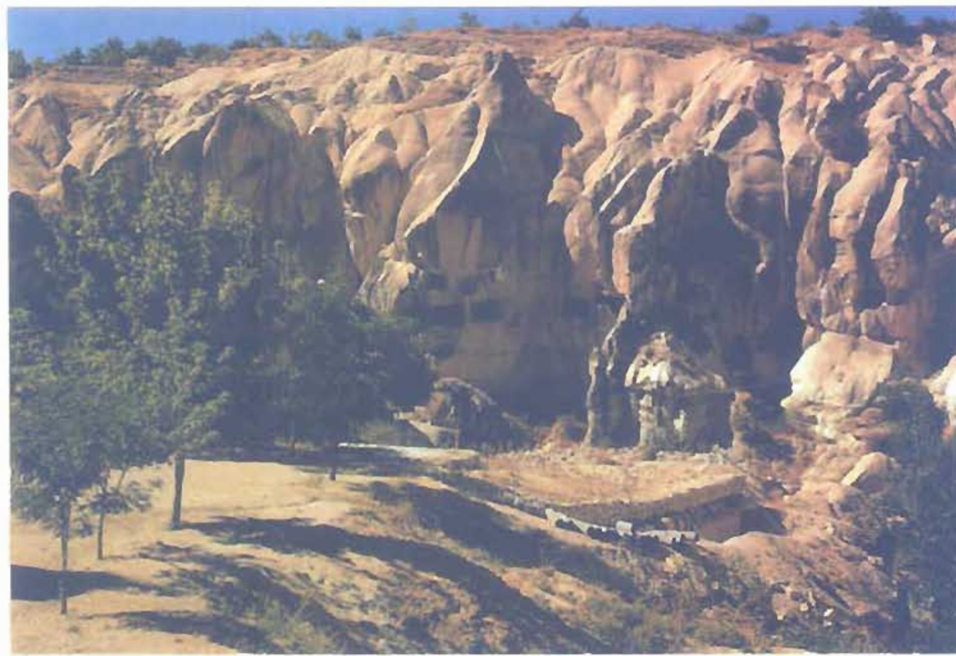




Ở hang núi Grem, có 350 giáo đường lớn nhỏ đục vào trong đá núi, đại bộ phận giáo đường tạo vào thế kỷ 10 và 11 công nguyên, có cái còn cổ hơn, người ở hang sống trong nhà đào sâu vào đá.

Cappadocia là tên gọi thời cổ của khu vực miền Nam Antolia, cảnh sắc ở vùng này nếu không nói là siêu phàm, ít nhất cũng rất cổ kính. Núi lửa hoạt động mấy nghìn năm trước hình thành tro núi lửa, bùn đọng và lớp nham thạch núi lửa. Tiếp theo đó tác dụng phong hóa của tự nhiên xâm thực vật chất mềm lỏng, cái lưu lại là nham thạch càng vững chắc, sự tổ hợp lạ lùng độc đáo của chúng được miêu tả thành ống khói của tiên giới. Vùng đất cằn cỗi, tối tăm, hoang vắng này được so sánh với bộ mặt của mặt trăng. Điều khiến người kinh ngạc là ở đây vào một thời kỳ nào đó có rất nhiều cư dân.

Cappadocia từng ở dưới sự thống trị của vương quốc Hittites và vương quốc Ba Tư, năm 17 công nguyên nó thành một bộ phận của đế quốc La Mã. Mọi người đều biết, Cơ đốc giáo thời kỳ đầu theo đuổi đời sống ẩn cư và chủ nghĩa cấm dục, họ cho rằng như vậy có thể tiến hành cảm thông với Thượng đế tốt hơn. Đối với những người theo đuổi phương thức sinh hoạt này, đặc biệt là khi họ phát hiện những nham thạch hình tháp nhọn và hình "ống khói" lạ lùng độc đáo này có thể đục rỗng làm nơi nương thân, thậm chí có thể xây dựng thành quần thể kiến trúc do gian phòng hành lang v.v... đẹp đẽ cấu thành, núi Grem ở Cappadocia liền thành đất lành của họ. Những người ẩn cư dựng lên nhà đá, khu làng xã hợp tác hỗ trợ nhau cùng xây dựng lên. Nhưng cái chủ yếu nhất là giáo đồ Cơ đốc xây dựng giáo đường. Có cái chỉ là một gian nhà nhỏ giản dị mộc



Do chịu sự xâm thực của gió mưa, hình thành một thứ địa mạo phong cách siêu thực kỳ lạ độc đáo. Có cảnh quan xem ra giống như trải qua tay người đẽo gọt mà thành. Kỳ thực giáo đường nham thạch mới đích thực là trải qua tay người xây dựng.

mạc, có những cái lại là kiến trúc kết cấu nóc vòm tương đối đẹp. Nghe nói ở vùng Grem có 365 tòa kiến trúc như vậy, mà ở toàn thể Cappadocia lại có càng nhiều.

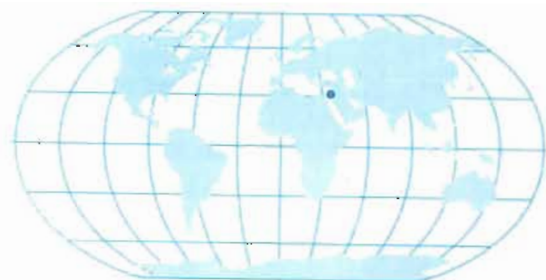
Có một số đánh giá chứng tỏ nơi đây từng có thành thị hoàn chỉnh. Hàng ngàn vạn người để tránh sự xâm lấn của người Á Rập thế kỷ thứ 7 công nguyên mà đến đây tìm cách lánh nạn. Hang động dày như mắt lưới dưới đất là nơi họ ẩn thân. Nguy hiểm trước mắt một khi qua đi, càng nhiều giáo đường đẹp mang truyền thống Byzantine được đào một cách tinh tế trên nham thạch mà thành, và thêm vào lượng lớn trang sức, có cái trang sức là hoàn toàn trừu tượng hóa. Cái đó có thể dõi nguồn ngược lên đến thế kỷ 8 và thế kỷ 9, nội bộ Chính thống giáo phương Đông hồi bấy giờ không ngớt tranh luận về chuyện có cho phép tạc Chúa Trời và Jésus thành hình tượng phàm nhân hay không. Nhìn từ một số giáo đường ở Cappadocia họ vào lúc tranh luận còn đang bốc lửa, đã có được quyết định. Cuộc tranh luận này mãi đến năm 842 công nguyên mới được giải quyết. Thời điểm sớm hơn một chút, trên vách trong nham thạch nhẵn nhụi trang sức đồ án kỷ hà giản đơn. Sau đó theo với sự phát triển của kỹ thuật, tường nham thạch trước khi lên màu được trát vôi lên.

Trong giáo đường đen ở Grem có một số bích họa chất lượng cao, màu của bích họa do chưa được ánh mặt trời chiếu vào mà bảo tồn như mới. Phụ thuộc vào giáo đường thế kỷ 11 công nguyên này có một nhà ăn, xem ra cũng giống như một bộ phận của một tu viện dưới đất. Một số giáo đường khác cũng tạo ở gần nhà ăn, giống như sống sinh hoạt tập thể, sự đổ nát của nó mang lại cho người ấn tượng sâu sắc. Một tầng khoảng giữa của nó là một giáo đường nhỏ, hai tầng bên trên là gian phòng, bên dưới là nhà bếp và nhà ăn.

Bích họa của giáo đường Rắn vẽ một con rồng (hoặc là rắn) bị Thánh Georges giết; mà ở giáo đường Táo, bốn vách và nóc vòm đều là tranh thế kỷ 11 vẽ về cuộc đời Jésus— đó chỉ là hai ngôi trong rất nhiều giáo đường. Trước khi đế quốc Byzantium diệt vong, khu làng xã Cơ đốc giáo tồn tại lượng lớn ở đây. Mãi đến đầu thế kỷ 20 một bộ phận giáo đường vẫn được sử dụng.



Bích họa trong giáo đường.



ISRAEL - XÂY XONG NĂM 692 CÔNG NGUYÊN

CHÙA NÓC TRÒN MÁI ĐÁ

Đó là một đền thánh thiêng liêng nhất trong số những kiến trúc đạo Islam cổ xưa trên thế giới.

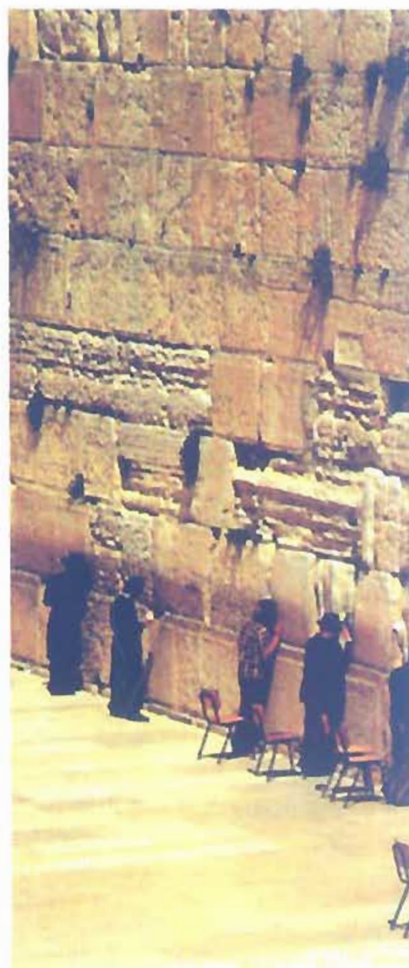


Chùa nóc tròn mái đá là một tòa thần điện đạo Islam, rất có tính quan trọng. Hồi năm 1000 trước công nguyên, vua David chiếm Jérusalem. Ông nhân kiểm tra nhân số người Israel và người Do Thái mà chọc giận Thượng đế, giáng xuống một cơn ôn dịch. Để tỏ ý biết lỗi của mình đối với Thượng đế, David trên một tảng nham thạch ở Jérusalem xây dựng một đàn tế, tảng đá ấy nhân Abraham từng chuẩn bị giết con mình - Isaac để dâng hiến Thượng đế trên đó mà được mọi người chiêm ngưỡng, rất nhiều người cho rằng nó là trung tâm của thế giới.

Chính ở chỗ này, Salomon con trai David dựng lên thánh điện có khám vách để quyển kinh, đến nay vẫn có thể nhìn thấy tàn dư một bộ phận nhỏ của nền đất thần điện nằm trên. Thế kỷ 6 trước công nguyên thành này bị Nebuchadnezzar I hủy hoại. Sau đó thánh điện được xây dựng lại. Thế kỷ I trước công nguyên, trong quá trình xây dựng lại, vua Herode tiến hành mở rộng bệ và thánh điện.

Thế kỷ 7 công nguyên Khalifa Oumar người Ả Rập chinh phục Jerusalem phát hiện tảng đá năm xưa, nên xây dựng ở gần đó một chùa Hồi giáo. Về sau Khalifa Abd al-Malik quyết định khiến thành thị đó thành nơi tín đồ đạo Islam hành hương bởi vì chỗ này là nơi Muhammad đêm đi lên trời. Lúc đó, ông được thiên sứ Gabriel gọi tỉnh, cưỡi ngựa bay đến Jerusalem, lên đỉnh núi Mauli, được phép từ đó lên chín tầng trời triều kiến Allah, tiếp cận thiên khải và giới luật đạo Islam. Chùa nóc tròn mái đá nêu rõ nơi Muhammad lên trời, những người đến hành hương ở đây có thể tại đây nhìn thấy dấu chân và ba sợi râu của ông.

Kiến trúc này xây trong khoảng năm 688 đến năm 692 công nguyên. Hoặc có thể là để thử thu hút những người đến Mecca hành hương đến nơi này. Nó là kiến trúc đạo Islam cổ xưa nhất hiện còn.



Bức tường Khóc. Bộ phận còn sót lại của kiến trúc lớn đền thần thời cổ.

Nghe đồn, nóc tròn của nó vốn chế bằng vàng đỏ, là tượng trưng cho tảng đá thánh mà nó bảo hộ. Nóc khum đường kính 20 mét, cao 34 mét xây trên nền đáy hình trống do cột

đá chống đỡ. Hành lang cột phía ngoài hình bát giác, hô ứng với tường ngoài thánh điện. Hàng đá lớn vị trí ở trung tâm thánh điện, hành lang cột chung quanh nó có thể khiến đội ngũ hành hương thảnh thơi đi lại chung quanh thánh vật ở đây.

Bên trong thánh điện là tranh khảm đẹp, có phong cách Byzantine rõ rệt. Vào thời kỳ xây dựng thánh điện, phép viết chữ sớm đã thành bộ phận quan trọng của thiết kế kiến trúc đạo Islam. Bên trong thánh điện có rất nhiều văn bia. Vùng trong của nóc khum cũng có một số chữ văn bia. Vùng ngoài nóc khum vốn trước do pha lê nạm khảm che phủ, đến thế kỷ 16, những thứ đó được mảnh ngói chuyên dùng thay thế.

Người xây dựng chùa nóc tròn mái đá Khalifa Abd al-Malik vương triều Umaya cũng được liệt vào văn bia trong điện để tỏ ý kỷ niệm. Về sau một Khalifa của vương triều Abbas thử sửa đổi văn bia, tuyên bố kiến trúc này là do ông ta xây dựng. Ông ta sửa tên nhưng quên sửa ngày tháng, công lao xây dựng chùa nóc tròn mái đá vẫn thuộc về Abd al-Malik. Núi Thánh điện mà chùa nóc tròn mái đá ở, là nơi ba thứ tôn giáo cùng tồn tại.



Hình mặt trăng mới ở nóc vật kiến trúc đều là tiêu chí của đạo Islam. Nóc tròn màu vàng kim là tượng trưng cho tảng đá thiêng ở trong chùa nóc tròn mái đá, dựa theo truyền thuyết cổ xưa, nơi này là trung tâm của thế giới.



NHẬT BẢN - XÂY NĂM 752 CÔNG NGUYÊN

ĐIỆN PHẬT LỚN

Tượng lớn của Phật Thích Ca Mâu Ni, nặng đến mấy trăm tấn, tay phải tượng Phật giơ một nửa trước ngực.



Điện Phật lớn trong Todaiji (Đông Đại tự) mấy lần trải qua lửa thiêu và xây lại, diện tích chỉ còn 2/3 kiến trúc cũ, nhưng điện này vẫn là kiến trúc bằng gỗ lớn nhất thế giới. Hiện giờ, điện từ đông sang tây dài 57 mét, từ nam đến bắc dài 51 mét, cao 49 mét. Thế kỷ 8 công nguyên, điện lớn do Thiên hoàng Shomu xây dựng, trong điện đặt tượng đồng thau lớn nhất thế giới - Phật lớn Nara.

Todaiji là một trong những thắng cảnh nổi tiếng nhất Nhật Bản. Phật lớn trong điện là pho tượng Phật lớn nhất trong nước Nhật Bản. Tượng Phật do một nhà điêu khắc Hàn quốc thiết kế, hao tốn 444 tấn đồng thau nấu đúc thành. Tượng ngồi lớn cao 16 mét, vùng mặt dài gần 4,9 mét rộng 3 mét, hai tai lớn mỗi tai dài 2,4 mét. Phật lớn giơ một nửa tay phải trước ngực. Lòng bàn tay hướng ra ngoài, mang đầy vẻ chúc lành, cũng khiến người chiêm ngưỡng có một thứ tâm cảnh yên tĩnh. Phật lớn tay trái đặt trên đầu gối, có ý thỏa mãn mỗi một nguyện vọng của người ta.

Phật lớn ngồi trên một cái bệ chu vi 21 mét, điểm xuyết 56 cánh hoa sen đúc bằng đồng, mỗi cánh hoa sen cao gần 3 mét. Phía sau vùng đầu tượng Phật là một vòng bánh xe ánh sáng làm bằng gỗ dát vàng, trong bánh xe ánh sáng hiện ra 16 hóa thân của Phật, bánh xe ánh sáng là được thêm vào hồi thế kỷ 17. Phía sau bên phải tượng Phật là một cây cột gỗ, trên có một lỗ hổng. Nghe đồn những người có thể xuyên qua lỗ hổng này sau khi chết có thể lên trời.



Tượng Phật lớn. Tượng Phật lớn là sự thể hiện của quyền lực các đế vương Nhật Bản, đồng thời cũng phản ánh trật tự ổn định mà hài hòa của Nhật Bản đương thời.

Trong điện lớn còn có tranh thần hộ pháp và mô hình điện lớn ngày trước. Năm 752 cử hành lễ khai quang long trọng huy hoàng. Gia đình Thiên hoàng, thành viên hoàng tộc, hàng trăm ngàn pháp sư và các đại biểu đến từ các địa phương Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn quốc tham dự lễ này. Một bộ phận lễ phục, đồ thờ, châu báu và vật quý khác sử dụng trong buổi lễ sau đó vẫn được bảo tồn trong nhà kho chùa - có thể gọi được là viện bảo tàng cổ xưa nhất thế giới (nhà kho thỉnh thoảng cũng được mở cửa cho công chúng vào xem). Trong nhà kho có hệ thống điều hòa không khí. Kỹ xảo kiến

trúc của điện lớn hết sức chuẩn xác: gặp lúc khí trời ẩm ướt, xà ngang bằng gỗ nở ra lấp đầy kẽ hẹp để phòng ngừa hơi ẩm thấp lọt vào; mà khi khí trời khô ráo thì co lại hình thành khe hở để không khí lưu thông. Chính vì như vậy, 11 thế kỷ nay, màn trướng, vật phẩm bằng giấy và bằng lụa trong điện lớn được bảo tồn đến nay. Todaiji xây xong thế kỷ 8 công nguyên, là một ngôi chùa chủ yếu của Tông Hoa Nghiêm Phật giáo Nhật Bản. Quần thể kiến trúc chùa này còn bao gồm bảo tháp, hai tòa đại điện xây thế kỷ 8, chỗ cư trú của pháp sư, trà thất trong hoa viên cảnh sắc đẹp đẽ và một viện bảo tàng nhỏ trưng bày công nghệ phẩm Trung Quốc và Triều Tiên. Cửa chùa xây lại năm 1199 công nguyên, do 18 cây cột gỗ cao 21 mét chống đỡ, có hai tầng lầu cao. Trên cổng lớn, chỗ lõm vào giống như khám vách tạc hai pho tượng Đế Bà cao 8 mét. Ngoài điện Phật lớn, chung quanh công viên Nara còn có rất nhiều điện Phật và chùa, đó là một chỗ trung tâm coi trọng tinh thần và tình cảm của đời sống Nhật Bản.



Thần xã Xuân nhật. Giáo phái Thần đạo (Shinto) ở bản địa không những không bị ức chế, mà còn được phát triển đồng thời với Phật giáo.

Thế kỷ 8 công nguyên, Phật giáo thành một bộ phận của bộ máy nhà nước Nhật Bản. Todaiji là chùa chính của Tông Hoa Nghiêm, giáo phái này ban đầu từ Trung Quốc truyền vào Nhật Bản.



INDONESIA - XÂY DỰNG KHOẢNG NĂM 800 CÔNG NGUYÊN

BOROBUDUR

Điện Phật lớn nhất trên đời, một cuốn sách giáo khoa Phật học dùng đá để viết.




Borobudur có hơn 500 pho tượng Phật ngồi, dùng rất nhiều điêu khắc biểu hiện giáo nghĩa Phật giáo.

Người xây dựng ngôi đền lớn này muốn trên bán đảo Java mô phỏng tạo ra một núi Tu Di trong thần thoại Ấn Độ; trên một ngọn núi màu vàng kim đặt toàn thể vũ trụ (thuyết này không đúng, theo đại bách khoa toàn thư Trung Quốc, tháp Phật chín tầng ấy là biểu thị thuyết "Tam giới" trong Phật giáo, quan điểm này của tác giả nguyên bản không chỉ ở chỗ này, mà ở các thiên, mục khác cũng xuất hiện - Người dịch) bên trên nó, tháp Phật và tượng Phật nhiều đến khó mà tưởng tượng vẫn đứng sừng sững. Nghe nói đây là di tích lịch sử lớn nhất Nam bán cầu.

Từ trên không nhìn xuống, Borobudur (ý là "Chùa nghìn Phật") xem ra là một Mạn đà la lập thể, tức tranh vẽ của Phật giáo đối với vũ trụ. Bao gồm tượng trưng trên trời dưới đất. Nó đắp trên toàn thể núi, giống như một kim tự tháp phân tầng, từ đỉnh núi hướng lên trên là từng tầng bệ, cao khoảng 400 mét, tính ra dùng 56634 mét khối đá. Bệ năm tầng phía dưới hiện ra hình vuông, đại biểu cho thế giới vật chất trần thế (theo đại bách khoa toàn thư Trung Quốc, năm tầng này đại biểu cho "dục giới và sắc giới", bên trên còn có bốn tầng đại biểu cho "vô sắc giới" - Người dịch). Ba tầng bên trên hiện ra hình tròn, đại biểu cho vương quốc tinh thần, người hành hương từ tầng vật chất từng chút một leo lên cảnh giới tinh thần. Trên bệ hình tròn ba tầng phía trên có từng dãy tháp Phật, chúng là khám Phật hình chùy, trong mỗi khám có một tượng Phật ngồi xếp bằng trầm tư, mỗi vị tay giữ ấn quyết khác nhau, biểu thị các thứ giáo nghĩa Phật giáo. Ở đỉnh toàn bộ kiến trúc, tức chỗ chính giữa sân thượng cao nhất nhìn cảnh các núi chung quanh có một tòa khám Phật độc lập đường kính 15 mét, tượng trưng cho mục tiêu cuối cùng của Phật giáo - Niết bàn, là giải thoát tinh thần,

tức Thiên đường (kỳ thực "Thiên đường" và "Niết bàn" trong Phật giáo căn bản là hai chuyện— Người dịch).

Người tham quan nên tuân theo tuyến đường đi quy định, theo từng bậc lên mỗi tầng bệ, sau đó phải hướng về bên trái vòng qua bệ một vòng (đi theo phương hướng ngược lại có nghĩa là đi theo hướng tà ác), mới có thể lên một tầng bệ khác. Toàn thể tuyến đường đi bộ, tính tổng cộng 5km, trong khi đồng thời thưởng thức những báu vật lớn nhất tập trung nhất của nghệ thuật Phật giáo hiện còn. Ở đây có 1500 tấm phù điêu bằng đá biểu hiện cuộc đời và sự dạy bảo của Phật, là một cuốn bách khoa toàn thư Phật giáo dùng đá viết nên. Còn có hàng trăm tấm phù điêu bằng đá biểu hiện đời sống hàng ngày, canh tác ban ngày, gia đình ăn ở, thuyền lắc lư trong bão táp, vũ đạo, khỉ, võ thuật. Những cái đó lại là sách giáo khoa ghi lại đời sống ở Java 19 thế kỷ trước. Những điêu khắc này trước vốn có màu sắc tươi thắm, toàn thể di chỉ mang phong cách nghệ thuật Ấn Độ.

Borobudur do các quốc vương vương triều Sailendra khoảng năm 800 công nguyên, có thể là tốn thời gian 75 năm hoặc dài hơn, huy động đội quân lao động khổng lồ và thợ đắp nặn chạm trổ và các phương tiện khác. 200 năm sau bị bỏ phế, mặc cho lặng lẽ đổ nát, bị rừng cây lấn dần. Rất lâu về sau, thời kỳ quân viễn chinh Anh chiếm đóng Java trong chiến tranh với Napoléon, một sĩ quan phát hiện lại Borobudur. Cây cỏ được dần dần trừ sạch. Năm 1907 nhà khảo cổ học Hà Lan bắt đầu tiến hành phục hồi đại quy mô đối với nó.

Tượng Phật và khám Phật hình chuông trên bệ cao nhất. Di tích Phật giáo đồ sộ trong vùng núi bao quanh, có phong cách nghệ thuật Ấn Độ, nơi này có ảnh hưởng chủ tể tất cả trên đảo Java hồi bấy giờ.

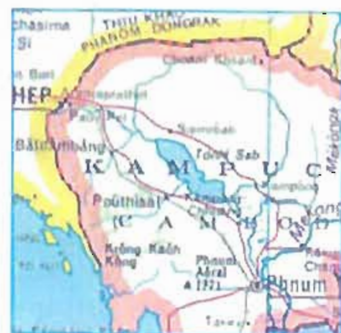




CAMPUCHIA - XÂY DỰNG KHOẢNG NĂM 1150

ĐỀN ANGKOR

Đền lớn nhất, nổi tiếng nhất trong số những quần thể kiến trúc đền chùa lớn nhất trên thế giới.



Của báu đặc sắc nhất trong kiến trúc Ấn Độ giáo trên thế giới không ở nơi ra đời của đạo này tại Ấn Độ, mà là ở Campuchia. Hồi thế kỷ 12, một vị thần vương, hoàng đế Javavarman II xây dựng đền Angkor to lớn. Đền Angkor là để dâng cho thần linh Ấn độ giáo Vishnou, nó vừa là một đền chùa vừa là lăng mộ của Javavarman I. Những người thống trị Khmer ở Campuchia vào thế kỷ 10 - 13 thống trị một vương quốc khá lớn. Họ tự nhận là hóa thân của Vishnou ở trần thế. Đền Angkor giống như cung điện của Thiên đường, linh hồn của quốc vương ngao du ở đây.



Đền chùa lớn, tháp đá cao, xếp hàng rất cân đối. Bốn chung quanh có hào rãnh, chúng đại biểu cho biển bao quanh Núi Thánh trong thần thoại Ấn Độ.

Chung quanh đền có hào rãnh vây quanh, bên ngoài có rất nhiều ao chứa nước. Thiết kế đền Angkor cân đối trang nhã, quy mô rộng lớn, diện tích tường phía ngoài quây vào đền 83610 mét vuông. Người tham quan từ một cửa ở tường phía ngoài đi vào sẽ nhìn thấy toàn thể vật kiến trúc đứng sừng sững bên trên hết tầng sân thượng này đến tầng sân thượng khác trùng điệp. Phía trên trung tâm của thánh điện này có một cái tháp cao 61 mét. Muốn đến được đây còn phải đi qua mấy cái cửa, một bậc

lên xuống và sân vườn mở rộng, chung quanh nó có bốn cái tháp tương đối thấp, chúng là dấu hiệu của bốn ngôi đền phụ thuộc.

Trang sức điêu khắc phong phú nhiều vẻ của đền Angkor và thiết kế cân xứng nghiêm ngặt của nó hình thành sự đối tỉ. Trên điêu khắc đá miêu tả sinh động các cảnh trong sử thi Ấn Độ. Rất nhiều nam nữ thần linh vui đùa, nhảy nhót trong tư thế chọc ghẹo. Trên phù điêu của hành lang cột dài dằng dặc đến mấy trăm thước Anh thể hiện nhân vật có thật trong lịch sử Khmer. Hình tượng được yêu thích nhất và xuất hiện lặp đi lặp lại là nữ thần vũ đạo Khmer, Apsara.

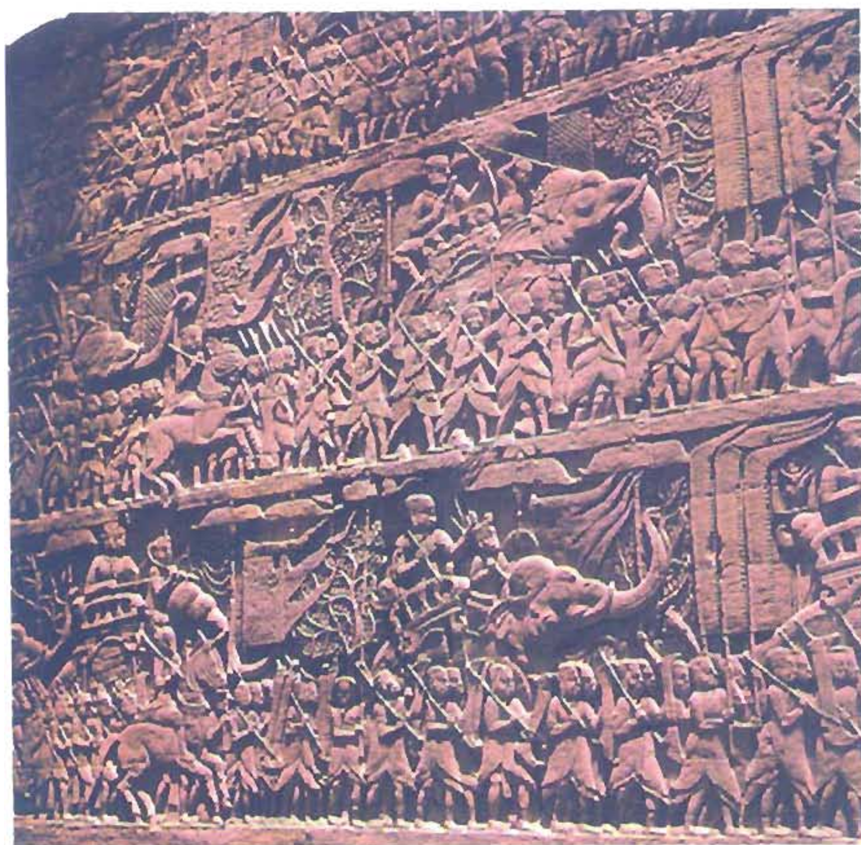
Đền Angkor là một thành tựu rực rỡ, nó thể hiện trình độ nghề nghiệp sâu sắc đối với thể tích, không gian và tổ hợp thể hình học. Kỹ thuật và phong cách kiến trúc thì bấy giờ hết sức có hạn - sử dụng đá giống như nó có tính chất vật liệu gỗ; kết cấu hình vòm và mái khum chưa được người ta biết tới, - nhưng hiệu quả chỉnh thể của nó vẫn khiến người kinh ngạc và ca ngợi. Thần Vishnou trong Ấn Độ giáo đại biểu cho ổn định và lâu bền, uy lực của ông trong đền Angkor từng bị uy hiếp nghiêm trọng. Năm 1973 các nhà khảo cổ học Pháp từng ở đây tiến hành quản lý, nhân chiến tranh leo thang mà bị bức rời khỏi, quần thể kiến trúc đền chùa to lớn đó thành nơi ẩn thân



Tượng đầu Quan thế âm bồ tát trong Phật giáo to lớn thần bí, giống như đang từ chùa Bayon trung tâm Angkor nhìn xa.

của Khmer Đỏ (ở đây trong diện tích gần 160 ki lô mét vuông có đến 200 đền chùa, đền Angkor ở vào trung tâm của chúng). Hiện nay trên những đền chùa này còn lưu lại vết đạn lỗ chỗ.

Sau khi trải qua 20 năm bị bỏ rơi, công tác bảo hộ lại được bắt đầu. Nhưng người ta lo lắng công tác phục hồi bôi bác cẩu thả sẽ mang lại một bước tổn hại. Chiến tranh và sự không ổn định của cục diện chính trị đã lưu lại dấu vết, đối với những người hy vọng đền Angkor coi là kiểu mẫu phi thường của di sản tôn giáo, lịch sử, kiến trúc Campuchia phải được sự đãi ngộ công bằng đáng có, tài lực thiếu thốn là một vấn đề khác mà họ gặp phải.



Cảnh chiến tranh khắc. Quân đội Thái Lan mấy lần cướp bóc Angkor.



NHẬT BẢN -XÂY DỰNG THẾ KỶ 12 CÔNG NGUYÊN

THẦN XÃ ĐẢO YAKAUSHIMA

Đó là một hành lang cửa hùng vĩ, bảo vệ một ngôi thần điện rất được kính trọng ở Nhật Bản.



Bất luận ở nơi nào trên thế giới, xây dựng môn lâu đều phải có sự tượng trưng đặc thù và hàm nghĩa về tâm lý. Chúng là chỗ giáp giới của hai thứ hình thái tư tưởng khác nhau, công chúng và cá nhân, kẻ yếu và người được bảo hộ, cái đã biết và cái chưa biết, cái thế tục và cái thiêng liêng. Một cổng chào màu đỏ sừng sững đằng trước thần xã đảo Yakaushima, (Nghiêm đảo) cũng là một cổng chào nổi tiếng nhất Nhật Bản, mỹ lệ nhất trên thế giới. Cổng chào đằng trước thần xã đảo Yakaushima đứng sừng sững trong vịnh biển nhỏ, hai cây cột chống lớn của nó cao 16 mét, chống đỡ một sà ngang hình cong dài 23 mét. Một bên của cổng chào là kiến trúc thần điện tường trắng gỗ đỏ. Vào lúc triều lên, hình dáng dịu êm của cổng chào trong vịnh do cọc gỗ chống đỡ, in bóng xuống nước, dường như nổi trên mặt nước. Hiện ra phía sau cổng chào là núi non của đảo Yakaushima.

Cổng chào này xây dựng năm 1275 công nguyên, với trục giữa thần xã đảo Yakaushima liền thành một tuyến. Thần xã còn cổ xưa hơn cổng chào nhiều. Ở Nhật Bản nó là một trong những thần xã được kính trọng nhất. Thần xã sau khi xây xong tiến hành nhiều lần sửa sang. Thần xã ở toàn thể đảo được người ta coi là một thánh địa, đến nỗi mấy thế kỷ nay không cho phép có trẻ con ra đời trên đảo, cũng không thể có người chết trên đảo, phụ nữ có bầu và những người tuổi già bệnh phải dời đến ở đất liền bên trong. Trên đảo cũng không cho phép nuôi chó, đến nay vẫn như vậy, sợ quấy nhiễu đàn hươu trên đảo thỉnh thoảng đến xin du khách thức ăn.



Vào thế kỷ 19, đại đa số cấm kỵ trên đảo được xóa bỏ, nhưng đảo này đến nay vẫn không có mộ địa, người chết được đưa về đất liền chôn cất. Thân thuộc của họ trước khi về đảo cần cử hành nghi thức làm sạch để trừ khử sự ô nhiễm của chết chóc.

Điện chủ yếu của Thần xã thờ ba vị nữ thần của Thần đạo giáo, con gái của Thần Bão Táp, một trong những thần kỳ chủ yếu bản địa Nhật Bản. Trong Thần xã có kiến trúc các kiểu (chỉ có một bộ phận mở ra cho công chúng vào xem), bao gồm các gian đại điện dùng để cầu nguyện, trai giới và cúng lễ. Trong Thần xã có một sân khấu và khoang nhạc dùng để biểu diễn vũ đạo Thần đạo giáo truyền thống. Ngoài ra còn xây dựng Thần xã độc lập để thờ con trai Thần Bão Táp và thiên tài. Con trai Thần Mưa đúng là người có thật, là một đại thần của đế quốc, chết năm 903. Sau khi chết ông được tôn là thần bảo hộ những người đọc sách và thần chuyên coi về thư pháp.

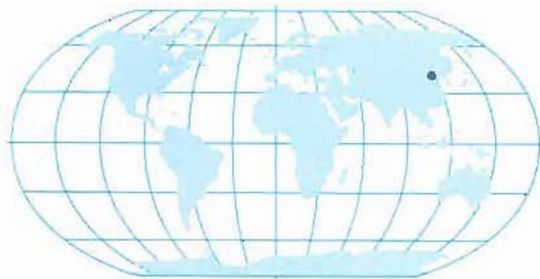


Những vật kiến trúc trong vịnh biển do đường thông trên có mái che nối liền nhau và có một cầu gỗ màu đỏ thông đến bờ. Đến đêm, đèn lồng đá thắp sáng cảnh sắc rất mê người. Trên một nền phẳng cách bờ không xa, tọa lạc nhà hát sớm nhất Nhật Bản, xây năm 1568, sau đó lại tiến hành sửa sang.

Trên bờ vịnh xây một bảo tháp, bên bảo tháp là một tòa kiến trúc phòng động đất hiện đại hóa. Đó là một viện bảo tàng bảo vật bảo tồn hàng trăm ngàn của báu vô giá, thí dụ như cuộn tranh màu, mặt nạ, quạt, khôi giáp và đồ sứ v.v... Trên một triền núi, dựng một tòa tháp năm tầng và gác nhiều tầng. Nghe nói nó là do cả một cây gỗ long não tạo nên. Ngọn núi cao nhất trên đảo xa 530 mét, từ trên núi nhìn xa cảnh sắc rất mê người.



Cổng chào in bóng xuống hồ ở chỗ vào cửa của thần xã Thần đạo Nhật Bản là cổng chào lớn nhất ở Nhật, loại cổng chào này là đặc sắc của thần xã Thần đạo, cũng là tiêu chí cửa vào đất thánh. Trên thực tế, danh từ này trong tiếng Nhật ý tứ gần với "nơi chim ở", cái đó khiến người nghĩ những cổng chào này là nơi cung cấp cho chim đậu.



TRUNG QUỐC - XÂY DỰNG NĂM 1406

Tử cấm thành

Quần thể kiến trúc bằng gỗ cổ đại quy mô lớn nhất, hoàn chỉnh nhất hiện còn trên thế giới.



Tử cấm thành là trung tâm của Bắc Kinh, là một cái thành trong thành. Mái nhà ngói lưu ly màu vàng (chỉ có hoàng đế mới có thể dùng ngói lưu ly màu vàng), sông hộ thành và tường vây màu đỏ ngăn cách nó với bên ngoài, khiến dân chúng bình thường không thể đến gần. Nó là trung tâm của đế quốc Trung Hoa, trong cặp mắt của người Trung Quốc lại là trung tâm của thế giới. Hoàng đế hai triều Minh, Thanh cư trú ở đây, thống trị tại đây, cho đến năm 1911, đế chế diệt vong.



Trong điện Thái Hòa có ngai báu hoàng đế và đại sảnh rộng, đó là nơi cử hành khánh điển nhà nước.

Lịch sử Bắc Kinh có thể dõi ngược lên đến rất lâu về trước, nhưng Tử cấm thành bắt đầu xây dựng năm 1406 (năm Vĩnh Lạc thứ tư đời Minh) trải qua thời gian 14 năm mới hoàn thành. Năm 1421, hoàng đế Vĩnh Lạc dời quốc đô từ Nam Kinh lên Bắc Kinh. Ông hao tốn lượng lớn nhân lực tài lực và vật lực xây dựng quần thể kiến trúc tương xứng với sự tôn nghiêm của hoàng gia. Năm 1644 quân Thanh vào cửa quan lật đổ triều Minh, Tử cấm thành từng bị cướp bóc, nhưng sau khi hoàng đế triều Thanh lên ngai vàng, họ lại xây dựng lại Tử cấm thành khiến nó tái hiện lại vẻ huy hoàng. Không những như vậy, còn xây thêm đền miếu, điện đường, hồ và đình viên cảnh sắc mê người. Đến cuối thế kỷ 18, sự huy hoàng của nó lên đến đỉnh cao.

Tử cấm thành hình vuông, bố cục lấy tuyến trục giữa phương hướng chính nam, chính bắc đối xứng. Chung quanh có một con sông hộ thành rộng và tường cao 9 mét. Trong thành bố trí một cách đối xứng cung điện, cửa, viện, sông nhỏ và đình viên. Tổng cộng có 9999 gian phòng, cung cấp cho hoàng đế và quyến thuộc của ông cư trú, bao gồm thái hậu, hậu phi và một đám lớn hoạn quan và cung nữ. Trong cung có một mớ quy tắc, lễ nghi và cấm kỵ phức tạp. Cuối cùng Tử cấm thành trở thành một cái lồng vàng, ở đấy hoàng đế và những người hầu hạ ông tránh né thế giới chân thực bên ngoài.

Tất cả các kiến trúc chủ yếu của Tử cấm thành đều chầu về hướng nam, cái đó khiến nó tránh khỏi gió lạnh từ Sibir và quỷ thần phương Bắc đối với nó bất lợi. Cửa chính là Ngọ môn ở mặt nam, đó là nơi hoàng đế kiểm duyệt quân đội. Qua khỏi Ngọ môn, liền là một đại viện, Kim thủy hà xuyên ngang trong đó, trên sông có năm cầu đá cẩm thạch, đại biểu cho ngũ đức. Qua cầu, liền đến Thái Hòa môn. Bên trong cửa có một viện lạc lớn, nghe nói chứa được 9 vạn người. Ở một đầu mút khác, trên nền đá cẩm thạch cao cao đứng sừng sững vật kiến trúc cao lớn nhất trong Tử Cấm thành— Thái Hòa điện. Trong điển lễ quốc sự quan trọng, hoàng đế trang nghiêm ngồi trên Thái Hòa điện, trong từng tiếng chuông vàng khói trầm nghi ngút, tiếp nhận sự quỳ lạy của trăm quan và những phụ nữ cao sang.

Qua khỏi Thái Hòa điện, còn có hai đại điện, là Trung Hòa điện và Bảo Hòa điện. Lại đi về phía bắc, đó là Càn Thanh cung nơi hoàng đế và quyến thuộc cùng các người hầu hạ ông cư trú. Trong rất nhiều gian phòng trần thiết những châu báu mỹ lệ khiến người khó quên, trong đó có số lượng khá lớn đồng hồ và đồng hồ chuông báo giờ. Nhưng những cái đó chỉ là cái bóng của sự huy hoàng ngày trước mà thôi. Người Nhật Bản vào những năm 30 thế kỷ 20 vào cướp bóc Tử Cấm thành. Quốc Dân đảng vào năm 1949 cuỗm đi lượng lớn châu báu mang đến Đài Loan.

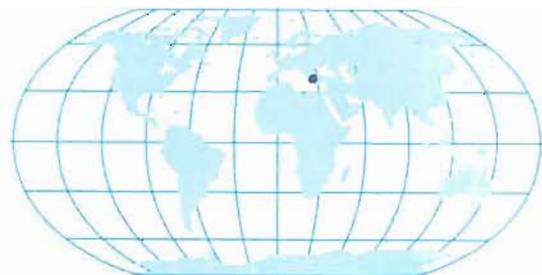
Đầu tận cùng phía bắc của quần thể kiến trúc này là Ngự hoa viên, nó cổ kính, trang nhã, sang trọng, trong có đá Thái hồ, cây cối, tượng điêu khắc, lâu đài đình các, ao nước và thác. Chỗ vào cửa của khu viên lâm yên tĩnh ấy được gọi là Khôn Ninh môn.

Sau năm 1949, Tử cấm thành đã đổi làm Viện bảo tàng Cố cung.



Thiên đàn. Nơi hoàng đế dẫn đầu trăm quan tế trời cầu khấn thiên hạ thái bình.

Cửa lớn điện Thái Hòa. Bố cục thiết kế của Tử Cấm thành là biểu hiện trật tự, thống nhất và thiên hạ thái bình.



THỔ NHĨ KỲ - BẮT ĐẦU XÂY DỰNG NĂM 1458 CÔNG NGUYÊN

CUNG TOPKAPI

Đây là một trung tâm của đế quốc Ottoman ở một nơi gần như thiên đường, chính trị, âm mưu và hưởng lạc đan xen với nhau.





Đồ án nạm khảm trên tường cung điện.

Cung Topkapi từng là nơi trung tâm thần kinh của đế quốc Ottoman, nguyên ý của nó là Cung cửa đại pháo (tên này bắt đầu dùng từ thế kỷ 19, trước đó gọi là "Cung mới"). Cung điện này vị trí ở thành cổ Hy Lạp Byzantine sau đổi gọi là Constantinople, sau nữa lại đổi gọi là Istanbul. Từ đây có thể cúi nhìn xuống vịnh Sừng Vàng của eo biển Bosphore và biển Marmara. Ở vào vị trí như vậy là được thiên nhiên riêng hậu đãi.

Dùng từ "cung điện" để hình dung Topkapi không thỏa đáng. Đó là một thành thị to lớn vươn ra bốn chung quanh, bao nhiêu thế kỷ nay không ngừng được xây dựng lại. Ba lần hỏa hoạn lớn năm 1574, năm 1665 và năm 1856 khiến thành này bị phá hoại nghiêm trọng. Sau đó do mấy vị vua Sultan căn cứ vào nhu cầu không ngừng trên kiến trúc vốn có tạo thêm kiến trúc mới. Topkapi ngày nay là một viện bảo tàng, nó trưng bày với mọi người lượng lớn các thứ của cải quý báu, người ta phải trải qua nhiều lần tham quan mới có thể thưởng thức trọn vẹn.

Người Thổ Nhĩ Kỳ chinh phục Constantinople, Muhammad II xây dựng ở đây công sở chính phủ và vào năm 1472 coi tòa thành thị này là kinh đô mới của đế quốc Ottoman và đổi tên là Istanbul. Tuy Mahammad II ở gần Topkapi dựng một lầu các bằng gạch, đá màu dùng ngói sứ trang sức khá đẹp để làm nơi giải trí, nhưng Topkapi ban đầu vẫn chỉ là một trung tâm hành chính mà không phải là vương cung. Thoạt đầu, các quan chức của Viện Cơ mật cư trú ở đây, nơi đây đồng thời cũng là nhà nước, trường học cung đình (một học viện bồi dưỡng huấn luyện viên chức hàng văn), công trường quan phương, kho tàng, chuồng ngựa và nhà làm bánh mì. Mãi đến những năm 40 thế kỷ 16 Suleiman I lấy một nô lệ làm vợ, vợ ông ta đem cung điện này đổi thành chỗ ở của vua Sultan và thị nữ của ông ta. Nội cung (harem) do một đám hoạn quan da đen quản lý, là chỗ ở của hậu phi và những gia quyến. Những phụ nữ đó sống một cuộc sống cách tuyệt với đời, thậm chí tù túng, nhưng một số người trong đó lại nắm được quyền lực lớn.

Tuy phần hiện nay mở cửa

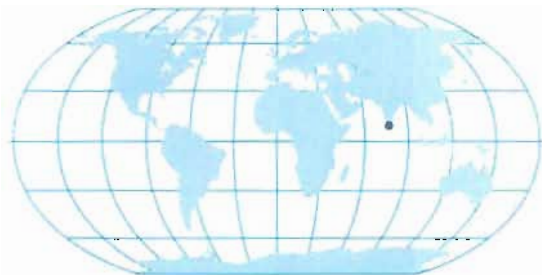
với du khách chỉ là một bộ phận nhỏ trong số 300 gian cung thất này, nhưng vẻ đẹp của cái cung trong cung này là không phải nghi ngờ gì nữa. Những cửa bí mật và đường thông, suối phun nước khảm vào trong tường gian phòng (lợi dụng tiếng nước che lấp tiếng trò chuyện để phòng ngừa nghe trộm), lụa là gấm vóc, gạch sứ trang sức đẹp đẽ và tranh vẽ đồ đạc ở những thời kỳ khác nhau, hình thành một không khí hơi mang vẻ thần bí và xa hoa, bởi vì trong thứ xa hoa này vẫn có một chút sợ hãi. Bên cạnh nhà tắm của vua Sultan có phòng thay áo và phòng xoa bóp rất hấp dẫn người. Chấn song bốn chung quanh nhà tắm là dùng để phòng ngừa thích khách.

Bên trong Topkapi xây dựng lượng lớn suối phun nước, dòng nước chảy, hoa viên và đình đài dùng để trang sức, đó là cái rất thường thấy trong kiến trúc Istanbul, khiến người ta cảm thấy đây là một thiên đường ở nhân gian. Vua Sultan Ahmad III rất yêu chuộng uất kim hương, trong đình viên của ông đặc biệt dựng một vườn uất kim hương, thậm chí cử một đại thần chuyên trách nơi đó. Nếu nói cái đó giống như một chuyện đồng thoại, thế thì số châu báu to lớn và vàng bạc quý giá ở đây xem ra cũng thuộc vào một thế giới hư ảo. Những kim cương, phỉ thúy và hồng bảo thạch hiếm thấy ở nơi khác, ở Topkapi lại hết sức bình thường.



Narem có thể cung cấp cho 4000 phụ nữ ở, họ được hoạn quan da đen hầu hạ, sống trong nhà ấm vàng son lộng lẫy nhưng tràn đầy âm mưu chính trị và tình dục.

Cổng trang nghiêm của cung Topkapi, nơi này coi là hoàng thành của Sultan đế quốc Ottoman đến 400 năm, bên trong là "nhà Thiên đường", của những người thống trị lớn mạnh ở, hiệu phong của họ nói lên họ là chủ của hai thế giới là hóa thân của Thượng đế ở cõi người.



ẤN ĐỘ - BẮT ĐẦU XÂY DỰNG TỪ KHOẢNG NĂM 1550

THẦN MIẾU MINAKSI

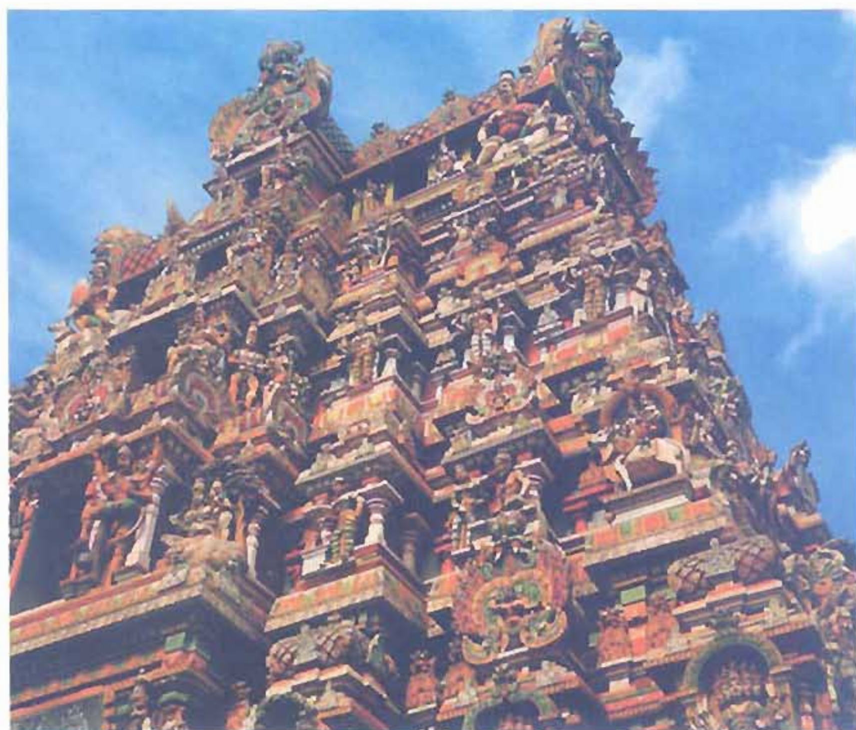
Ngôi đền này có điêu khắc đá mê người và lịch sử của nó, đồng thời cũng là một thánh địa hành hương tấp nập



Minaksi là một vị công chúa, khi nàng ra đời mọc ba buồng vú, từng cầu cứu với thánh nhân các phương, họ nói buồng vú thừa ra này khi công chúa gặp được người chồng tương lai sẽ tự biến mất. Sau đó công chúa gặp được thần Nebo, việc này quả nhiên ứng nghiệm. 8 ngày sau họ kết hôn ở Madurai.

Đó là một câu chuyện giải thích lai lịch quần thể kiến trúc đền miếu Ấn Độ giáo này, trong miếu có thánh đàn cúng tế Minaksi và Nebo, ngôi đền này vẫn là một thánh địa hành hương tráng lệ trên thế giới.

Khu đất chung quanh đền dài 259 mét, rộng 223 mét. Nó có 9 cửa tháp khắc đầy tượng thần, cao đến 61 mét. Trên tường phía ngoài có bốn ngôi tháp, mấy ngôi còn lại ở bên trong tường, tạo thành ranh giới của quần thể kiến trúc đền miếu ngày trước. Rất nhiều kiến trúc xây vào thời kỳ người thống trị đất này Tirumala Noak (1623-1655). Nhưng nghe nói thánh đàn xây dựng vào thế kỷ 12, điện nghìn cột không tầm thường (căn cứ vào một số thống kê, chỉ có 997 cây cột) xây dựng trong thế kỷ 16, mỗi cây cột đá mỗi cái một khác, phải tốn thời gian mấy tháng để nghiên cứu điêu khắc đồ án mỗi cái một khác trên cột trong số họ có đàn ông, phụ nữ và các thần nam nữ. Điện nghìn cột hiện nay thành viện bảo tàng, điều đó có tổn hại đến vẻ sán lạn của nó, nhưng toàn thể di chỉ không phải chỉ thuộc về quá khứ. Đó là một ngôi đền hàng ngàn vạn người đến hành hương tấp nập. Du khách và những người mở sạp hàng của



Đây là đền miếu hoa lệ nhất ở miền nam Ấn Độ. "Minaksi" ý là "mắt cá". Tục truyền công chúa có mắt hình cá, và mang mùi cá. Những cái đó khi nàng gặp Nebo đều biến mất.



Cửa Rashen, cửa tháp hùng vĩ nhất.

hiệu ở đây bán cho du khách từ đồ gia vị đến mô hình bằng nhựa tượng thần Nebo, các thương nhân đủ loại là bộ phận tổ thành cơ bản của quang cảnh nhiều màu nhiều vẻ.

Đền miếu ngày đêm hấp dẫn người hành hương, thường có thể nhìn thấy cảnh rất nhiều người xếp hàng tiến lên và hoạt động lễ hội âm nhạc. Có một cái ao chứa nước rất lớn tên là Hoa bách hợp vàng, trên bờ có bậc thềm đá và hành lang cột, trên có vẽ 64 kỳ tích Nebo sáng tạo ở Madurai. Nước ao cung cấp cho người hành hương tắm gội trước khi triều bái.

Rất nhiều cột đá điêu khắc, hành lang dài, cung điện và khám thần mang lại cho người ấn tượng mạnh mẽ mà sâu sắc, nhưng kiến trúc đền miếu vẫn là chỗ nào cũng tuân theo bố cục cơ bản của kiến trúc Ấn Độ giáo. Trục tâm của quần thể kiến trúc là hướng đông tây. Ở đây khám thờ thần Nebo cũng là chầu về phía đông. Lại đi vào trong nữa là thần đàn nơi cử hành lễ bái Ấn Độ giáo. Các tín đồ thuận theo phương hướng kim đồng hồ đi vòng quanh tượng thần. Người hành hương còn phải thể nghiệm một lần "darshan", tức nghi lễ triều kiến thần để tăng phúc đức. Trong ngày lễ đặc biệt, hoặc giả đền thu được món tiền lạc quyên lớn, ở chung quanh đền có thể nhìn thấy xe hoa màu vàng kim chở tượng thần. Trong đền có vô số tượng Thần Voi Ấn Độ giáo, tương ứng với cái đó là con voi lớn thuộc về đền. Dọc theo bậc thềm đá lên cửa tháp đá phía nam cao lớn, nhìn xuống cảnh sắc phía dưới, du khách càng có thể thưởng thức tốt hơn màu sắc, âm nhạc và người hiện ra chung quanh, chính những cái đó mang lại sinh mệnh cho thần miếu Minaksi.



THỔ NHĨ KỲ - XÂY DỰNG VÀO NĂM 1609 - 1616

CHÙA HỒI GIÁO MÀU LAM

Trong thành thị, chùa Hồi giáo mọc như rừng, ngôi chùa Hồi giáo màu lam này nổi tiếng nhất.





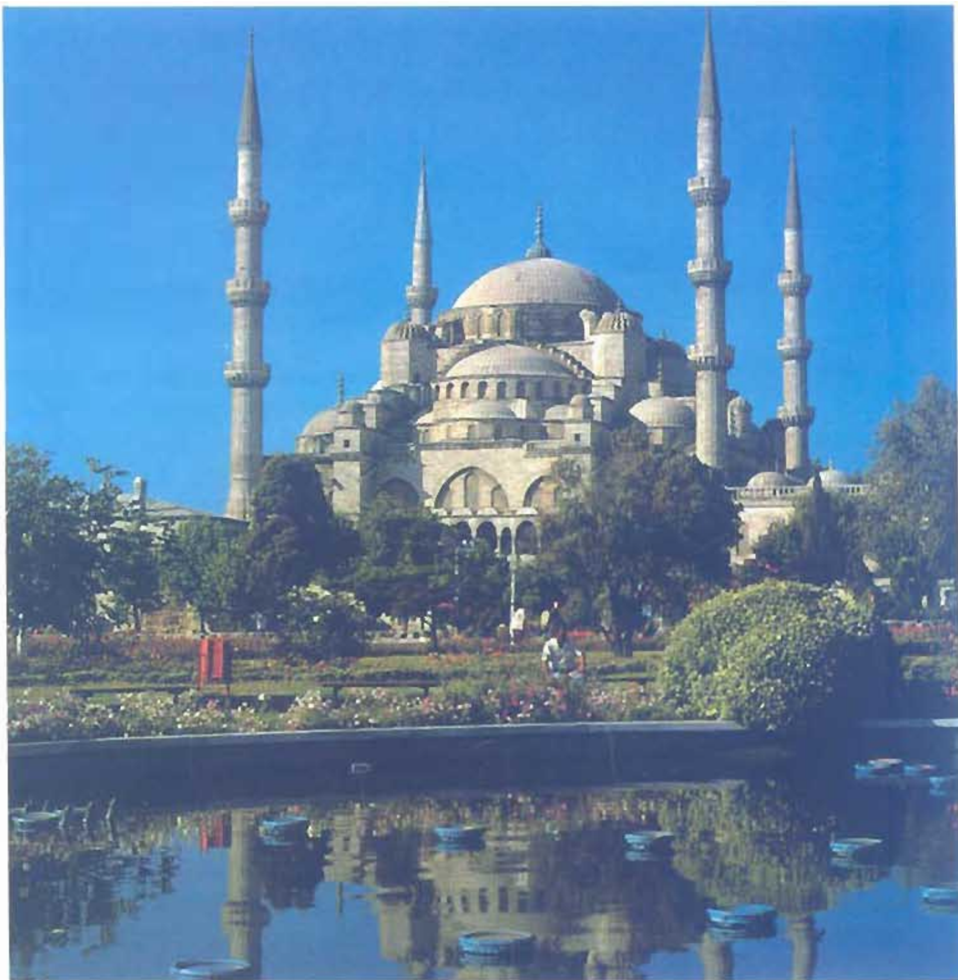
Ngói tráng men màu lam và màu lục của chùa Hồi giáo màu lam tím trong ánh sáng mặt trời từ 260 cửa sổ chiếu vào, tỏ ra vô cùng tráng lệ. Cột tròn nâng đỡ nóc tròn chính giữa.

Chùa Hồi giáo màu lam tên gọi chính thức là chùa Sultan Ahmet. Bởi vì có hơn hai vạn viên ngói gạch màu lam trang sức bên trong của nó, cho nên lại gọi là Chùa Hồi giáo màu lam.

Ngôi chùa Hồi giáo này căn cứ vào mệnh lệnh của Sultan Thổ Nhĩ Kỳ 19 tuổi bắt đầu xây dựng năm 1609. Do bởi mình tuổi trẻ tạo thành một số sai lầm nào đó, vị Sultan này nóng lòng mong được sự khoan dung của thần. Hơn nữa, lúc bấy giờ ông bị bức ký một điều ước; thừa nhận người thống trị vương triều Habsburg hưởng địa vị ngang hàng với mình. Điều đó thúc đẩy ông phải dùng hình thức nào đó chứng tỏ lại tín ngưỡng tôn giáo của mình và sự trung thành với đạo Islam, kiến trúc sư ngôi chùa này là một giáo sĩ cao cấp đạo Islam, ông ta tốn thời gian 7 năm mới hoàn thành kiệt tác của mình, tất cả đặc trưng của chùa đạo Islam đều được thể hiện ở đây. Nhưng chỗ khác nhau giữa chùa Hồi giáo màu lam với các chùa Hồi giáo khác là: có có 6 tháp nhọn cao lớn, trong đó 4 tháp đứng ở bốn góc vòng ngoài chùa, hai tháp khác thấp hơn tọa lạc ở rìa đình viện, căn cứ vào truyền thuyết tương đối đáng tin, Sultan trẻ nhân xây dựng 6 tháp nhọn này mà xúc phạm trung tâm đạo Islam - nhà đương cục Mecca. Nhà đương cục Mecca ra lệnh cho ông phải bỏ vốn ra xây dựng cho chùa Hồi giáo ở Mecca ngôi tháp nhọn thứ bảy, chiều cao của nó phải vượt hơn tất cả những giáo đường Islam.

Từ 3 lối vào cửa có thể vào đình viện chùa Hồi giáo màu xanh. 3 chỗ vào cửa này đều thông tới một hành lang dài lộ thiên, cột tròn của hành lang dài do đá hoa cương tạc thành, vùng nóc hành lang dài do 30

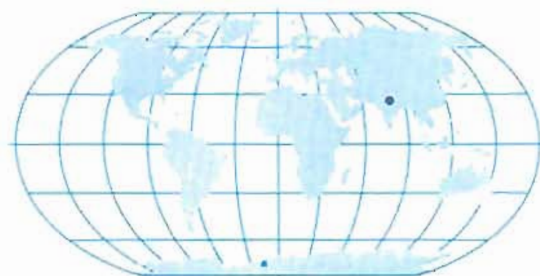
nóc tròn ghép liền với nhau tổ chức thành, mé ngoài hành lang dài là một ao phun nước hình sáu cạnh ở chính giữa đình viện. Loại ao phun nước này là đặc trưng của tất cả các chùa Hồi giáo, mục đích của nó rất thực tế: để tín độ nhiệt thành rửa tay trong ao trước khi vào chùa. Mặt đông chùa Hồi giáo màu lam là Medis, tức học viện đạo Islam (quần thể kiến trúc chùa Hồi giáo thường bao gồm cơ cấu loại trung tâm giáo dục này).



Chùa Hồi giáo màu lam với nóc tròn tổ hợp của kết cấu bậc thang dạng sóng của nó, được người đời khen ngợi, chùa Hồi giáo này sừng sững trên nền cũ của cung điện vương triều Byzantium.

Tổ hợp nóc tròn chùa Hồi giáo màu lam trình bày với mọi người một đồ án đẹp mắt ở một nóc tròn chính giữa lớn do 4 nóc nửa tròn vây quanh, ra ngoài nữa, lại có 4 nóc tròn cỡ nhỏ. Vào trong chùa Hồi giáo, càng có thể thưởng thức được tổ hợp kỳ diệu của những nóc tròn này. Tất cả những nóc tròn này tổ hợp thành một kết cấu hình vòm lớn, do bốn cây cột tròn lớn, giống như bắp đùi chống đỡ. Không gian rộng và ánh sáng từ 260 cửa sổ chiếu vào làm dịu đi hiệu ứng chói mắt do mấy viên gạch ngói màu lam sản sinh ra.

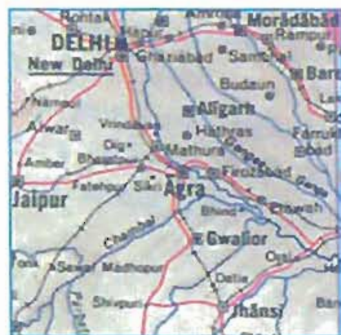
Khám vách mặt hướng về Mecca và đàn giảng đạo là tạc bằng đá cẩm thạch trắng. Trên mặt đất trải thảm dày, tuyệt đại đa số là màu đỏ thẫm. Nhưng cái đích thực khiến người khó quên là phức hợp màu lam do ngói tráng men tổ chức thành. Ở đây màu lam có vô số tầng lớp khác nhau. Nếu quan sát kỹ càng, người ta vẫn có thể phân biệt ra một số màu sắc khác. Những công nghệ gốm sứ cao nhã này xuất từ xưởng thủ công Izmit nổi tiếng. Những xưởng thủ công này vào thế kỷ 16 từng xuất khẩu đồ gốm đến những địa phương xa xôi khác thu được thành công lớn. Nghe nói Sultan Ahmet kiên trì cho rằng chùa Hồi giáo mới dựng phải dùng vật liệu hạng nhất độc nhất vô nhị. Vì thế ông cấm chỉ xưởng thủ công đồ gốm chế tạo ngói tráng men cho bất kỳ vật kiến trúc nào khác, mà chỉ có thể phục vụ cho chùa Hồi giáo của ông. Lệnh cấm ấy hạn chế rất lớn sự phát triển của công nghệ đồ gốm, đến nỗi xưởng thủ công đồ gốm Izmit từ đó quỵ hẳn không đứng dậy nổi, bất hạnh cuối cùng rơi vào bản thân Sultan Ahmet, Sultan nhân thương hàn mà qua đời.



ẤN ĐỘ - XÂY DỰNG TỪ NĂM 1632 ĐẾN NĂM 1654

LĂNG TAJ MAHAL

Một kỷ niệm khắc cốt ghi tâm không gì sánh nổi của một quốc vương đối với người vợ thân yêu của ông.



Năm 1631 hoàng hậu Munmtaz Mahal của vua Shah Jahan, Ấn Độ khi đẻ đứa con thứ 14, không may qua đời. Năm ấy nàng 36 tuổi đã kết hôn 16 năm, đối với chồng nàng không phải chỉ là mất đi một người vợ yêu dấu mà còn là mất một cố vấn sáng suốt. Nghe đồn ông mặc quần áo tang hai năm, (theo một tư liệu khác, tóc ông nhân đau buồn mà bạc trắng). Ông thề phải xây dựng một lăng mộ không gì sánh nổi, xứng đáng với vợ ông, để kỷ niệm nàng. Không ai có thể phủ nhận thành công của ông. Trong Amimandabanno (hoặc gọi là Taj Mahal) nghĩa là cung điện được lựa chọn, có một vật kiến trúc khiến người vô cùng ca ngợi, coi là để kỷ niệm nàng, bên trên khắc tên rút gọn của nàng: "Taj Mahal".

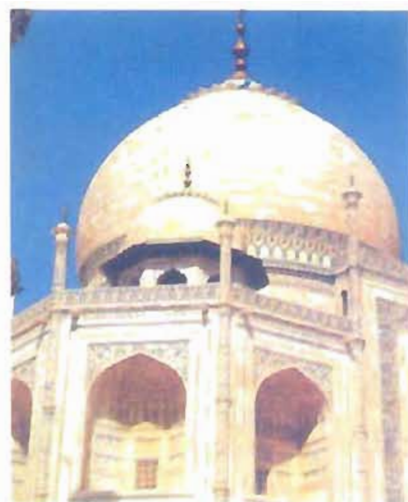
Do chỗ dùng quá nhiều từ ca ngợi mức cao nhất để miêu tả kiến trúc này, bởi thế phần lớn người tham quan khi đi đến gần nói rằng họ sẽ thất vọng. Ngoại hình lăng Taj Mahal từ vô số tấm hình khiến người hết sức quen thuộc, bị coi là tiêu chí của khách sạn, nhà hàng, nhãn hiệu tương cay và gia vị, trên thực tế nó bị sử dụng tùy tiện ở địa phương nào, người ta nhìn lập tức nghĩ đến là địa phương ở Ấn Độ. Dù rằng như thế, rất ít người nhìn lăng Taj Mahal cảm thấy thất vọng. Lăng Taj Mahal nhìn trăm lần cũng không chán, nó vẫn có thể khiến người kinh ngạc. Trong một ngày ở thời gian khác nhau và ánh sáng thiên nhiên khác nhau nó hiện ra đặc sắc khác nhau. Tuy nó là một lăng mộ, nhưng nó không có cái lạnh vắng mà lăng mộ thường có, trái lại bạn sẽ cảm thấy nó dường như trôi nổi giữa khoảng trời đất. Sự đối xứng hài hòa, hoa viên và bóng phản chiếu trong nước dung hợp với nhau của nó; đã sáng tạo ra một kỳ tích khiến vô số người tham quan ca ngợi không ngớt.

Tính ra có đến 2 vạn thợ giỏi tham gia xây dựng lăng Taj Mahal, trải qua 22 năm mới hoàn thành. Nghe nói một người Pháp và một người Venise tham gia xây một bộ phận của công trình. Đến nay không có một kiến trúc sư nào được tư liệu ghi chép khẳng định là tham gia xây lăng, điều đó đối với vật kiến trúc này là rất thích hợp, bởi vì bản ý của người xây nó là ở chỗ chỉ để người ta nhớ đến người trong lăng mộ.

Lăng Taj Mahal dùng đá hoa cương chở từ bãi khai thác đá cách 322 cây số đến để xây dựng, nhưng nó không phải là thứ kiến trúc thuần màu trắng như trong một số tấm hình. Hàng muôn ngàn bảo thạch và đá tương đối quí nạm trên mặt đá hoa cương, chữ trong lăng mộ là dùng đá hoa màu đen. Từ trên một lan can đá hoa cương chạm hoa có thể nhìn thấy tay nghề xuất sắc. Khi ánh mặt trời chiếu trên lan can, nó tỏa bóng biến hóa nhiều vẻ. Ngày trước từng có một cái cửa làm bằng bạc, bên trong có một lan can làm bằng vàng và một mảng lọng che kết bằng trân châu trên mộ mũ áo của hoàng hậu (vị trí của nó ở chỗ mai táng thực tế). Bọn kẻ trộm cuỗm đi những vật quí báu, rất nhiều người mưu đồ nạy bao thạch nạm trên đá hoa cương của lan can, nhưng vẻ hùng vĩ tráng lệ của lăng Taj Mahal vẫn khiến người ngây ngất.

Lăng Taj Mahal tọa lạc

trong một khu phong cảnh, cửa trang nghiêm hùng vĩ tượng trưng cho cửa vào thiên đường, bên trên có đỉnh các nóc tròn kiểu vòm. Trước kia ở đây từng có một cái cửa làm bằng bạc ròng, bên trên nạm vài trăm đèn bạc. Những cái đó đều đã bị lấy trộm đi, cửa hiện giờ làm bằng đồng. Truyền thuyết về vua Shah Jahan muốn xây dựng cho mình một lăng mộ bằng đá hoa đen ở bên kia dòng sông Jumna, dường như không có tính chân thực cho lắm. Con ông Oranzébu năm 1651 tuyên bố lên làm vua và giam lỏng cha y trong một thành trì ở Agra đến 9 năm mãi đến khi ông qua đời. Shah Jahan có thể từ thành trì nhìn xa về lăng Taj Mahal. Sau đó ông cũng được táng ở lăng Taj Mahal.



Nóc vòm hình trân châu là tượng trưng cho thiên đường của các phụ nữ trong đạo Islam. Nóc vòm đại biểu cho thiên đường, bên dưới là kiến trúc hình vuông đại biểu cho nhân gian.

Lăng mộ dường như theo với sự biến đổi của thời gian và ánh sáng mà có đặc điểm không giống nhau. Dưới mái khun đầy đặn cao vút có bốn tháp tròn, phía dưới tháp nóc là khám vách trên tường đá cẩm thạch.

ĐẠO ISLAM Ở CHÂU Á

"Nước cổ Islam và bông hồng khiến nó nổi tiếng cũng biến mất, chén thất giác của Jemsyde cũng biến mất tăm, nhưng rượu nho đỏ cổ xưa của nó vẫn đang nấu, vườn hoa bên dòng nước chảy của nó vẫn tươi tốt"

*(Trích từ tập "Robaijjat" của **Omar Khay** (bản dịch Anh ngữ của Edouard Fitzgerald)*

Tiên tri Muhammad chết năm 632 công nguyên ở Medina Á Rập, thành này ngày nay được liệt là thành phố thánh thứ hai sau Mecca. Những người đi theo ông dùng sức mạnh không thể đè nén nổi giống như bão táp tấn công hoang mạc Á Rập, cưỡi lạc đà và ngựa nhanh, kêu "Allah vĩ đại", đi chinh phục thế giới vì Allah.

Người kế thừa Muhammad được gọi là Khalifa. Khalifa Umar chiếm lấy Damargue và Jerusalem. Jerusalem là thành phố thánh thứ ba của đạo Islam, một người kế thừa của ông từng trên nền đất cũ đền thần mà Salomon xây dựng, tạo chùa nóc tròn mái đá, đồng thời quân đội Á Rập tiếp tục tiến lên, xuyên qua sông Euphrate và sông Tigre đi chế phục Ba Tư. Persepolis thất thủ vào năm 648 công nguyên, Samarkand vào năm 710 công nguyên bị công phá. Như vậy đạo Islam truyền đến biên giới Ấn Độ. Trong 100 năm sau khi Muhammad chết, những người theo ông thống trị khu vực còn lớn hơn cả lãnh thổ đế quốc La Mã thời kỳ đỉnh cao. Mặt tây của nó từ Tây Ban Nha đến Morocco, xuyên qua Bắc Phi đến Ai Cập, Á Rập, Pakistan, Syria, Mesopotamia và Ba Tư. Trong thành công của họ, họ nhìn thấy bàn tay của Thượng đế.

Đạo Islam chinh phục được thần tốc như thế và được những người bị chinh phục tiếp thu, một nhân tố quan trọng là những người thống trị Á Rập thường khoan dung hơn chính quyền mà nó thay thế. Giáo đồ tôn giáo khác thường được cho phép tiến hành hoạt động tôn giáo của họ mà không bị cản trở, nhưng họ phải nộp một khoản thuế đặc biệt, nhưng đại bộ phận người bị chinh phục đều đổi sang đạo Islam một bộ phận vì lợi ích thực tế rõ ràng, đương nhiên càng bởi vì sức quyến rũ của bản thân đạo Islam. Trải qua một đoạn thời gian nhân số của họ vượt quá người Á Rập, nhân đó mà thay thế kế thừa đạo Islam.



Gạch hoa đẹp đẽ của cung Topkapi ở Istanbul. Đạo Islam thúc ép các nhà nghệ thuật Muslin chuyển hướng sang đồ án trang sức tinh tế phức tạp về hình thức hóa.

Từ năm 750 đến năm 936 công nguyên, vương triều Abbas lấy Bagdad làm thủ đô thống trị Islam. Lúc đó văn hóa Muslin về các phương diện kiến trúc, thi ca, triết học và nghệ thuật đều đạt tới thời kỳ thịnh vượng đầu tiên của nó. Khalifa Harun al-Rashid trong "Nghìn lẻ một đêm" và một ông vua giàu có nhất trên đời, ông dùng mâm vàng bạc ăn cơm, chơi đùa với mỹ nữ trong nội cung, được một đám đông thần tử, hoạn quan và nô lệ hầu hạ, nhưng đế quốc không thể tồn tại vô kỳ hạn, thế giới Muslin tan rã.

CHÙA HỒI GIÁO VÀ THÁP ÁNH SÁNG

Việc chủ yếu nhất hàng ngày của Muslin là cầu nguyện Thượng đế, một ngày phải cầu

nguyện 5 lần. Tín đồ ở nhà hoặc ở các nơi khác đều có thể tiến hành cầu nguyện, nhưng cuối cùng là ở trong chùa Hồi giáo, chùa Hồi giáo hoặc gọi là "nơi phủ phục", là vật kiến trúc để tiến hành cầu nguyện có tổ chức.

Chùa Hồi giáo rải khắp châu Á. Như các giáo đường là tiêu chí khu cư trú tín đồ đạo Cơ đốc, chùa Hồi giáo là đặc trưng khu Muslin ở. Cấu tạo cơ bản của nó là một kiến trúc hình thước thợ bên dưới nóc tròn chính giữa, có một số quan hệ nguồn gốc với giáo đường Chính thống giáo phương Đông. Trong chùa không có chỗ ngồi, tín đồ xếp thành hàng đứng đằng sau *imām* (người dẫn đầu tín đồ tiến hành cầu nguyện), tất cả mọi người đều mặt hướng về một khám vách trên đường, gọi là miharabu, vách khám đó chỉ về hướng Mecca. Chùa Hồi giáo theo truyền thống chỉ cho phép đàn ông vào, phụ nữ vào chùa Hồi giáo, thông thường phải nép đằng sau bình phong.

Muanlu (tức người xướng lễ) trên tháp ánh sáng tuyên triệu các tín đồ đến cầu nguyện. Ngoại hình cao cao nho nhỏ của tháp ánh sáng hình thành đặc điểm kiến trúc đạo Islam. Đạo Islam cấm chỉ dùng hình thái người, động vật hoặc giới tự nhiên trang sức trong chùa Hồi giáo, như vậy nhà nghệ thuật Á Rập chỉ có thể sáng tạo ra đề án hình kỷ hà, hình lá cây, hình chữ Á Rập tinh tế đẹp đẽ.

HÙNG VĨ VÀ XA HOA

Vào thế kỷ 11, lại một lần nữa bắt đầu mở rộng, Muslin chinh phục Pendjab miền bắc Ấn Độ. Bộ tộc Đột Quyết Sella thay thế vương triều Abbas xây dựng một đế quốc mới ở Tây Á. Người kế tiếp họ Osman người Thổ Nhĩ Kỳ chinh phục toàn bộ lãnh thổ Thổ Nhĩ Kỳ hiện nay, vào năm 1453 đánh chiếm Constantinople, sau đó vẫy quân tiến vào Balkans. Giáo đường Byzantine Sainte Sophia trong thành Constantinople được đổi làm chùa Hồi giáo, thành phố được đặt tên lại là Istanbul. Suleiman I ở đây thống trị lãnh thổ lớn từ các nước Balkans, Ai Cập đến Ba Tư. Ở Istanbul ngày nay, chùa Hồi giáo màu lam và cung Topkapi chứng thực sự xa hoa của các Sultan Osman đồng thời thương nhân Muslin và người truyền giáo đem đạo Islam truyền vào Malaysia, Indonesia và Trung quốc.

Năm 1526 ở Ấn Độ, nhà mạo hiểm Thổ Nhĩ Kỳ Babur từ Afghanistan quét sạch khu vực đồng bằng miền bắc xây dựng đế quốc Mughel, thành thế lực chính trị chiếm địa vị thống trị thứ hai ở đại lục. Lăng Taj Mahal trên tường trắng trang sức thủy tinh, đá xanh da trời, tụi ngọc, là bằng chứng của một thời kỳ thịnh vương khác giàu có huy hoàng của văn hóa đạo Islam.

Sau đó đế quốc Osman và Mughal đều ngày càng sa sút, cuối cùng sụp đổ. Đế quốc Osman phân liệt thành các quốc gia Muslin Cận Đông ngày nay. Ấn Độ sau khi trải qua một đoạn thời kỳ bị Anh thống trị, Pakistan tách ra vào năm 1947 xây dựng quốc gia Muslin độc lập. Đồng thời họ tập kết lực lượng để phản đối văn hóa và ảnh hưởng Phương Tây. Đạo Islam ngày nay là tôn giáo có sức sống nhất Châu Á.

Lăng Taj Mahal lúc mặt trời mọc, viên ngọc quý của văn hóa Muslin Ấn Độ.





ẤN ĐỘ - XÂY DỰNG NĂM 1638 ĐẾN NĂM 1648

THÀNH ĐỎ

Nếu nói khoảng giữa thế kỷ 17 trên mặt đất có thiên đường, thiên đường là ở đây.



Thành Đỏ, hoặc gọi là Lagila, nhân nó dùng sa thạch màu đỏ xây thành tường vây cao lớn nên có tên ấy, nhưng các cung điện và nhà thiết triều bên trong lại dùng vật liệu quý báu hơn để xây nên. Thành trì này là do đại đế Shah Jahan vương triều Mughal xây dựng năm 1638 đến năm 1648. Thành lũy nổi tiếng về sự sang trọng của nó, dùng đá hoa cương, vàng bạc và lượng lớn châu báu xây thành. Nhiều năm như vậy đến nay, rất nhiều của báu hiện đã không tránh khỏi mất mát, một số cung điện xây dựng đầu tiên cũng đã bị hủy hoại, nhưng thành trì hiện còn vẫn khiến người để lại ấn tượng sâu sắc đối với thời kỳ toàn thịnh của vương triều Mughal.



Chùa Hồi giáo trân châu nhỏ, dùng đá cẩm thạch màu trắng xây dựng, bên trên có chỏm nhọn màu xanh, nó là đền miếu hoàng gia được trùng tu năm 1663.

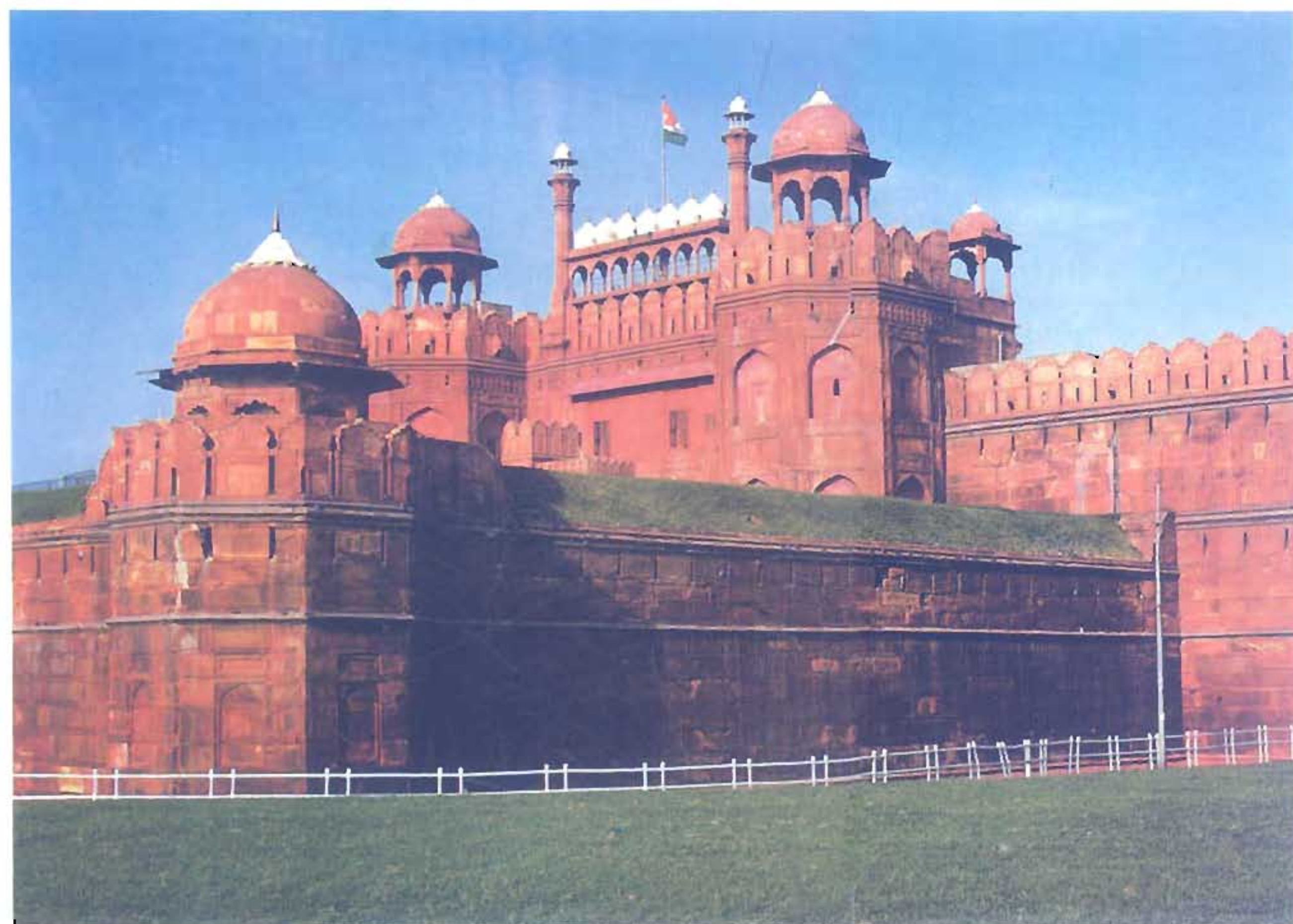
Sau khi Shah Jahan xây dựng Lăng Taj Mahal cho người vợ qua đời ông quyết định từ Agra thiên đô đến thành thị mới Delhi hoặc gọi là Shah Jahannabad, ở đây xây dựng Thành Đỏ, nó trên thực tế là một thành thị hoàng gia.

Bất kỳ cung đình hoàng triều Mughal nào cũng đều có nhà thiết triều đặc sắc của chúng. Một nơi dân chúng triều kiến hoàng đế, ở đấy hoàng đế công khai lắng nghe thỉnh cầu và nguyện vọng của công chúng; một nơi khác hoàng đế cùng đại thần bàn việc và tiếp kiến sứ giả ngoại quốc. Hai nhà này trong Thành Đỏ hiện vẫn tồn tại. Cái trước còn gọi là cung thiết triều, xây dựng trên một nền cao, ba mặt có cửa thông đến đình viện, có thể dung nạp rất nhiều người. Cái sau cũng gọi là cung Khu mật, trước đây từng có sân vườn rộng, mặt đường lát đá cẩm thạch và mái

nhà bằng bạc. Bên trong có "ngai vua Chim Công" do Shah Jahan nhờ người tạo, đó là một công trình tốn kém ghê gớm, châu báu nạm khảm bên trên nhiều đến có thể dùng thùng đựng. Ngai vua vào năm 1739 bị cướp đi đưa sang Ba Tư. Trong cung Khu mật khắc lời của Shah Jahan nghĩ về nơi này: "Nếu nói trên mặt đất có thiên đường, thiên đường là ở đây, là ở đây".

Mới đầu trong Thành Đỏ có sáu cung điện. Cung Mumtazi hiện giờ là một viện bảo tàng. Một cái khác là Cung Long (nguyên nghĩa là "Họa cung") nhưng những tranh vẽ ở đây cũng giống như mái nhà chế bằng bạc đã mất hết. Cung Kas là dãy phòng riêng dành cho hoàng đế sử dụng, thêm ba gian, chia làm nhà ăn, nhà ngủ và nhà cầu nguyện. Con trai và người kế thừa Shah Jahan, Auranglep trong thành dựng thêm chùa Hồi giáo trân châu Modi vô cùng tinh xảo. Ngôi chùa Hồi giáo này và đình viện của nó tương đối nhỏ, nhưng mang lại cho người ta một cảm giác rộng rãi thông thoáng, trong kiến trúc lấy đá cẩm thạch màu trắng làm chủ, khảm vào đá cẩm thạch màu đen, hiệu quả đập vào mắt người.

Một đường phố có hành lang vòm thông đến cửa Lahore của Thành Đỏ, hai bên phố không cửa hiệu. Sau cuộc bạo động chống Anh của Ấn Độ năm 1857, rất nhiều nơi của Thành Đỏ bị phá bỏ, dành chỗ cho quân đội đóng. Nhà văn thế kỷ 19 nổi tiếng James Ferguson trong khi bàn về kiến trúc Ấn Độ miêu tả hành vi phá hoại Thành Đỏ này thành một hành động cố ý hủy hoại di tích cổ không có lý do cần thiết.



Một nhà du lịch thế kỷ 17 nói về Thành Đỏ "vượt hơn cung điện của thiên đường". Trong đình viện suối phun bắn vọt, trong vườn hoa mọc đầy cây bách, vô cùng mỹ lệ.

TRUNG QUỐC - XÂY DỰNG NĂM 1694

CUNG POTALA

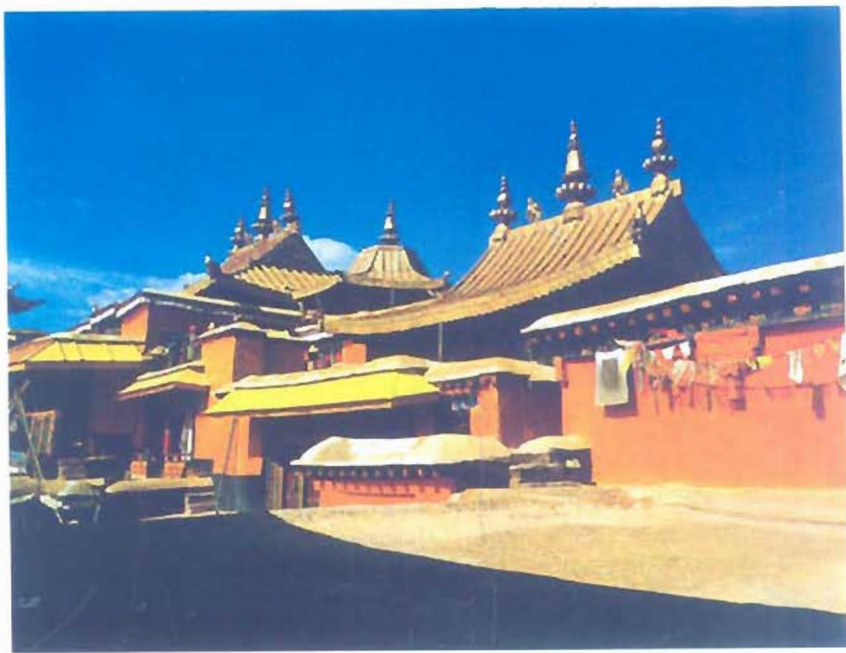
Cung điện cao nhất so với mực nước biển của thế giới, là trung tâm của thánh thành Lhasa Tây Tạng Trung Quốc.



Từ bất kỳ phương hướng nào ngoài vài cây số đều có thể nhìn thấy cung Potala. Nó cao đến 13 tầng lầu, giống như một vách đá lớn, có tường màu trắng, từng dãy cửa sổ, mái nhà cao thấp mỗi cái một khác. Nó xây dựng trên núi Mabuge (ý là Núi Đỏ) núi này nhiều đá, cao hơn thành phố Lhasa 91 mét.

Cung Potala là tiếng sankrit, ý là "thánh địa của Phật". "Potala" là âm dịch chữ sankrit "Pudala" (Phổ đà la) ý là thế giới Quan âm thánh địa Phật giáo. Thế kỷ 7 công nguyên, quốc vương tin Phật

Cấm cung sừng sững trên núi cao trong không khí thưa loãng rặng Himalaya là do Lạt Ma đời thứ 5 dựng. Ông trở thành một lãnh tụ tinh thần và chính trị Tây Tạng thế kỷ 17.

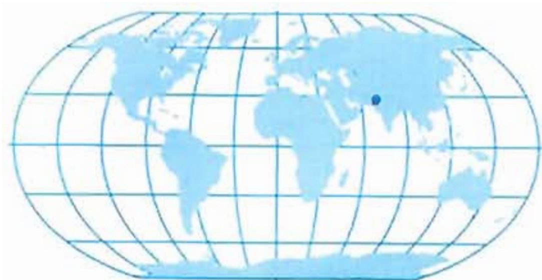


Songzanganbu để cưới Văn Thành công chúa, tạo một cung điện ở đây, ông còn tạo một ngôi Đại Chiêu tự trong thành, ngôi chùa này giống như một tảng đá nam châm tinh thần lớn, thu hút rất đông người đến hành hương. Vài trăm năm sau, vào năm 1645, người thống trị ở Tây Tạng hồi bấy giờ Đạt Lai đời thứ năm hạ lệnh dựng cung điện cho mình trên cung điện của Songzanganbu. Khi ông viên tịch năm 1682, cung điện vẫn chưa xây xong, bởi thế tin ông viên tịch vẫn giữ bí mật mà không tuyên bố. Mãi đến khi cung Potala xây xong năm 1694 mới công khai với mọi người. Nơi này vẫn là một nơi trung tâm của khu vực Tây Tạng.

Cung điện dùng đất, đá và gỗ xây dựng, như Tây Tạng lúc bấy giờ vẫn chưa có xe, tất cả vật liệu đá đều dùng la và sức người chở đến. Tòa nhà lớn này có hơn 1000 gian phòng, hơn 10000 Phật điện và 20000 tượng điêu khắc, nó cũng là cung mùa Đông của Đạt Lai Lạt Ma. Sau khi Đạt Lai đời thứ 14 đương kim năm 1959 chạy sang Ấn Độ, tòa thánh điện này được bảo tồn hoàn hảo. Đạt Lai ở trong gian phòng gần vùng nóc, ngăn cách với dân chúng. Trên mái bằng cung điện, các Lạt Ma thổi kèn dài 4 mét phát ra tín hiệu cầu nguyện.

Vật kiến trúc cung Potala có thể chia làm hai bộ phận lớn: trên tường trát đất sét trắng tục gọi là Bạch cung, chính giữa trát đất đỏ được gọi là Hồng cung. Chúng trộn làm một thể, thông suốt với nhau: Tòa nhà Cuokin cung điện lớn nhất Bạch cung, là nơi ngày trước Đạt Lai trải qua các đời cử hành hoạt động tôn giáo, chính trị quan trọng như lễ lớn ngồi giường, lên cầm quyền v.v... Kiến trúc chủ thể của Hồng cung là điện Linh Tháp của Đạt Lai và Phật đường các loại, hiện nay còn có thể nhìn thấy Linh tháp của Đạt Lai đời thứ năm và Linh tháp của người kế thừa ông từ Đạt Lai đời thứ 7 đến thứ 12. Thân tháp dát vàng lộng lẫy. Linh tháp của Đạt Lai đời thứ 13 viên tịch năm 1933 cao 21 mét, dùng bạc ròng chế thành, bên trên nạm khảm bảo thạch.

Lhasa nằm ở trong rặng núi Himalaya, cao 3650 mét so với mực nước biển, không khí loãng, người hành hương ùa đến Đại Chiêu tự, trong chùa có một tượng Phật dát vàng nổi tiếng mà Văn Thành công chúa, vợ Songzanganbu tặng cho ông ta. Robulinca ở phía tây thành, ý là "vườn Bảo bối" là nơi ở mùa hè của Đạt Lai Lạt Ma.



ẤN ĐỘ - XÂY DỰNG NĂM 1955

THÀNH CHANDIGARH

Kiến trúc mới thiết kế cho thành phố mới, nghệ thuật và sắc thái hiện đại ở đây đều được cho là sự miệt thị đối với tòa án.



Có một số người miêu tả kiến trúc sư Thụy Sĩ Le Corbusier (1887 - 1965) là một thiên tài độc nhất vô nhị hiếm thấy. Một số người khác lại đem toàn bộ vấn đề về phương diện kiến trúc thế kỷ 20 trách tội ở ông. Tên thật ông là Edouard Jeanneret Gris, nhưng ông tự xưng là Le Corbusier. Trải qua nhiều lần thất bại và thất vọng, cuối cùng vào năm 1950 ông tìm được một cơ hội tiến hành thiết kế toàn bộ thành phố, từ đó mà khiến ông thực hiện được hùng tâm của ông. Việc mời ông không phải đến từ Âu Châu hoặc bất kỳ quốc gia Phương Tây nào, mà là đến từ Ấn Độ. Năm 1947 khi đại lục Ấn Độ phân liệt, thủ phủ Lahore của vùng phía bắc Pendjab cắt nhập vào Pakistan. Do đó nhà đương cục hy vọng bộ phận của bang Pendjab còn ở lại trong lãnh thổ Ấn Độ xây dựng một thủ phủ. Đó là thành phố mới xây dựng đầu tiên của Ấn Độ kể từ năm 1728 xây dựng thành Jaipur đến nay. Sau khi lựa chọn địa điểm, công trình bắt đầu khởi công, nhưng một vị kiến trúc sư chính bị rơi máy bay chết, khiến Le Corbusier được mời thay thế ông ta. Ý đồ vốn có chỉ yêu cầu ông thiết kế mấy tòa nhà lớn của chính phủ, nhưng kết quả ông sửa đổi toàn bộ kế hoạch.

Địa điểm thành phố chọn



Tòa lầu lớn Văn phòng Chandigarh - giống như một cỗ máy có thể làm việc bên trong. Khi Le Corbusier thiết kế thành thị mới này đã hơn 60 tuổi, ông mong mỏi đã lâu một cơ hội như vậy, vào năm 1922 ông có kế hoạch tạo một thành phố có 300 vạn nhân khẩu.



Thư viện kỷ niệm Gandhi, hình dạng của nó giống như hoa sen xòe nở, là do Pierre anh họ Le Corbusier thiết kế.

dưới dãy núi Sivarizi, giữa khoảng hai bờ sông. Ở đây đã tạo một hồ nhân tạo rất lớn, bên hồ có đường cho người tản bộ thoải mái, trong thành phố trồng rất nhiều cây có thể nở hoa, đường rợp bóng cây rộng rãi, chia thành phố thành từng bộ phận một. Rất nhiều kiến trúc chủ yếu đều tạo trên đống cột. Le Corbusier đã thiết kế tòa lầu lớn Văn phòng, lễ đường Tòa Thị chính và Tòa án, nhưng dinh Tổng đốc trong thiết kế vẫn không thể khởi công.

Bố cục thiết kế của Le Corbusier như sau: lấy một con đường rộng làm tuyến trục chính, ở một bên của nó là tòa lầu lớn Văn phòng, một bên khác là Tòa án. Những vật kiến trúc và đường này bị phê bình là thiếu tỷ lệ thân thể con người và cân đối. Điều có ý vị châm biếm là hệ thống đo lường mà Le Corbusier vận dụng, gọi là quy chế đo lường kiểu xếp gỗ, tức là lấy thân thể con người đo lường tất cả mọi vật thể coi là nguyên tắc cơ bản. Thiết kế của Chandigarh là lấy xe hơi làm công cụ giao thông, nhưng quốc gia này rất ít người có xe hơi, vì thế Le Corbusier cũng bị chê trách. Nhà phê bình nói kiến trúc sư không chịu bỏ công đi xem xét Ấn Độ, hiểu đời sống của người Ấn Độ, đã vội quy hoạch thiết kế Chandigarh.

Vật kiến trúc khiến người ta chú ý hơn cả là Tòa án mà ông thiết kế, trong đó bao gồm một Tòa án cấp cao và 8 Tòa án cấp thấp hơn. Tòa án cấp :ao trên thực tế quả là cao ıơn các Tòa án khác một chút, ıó có 5 tầng lầu mà 8 Tòa án :hác chỉ có 2 tầng lầu. 8 Tòa n này mỗi cái đều có chỗ vào ửa, từ mặt chính của lầu lớn ; thể nhìn thấy rõ vị trí tường găn giữa chúng. Mặt chính lầu n rải đầy màn cửa sổ che ánh ặt trời xây thành đồ hình kỷ à. Le Corbusier vào những ăm 30 lần đầu thí nghiệm thứ ıàn cửa sổ che ánh mặt trời ày, tác dụng của nó là khiến gười cư trú không bị ánh mặt rời dữ dội chiếu thẳng vào, hiết kế này đặc biệt thích nghi ới khí hậu Ấn Độ.

Cái mà Chandigarh hấp dẫn ıgười còn có một vườn hoa hồng và một vườn đá quái đản bên hồ, nó là do một công vụ viên ngành hành chính, trong tình huống mà nhà nước không hay biết gì, dùng các thứ vật bỏ đi chất chứa gia công mà thành.



Trước mặt Tòa án có dàn che bằng xi măng để khỏi bị mặt trời chiếu thẳng vào.



NHẬT BẢN - XÂY DỰNG NĂM 1988

CẦU LỚN SERO NAIKAI

Thành tựu kiệt xuất của công trình hiện đại bắc ngang Biển Trong mỹ lệ.



Nhật Bản do 4 đảo chủ yếu và nhiều đảo nhỏ hơn tổ chức thành. Ngày 10 tháng 4 năm 1988, cầu lớn Seko Naikai (Lại Hộ) công trình lớn nhất Nhật Bản lúc bấy giờ, thông xe, lần thứ nhất dùng đường sắt nối liền 4 đảo. Người ta có thể đáp xe lửa nhanh chóng từ Hokkaido lạnh như Sibir, xuyên qua Honshu, đến bến cảng Kyushu khí hậu Á nhiệt đới và đền miếu khói hương nhộn nhịp trên đảo Shikoku phía Nam, cầu mới ấy bắc ngang Sero Naikai (hoặc gọi "Nội Hải" tức Biển Trong) - một trong những vùng nước đẹp nhất thế giới.

Chiếc cầu thu phí ấy bắt đầu từ Thương Phu đảo Honshu, tận cùng ở Bản Xuất đảo Shikoku, đường bệ bắc ngang 5 đảo nhỏ, tổng chiều dài 12km, nói một cách chuẩn xác hơn, nó là mấy cây cầu nối liền với nhau, bởi vì nó nối liền ba cầu cáp treo, hai cầu kéo xiên, một cầu có dầm cầu và năm cầu bắc dàn cao. Hai cầu kéo xiên mỗi cái dài 792 mét, vào loại dài nhất thế giới.

Cầu Nam dài nhất trong những cầu cáp treo khẩu độ là 1100 mét, nó là cầu cáp treo thứ năm dài nhất trên thế giới, tháp bằng thép hai đầu cầu cao 194m, cao hơn Tháp Vàng Lớn nhiều, bằng 2/3 độ cao của Tháp Eiffel. Dây cáp thép sử dụng dựng cầu có thể quấn ba vòng quanh quả đất. Khi triều lên, thân cầu cao hơn mặt nước 65 mét, có thể để tàu chở khách và tàu chở dầu đi thông suốt không trở ngại.

Cầu lớn Seko Naikai có kết cấu hai tầng cầu công lộ và cầu đường sắt, tầng trên là công lộ cao tốc đường bốn xe đi vừa, tầng dưới là đường xe lửa, bao gồm tuyến chính mới. Cầu lớn trải thời gian 10 năm xây xong, 17 người chết, tốn vốn 1 vạn ức tiền Nhật (tương đương 95 ức đô la, Mỹ) con số nhân lực lao động lúc nhiều nhất 5000 người, mất 6700 vạn giờ công. Cầu lớn có thể chịu đựng động đất cấp 8,5 tuy Biển Trong vẫn được khen ngợi là không bị động đất đe dọa, nhưng khu vực này lại là khu động đất ai ai cũng biết.

Cầu Seko Naikai tuy rất lớn, nhưng nó so sánh với một chiếc cầu lớn hơn còn chịu thua kém. Đó là một chiếc cầu hai tầng công lộ đường sắt nối liền đảo Honshu với đảo Shikoku bắt đầu xây dựng năm 1988, kế hoạch vào năm 1998 hoàn thành. Chiếc cầu Acasi Caikioo lớn này khẩu độ là 1700 mét, nó sẽ là cầu cáp treo dài nhất thế giới.

Những phát triển này đối với đảo Shikoku sẽ sản sinh ảnh hưởng lớn lao, Shikoku là một đảo nhỏ nhất trong bốn đảo, mà ở vùng hẻo lánh; chỉ có thể thu hút người hành hương, mà không thể thu hút du khách. Người hành hương đến đây để tham quan 88 đền miếu. Nếu đi bộ thì phải tốn thời gian hai tháng. Những đền miếu này có liên quan với một đại đức Phật giáo nổi tiếng Không Hải đại sư. Năm 774 công nguyên, ông ra đời ở Shikoku, và xây dựng Tông Chân Ngôn Phật giáo, nhưng hiện giờ hòn đảo

nhỏ yên tĩnh này do đưa vào hoạt động du lịch mang tính thương nghiệp, chắc chắn sẽ xảy ra biến hóa.



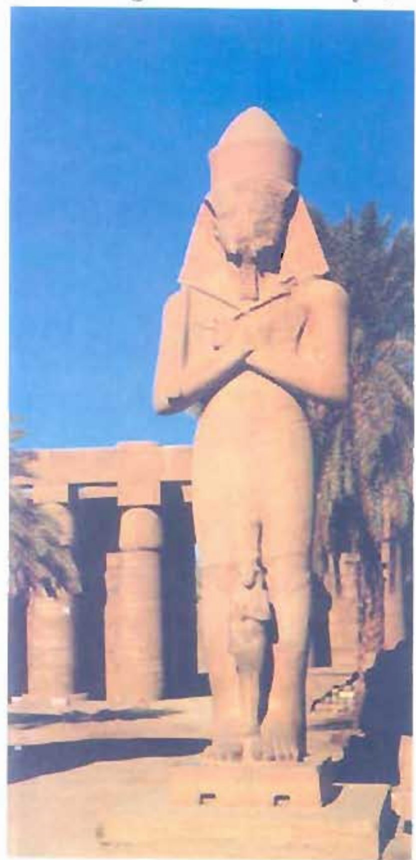
Từ mặt phẳng nước nhìn cầu, thể chính của cầu rất cao, khiến tàu bè đi qua không trở ngại.

Từ trên không nhìn xuống cầu lớn hiện vẻ nhảy vọt vượt qua Biển Trong đẹp đẽ. Nó được chuyên thiết kế chống động đất, bởi vì đây là khu xảy nhiều lần động đất.

Châu Phi

Châu Phi là đại lục thứ hai của thế giới sau Châu Á, chiếm khoảng 1/5 diện tích bề mặt trái đất. Nó rất có thể là cái nôi của loài người. Ở Châu Phi đã phát hiện di tích loài người và động vật giống người sớm nhất. Xem ra họ vài trăm vạn năm trước sống ở Châu Phi, sau đó từ Châu Phi di cư khắp toàn cầu, giả thiết này có thể chứng minh tại sao trên mảnh đại lục này cư trú số lượng rất nhiều dân tộc, nói ít nhất 800 thứ ngôn ngữ khác nhau.

Loài người sớm nhất lấy săn bắn và hái lượm mà sống. Nhưng năm 5000 trước công nguyên, ở lưu vực sông Nil màu mỡ Ai Cập, có bộ lạc làm nông nghiệp. Hồi ấy Sahara ở phía tây vẫn chưa phải là một sa mạc. Có dấu vết chứng tỏ trên vùng đất hiện nay là hoang dã, đã nuôi súc vật. Đến năm 3000 trước công nguyên, đã xây dựng vương quốc Ai Cập thống nhất, ở đây có một nền văn minh quan trọng phát triển lên. Nó kéo dài đến hơn 2000 năm, đến khi lãnh thổ của các pharaoh bị dân tộc ngoại lai đến từ Châu Á chinh phục. Họ là người Athos thế kỷ 7 trước công nguyên và người Ba Tư thế kỷ 6 trước công nguyên.



Ở Luxor, tượng đá Ramsès II, giữa hai đùi kẹp con gái của ông.

CARTHAGE VÀ CLEOPATRA

Đồng thời người Phenicie ở Syria và Lebanon sống ở trên biển lấy Tyre và Sidon làm hải cảng chủ yếu, họ xây dựng lên một vương quốc thương nghiệp ở vùng Địa Trung Hải, thuyền gỗ lớn của họ ban ngày giương buồm hoặc chèo đi, ban đêm đậu ở bờ biển Bắc Phi hướng về phía tây thăm dò, một loạt bến cảng mậu dịch phát triển lên. Ở Carthage, Tuynidi hiện nay (truyền thuyết nói là vào năm 814 trước công nguyên) họ xây dựng một đất thực dân, về sau dựa vào thực lực của nó thành một cường quốc khiến người nể sợ.

Năm 334 trước công nguyên đại đế Alexandre chinh phục Ai Cập. Ông được các trưởng lão Ai Cập tôn kính như thần, tiếp đó ông lại đánh chiếm toàn thể vương quốc Ba Tư, khi qua đời mới 32 tuổi. Sau khi ông chết, đế quốc tan rã, Ai Cập thuộc về một thủ hạ của ông, tướng Hy Lạp Ptolemy. Ptolemy xây dựng trên vương quốc của các pharaoh một triều đại mới, từ năm 100 trước công nguyên khi còn chưa đưa lạc đà - "thuyền trên sa mạc" - từ Tây Á vào, người Carthage đã có một tuyến đường mậu dịch xuyên qua Sahara đến tận Tây Phi kiếm lợi rất lớn, vương quốc ở phía Tây Địa Trung Hải của họ phát đạt thịnh vương, sau đó xảy ra xung đột với cường quốc La Mã nhanh chóng lớn mạnh. Sau khi trải qua ba chiến dịch chủ yếu, người La Mã vào năm 146 trước công nguyên đánh bại hẳn Carthage.

Vào thế kỷ tiếp theo, nữ vương vương triều Plotemy, nàng Cleopatra tuyệt đẹp, để khôi phục lại vinh quang của vương triều Ptolemy ngày trước, xây dựng lãnh thổ rộng lớn của vương triều Macedoine, liền tìm cách liên hợp với nhiếp chính quan La Mã Mark Antony. Nhưng không lâu, năm 31 trước công nguyên, nàng cùng Mark Antony bị Octavius (người về sau thành hoàng đế Augustus đánh bại, nàng liền tự sát chết, La Mã tiếp thu Ai Cập, nhất thống toàn thể bờ biển Bắc Phi. Thế kỷ 4 công nguyên, đạo Cơ đốc thành tôn giáo quan phương của đế quốc La Mã, cũng chiếm địa vị chủ yếu ở Ai Cập. Một tổng giám



Di tích giáo đường nham thạch Labibels trong núi sâu Ethiopia.

mục đạo Cơ đốc xây dựng ở Carthage một giáo khu. Khu vực này sau đó thành thủ đô của vương quốc Vandals của dân tộc German từ bờ bên kia sông Rhin đến, sau đó thành một bộ phận của đế quốc Byzantium. Hồi thế kỷ 7 công nguyên, Carthage sa vào tay người Á Rập và giáo đồ Islam.

Carthage trải qua tầng tầng lớp cặn lịch sử trăm ngàn năm. Các nhà khảo cổ có một phát hiện đáng sợ ở đây: di hài thi thể mấy nghìn trẻ nhỏ bị đốt cháy. Chúng bị thiêu chết để đem hiến tế cho nữ thần đa sản của người Carthage, Tannat và chồng bà, Bel Hanmen.

NGÀ VOI MÀU TRẮNG VÀ MÀU ĐEN

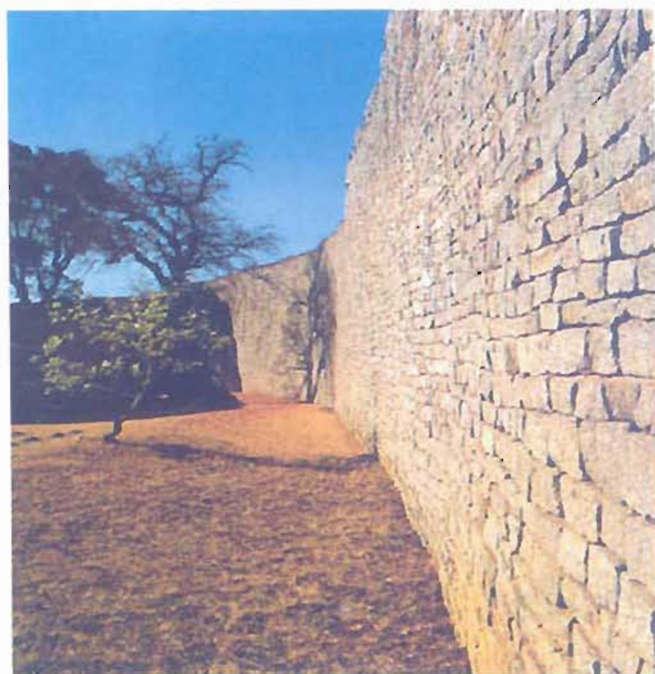
Vương quốc Ousi lớn mạnh ở phía nam Ai Cập rất sớm phát triển lên, thủ đô của nó là Miro. Công tác khai quật ở đây phát hiện cung điện và đền miếu, chúng ở trong một thành thị phồn vinh có người Caucasus và người da đen hỗn hợp ở. Văn minh Ai Cập hướng về phía nam tiến một bước thẩm thấu đến Châu Phi da đen.

Đầu thế kỷ 4 công nguyên, quân đội Ethiopia càng về phía nam xâm chiếm Miro, Chính thống giáo phương Đông Ethiopia vốn sáng tạo ở Lalibela cung điện ẩn trong núi sâu khiến người khó mà tin nổi.

Á Rập vào năm 641 chinh phục Ai Cập, và ào ào xuyên qua Bắc Phi do đó trong thành thị tường thành vây quanh như Fès ở Morocco, giữa bầu trời xuất hiện nóc tròn của chùa Hồi giáo. Từ năm 859 công nguyên Fès đã có một trường đại học. Ngày nay nó vẫn bảo trì vọng gác trên bờ thành thời cổ của nó, chùa Hồi giáo thiêng liêng trang nghiêm, đường phố chen chúc, chật hẹp, ồn ào. Thế kỷ 19 trở về trước, đó là nơi duy nhất trên thế giới chế tác mũ Fès.

Thương nhân Á Rập hướng về phía nam tiến một bước sát gần, vào Châu Phi, làm việc trao đổi ngà voi, vàng và nô lệ. Ở phía nam Sahara, không ngừng có vương quốc hưng khởi và suy vong. Ở Đại Zimbabwe, phế tích nham thạch chiếm đất 24 hecta, tường cao 9,1 mét, dày đến hơn 4,6 mét.

Từ thế kỷ 15 trở đi, người Châu Âu đứng đầu là người Bồ Đào Nha bị thu hút đến Châu Phi để mậu dịch và mở rộng thế lực, sau đó người Tây Ban Nha cũng đến. Người Hà Lan vào năm 1652 xây dựng đất thực dân Capde Bonne Espérance. Năm 1870, chính phủ Anh bãi bỏ trao đổi nô lệ, trao đổi nô lệ giữa các nước Tây Phi và Tân đại lục Châu Mỹ hưng vượng lên. Đến thế kỷ 19, toàn thể Châu Phi đã bị các quốc gia chủ yếu Châu Âu chia xẻ. Kênh Suez làm năm 1859 - 1869 do "Công ty kênh Suez quốc tế" sử dụng mấy chục vạn sức lao động Ai Cập đào nên. Thế kỷ 20 sau khi các quốc gia Châu Phi giành được độc lập. Ai Cập xây dựng đập nước Aswan ở chỗ thác lớn nhất bờ đông hạ lưu sông Nil, nó do người Đức thiết kế, người Nga xây dựng.



Tường vây đền miếu Đại Zimbabwe, là tàn tích sức mạnh của một vương quốc đã biến mất.



AI CẬP - XÂY DỰNG KHOẢNG NĂM 2500 TRƯỚC CÔNG NGUYÊN

KIM TỰ THÁP LỚN

To lớn mà lại thần bí, Kim tự tháp lớn Ai Cập đã trải qua 45 thế kỷ gió mưa.



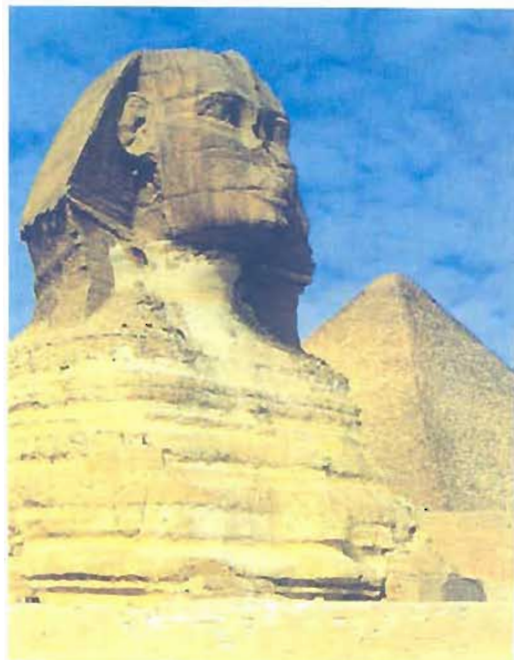
Kim tự tháp lớn ở phía tây sông Nil, bên rìa sa mạc, xây dựng cho pharaoh Cheops thế kỷ 26 trước công nguyên. Hai vua sau của vương triều thứ tư Ai Cập Chephrem và Mykérinus cũng xây kim tự tháp ở gần đó. 3 tòa kim tự tháp này tổ chức thành quần thể kiến trúc rất dễ nhận ra trên thế giới, hàng nghìn năm nay được người đời say mê và ca ngợi.

Người ta kính sợ nó là lẽ đương nhiên. Kim tự tháp lớn cao đến 137 mét. Nó do 22500 vạn tảng đá vôi lấy từ công trường khai thác đá gần đó xây thành, mỗi tảng nặng đến 2,5 tấn, tảng đá lớn nhất nặng 15,25 tấn. Mái nhà đá cẩm thạch trong nhà mồ quốc vương nặng đến 50,75 tấn. Kiến trúc to lớn cơ hồ nặng đến hơn 600 vạn tấn này là ở trong tình huống không có bất kỳ cơ giới hiện đại nào, dựa vào xe trượt, khiêng gánh, đòn lăn và xe trâu vận chuyển tảng đá mà xây dựng lên. Mặc dầu như vậy, Kim tự tháp lớn xây dựng được chuẩn xác lạ thường. Nó xây dựng trên một cái nền được nhân công san bằng, nó với mặt bằng nước tuyệt đối chỉ chênh lệch không đến 2cm. Nền đất Kim tự tháp với hình vuông chỉ chênh vài centimét. Cho nên bốn góc của nền đất cơ hồ là góc vuông tiêu chuẩn. Nó với chấm đỏ trên la bàn là một đường thẳng, bốn mặt chầu về chính bắc, chính đông, chính nam và chính tây—chênh lệch hết sức nhỏ nhặt.

Không ai biết tại sao độ chuẩn xác là quan trọng như thế, nhưng rõ ràng nó đúng là quan



Tượng Sphinx ban đêm, sau lưng là Kim tự tháp lớn.



Tượng Sphinx mặt người mình sư tử, một bài văn xuôi thời xa xưa xuất hiện dưới hình thức điêu khắc.

trọng. Đến nay không ai biết đích xác tại sao phải xây kim tự tháp. Thông thường mà nói, mọi người đều cho rằng đó là lăng mộ của Pharaoh, cái đó cũng có thể là đúng. Nhưng điều kỳ quái là chưa hề phát hiện ra thi thể ở đây hoặc ở trong kim tự tháp khác. Thế kỷ 9 công nguyên, một đội nhân viên quan phương vào Kim tự tháp lớn, trải bao gian lao vất vả, cuối cùng đến được nhà mồ quốc vương, họ nhận thấy áo quan đá rỗng không, áo quan đá không có dấu vết từng bị xâm phạm.



Quần thể kiến trúc nổi tiếng nhất trên thế giới.

Mặt bắc Kim tự tháp có một cửa vào. Một đường thông thấp hẹp khiến du khách phải khom lưng, len vào khó nhọc dẫn đến một hành lang dài 46,6 mét. Hành lang dài này thông đến nhà mồ quốc vương, nó cao hơn mặt phẳng nước 42,7 mét, trong đó áo quan đá cẩm thạch rỗng không. Trong Kim tự tháp còn có hai gian phòng, trong phòng không có một vật gì. Năm 1954 trong một cái rãnh dài phía ngoài Kim tự tháp phát hiện một thuyền gỗ samu, thân thuyền có một số bộ phận đã long ra, dài 43,6 mét, hiện nay đang trưng bày trong viện bảo tàng thuyền Mặt Trời. Rõ ràng, gần đó còn chôn chiếc thuyền khác, đó là chuẩn bị cho quốc vương sau khi chết đi trên biển.

4 tòa kim tự tháp này là một bộ phận của quần thể kiến trúc, nó còn bao gồm đền thờ, kim tự tháp nhỏ được người ta cho là mai táng vợ của pharaoh, phần mộ của tư tế và đại thần. Tượng mặt người mình sư tử đăm đăm nhìn sa mạc cảnh giác canh giữ tòa thành của người chết này.



AI CẬP - CHỦ YẾU BẮT ĐẦU XÂY DỰNG TỪ THẾ KỶ 16 TRƯỚC CÔNG NGUYÊN

ĐỀN KARNAC

Trên thành đàn ở chỗ sâu nhất đền, một chiếc thuyền chở tượng thần màu vàng kim.





Trong đền rất nhiều cột đá, chúng tượng trưng cho cây cọ. Trong thần thoại Ấn Độ, cây cọ sinh trưởng trên đảo Sáng thế nơi phát nguyên của thế giới

Trong 1500 năm, thủ đô của vương quốc Ai Cập đại thể đều ở bờ sông Nil, nơi mà thành Luxor hiện nay ở vào, lúc đó người Hy Lạp gọi là Thebes. Thành thị này hiện nay đã không còn nữa, nhưng phế tích lớn đền Karnac vẫn khiến khách du lịch hiện nay khen là mẫu mực. Đó là quần thể kiến trúc đền miếu lớn nhất Cổ Ai Cập, nó có cửa lớn hùng vĩ, có đình viện, đại điện, rất nhiều cột đá, tượng khắc đá và tháp nhọn vuông.

Ngôi đền chủ yếu này là đền thần Amon, ông là thần gió và không khí, ông hình người, đầu đội mũ miện hai lông vũ, thường xuất hiện với hình tượng thân người ngẩng đầu. Vốn trước ông chỉ là một thần linh địa phương không quan trọng, bắt đầu từ thế kỷ 16 trước công nguyên, các pharaoh thời kỳ mới thờ ông là quốc thần của Ai Cập, coi ông ngang với Thần Mặt Trời. Nay ông và vợ ông nữ thần Mut và con trai thần Mặt Trăng Cohens cùng được người thờ phụng.

Hồi đầu thời kỳ mới, Thoutmès I tiến hành mở rộng đền nhỏ Amon. Người kế thừa ông hết lần này đến lần khác tiến hành mở rộng, một số cửa tháp cao lớn, hai bên tháp lớn xếp thành dãy, thông đến các nơi trong đền. Người hành hương từ thế giới bên ngoài ánh mặt trời sán lạn vào đền, vào sâu đại điện càng lúc càng tối, đi đến khám thần thần bí ở chỗ sâu nhất, trên khám thần có tượng thần. Ngoài quốc vương và tư tế ra, người khác không được đến gần khám thần.

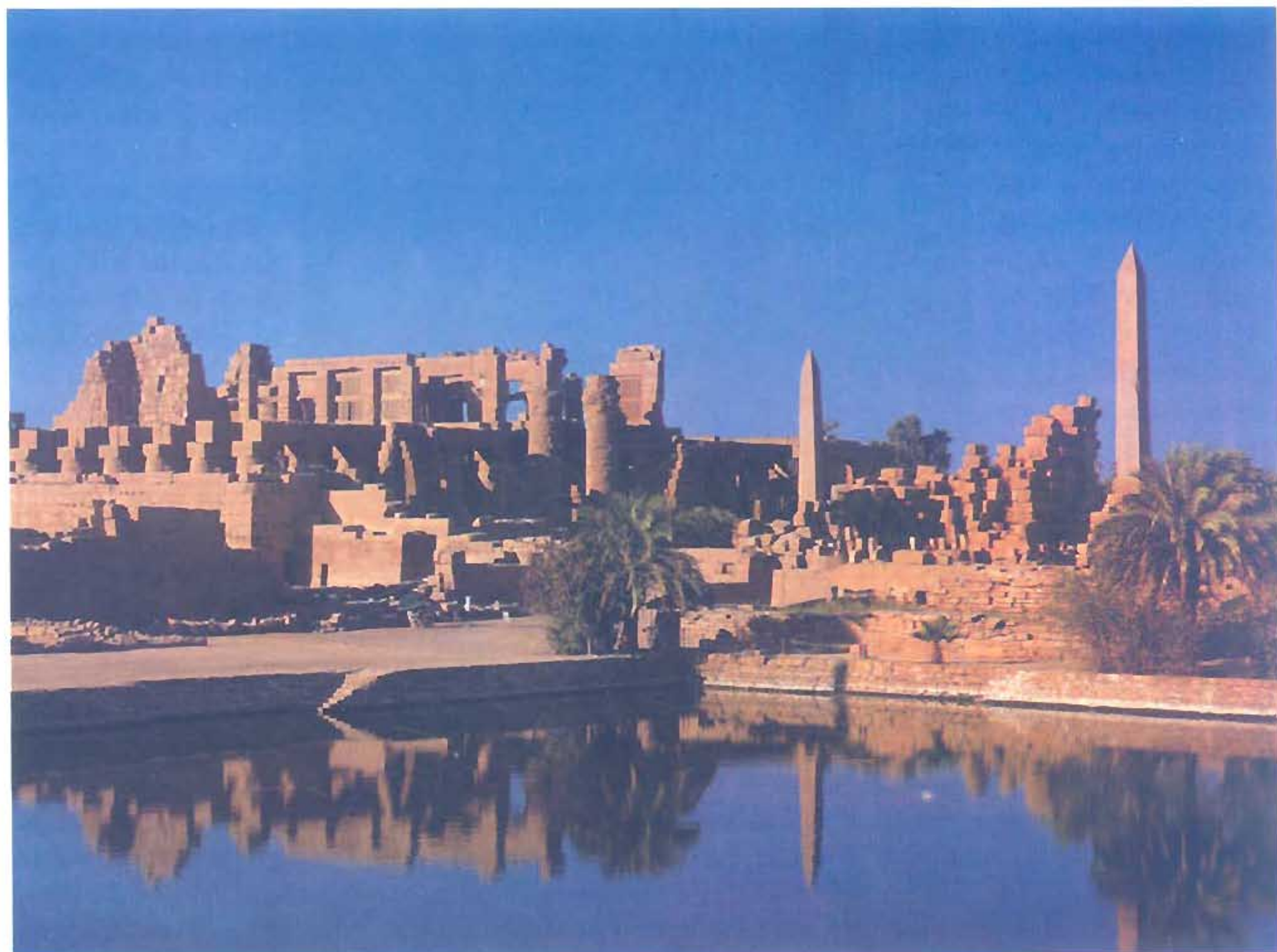
Có hai con đường lớn rìa có tượng đầu dê mình sư tử có thể không đến quần thể kiến trúc. Một đường từ sông Nil tới, một đường từ Luxor tới. Lần cửa chính cao lớn của đền chính hiện nay vẫn cao 43,6 mét, rộng 113 mét, vách tường độ

dày là 15 mét, trong lầu cửa là đại điện có hành lang cột vây quanh, từ đó có thể thông đến mấy đền nhỏ hơn. Lầu cửa thứ hai thông đến điện cột lớn, diện tích của nó bằng 1/3 giáo đường San Peter ở La Mã. Hiện nay nóc đại điện không còn nữa, cái nóc ấy vốn trước che ở chỗ cao hơn mặt đất 24 mét, xếp thành 16 hàng, trên 140 cây cột, vùng nóc những cột này đều chạm trổ thành hình hoa leo và nụ hoa.

Lầu cửa thứ ba thông đến viện lạc ở khoảng giữa, lại đi vào trong còn có ba lầu cửa dẫn đến khám thần. Trong khám tượng thần màu vàng kim đứng trong thuyền thánh. Hướng về phía nam xuyên qua bốn lầu cửa khác là đền nữ thần Mut còn chưa khai quật hoàn toàn, diện tích suýt soát với đền Amon chồng bà. Quần thể kiến trúc còn có đền Cohns và các thần khác. Hoa viên ở chỗ những vật kiến trúc này đã không còn nữa. Từ một bên khác của hồ thánh nhìn sang bên này có thể nhìn rõ toàn bộ quần thể kiến trúc.

Đền Luxor đồng thời thờ thần Amon - Ray, mấy thế kỷ nay không ngừng xây thêm. Nó tuy tương đối nhỏ, nhưng khiến người khó quên. Các giáo đồ Cơ đốc đem nó làm giáo đường, nhưng ở bên trong có một chùa Hồi giáo, còn có hành lang trụ do cột tròn chạm hoa leo tổ chức thành, tượng lớn của Ramsèe II và phù điêu rất sống động.

Cách hồ thánh nhìn về di tích đền thần. Nguồn nước của hồ thánh đến từ sông Nil thông qua mạch ngầm dưới đất. Nơi này còn nuôi ngan thánh. Thuyền thánh lãng đãng trên hồ.



ĐẤT NƯỚC CỦA CÁC PHARAOH AI CẬP

VĂN MINH PHONG PHÚ NHIỀU VẺ MÀ THẦN KỲ PHÁT TRIỂN Ở LƯU VỰC SÔNG NIL.

Ai Cập được miêu tả là một quốc gia chỉ có chiều dài mà không có chiều rộng, tuy diện tích của nó suýt soát nước Pháp, nhưng khu vực có thể cư trú của nó chỉ hạn chế ở dải đất hẹp dài hai bờ sông Nil. Hai bên của dải đất này đều là sa mạc.

Ở lưu vực sông Nil phát sinh ra một nền văn minh cổ xưa vĩ đại, di tích của nó được khí hậu Ai Cập bảo tồn mấy ngàn năm. Chỉ riêng thể tích của nó cũng đã khiến người thán phục. Lấy Kim tự tháp lớn làm thí dụ, nó chiếm đất gần 5 hecta. Trên một vùng đất như vậy, có thể không hề tốn sức đặt lên 5 giáo đường lớn nhất Châu Âu. Cái khiến người chú ý còn là sự thần bí của Cổ Ai Cập; trong phần mộ của nó có thi thể xác ướp bọc vải, tường vây và cột khắc chữ tượng hình Ai Cập thành phù hiệu thiêng liêng của đền miếu, những chữ tượng hình và phù hiệu ấy là một trong những hình thức chữ viết sớm nhất.



Trong huyệt mộ vua Guseti I có bích họa về cuộc sống ở kiếp sau.

BA THỜI ĐẠI

Kinh tế Ai Cập vẫn phải dựa vào sông Nil và mặt trời. Thông thường tháng 7 hàng năm, nước sông Nil tràn qua bờ sông, chảy vào ruộng đất bờ phía tây, phủ cho ruộng đất một lớp đất đen màu mỡ, khiến lúa má hoa màu dưới ánh mặt trời chiếu rọi được, do thế "quốc gia" của Ai Cập tên là "Caimi", ý là "đất đai màu đen". Nếu nước lũ không đến, người người đều lâm vào cảnh đói khát và tai nạn. Cơ cấu tôn giáo quốc gia của Ai Cập đại đa số là thiết lập để cử hành nghi thức tôn giáo, họ cầu thần linh phù hộ mọi sự trên đời vận hành theo lệ thường, mà nước lũ mang lại sinh mệnh cho họ đến đúng kỳ. Trong những nghi thức tôn giáo này, gây tác dụng chủ yếu là pharaoh, ông vừa là quốc vương, vừa là vị chủ tể, tổ tiên xa xưa của ông từng là người dẫn đầu cầu mưa thời nguyên thủy.

Vào khoảng năm 3000 trước công nguyên, Ai Cập thành quốc gia thống nhất, thủ đô đặt ở Memphis phía nam vùng ngã ba sông Nil. Bắt đầu từ lúc đó, lịch sử của nó được các nhà sử học Ai Cập chia thành ba thời kỳ ("Vương quốc") chủ yếu, giữa chúng có thời kỳ quá độ. Thời kỳ đầu từ thế kỷ 27 trước công nguyên đến thế kỷ 22 trước công nguyên, là thời kỳ chủ yếu xây dựng kim tự tháp, đỉnh cao của nó là Kim tự tháp lớn và các kim tự tháp khác ở Giza đến hiện nay đã 4500 năm. Đỉnh nhọn kim tự tháp hướng lên trời, có thể là tượng trưng pharaoh đã chết, lên trời, đến chỗ của cha ông

ta, Thần Mặt Trời.

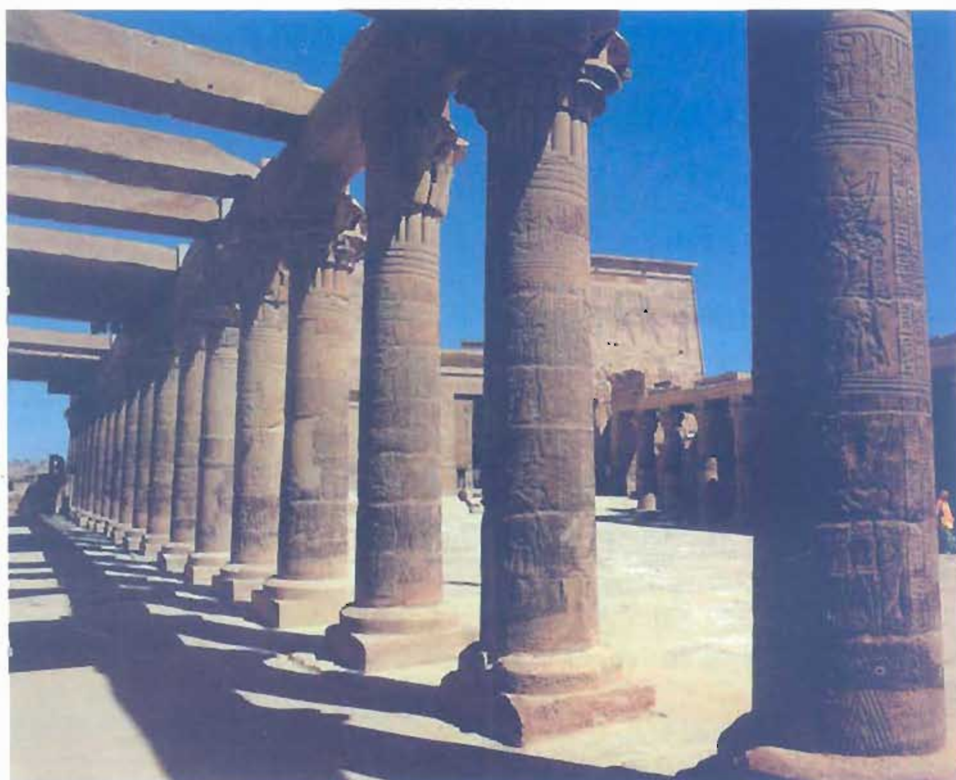
Thời kỳ giữa từ thế kỷ 21 trước công nguyên đến thế kỷ 17 trước công nguyên, lại là một thời kỳ phồn vinh thịnh vượng. Nhưng thời kỳ huy hoàng của Cổ Ai Cập lại là thời kỳ Vương Triều Mới từ thế kỷ 16 trước công nguyên, lúc bấy giờ thủ đô đã dời về Thebes (tức Luxor hiện nay). Của cải lớn của các pharaoh tiêu phí vào việc xây dựng đền miếu đồ sộ. Trang sức đền có tượng điêu khắc, tháp nhọn vuông, mặt người mình sư tử và phù điêu, bích họa sống động. Đền Karnac là cái lớn nhất trong số đó. Khi mộ Tutankhamon được phát hiện vào những năm 20 thế kỷ 20, của báu chôn theo không sao đếm xuể khiến người giật mình kinh ngạc.

Có người cho rằng Ramsès II là vị pháp vương trong thiên "Ra khỏi Ai Cập" của Kinh Thánh. Cách nói ấy đương nhiên không khẳng định, nhưng ông ở Abu Simbel xây dựng một ngôi đền đá, dựng 40 tượng điêu khắc khổng lồ bản thân ông ngồi trên ngai báu, đăm đăm nhìn về sa mạc lớn hoang vắng, lấy tư thế của người thành công biểu hiện quyền lực chí tôn của ông. Kết quả kiểm tra xác ướp của ông chứng tỏ ông có thể là mắc bệnh đau răng rất nặng - cái đó khiến người thấy rằng ông chẳng qua cũng chỉ là một phàm nhân mà thôi.

ĐỜI SAU

Một trung tâm cơ bản của tôn giáo Cổ Ai Cập là tin rằng người sau khi chết có kiếp sau. Quá trình chế tác xác ướp phức tạp lạ thường, giá cả đắt đỏ khiến người bình thường không sao gánh chịu nổi, nhưng có thể bảo đảm người chết bình yên sống cuộc đời mới trong thế giới của người đã chết, đó là một cuộc sống rất giống với thế giới này. Trong lăng mộ, tranh vẽ miêu tả sinh động cảnh sống của thế giới sau khi chết. Trong huyệt mộ đặt tượng người hầu cỡ nhỏ hầu hạ người chủ đã chết của họ. Còn có đồ dùng trong nhà, y phục, vũ khí cung cấp cho họ sử dụng sau khi chết, ngoài ra còn có thực phẩm bánh mì, cá khô và thịt dê. Không chỉ thi thể người tiến hành xử lý phòng mục nát, trong mộ địa từng phát hiện mèo, chó, chim ưng săn, khỉ mặt chó và cá sấu xử lý phòng mục nát.

Ở đây chỗ nào cũng có thể thấy các thần Ai Cập, có tượng điêu khắc, phù điêu và tranh vẽ, rất nhiều thần linh đều có đầu động vật, Thần Trời Horus có một đầu chim ưng, Thần Tình yêu Hasor có tai có sừng bò trắng. Không ai có thể đoán được ý nghĩa của những tượng đầu ấy, nhưng không một dân tộc nào có thể kết hợp chặt chẽ thần linh với động vật như thế, đó lại là một chỗ thần bí nữa của Cổ Ai Cập.



Đền nữ thần Ihis từ đảo Philay dời đến.



TUNISIE - BẮT ĐẦU XÂY DỰNG
THẾ KỶ 8 CÔNG NGUYÊN

CARTHAGE

Từ chỗ xa, bạn có thể nhìn thấy thành thị này nhô lên, lãnh địa của người Tyre, nó là Carthage. Để tránh khỏi sự thù địch của anh nàng, Dido của Phénicie trốn khỏi vương quốc Tyr, đến đây lãnh đạo một quốc gia ngày càng phồn vinh.

*Trích từ sử thi **Homer "Iliat"***



Dido là em gái quốc vương Tyre - kinh đô cổ Phenicie. Quốc vương mưu đoạt tiền tài sát hại chồng Dido, Dido mang theo những người tùy tùng, giương buồm ra biển, đi tìm một vương quốc nơi thuộc về mình. Ở bờ biển Bắc Phi nàng xây dựng một thành thị to lớn: vương tử thành Troy, Aeneas một trong những người đầu tiên xây dựng đế quốc La Mã để tìm kiếm một địa điểm thích hợp xây dựng đế quốc La Mã, cũng dẫn hạm đội của ông đến đây. Dido lấy tên cho thành thị là "Carthage" (từ này bắt nguồn từ ngữ Phénicie, ý là "thành thị mới".

Thành Carthage về kiến trúc thể hiện một cách xuất sắc truyền thống và phong cách nghệ thuật Âu Châu, nhưng nó, trong sự giằng co với người La Mã, lại tỏ ra không xuất sắc. Khoảng giữa thế kỷ 2 trước công nguyên. Nguyên lão viện La Mã nhất trí đồng ý chủ trương kiên quyết của nhà chính trị Cato: Carthage phải bị tiêu diệt. Carthage, thành thị một dạo là đồng minh với La Mã nhưng hiện lại thành đối thủ và kẻ địch, cuối cùng vài năm 146 trước công nguyên bị hủy diệt.

Muốn phân biệt sự thực lịch sử và truyền thuyết, có khi dường như không có khả năng. Dù cho đã tiến hành lượng lớn công tác khảo cổ, có một số đường dây vẫn vàng thau lẫn lộn. Thậm chí ngày xây dựng Carthage cũng không có cách nào xác định. Căn cứ vào văn tự ghi chép, Carthage là xây dựng vào cuối thế kỷ 9 trước công nguyên. Nhưng di vật



Trong đống đổ nát lâu đến mấy trăm năm, có thể phát hiện di tích nhà tắm suối ấm La Mã trong thành Carthage.

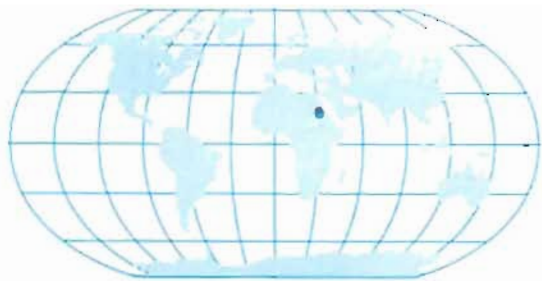
khảo cổ phát hiện lại chứng minh, khoảng giữa thế kỷ 8 trước công nguyên trở về trước, nơi này căn bản không có người cư trú. Phát hiện khảo cổ thời xa xưa, khiến người ta rởn tóc gáy. Một địa phương tên là Tophis, rõ ràng từng coi là tế đàn thờ cúng nữ thần Tannit. Ở đấy lượng lớn trẻ con bị coi là vật tế. Trong nghi thức tôn giáo dưới ánh trăng, một số trẻ con 2 - 3 tuổi bị hiến tế cho Bayer - Thần Mặt trời người Phenicie cổ đại tin thờ. Đem một số thành viên danh gia vọng tộc và đồ dùng kiếp sau cần đến cùng đưa vào huyệt mộ, vào một thế giới khác, cách làm ấy ở đây dường như là một thứ truyền thống. Truyền thuyết về Dido chết có thể là dựa trên một tư tưởng nguyên thủy: Sự qua đời của một quốc vương hoặc hoàng hậu sẽ tạo phúc cho quốc gia đó.



Cột đá của vật kiến trúc bị phá hủy lặng lẽ đứng bên bờ biển Địa Trung Hải màu lam. Người Phenicie đến đây xây dựng thành Carthage, cũng là dựa vào biển cả, thành Carthage xây dựng nên sự nghiệp mậu dịch huy hoàng của nó.

Vào thế kỷ 6 trước công nguyên, Carthage trở thành ngày càng cường thịnh. Nó xây dựng hạm đội của mình và chiếm được một số đất thực dân. Người Carthage ở chỗ gần Tophis xây dựng hai bến cảng bằng nhân công. Hai bến cảng này là tượng trưng của họ trên biển. Rất nhiều du khách ngày nay có ấn tượng đặc biệt sâu sắc đối với nó. Một bến cảng trong đó là quân cảng hình tròn, một đảo nhỏ ở khoảng giữa có không gian có thể đồng thời dung nạp rất nhiều âu thuyền trên cạn của hạm thuyền. Căn cứ vào cách tính toán của nhà sử học Hy Lạp Epir, quân cảng này có thể dung nạp hơn 200 hạm thuyền. Sự miêu tả của Epir về quân cảng này ở trình độ rất lớn được sự chứng thực của các nhà khảo cổ học. Liên tiếp với quân cảng là một bến cảng dùng cho thương nghiệp quy mô lớn. Lối vào cửa của bến cảng này hiện đã tìm ra.

Trung tâm đô thị của thành Carthage xem ra vị trí ở một dải núi Byrse (từ Byrse nguyên ý là "da bò". Nghe đồn lúc Dido mới đến, đất đai lấy được không nhiều, một tấm da bò đủ để quây vòng đất lại). Hiện giờ, núi Byrse có một viện bảo tàng, các nhà điều tra khảo cổ tiến hành đào dốc núi này, phát hiện ở đây có một số nhà cửa và cửa hiệu thuộc vào cuối thế kỷ 3 và đầu thế kỷ 2 trước công nguyên. Nhưng tuyệt đại đa số vật kiến trúc đến nay vẫn có thể nhìn thấy di tích của nó - thí dụ như nền hí viện hình tròn, nhà tắm kiểu Antony, và một số biệt thự - đều lưu lại vết tích của bọn chinh phục La Mã lớn mạnh.



SUDAN - BẮT ĐẦU VÀO THẾ KỶ 6 TRƯỚC CÔNG NGUYÊN

VƯƠNG QUỐC MEROE

Một quốc gia Phi châu cổ đại thành điểm giao hội của nhiều thứ văn hóa, quốc vương và hoàng hậu ở đây hưởng quyền lực như nhau



Nhà sử học Hy Lạp Herodote ở thế kỷ 5 trước công nguyên từng miêu tả Ethiopie xa xôi, trong quốc gia này nghe nói có một thánh vật, được gọi là "cái bàn của Mặt trời", đặt ở cánh đồng gần thành Meroe. Mỗi khi màn đêm buông xuống, các quan chức bản địa đến nơi này, nhiệt thành dâng thịt nấu chín trên bàn. Nếu người ta muốn lấy ăn thịt này, đều sẽ được cho phép. Quốc vương Meroe từng khoe khoang: thần dân của ông lấy thịt và sữa làm thức ăn chính, có thể thọ đến 120 tuổi.

Người ta không có cách nào chứng thực, kết cấu ăn uống này có thể sản sinh tác dụng hay không, nhưng phát hiện của người ta lại chứng tỏ, Meroe từng là thủ đô một quốc gia Phi Châu cường thịnh. Khoảng thế kỷ 6 trước công nguyên đến thế kỷ 2 công nguyên, quốc gia này hết sức hưng vượng. Ảnh hưởng của nó dọc theo sông Nil vươn ra đến ngoài mấy trăm cây số, từ vùng giữa thành Meroe, đào được một vật kiến trúc gọi là "Chùa Mặt trời". Tên gọi này có thể một phần là do sự miêu tả của Herodote về "cái bàn của Mặt trời", một phần là do người ta phát hiện ở đây một tảng đá lớn khắc đồ án Mặt trời, vật kiến trúc còn bao gồm một thánh điện dựng trên bệ lớn, trên tường bệ trang sức phù điêu của dân tộc bị chinh phục.

Một số nhà văn Cổ Hy Lạp và Cổ La Mã khác từng miêu tả hết sức tường tận người Ethiopia ở Meroe. Dựa theo đó, nhà thám hiểm Ethiopia James Bros suy đoán, ở lòng sông Nil cách Khartoum 161km về phía bắc ông nhìn thấy di chỉ phế tích không phải là những nơi ông đọc thấy trong tác phẩm văn học Cổ Hy Lạp. Đầu thế kỷ 20, các nhà khảo cổ học bắt đầu khảo sát di chỉ phế tích này. Họ phát hiện rất nhiều phần mộ, kiến trúc tôn giáo, một khu đất nhà của hoàng gia, đồ gốm, châu báu và khí cụ kim loại tinh xảo. Nhưng đại bộ phận khu di chỉ vẫn chờ đợi khảo sát. Rất nhiều câu đố còn chưa được giải, trong đó là ngôn ngữ Meroe, người ta đến nay vẫn chưa dịch nổi.



Năm 1820, một nhà thám hiểm Italia tham lam, để tìm kiếm kho báu, đã san đi rất nhiều nóc của kim tự tháp.

Xem ra, Meroe là thủ đô mới phát triển lên của vùng đất từng lệ thuộc Ai Cập. Khi nhân dân vùng đất này trở thành ngày càng lớn mạnh khống chế ngược lại nước bá chủ của nó. Nhưng ảnh hưởng của văn hóa Ai Cập thấm nhuần sâu vào nghệ thuật và kiến trúc Meroe. Tôn giáo Ai Cập cũng giữ ảnh hưởng quan trọng ở Meroe. Người Meroe xây đền miếu cho các nữ thần trong thần thoại Ai Cập. Ngoại hình những đền miếu này trang sức lượng lớn



Dấu vết của đền miếu còn sót lại trong sa mạc, Meroe ở phía bắc sông Nil từng là thủ đô của một đế quốc nội lục Châu Phi cường thịnh.

ngói đá từng mảnh và điêu khắc mặt phẳng, mang phong cách Ai Cập điển hình. Quốc vương và hoàng hậu Meroe sau khi chết an táng dưới kim tự tháp. Kim tự tháp do gạch và sa thạch trải qua xử lý xây dựng, từng nhóm một đứng sừng sững ở mộ địa. Có khi cùng một vật kiến trúc hiện ra phong cách song trùng Ai Cập và Cổ La Mã. Ảnh hưởng văn hóa đến từ Trung Đông cũng thấp thoáng nhận ra có một chỗ kiến trúc xem ra giống phiên bản bể tắm Cổ La Mã.

Rõ ràng, người Meroe từ trong nhiều thứ văn hóa khác hấp thu và noi gương được nhiều cái. Sự kết thúc của nền thống trị Ai Cập đối với họ không có nghĩa là từ chối truyền thống văn hóa mà Ai Cập là đại biểu. Voi lớn và sư tử trong nghệ thuật của họ chiếm địa vị quan trọng. Nguồn của cải của Meroe là mỏ sắt dưới đất. Vật phẩm từ bên ngoài du nhập vào có khí cụ đồng thau, thậm chí khí cụ chế bằng bạc. Dù quốc vương là người thống trị vương quốc Meroe, nhưng hoàng hậu cũng giữ địa vị đáng kể.

Cổ Ai Cập có ảnh hưởng lớn lao đối với Meroe. Quốc vương và hoàng hậu Meroe chết đều được chôn dưới những kim tự tháp.



MOROCCO - BẮT ĐẦU THẾ KỶ 9 CÔNG NGUYÊN

FÈS - MEDINA

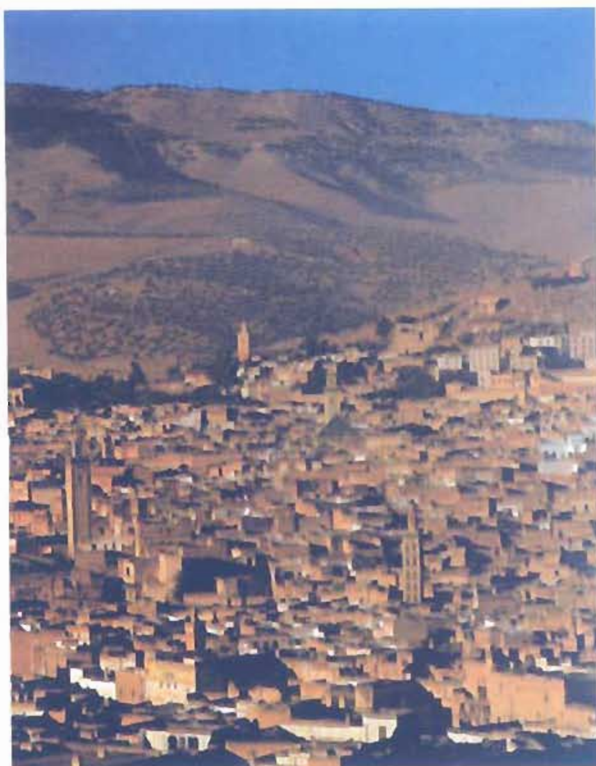
Một thành thị Trung thế kỷ, nhưng ở thế kỷ 20 vẫn tràn đầy sức sống.



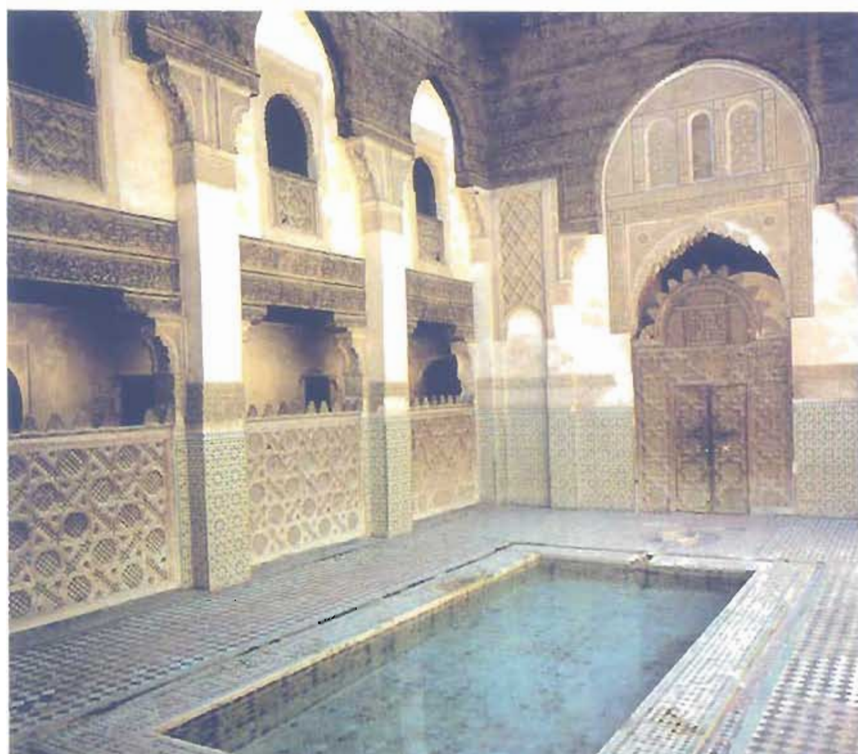
Fès là một thành phố lớn hiện đại hóa, nhân khẩu vượt quá 50 vạn, ở đây bạn có thể vứt bỏ xe hòm cao cấp thế kỷ 20, đường phố rộng rãi và cao ốc hiện đại hóa mà đi vào một kinh đô cổ thuộc Trung thế kỷ. Khi tiên tri Muhammad bị nhà đương cục Mecca uy hiếp mà trốn đi, ông đến thành thị Medina này. Từ lúc ấy trở đi, từ Medina có thể chỉ bất kỳ khu thành cổ xưa nào trong thành trấn Islam. Medina vị trí ở Fès là một thành xưa xây dựng từ thế kỷ 9: đường phố hẹp, đường nhỏ quanh co, suối phun nước trong đình viên trang nhã, chợ búa ồn ào, tất cả mọi cái phô bày với người ta một thế giới khác. Cái mà người bán hàng rong bán có thể là đồ dùng hiện đại hóa, cũng có thể chuyên bán kỷ niệm phẩm cho khách du lịch, nhưng ở đây vẫn tràn lan một không khí cổ đại.

Fès chia ra làm 200 khu vực khác nhau. Mỗi một khu vực đều có chùa Hồi giáo của mình, hệ thống cấp nước, nhà tắm Thổ Nhĩ Kỳ và cửa hiệu bánh mì. Thành này cũng là một trong những nơi có trường đại học cổ xưa nhất, trung tâm biện luận học thuật Trung thế kỷ quan trọng nhất. Đến thế kỷ 13, Fès có 800 ngôi chùa Hồi giáo (thông thường còn phụ đặt trường học), mấy nghìn cửa hiệu và nhà cửa đủ dung nạp 12,5 vạn người, trở thành một trong những thành thị quan trọng nhất thế giới hồi bấy giờ. Muốn hiểu nó tường tận cần mấy tuần lễ.

Chùa Hồi giáo Qarawiyyin là chùa Hồi giáo chủ yếu của thành phố, Fès xây dựng thế kỷ 9, vào thế kỷ 13 tiến hành sửa sang. Nó có thể dung nạp hơn 2 vạn người, là chùa Hồi giáo lớn nhất Bắc Phi, lân cận của nó là trường đại học Fès cổ đại và một thư viện hạng nhất. Trong văn hóa Islam, người ta không coi trọng bề ngoài của một vật kiến trúc bốn chung quanh, không tỏ ra rất xuất sắc, nhưng bên trong chùa Hồi giáo lại có lượng lớn công nghệ phẩm tinh xảo khiến người nhìn không chán mắt, thư pháp khéo đẹp và trang sức ngói sứ.



Toàn cảnh cổ thành Trung thế kỷ Fès - Medina.

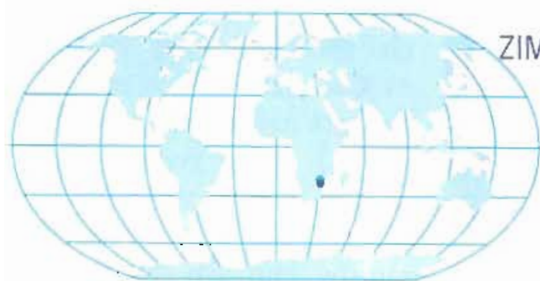


Ký túc xá của học sinh trường dạy kinh Coran Assaro. Giữa là ao nước sân vườn, do tác dụng kỳ diệu của ánh sáng bạn đứng ở bất kỳ một đầu nào của ao, xem ra còn sâu hơn so với một đầu khác. Trường này xây dựng đầu thế kỷ 14.

Ngoài một trường đại học, Fès còn có rất nhiều trường học kinh Coran. Những trường học này thông thường do ba gian phòng tổ chức thành: nhà học, nhà cầu nguyện và thư viện, ở vào giữa ba gian phòng là một đình viện có suối phun nước. Trường học kinh Coran Buynanil đặc biệt nổi trội, trang sức nhã nhặn sang trọng mà không cách tuyệt với đời, có rất nhiều chỗ tương tự với kiến trúc kiểu Tây Ban Nha của người Maures. Fès còn có một kết cấu được gọi là "đồng hồ nước": cửa sổ, tấm gỗ và mâm đồng xếp thành hàng lạ lùng độc đáo. Nhưng không ai giải thích nổi cái "đồng hồ" đó chạy như thế nào, mà người chế tác mâm đồng đó lại rất có khả năng là tổ tiên xa xưa của một người thợ nào đó trên phố. Ở quảng trường Saplin tại Fès, bạn có thể nhìn thấy những người thợ đang gõ đánh các thứ kim loại thành hình. Ngoài ra nhuộm màu và thuộc da mấy trăm năm nay vẫn là công nghệ truyền thống của nhân dân Fès. Trong xưởng thủ công nhuộm màu ở bờ sông, người bản địa dùng cối xay nước nghiền nát rau cỏ, chế thành các thứ thuốc nhuộm, ở vùng đất hạ lưu sông, những người thợ thuộc da đang vất vả thuộc da, chỉ cần chịu đựng nổi mùi vị khi thuộc da, bất kỳ người nào đều có thể xem xem họ làm việc như thế nào.



Khải hoàn môn hùng vĩ xây dựng ở Flubiri, vào năm 217 công nguyên, xây cho quốc vương đương thời Cardirocara.



ZIMBABWE - NƯỚC CỔ Ở PHI CHÂU BẮT ĐẦU TỪ THẾ KỶ 12

ĐẠI ZIMBABWE

Có người đem những kiến trúc bằng đá hùng tráng mà thần bí ở đây quy công cho hoàng hậu Saba, nhưng chúng lại là kiệt tác của người Phi Châu chính cống.



Từ Zimbabwe có thể là bắt nguồn từ ngữ bantu, ý là "thành đá được kính trọng". Đúng là Đại Zimbabwe có rất nhiều di chỉ kết cấu đá khiến người khó quên, chúng vừa không có vôi vữa, vừa không dùng cổng vòm và nóc tròn. Đại Zimbabwe đối với người hiện đại vẫn là một câu đố, bởi vì vào thế kỷ 19, hành vi vô trách nhiệm của một số người tìm của báu đã làm trở ngại rất lớn cho công tác khảo cổ ngày nay. Những người tìm của báu đó lấy danh nghĩa công ty khai phát di tích cổ Roddy, tiến hành sự cướp bóc hợp pháp đối với di tích lịch sử này.

Đại Zimbabwe có ba nhóm kiến trúc: một số thành bảo vệ thời kỳ xa xưa (hoặc gọi là đồn trại quan trọng vùng núi); bãi quây hình bầu dục do một bức tường đá rất cao quây thành (hoặc gọi đền miếu) và di chỉ kiến trúc các loại trong lòng sông ở khoảng giữa thành bảo vệ và bãi quây. Địa thế của di chỉ rất lý tưởng, có phù sa màu mỡ và lượng mưa đầy đủ, những cái đó có tác dụng quan trọng đối với sự lớn mạnh và phồn vinh của một dân tộc.

Những nhà thám hiểm đến Đại Zimbabwe thời kỳ đầu vẫn cho rằng những kiến trúc này không phải là người Phi Châu tạo, mà là dân tộc ngoại lai khác tạo. Nhưng những nỗ lực nhằm chứng minh dân tộc ngoại lai từng cư trú ở đây cuối cùng đã thất bại, rất nhiều tài liệu nhằm chứng minh quan điểm này cũng bị nhất nhất phủ định. Hiện nay chúng ta biết rõ, Đại Zimbabwe hoàn toàn là do người Phi Châu xây dựng đầu tiên, những đồ gốm và chế phẩm thủ công sản xuất thời kỳ và xưa rất giống với khí cụ của người Bantu hiện đại (hiện ở miền nam Phi Châu). Di chỉ những thành bảo vệ này có thể dõi nguồn ngược lên đến khoảng thế kỷ 12 và 13, cái đó có thể là do của cải ở nơi này không ngừng tăng lên và xuất từ nhu cầu an toàn



Bộ phận kết cấu vùng nóc tường đá hình chữ "chi".

mà xây dựng, bãi được vây quanh hình bầu dục xây dựng vào thời điểm hơi muộn một chút, chúng ta không có cách nào biết được, Đại Zimbabwe hồi bấy giờ làm sao trở thành giàu có như thế và ngày càng quan trọng. Nhưng có một điểm là khẳng định, tức trước thế kỷ 15 nơi này từng là một địa phương hết sức phồn vinh. Nó bán ra ngoài lượng lớn vật phẩm quý giá, lượng bán ra vượt hơn bất kỳ một dân tộc nào ở khu vực này hồi bấy giờ.

Ở Đại Zimbabwe, công nghệ gạch xây chất lượng cao rất

được người chú ý, đặc biệt là bức tường ở vùng đông bắc bãi quây hình bầu dục. Tường này cao 9,1 mét, vùng đáy độ dày là 4,9 mét. Kết cấu vùng nóc hình chữ "chi" dọc theo tường vây hình tròn dài 244 mét, kéo tiếp gần 18 mét. Thợ đá thành thạo đầu tiên cần đục sửa đá hoa cương thành hình, sau đó dựa theo tổ hợp rất có quy tắc xây chồng lên, quây lấy đống đá vụn ở bộ phận trung tâm của tường. Bức tường phía ngoài và bức tường trong của đền miếu trong bãi quây đều xây thành hình đường cong, và vươn ra không thẳng tắp, những tường trong và đường thông ấy rốt cuộc có tác dụng như thế nào, không thể biết được, nhưng bãi quây và đền miếu bên trong nó xem ra là không có mái nhà. Cũng như vậy, tác dụng của tháp hình nón bằng đá trong bãi quây cũng khiến người khó mà hiểu nổi. Trên tháp hình nón ruột đặc cũng có kết cấu hình chữ "chi".

Những thành bảo vệ này đứng sừng sững trên vách đá cao đến 27 mét, cửa vào của nó là một cầu thang chỉ để cho một người đi lọt, bậc của thang đá tròn lớn và giữa khoảng vách núi sửa đục mà thành. Ngoài thành bảo vệ cũng có một dãy tường thành. Một đường đi rộng 4 mét thông thẳng đến vùng nóc của tường thành, ở vùng nóc, cứ cách một khoảng lại sừng sững một tảng đá lớn.

Nhà thám hiểm thời kỳ đầu Theodon Beth sau khi nhìn thấy thành bảo vệ cho rằng: đường đi quanh co và công sự phòng ngự quá phức tạp là đặc trưng rõ rệt nhất của thành bảo vệ, ông từng cảm thán nói: "Đây là kết cấu kiến trúc quá thần bí, quá phức tạp mà tôi may mắn được nhìn thấy", Một trăm năm sau, ngày nay, Đại Zimbabwe vẫn là một nơi khiến người kinh ngạc, đồng thời lại đầy thần bí.



Chỗ vào cửa của bãi quây (gọi là đền miếu) Ngoài đền miếu ra còn có tường đá lớn không dùng bất cứ vôi vữa kiến trúc gì mà tạo nên. Đại Zimbabwe là một dân tộc nói tiếng Mashona, sự hưng vượng và phồn vinh của dân tộc này chủ yếu dựa vào lượng lớn súc vật chăn nuôi.

ETHIOPIA - XÂY KHOẢNG NĂM 1200 CÔNG NGUYÊN

GIÁO ĐƯỜNG NHAM THẠCH LALIBELA

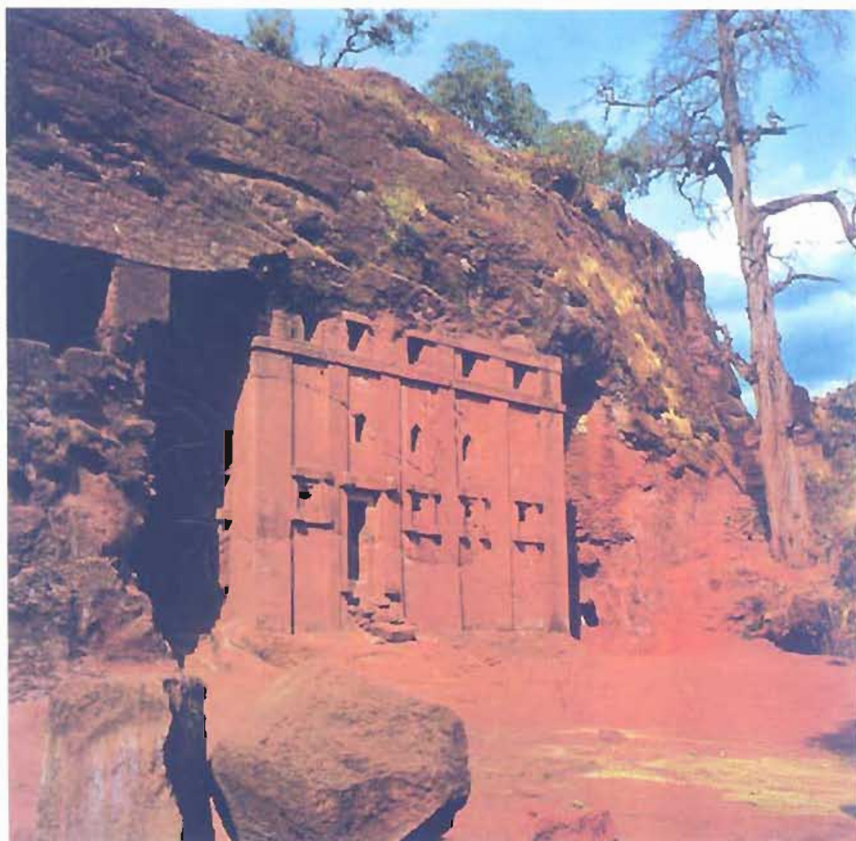
"Một trong những kỳ quan nổi tiếng nhất thế giới, khi tôi chính mắt nhìn thấy, tôi đầy kinh ngạc và vui thích".

***Devra Murphy** (Du ký Ethiopia)*

Từ thế kỷ 16 một người Bồ Đào Nha tên Francisco Afara miêu tả với người đời giáo đường nham thạch Lalibela đến nay, 11 ngôi giáo đường này vẫn hấp dẫn hứng thú và hiếu kỳ của vô số người, những kiến trúc này quả thực quá lạ lùng độc đáo, ngay cả Afara cũng nghi ngờ không biết có người tin vào sự miêu tả của ông hay không.

Giáo đường hoàn toàn dựng trong nham thạch của thế núi. Đầu tiên ở bốn chung quanh nham thạch cỡ lớn ở sườn núi đào rãnh rất sâu, tách rời hoàn toàn nó khỏi thế núi; sau đó từ trên xuống dưới, cực kỳ khó nhọc đào từng chút một khối đá trong nham thạch, tạo thành một giáo đường nham thạch có nóc tròn, cửa sổ, hành lang, phòng ở cửa. Bên trong giáo đường ngoài cột đá chống đỡ vùng nóc và cổng vòm ra, toàn bộ bị khoét rỗng.

Nhiều thế kỷ nay, thành phần nhân khẩu của Lalibela tuyệt đại bộ phận là giáo sĩ và hòa thượng. Những người này trông coi giáo đường và khoản đãi khách hành hương đến đây triều bái. Lalibela ở vào rặng núi Lasta ở miền trung Ethiopia địa thế tương đối cao, dựa vào ngọn núi cao nhất rặng núi - núi Abuna Zis 4117 mét.

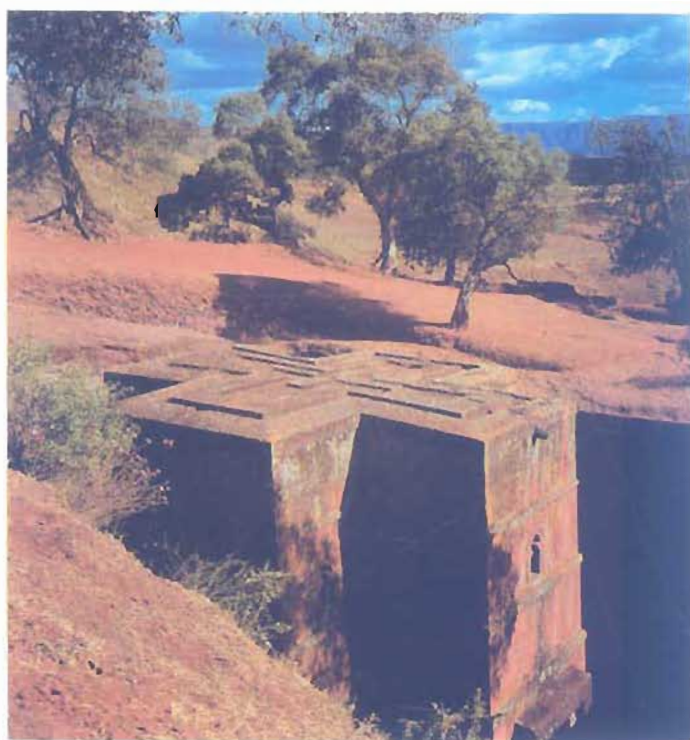


Giáo đường đều là đục trên đá của thế núi mà thành, thứ lao động gian khổ trác tuyệt này xây dựng nên một thành thánh trong dẫy núi.

Thành này vốn tên là Lohan, về sau đổi thành tên hiện nay để kỷ niệm tên người xây dựng giáo đường nham thạch, một vị quốc vương vương triều Zagwe. Vương triều đó thống trị khu vực này từ năm 1173 đến năm 1270. Nghe đồn khi vị quốc vương này mới ra đời, liền bị một đàn ong mật vây lấy, mẹ quốc vương vì thế đặt tên ông là Lalibela, ý là "ong mật thừa nhận quyền lực làm vua của ông".

Lalibela lớn lên, là một giáo đồ Cơ đốc nhiệt thành. Ông thường xuyên đắm say trong cảnh mộng. Có một lần ông mơ thấy mình đến Jerusalem. Ông quyết tâm trong núi đá vững chãi của mình xây dựng một thánh thành, cho nên ở hai bên một con sông lấy tên là Jordan đều xây giáo đường nham thạch. Để xây dựng những giáo đường này, mời thợ đá thành thạo từ Jerusalem và thành Alexandria đến, và phối hợp với lượng lớn nhân lực bản địa. Nghe nói còn có thiên sứ Angel Thượng đế phái đến, ông vẫn làm việc thâu đêm. Sau khi Lalibela qua đời năm 1212, vợ góa của ông xây dựng ngôi giáo đường thứ nhất để kỷ niệm ông.

Dù rằng công tác này vô cùng vất vả, điều khiến người kinh ngạc là có một số giáo đường vẫn tương đối lớn. Trong đó lớn nhất là giáo đường Chúa Cứu thế, dài 33,5 mét, rộng 23,5 mét, cao 10,6 mét. Cái được tôn sùng nhất là giáo đường Sainte Maria, cửa sổ phía dưới giáo



Giáo đường Saint Georges. Đầu tiên lấy một tảng đá khổng lồ từ thể núi ra, sau đó đem đá đục thành hình chữ nhật Hy Lạp, cuối cùng các thợ đá moi rỗng vùng bên trong của đá thành giáo đường. Vùng nóc của nó ngang bằng với mặt đất.

đường hiện ra hình thập tự La tinh và Cổ Hy Lạp, hình chữ vạn và hình chữ thập cuộn thành vòng tròn. Cột đá chính giữa trong giáo đường vẫn dùng vải bao bọc. Dựa theo tưởng tượng của Lalibela, Jésus từng xuất hiện ở đây, đã sờ vào cây cột bạc này, quá khứ và tương lai của loài người đều đã được viết trên cây cột bạc này, nó cần được che kín, bởi vì người phàm không sao có thể đối diện với sự thực.

Ngôi giáo đường này ở trong một vườn lớn hao tốn nham thạch lớn từ trên núi lấy về sửa đục mà thành. Một giáo đường khác - giáo đường Thập tự dựng trong thể núi ở phía bắc vườn lớn mặt nền, cột và trên tường của giáo đường đều khắc đồ án chữ thập, đối diện với đại viện là giáo đường Trinh nữ, xây dựng cho trinh nữ tử đạo.

Những giáo đường khác do đường thông nham thạch dưới đất giống như mê cung nối liền với nhau, cả khối nham thạch cỡ lớn xây dựng giáo đường Saint Georges được khắc hình thập tự đều nhau. Saint Georges là thần bảo hộ của nước Anh, cũng là thần bảo hộ của Ethiopia. Giáo đường này tọa lạc trong hầm nham thạch rất sâu, đường thông dưới đất nối liền nó với chỗ vào cửa, giống như giáo đường chị em của nó vậy, nó là bia kỷ niệm sự nghiệp anh hùng và nghị lực phi thường của người xây dựng giáo đường.



AI CẬP - TẠO NĂM 1869

KÊNH ĐÀO SUEZ

Ở thế kỷ 19 một cách nghĩ cổ xưa trải qua các thứ khó khăn được thực hiện.



Kênh Suez vào năm 1869 trong không khí vui mừng chính thức thông đường; nhưng cách nghĩ nối liền Hồng hải và Địa Trung hải với nhau lại có từ lâu. Hồi thế kỷ 9 trước công nguyên, quốc vương Ai Cập Necho muốn xây dựng một đường thủy như vậy, nhưng nghe nói sẽ có 12 vạn nô lệ bỏ mạng trong công trình, cuối cùng ông vứt bỏ cách nghĩ ấy.

Sau khi Ba Tư chinh phục Ai Cập năm 525 trước công nguyên, quốc vương của họ Darios I lại bắt tay vào công trình này và lập văn bia tuyên bố ông đã hoàn thành công trình kênh đào, nhà sử học Hy Lạp Herodote vào hồi thế kỷ 5 trước công nguyên viết, kênh này không phải là lấy tuyến đường thẳng giữa hai biển. Đáp thuyền dọc theo kênh cần 4 ngày. Độ rộng của nó có thể khiến hai chiếc thuyền ba hàng chèo cùng đi lọt.

Xem ra kênh của Darios xây dựng bắt đầu từ sông Nil, rồi hướng về phía đông cuối cùng chảy vào một trong mấy cái hồ dọc theo đường hàng hải hiện nay. Ở thời kỳ La Mã, tuy trải qua cải thiện, nhưng cuối cùng do kênh bị cát bùn lấp nghẽn, không thể không vứt bỏ. Mấy đời người sau đó đều không thể theo kịp tinh thần sáng nghiệp của tổ tiên họ tạo ra một kênh thay thế nó. Kế hoạch của những người như quốc vương Venise, Louis XIV và Napoléon v.v... đều không có kết quả.

Công trình sư của Napoléon từng nhắc nhở cần đề phòng tai nạn tiềm tại, bởi vì độ chênh giữa Địa Trung hải và Hồng hải là 9,1 mét. Dù cho lời nhắc nhở này là chuyện vớ vẩn mà không để ý đến, nhưng sự hoàn thành của kênh, cần một người vô cùng kiên định và nghị lực cùng sức quyến rũ của ông.

Năm 1854 một nhà ngoại giao nước Pháp tên Ferdinang de Lessaps đề xuất với Phó vương Muhammad Said Pacha yêu cầu được quyền đào kênh. Kênh này bắc từ Suez thẳng tắp xuyên qua hồ, thẳng đến Địa Trung hải. Kế hoạch của ông được tổng đốc và rất nhiều cổ đông Pháp đầu tư vào công ty kênh Suez ủng hộ, nhưng người Anh được lợi rất lớn nhờ con đường hàng hải nhanh hơn



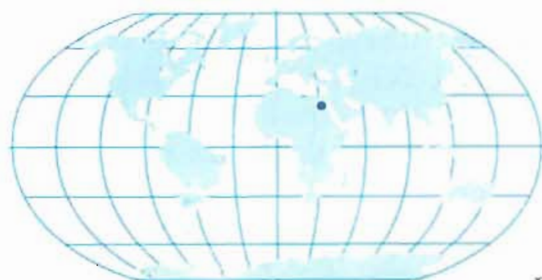
Cảng Said ở đầu mút phía bắc kênh ngày càng thịnh vượng

thông đến Ấn Độ này lại không mua bất kỳ cổ phần nào. Tuy kênh sẽ khiến khoảng cách giữa Luân Đôn và Bombay rút ngắn 7343km, chính phủ Anh dốc hết toàn lực muốn đánh bại công trình này, chê trách nó "không có tính khả hành thực tế, mà còn hao vốn quá nhiều không có cách nào thu lợi".

Từ lễ khởi công năm 1859 đến hoàn tất 10 năm sau, De Lesseps chủ trì công trình khó khăn trùng trùng nhưng không phải là không có cách nào hoàn thành. Ban đầu ông sử dụng sức lao động cưỡng chế, sau trình tự cơ giới hóa của công trình nâng cao, điều kiện cũng cải thiện rất lớn, nhân đó mà thu hút người Âu Châu đến đó làm việc. Để cung cấp nước dùng uống cơ bản nhất, chuyện xây dựng một dòng kênh nước ngọt, để cung ứng nhu cầu nước uống cho 2,5 vạn người. Ở một đầu khác của kênh tại Địa Trung hải, ở nơi trước chỉ là đồng ruộng xây dựng cảng Said. Thoạt đầu đào kênh chỉ có thể từ bắc dần từng bước về phía nam, mãi đến sau khi kênh nước ngọt hoàn thành năm 1863, mới có thể trên toàn tuyến xây dựng một căn cứ công tác toàn diện thi công. Sau khi đào xong, kênh dài 161km, sâu 15,2 mét, mặt kênh rộng 137 mét cứ cách 10km lại đặt một bến cảng để cung ứng cho tàu thuyền qua lại.



Cảnh sắc kênh thẳng tắp xuyên qua sa mạc. Hàng ngàn vạn người bỏ mạng vì công việc đào kênh. Tuy chính phủ Anh ban đầu giữ thái độ đối địch, sau đó mua chuộc được Pacha nắm quyền sở hữu của Ai Cập đối với kênh, khiến nước Anh thu được lợi ích nhiều nhất.

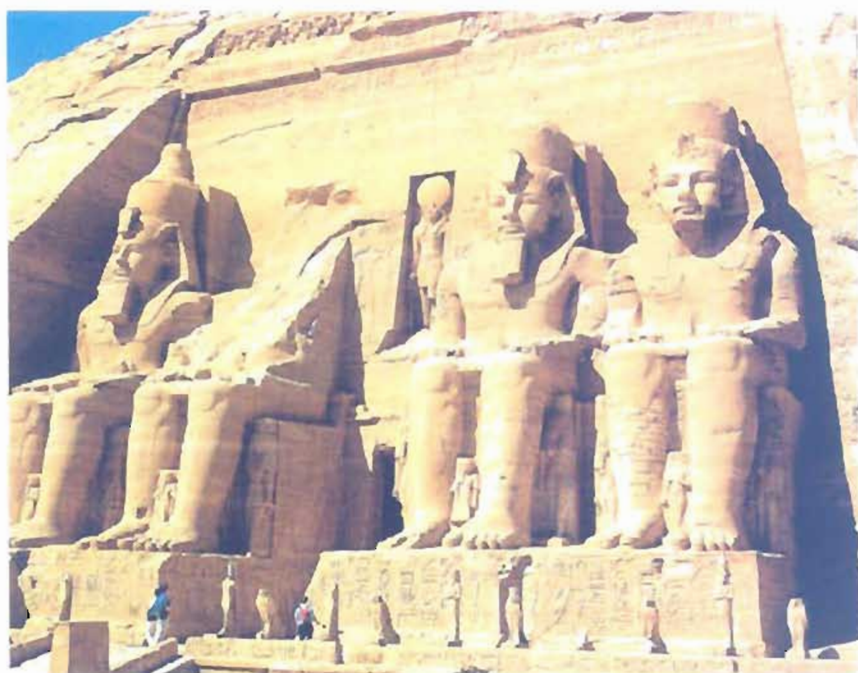


AI CẬP - XÂY DỰNG XONG NĂM 1971

ĐẬP NƯỚC ASWAN

Đập nước này khiến sông Nil lần đầu tiên trong lịch sử Ai Cập hoàn toàn ở dưới sự khống chế của loài người.





Tượng đá cỡ lớn của pharaoh Ramsèe II ở đền đá Abu Simbel. Để tránh khỏi bị nước hồ Nasser dìm mất, những tượng này chỉ có thể dời đến chỗ khác.

Ngày 15 tháng 1 năm 1971, băng qua sông Nil, đập nước mới ở vào miền nam Aswan do tổng thống Ai Cập Sadat, đích thân mở cửa đập, chính thức bắt đầu sử dụng. Công trình to lớn này bắt đầu từ 11 năm trước, thời tổng thống Nasser. Đập nước mới độ cao là 111 mét, khẩu độ là 3,6km, vùng đáy đập độ dày là 975 mét, thành hình thang hướng lên phía trên, vùng nóc độ rộng là 40 mét. Đá, cát, xi măng và vật liệu kiến trúc khác hao tốn để xây đập đủ để xây dựng 17 kim tự tháp.

Vùng nóc đập là một đường công lộ đi được 4 xe một hàng. Ở đầu mút phía tây đập có một khải hoàn môn, một bia kỷ niệm. Bia kỷ niệm do bốn tảng đá lớn màu trắng nóc hình nhọn vây quanh, hình thành hình hoa sen nở rộ. Phía đông của đập là một dòng kênh để thúc đẩy tuabin trạm phát điện thủy lực. Đập tạo nên một kho nước lớn— hồ Nasser. Diện tích hồ này là 5244 km2, là một trong những hồ lớn nhất thế giới. Nó đi về phía nam trải qua Nubia, tiến vào Sudan, toàn thể chiều dài 510km.

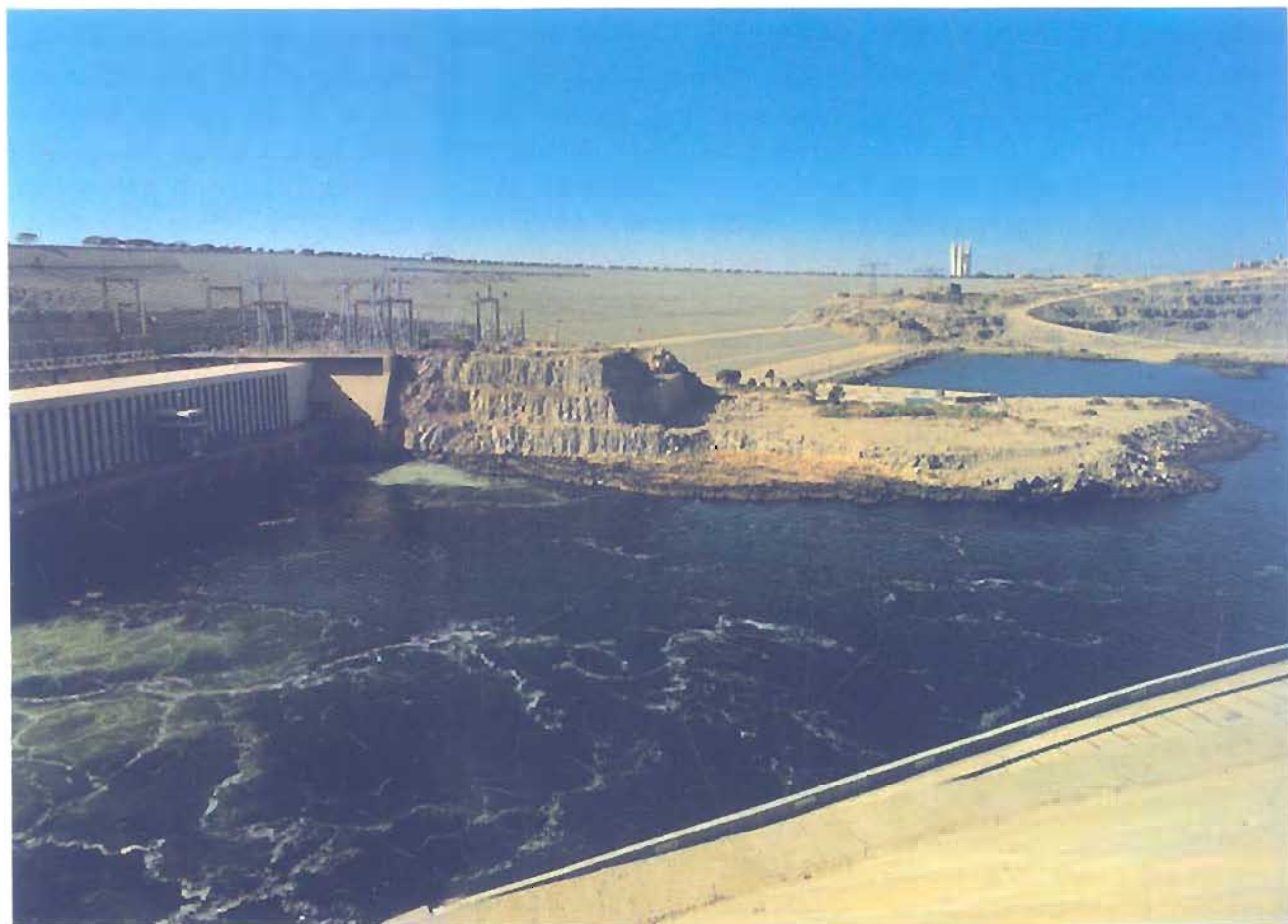
Từ thời thượng cổ trở đi, sông Nil thành dòng sông mẹ có ảnh hưởng khăng khít với đời sống và sự phát triển dân tộc của Ai Cập. Đập Aswan khiến loài người lần đầu tiên đặt sông Nil cứng cỏi ngang bướng dưới sự khống chế của mình và trị nước lũ mỗi năm một lần trải bao nhiêu thế kỷ dài đặc. Đập xây xong, diện tích có thể canh tác của Ai Cập rõ ràng tăng thêm, nhưng đồng thời đối với khí hậu và nước dưới đất... cũng mang lại vấn đề nhất định. Đập do người Đức thiết kế, do chuyên gia Liên Xô (cũ) giúp đỡ xây dựng. 451 người vì xây đập hiến dâng sinh mệnh.

Từ đập mới đi về phía bắc

khoảng 6km chỗ hạ lưu sông Nil, có một đập cũ xây dựng năm 1902. Vào hồi bấy giờ, nó cũng là đập nước lớn nhất thế giới.

Việc xây dựng đập Aswan khiến 6 vạn người Nubis và Sudan rời bỏ quê hương của họ. Những người này phải di cư đi nơi khác. Vô số bia đá và vật kỷ niệm cổ đại bị nước dìm mất. Chỉ có một số cái quan trọng nhất được cứu vớt bảo tồn lại. Tổ chức văn hóa khoa học giáo dục Liên Hợp Quốc vì công tác cứu vớt này bỏ ra nỗ lực chưa từng có tiền lệ trong lịch sử. Thí dụ như đảo nhỏ Philia mỹ lệ không còn tồn tại, nhưng đền miếu trên đảo bị cắt ra, sau khi ghi ký hiệu chở đến một đảo nhỏ địa thế cao hơn, lại lắp ghép tổ hợp lại giống như gỗ chắp hình vậy. Cái chủ yếu trong số đó là đền thờ nữ thần Ives xây vào khoảng giáp giới trước và sau công nguyên. Còn có một số vật kiến trúc thời kỳ Cổ La Mã. Ba ngôi đền miếu khác được dời đến Newcarabucha ở đầu mút phía tây đập Aswan. Bộ phận lớn lao nhất trong công trình là cứu ngôi đền đá nổi tiếng Abu Simbel. Nó ở chỗ phía nam đập Aswan 282km.

Bản thân Aswan là một thắng cảnh du lịch vào mùa đông. Cây cọ ở đây trình bày với du khách mùa đông đầy sức quyến rũ của Ai Cập. Điểm cảnh danh thắng còn bao gồm: lăng mộ hoa lệ của Khan đời thứ 3 mất năm 1957, di tích đền miếu của người Copt; đền đá và một vườn lăng Muslin cổ đại; di tích cổ hình voi trên đảo Nil và một bãi khai thác đá. Nhiều thế kỷ trước, đá cẩm thạch để xây dựng cung điện và đền miếu cho các pharaoh Ai Cập là khai thác từ đây chở về.



Đập nước Aswan và trạm phát điện thủy lực. Bối cảnh là bia kỷ niệm hình hoa sen. Đập lớn thu được hiệu quả và lợi ích đã dự tính trước. Nhưng cũng hình thành vấn đề nghiêm trọng trong đó bao gồm khí hậu miền nam Ai Cập xảy ra biến đổi, tạo thành lượng mưa quá nhiều.

BẮC MỸ VÀ TRUNG MỸ

Bắc Mỹ là đại lục thứ ba, chiếm nhiều hơn 1/8 một chút diện tích lục địa thế giới. Cư dân sớm nhất của nó là đám người đến từ Sibir 2 vạn năm trước, họ lặn lội xuyên qua eo biển Bering lúc ấy còn là lục địa, sau khi vào Alaska tiếp tục đi về phía nam. Sau đó theo đuổi sản xuất nông nghiệp, thôn trang cũng theo đó mà phát triển. Ở nơi hiện nay là Mexico, thôn trang nhỏ phát triển thành thành trấn, thành bang, vương quốc, sau đó là đế quốc. Sự hiểu biết về lịch sử phức tạp giống như trò chơi ghép ván của họ và mối liên hệ lẫn nhau của nó còn rất không hoàn chỉnh, niên đại phần nhiều là không sát đúng.


Tượng điêu khắc ở thành Tula Mexico. Tula là một trong những trung tâm tôn giáo chủ yếu của Trung Mỹ, người ta đến đây cư trú là để được gần thần linh.

Do cách xa đại lục Châu Âu, người Châu Mỹ thời kỳ đầu tự mò mẫm trồng cấy lúa má, chế tác đồ gốm, gia công đồng và vàng như thế nào về kỹ thuật công nghệ như xây dựng kim tự tháp lớn như thế nào. Họ không có sắt, cày, pha lê và thuốc nổ, nhưng họ phát minh ra bánh xe, chỉ là không dùng nó trong sinh hoạt thực tế.

Ý NGHĨ KHÁT MÁU

Từ thế kỷ 4 đến thế kỷ 10 văn minh Mayas ở Guatemela, Đông Mexico và Yucatan phát triển đến đỉnh cao. Người Maya không sản xuất kim loại, chỉ theo đuổi nông nghiệp giản đơn, nhưng trong số họ lại sản sinh nhà thiên văn học, nhà toán học và nhà nghệ thuật tầng lớp cao. Họ có thể dự đoán nhật thực và lý giải khái niệm số không. Tikar trong rừng Guatamala ngày nay có thể là một trong những thành thị lớn nhất của người Mayas, người ta đến đây sống chung quanh một trung tâm tôn giáo lớn.

Lại đi về phía tây là Teotihuacan, còn lớn hơn cả thành La Mã thời đại đế quốc La Mã. Ở đây có hai Kim tự tháp lớn - Kim tự tháp Mặt trời và Kim tự tháp Mặt trăng. Đến thế kỷ 11 và 12, đại đa số người ở Mexico là người Toltèques, thủ đô ở Tula, hiện đã phát hiện sân bóng vỏ cao su được thời bấy giờ thờ như thần thánh. Thể thức thi là dùng một quả bóng vỏ cao su tiến hành đến cuối cùng có một bên phải chết, tức người thua sẽ bị chặt đầu, coi là một thứ dâng hiến cho thần linh. Cuộc thi coi người làm vật tế ở Trung Mỹ còn có thể thấy ở Chichen - Itza. Ở đây gặp khi hạn hán đem trẻ con quẳng xuống giếng để cầu thần linh giếng mưa xuống. Cách làm này trong những người Aztèques đã đạt tới trình độ điên cuồng. Họ tin rằng mặt trời và mặt đất cần máu người để tưới bón. Năm 1450 họ xây dựng một đế quốc, họ ở thủ đô Tenochtitlan (hiện nay là thành phố Mexico) thống trị hầu như toàn thể Mexico hiện nay. Trước khi người Tây Ban Nha đến chinh phục, tư tế Aztèques trong vòng một năm moi ra trái tim còn đang đập, óc từ 5 vạn người bị giết làm vật hiến tế. Người Aztèques phát động chiến tranh bắt tù binh cung phụng thần linh, nô dịch nông dân của đối phương, đòi họ nộp thuế cống rất lớn.

Sự bất mãn đối với áp bức

của người Aztèques khiến Hernan Cortés có được quân đồng minh ở Mexico, họ giúp đỡ ông ta chinh phục đế quốc Aztèques với tốc độ kinh người. Nhân tố nhanh chóng giành phần thắng là họ có kỹ thuật ưu việt (như vũ khí chế bằng thép) và ngựa. Năm 1521, Hernan Cortés thành người đứng đầu ở Mexico. Mà Tây Ban Nha trong 300 năm sau đó thống trị Trung Mỹ châu văn minh bản địa bị phá hoại, cư dân đổi sang theo đạo Cơ đốc, nhưng hỗn hợp rất nhiều nội dung xuất hiện trước đạo Cơ đốc. Cá tính dân tộc Mexico mới phát triển trong cuộc đấu tranh chống lại Tây Ban Nha, trên lá cờ của người khởi nghĩa có hình Đức Mẹ Maria, nhưng khuôn mặt của bà lại là Đức Mẹ Guadeloupe thần bảo hộ Mexico.



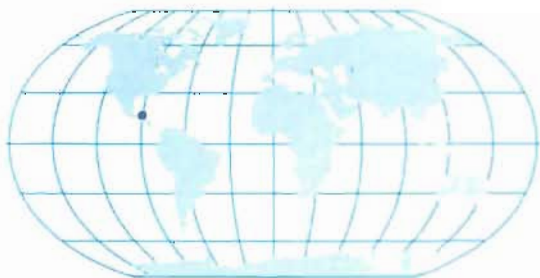
Sau khi chinh phục trái đất, loài người bắt đầu đi chinh phục không gian vũ trụ. Trong ảnh là Trung tâm hàng không vũ trụ Kennedy ở Florida.

HÙNG TÂM NHẢY VỌT

Châu Mỹ từ Mexico về phía bắc, văn hóa bản địa đối với người Châu Âu từ ngoài tới chưa có ảnh hưởng như vậy. Thế kỷ 18 Anh Pháp vì tranh đoạt quyền lực mà đánh nhau, Anh giành phần thắng. Sau đó tuy 13 tiểu bang thoát khỏi xiềng xích của Anh, nhưng ngôn ngữ, pháp luật và truyền thống Anh vẫn chiếm địa vị chủ đạo.

Thế kỷ 19, làn sóng rầm rộ, di cư về phía tây - cổng vòm hình cung St. Louis ngày nay là tượng trưng của nó - dẫn tới hai công trình vĩ đại từ ngày có sử đến nay, kênh Panama và đường sắt Thái Bình Dương Canada. Kênh Panama dài 64km, đường sắt Thái Bình Dương Canada khoảng 4828km. Hai công trình lớn này đều khiến khoảng cách bờ biển phía đông và bờ biển phía Tây Bắc Mỹ rút ngắn lại.

Lượng lớn di dân ùa vào Mỹ và Canada, họ coi nơi này là nơi tràn đầy cơ hội. Ở chỗ vào cảng New York, nữ thần Tự do giơ cao ngọn đuốc Tự do chào đón hàng trăm vạn di dân. Các kiến trúc sư và công trình sư Bắc Mỹ sáng tạo tòa nhà lầu chọc trời. Họ xây dựng tòa Empire State Building ở New York, xây dựng tháp truyền hình quốc gia ở Toronto. Chúng chỉ là một bộ phận trong rất nhiều cái có thể coi là tượng trưng cho hùng tâm nhảy vọt của Tân đại lục. Bắc Mỹ đã công nghiệp hóa có nguồn vốn khổng lồ, cái đó khiến họ tạo nên ở chỗ vào vịnh San Francisco cầu lớn Golden Gate đẹp đẽ, ở trên sông Colorado tạo đập nước Roover, còn có nơi vui chơi giải trí như Lạc viên Disney và khách sạn sang trọng ở Las Vegas. Tên lửa lớn từ Trung tâm hàng không vũ trụ Kennedy ở Florida vọt lên trên không, tiếp tục con đường chinh phục vũ trụ của loài người.



GUATEMELA - BẮT ĐẦU TỪ THẾ KỶ 4 CÔNG NGUYÊN

TIKAR

Di tích Maya to lớn ẩn trong rừng sâu.



Người Maya cổ đại là tổ tiên người Indian Maya đương đại. Họ thuộc một nền văn minh cổ đại cư trú ở đồi núi và vùng đất thấp rộng lớn Trung Mỹ châu. Nghi thức tôn giáo chiếm địa vị chủ đạo trong văn hóa Maya, thông thường do giáo sĩ kiêm thủ lĩnh chủ trì. Lịch của Maya là hệ thống rất phức tạp, nó lấy 53 năm làm một vùng luôn chuyển khác hẳn với lịch pháp ghi ngày của Âu Châu. Theo cách tính niên đại phương pháp Cacbon 14, thời kỳ thịnh nhất của văn minh Maya vào khoảng thế kỷ 4 đến thế kỷ 6 công nguyên. Tikar ở vào vùng đất thấp miền bắc lãnh thổ Maya có thể là nơi quần tụ lớn nhất thời kỳ đỉnh cao văn minh Maya.

Ở chính giữa Tikar có một quảng trường lớn. Hai mé đông tây quảng trường xây đền kim tự tháp, mặt bắc là thành bảo vệ kiểu Hy Lạp. Cách những kiến trúc này xa hơn một chút là một vùng nhà cửa chiếm khoảng 16 kilômét vuông, ước chừng có thể cư trú 1 vạn đến 4,5 vạn người. Có dấu vết chứng tỏ, từng có dân cư liên tục 11 thế kỷ ở trong những thành bảo vệ kiểu Cổ Hy Lạp này. 16 ngôi đền miếu vẫn tồn tại ở nơi chôn vùi vô số di tích kiến trúc thời kỳ xa xưa. Những vật kiến trúc thời kỳ xa xưa đó bao gồm một số mộ huyệt màu đẹp đẽ.

Khu vực lễ tiết ở chính giữa quảng trường chiếm đất khoảng 2,3 kilômét vuông. Vật kiến trúc ở đây vài nhà cửa xa quảng trường hơn một chút và có tương quan do đường thông cao hơn mặt lộ nối liền với nhau. Nơi đây rất nhiều cái gọi là "cung điện", chỉ là một số quần thể kiến trúc nhà trệt có trát



Vùng giữa của thành Tikar là quảng trường trung ương. Bốn chung quanh quảng trường xây các loại đền miếu và thành bảo vệ. Tikar là sản vật điển hình của văn minh Mayas. Di tích ở đây chứng tỏ, đất này xây dựng kéo dài đến 500 năm.

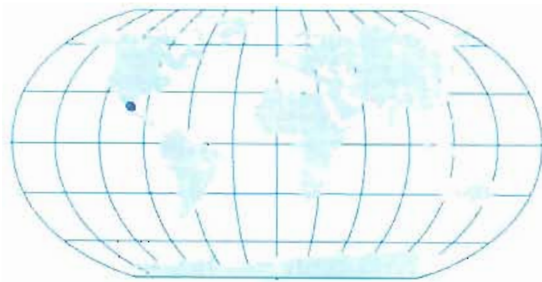
vôi vữa kiến trúc và trải qua trang sức. Ở vào vị trí chính giữa và từ cao nhìn xuống, tăng thêm cảm giác riêng có, khiến người kính sợ của những vật kiến trúc tôn giáo này; đồng thời cũng có công dụng rất thực tế: có thể khiến lượng lớn người tham gia hoạt động tôn giáo nhìn suốt một lượt thấy được hết nghi thức tôn giáo đang cử hành trên nền phẳng cao. Nhưng rất nhiều nhà cửa thông thường ở Tikar cũng là xây bằng đất trên nền phẳng cao. Cái đó có thể là để phòng ngừa lũ lụt xảy ra trong mùa mưa.

Từ trong những điêu khắc đá và điêu khắc tinh tế gỗ trám rừng, chúng ta có thể hiểu sơ lược một số tình huống của những người thống trị Maya Cổ và nghi thức tôn giáo họ cử hành. Sà ngang một số cung điện và gỗ nằm ngang hành lang đền kim tự tháp rất cheo leo, thang đá dài dẫn đến nhà mồ ở vùng nóc. Những nhà mồ này đều đội "mũ đỉnh" rất tráng lệ, một kim tự tháp lớn nhất trong số đó - gọi tắt là kim tự tháp số 4, cao đến 70 mét. Những kim tự tháp này dùng làm mộ địa những người tầng lớp cao sang, thông thường còn có rất nhiều vật chôn theo đẹp đẽ và thực phẩm cung cấp cho họ dùng trong chuyến đi vào một thế giới khác. Trên bia đá trước cung điện và đền miếu thường khắc đồ án rất được ưa chuộng: một dũng sĩ hoặc quốc vương dẫm kẻ địch dưới chân.

Dùng từ "thành thị" để miêu tả Tikar có thể là không sát đúng. Sự thực, nó là một trung tâm cử hành nghi thức tôn giáo rất quan trọng. Rất nhiều người lựa chọn vòng ngoài của trung tâm tôn giáo đó làm đất cư trú của họ. Dù tuyệt đại đa số người Maya căn bản không ở trong nhà lớn sang trọng, nhưng họ lại hao tốn lượng lớn tinh lực xây dựng mộ huyệt và đền miếu. Để làm tôn sự hiển hách của các thần và người cao sang, để kỷ niệm người chết, họ xây dựng rất nhiều vật kỷ niệm bất hủ, khiến cho người thời nay vẫn cảm thấy kinh ngạc và kính sợ.



Là kim tự tháp số 1
Kim tự tháp ở đây vừa là đền để thờ thần linh, vừa là huyệt mộ của người thống trị.



MEXICO - XUẤT HIỆN VÀO THẾ KỶ 5 CÔNG NGUYÊN

TEOTIHUACAN

Một thành thị cổ xưa và thần bí, thiết kế và quy mô của nó có thể ganh đua với thủ đô của đế quốc La Mã.



Teotihuacan là tiếng Aztèques, ý là "nơi cư trú của thần". Nhưng sự xây dựng nơi này bắt nguồn từ một nền văn minh xa xưa hơn. Điểm định cư sớm nhất xây dựng thế kỷ 1 trước công nguyên đến năm 500 công nguyên đã phát triển thành một thành thị lớn nhất Trung Mỹ châu nó chiếm đất 21 kilômet vuông, nhân khẩu khoảng 5 - 10 vạn người (có người thậm chí tính là 20 vạn người). Quy mô của nó còn lớn hơn thành thị La Mã hồi bấy giờ và còn không ngừng phát triển.

Đây là một thành thị phát triển cao độ, có đường phố rộng rãi, rất nhiều vật kiến trúc kỷ niệm tôn giáo, khu phố thợ thuyền và vô số nhà của tư nhân. Nhưng điều tra khảo cổ chưa vạch rõ bao nhiêu tình huống chân thực có liên quan đến sinh hoạt hàng ngày và phong tục tập quán của nhân dân ở đây. Coi là người xây dựng, nhân dân ở đây xây dựng được một thành thị rất có đặc sắc. Thành thị này không chỉ chi phối toàn thể vương quốc, còn ảnh hưởng đến sự phát triển của người Mayas láng giềng. Teotihuacan nghiêm nhặt dựa theo quy hoạch hình ô vuông xây dựng. Để không khiến cho đường phố song song hình ô vuông bị cắt đứt, nhân dân chuyển đường dòng sông, dẫn vào một sông đào khác. Tuyến phân ở giữa của thành thị là một đường lớn đi theo hướng nam bắc rộng 40 mét, dài 2,3km, tên là "Đường lớn lăng mộ yên ổn". Hai bên đường lớn phần nhiều là đền miếu và thần điện xếp thành hàng. Cái quan trọng nhất trong số đó là hai ngôi đền kim tự tháp, kim tự tháp Mặt trăng đầu mút phía bắc và kim tự tháp Mặt trời đầu mút phía nam. Kim tự tháp Mặt trăng trên thực tế là một nhóm kim tự tháp liên tiếp nhau, độ cao là 46 mét. Theo truyền thuyết Teotihuacan là nơi ra đời của Mặt trăng và Mặt trời.



Toàn thể thành thị dựa theo hình ô vuông chuẩn xác triển khai, hiện ra hướng đi nam - bắc.

Vùng giữa của thành thị có hai nơi tụ họp công cộng quan trọng, chia ra gọi là "thành trì" và "bãi quây". Thành trì là một nền phẳng lớn 365 mét khối, và xây một thang đá rộng lớn. Trần nền phẳng lớn đó xây một đền kim tự tháp - đền thần rắn có lông vũ (Thần rắn có lông vũ là một con rắn lớn cắm đầy lông vũ, vị thần chủ yếu của bản địa) kim tự tháp này

vốn độ cao 21 mét, hiện ra hình bậc thềm và khắc rất nhiều hình rắn có lông vũ. Những con rắn có lông vũ điêu khắc này khí thế cuồn cuộn từ khoảng giữa bậc thềm ngóc đầu của chúng lên, dù cho ngày nay vẫn khiến người sợ hãi. Không khó tưởng tượng khi cặp mắt hắc diệu thạch (obsidiane) rừng rực phát sáng của chúng còn chưa bị hủy hoại, khi toàn bộ điêu khắc đá còn giữ màu sắc vốn có, chúng sẽ mang lại cho người ta ấn tượng rùng rợn như thế nào. "Bãi được vây quanh" chức năng chủ yếu là ở phương diện hành chính mà không phải là tôn giáo, nó do hai nền phẳng lớn tổ chức thành, trên nền phẳng lớn từng có vật kiến trúc.

Rất nhiều nơi của Teotihuacan còn chờ được khảo sát. Nhưng có một số di tích cổ đã bị các nhà khảo cổ thời kỳ đầu hủy hoại, đặc biệt là kim tự tháp Mặt trời, vào đầu thế kỷ 20 từng bị đào một cách thô bạo. Về sau lại tiến hành phục hồi rất không chuẩn xác. Căn cứ vào 248 bậc thềm thông đến vùng nóc hiện còn, chúng ta có thể tiến hành suy đoán đối với nguyên trạng của nó: cao độ vốn có khoảng 73 mét, hao tốn khoảng 764560 mét khối vật liệu xây dựng; vùng nóc của nó từng là bằng phẳng và xây một ngôi đền.

Nền văn minh phát triển cao độ đó sùng bái thần Mưa và cọp dữ. Bản địa sản nhiều đá đen bóng đối với kinh tế, lấy nông nghiệp làm chủ thể có tác dụng đặc thù. Một thứ đồ gốm gọi là "da cam mỏng" cũng từng bán ra rất nhiều khu vực khác. Bích họa chất lượng cao chứng minh: người ở đây có tu dưỡng nghệ thuật công nghiệp rất thành thục, rất tự tin. Nhưng nền văn minh này lại có mặt khiến người không vui thích, tức là vào thời kỳ suy thoái của nó, có dấu vết chứng minh từng dùng người sống để tế thần. Chúng ta không có cách nào biết sát đúng Teotihuacan chấm dứt lịch sử của mình như thế nào, nhưng có một điểm có thể khẳng định, nó gặp phải một tai nạn lớn. Vào thế kỷ 8 công nguyên, thành thị này bị triệt để cướp sạch và thiêu hủy.



Kim tự tháp Mặt trời là một trong hai kim tự tháp cỡ lớn trong thành Teotihuacan.

MEXICO - XUẤT HIỆN THẾ KỶ 19 CÔNG NGUYÊN

TULA

Quê hương của người Toltèque hiếu chiến và thần rắn có lông vũ mà họ sùng bái.



Người Toltèque là một dân tộc du mục. Có thể là vào thế kỷ 8 công nguyên họ đánh úp và thiêu hủy nền văn minh xây dựng tại thành Teotihuacan. Thủ đô của người Toltèque ở Tula, nhưng Tula về sau lại bị kẻ thù của Toltèque thiêu hủy. Trong một quãng thời gian tương đối dài trước đây, người ta không có cách nào xác định vị trí sát đúng của Tula. Người Toltèque thống trị Mexico chỉ khoảng 200 năm từ khoảng giữa thế kỷ 10 đến khoảng giữa thế kỷ 12, nhưng kỹ năng và thành tựu công nghệ giống như truyền kỳ của họ lại lưu tồn rất lâu. Cho nên muốn khu biệt truyền thuyết và sự thực là rất khó khăn.

Thần rắn có lông vũ - thần rắn trang sức lông vũ tựa hồ mang tính quan trọng không gì sánh nổi ở Tula. Thủ lĩnh Toltèque có khi sẽ coi mình là hóa thân của thần rắn có lông vũ. Hình thần rắn có lông vũ luôn luôn xuất hiện trong nghệ thuật của Toltèque và kiến trúc ở thủ đô. Hoặc dọc theo cột tròn bò lên, hoặc từ trên tường kim tự tháp nhìn ra ngoài. Ở Tula, tường Rắn là một nơi rất thu hút sự chú ý của mọi người. Tường rắn toàn bộ chiều dài 40 mét, trang sức hình các loại rắn đang nuốt ăn động vật và bộ xương loài người. Ở Tula, rất nhiều bia đá và điêu khắc đá đã được phục hồi, nhưng vẫn có rất nhiều nơi còn chờ đợi đào khảo sát. Vùng giữa di chỉ là một đền thờ thần rắn có lông vũ xây trên kim tự tháp. Thần rắn có lông vũ ở đây được coi là Sao Mai được sùng bái.



Cận cảnh của cột đá hình người.

Chỗ vùng nóc kim tự tháp thông đến đền thờ thần rắn có lông vũ, có hai dãy cột đá điêu khắc thành hình người đàn ông: những cột đá hình người cao đến 4,6 mét, đầu đội trang sức lông vũ, tay cầm dáo dài này dùng để chống đỡ nóc nhà đền thờ thần rắn có lông vũ. Bởi cột đá có hình tượng thần rắn có lông vũ, cũng được coi là Sao Mai được sùng bái. Hiện nay nóc nhà của đền đã không tồn tại nữa, rất nhiều tượng điêu khắc trong đền cũng đã biến mất, nhưng một số đồ án thường gặp vẫn tồn tại. Thí dụ như, loại cọp Mỹ châu. Trước đền từng là một trường sở tụ họp có nóc nhà rất lớn, ngày nay một số cột của hội trường vẫn còn lại ở chỗ cũ. Loại kiến trúc kiểu hành lang dài đó có phong cách Toltèque điển hình, là một trong những dấu hiệu của họ, cũng xuất hiện ở di chỉ Chichen - Itza ở Yucatan.

Một đặc sắc kiến trúc khác của Toltèque là sân bóng, giống như các bộ lạc khác Trung Mỹ, người Toltèque cũng xây sân bóng hình ngắn, tường cao chơi bóng vỏ cao su. Thứ vận động này có thể có ý nghĩa tôn giáo nào đó. Tula có di tích hai sân bóng, trong đó có một cái có chỗ tương tự ghê gớm với sân bóng của Chichen-Itza.

Tất cả mọi dấu vết đều chứng tỏ, người Toltèque không chỉ là một dân tộc hiếu chiến, họ còn tin rằng, đem người sống tế thần thì có thể được sự khoan dung và bảo hộ của thần. Một thủ lĩnh Toltèque tên Topizi từng thử cải cách để chấm dứt thứ phương thức tế lễ này; ông còn khiến nhân dân mình làm với một dân tộc khác— người Punuca. Chúng ta đến nay không có cách nào biết được Tula rốt cuộc bị hủy trong nội chiến giữa bộ lạc Toltèque, hay là bị kẻ tấn công ngoại lai hủy diệt. Nhưng Tula đúng là đột nhiên bị hủy diệt. Tường thần Rắn bị phá hủy, một vật kiến trúc lớn ở chính giữa thành bị thiêu ra tro. Tula có rất nhiều bí mật vẫn chôn vùi ở dưới đất, đợi người ta tiếp tục đào và khảo sát, để khiến chúng ta hiểu được nhiều hơn về thành thị này, dân tộc này và số phận sau cùng của họ.



Dũng sĩ đầu trang sức lông vũ, vẻ mặt nghiêm khắc tượng trưng cho thần.

Di tích đền kim tự tháp Thần Rắn có lông vũ. Thần Rắn có lông vũ được coi như Sao Mai được người ta sùng bái. Vùng nóc của kim tự tháp là cột đá hình người, dùng để chống đỡ nóc đền.



MEXICO - BẮT ĐẦU TỪ THẾ KỶ 10 CÔNG NGUYÊN

CHICHEN-ITZA

Một trong những khu vực đầy kịch tính và hung tà nhất Tân Đại Lục. Điểm hội tụ của văn hóa Mayas và văn hóa Toltèque.



Thế kỷ 10 công nguyên trở về trước, Chichen-Itza là một cứ điểm quan trọng của người Mayas. Thời điểm hơi muộn hơn một chút, khi văn minh Mayas suy nhược, người Toltèque cướp lấy quyền khống chế khu vực này, tiến hành mở rộng và cải tạo đối với đất này, biến nó thành thủ đô của họ - phiên bản của Tula. Hiện nay mảng lớn di tích Chichen-Itza mà chúng ta nhìn thấy, vừa không hoàn toàn thuộc phong cách Maya, vừa không thuần túy là phong cách Toltèque, mà là thể hỗn hợp đan xen phức tạp trộn lẫn hai thứ mô thức văn hóa tư tưởng.

Xem ra nơi này từng là thủ phủ mới của vị vua Toltèque Tobicin Quetzalcoatl. (sau khi chết được đồng nhất với thần linh) Quetzalcoatl trong ngữ Toltèque là thần rắn có lông vũ, trong ngữ Mayas gọi là Kukulcan. Đền kim tự tháp nhìn xuống toàn thành là do ông xây dựng. Ngôi kim tự tháp được gọi là "thành trì" này vốn bốn bên mỗi bên đều có 91 bậc thềm, xây bên trên một kim tự tháp đều rất lạ lùng độc đáo, con số bậc thềm và bậc thang của nền đài, chia ra đại biểu cho số ngày và số tháng của một năm. 52 tấm đá có đồ án điêu khắc là tượng trưng cho 52 năm là một năm luân hồi trong lịch Mayas. Định vị phương hướng vật kiến trúc này rõ ràng trải qua dày công suy tính. Bậc thang của nó chầu về chính bắc, chính nam, chính đông và chính tây. Bắt đầu từ hai mùa xuân thu, có thể hiểu hiện ra hiệu quả đặc thù của việc chia ra mùa. Ánh mặt trời chiếu phân biệt ở chỗ đuôi của thần rắn có lông vũ khắc ở vùng nóc bậc thềm và đầu của thần rắn có lông vũ ở vùng đáy, tượng trưng cho thần rắn có lông vũ thức dậy sắp bò ra khỏi đền.

Sân bóng của Chichen-Itza có thể là cái tốt nhất Trung Mỹ châu. Sân bóng lớn có hai



Một pho tượng người dựa nghiêng điêu khắc bằng đá ở Chichen-Itza. Vùng dạ dày của tất cả những tượng loại này đều có một cái mâm, rõ ràng để đỡ vật cúng.



Đền kim tự tháp có thể chia ra tượng trưng cho số ngày, số tháng và bốn mùa trong một năm.

trúc của người Toltèque. Đền Dũng sĩ trang sức rất nhiều điêu khắc vách và bích họa, còn có rất nhiều tác phẩm nghệ thuật Toltèque lấy cọp Mỹ châu và chim ưng trống làm chủ đề mà rất nhiều người quen thuộc. Chichen-Itza còn có một đền Cọp dữ, trên tảng đá lớn trước cửa điêu khắc cọp Mỹ châu, canh giữ chỗ vào cửa đền.

Thành cũ Chichen-Itza ở trình độ nào đó đã bị người ta quên, và đã biến thành hoang vu, nhưng ở đấy không thiếu vật kiến trúc khiến người cảm thấy hứng thú. Ảnh hưởng của người Toltèque, ảnh hưởng trên những vật kiến trúc này không rõ rệt. Ở đây có trạm khí tượng xây dựng trên nền hai tầng và một kim tự tháp có vài mộ huyệt, được gọi là kiến trúc nổi danh của Nanore, trên thực tế chỉ là quần thể kiến trúc do nhà trệt tổ chức thành, bên trong có không ít điêu khắc may mắn còn lại, còn có một ngôi gọi là giáo đường. Nó không có liên can đến Cơ đốc giáo. Mặt chính của giáo đường trang sức mặt nạ của người Mayas và động vật trong thần thoại Maya.

Thời kỳ Chichen-Itza coi là trung tâm quyền lực không dài. Sau khi bị một bộ lạc lớn mạnh khác trên bán đảo Yucatan - Mayafan tấn công không lâu, khoảng chừng vào năm 1224, khu vực này bị bỏ rơi.

bức tường song hành dài 83 mét, cao 8,2 mét. Khoảng giữa cách nhau 2 mét, hai đầu của sân bóng đều dựng đền miếu. Nhưng thi đấu ở sân bóng rốt cuộc có mang ý nghĩa tôn giáo gì, điều đó đến nay vẫn là một câu đố. Nhưng phù điêu trên tường thể hiện một số người thi đấu bị chặt đầu, điều đó nói lên thi đấu thường thường là chấm dứt bằng cái chết của một bên. Vào thời đại Aztèque sau đó một chút, có một bản thuyết minh về loại thi đấu này trong đó nói, phía trên của tường ở hai bên mỗi bên đều có một dãy lỗ hổng đá, người thi đấu nếu có thể đón được bóng từ một cái lỗ hổng trong số đó rơi ra thì thành người thắng cuộc. Khán giả sẽ ném y phục của mình cho người thắng coi là phần thưởng.

Dọc theo một hành lang dài có thể thông đến "Đền dũng sĩ" của Chichen-Itza. Vùng nóc của hành lang từng do rất nhiều cột đá khắc hình dũng sĩ Toltèque chống đỡ. Hành lang dài loại phong cách này ở Tula cũng có thể nhìn thấy. Dùng hành lang quây thành một đình viên, đem không gian bên trong ngăn cách ra, xem ra thuộc về truyền thống kiến

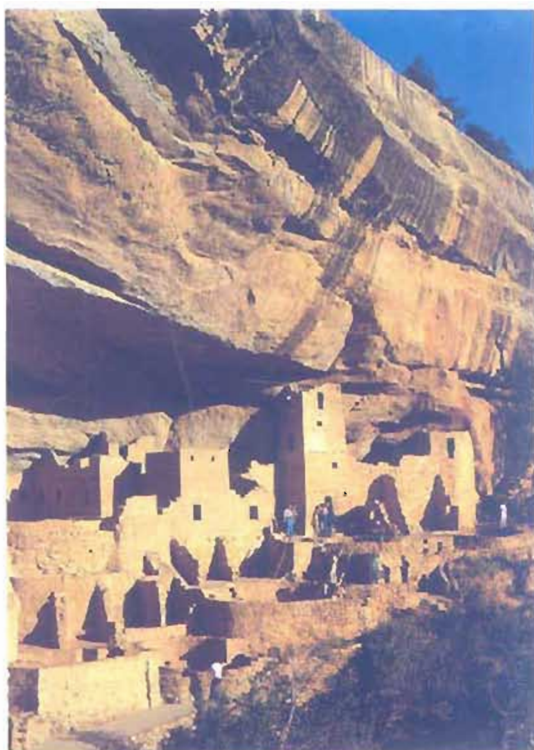


MỸ - XUẤT HIỆN NĂM 1073

CUNG VÁCH ĐÁ

Khu phố có nhà nhiều tầng lầu thời kỳ sớm nhất của nước Mỹ do người trước xây dựng.





Lúc phát hiện lại vào thế kỷ 19, ở Cung Vách Đá Colorado, người ta kinh ngạc nhìn thấy giống như một thành thị có tường bao quanh hồi Trung thế kỷ đã mất ở Cựu thế giới.

Một ngày vào năm 1888, hai mục đồng sinh trưởng ở Colorado: Richard Veslin và Charles Mason đến rìa một khe sâu, kinh ngạc và sợ hãi đăm đăm nhìn mặt chính vách đá khổng lồ, chỉ thấy chồng chất vật kiến trúc bằng đá và vật kiến trúc hình tháp đổ sập. Nó dường như một thành thị có tường thành do một đội quân chiến đấu hoặc lãnh tụ quân sự người Maures xây dựng ở vùng giữa Bắc Mỹ, nhưng đã bị bỏ phế rất lâu.

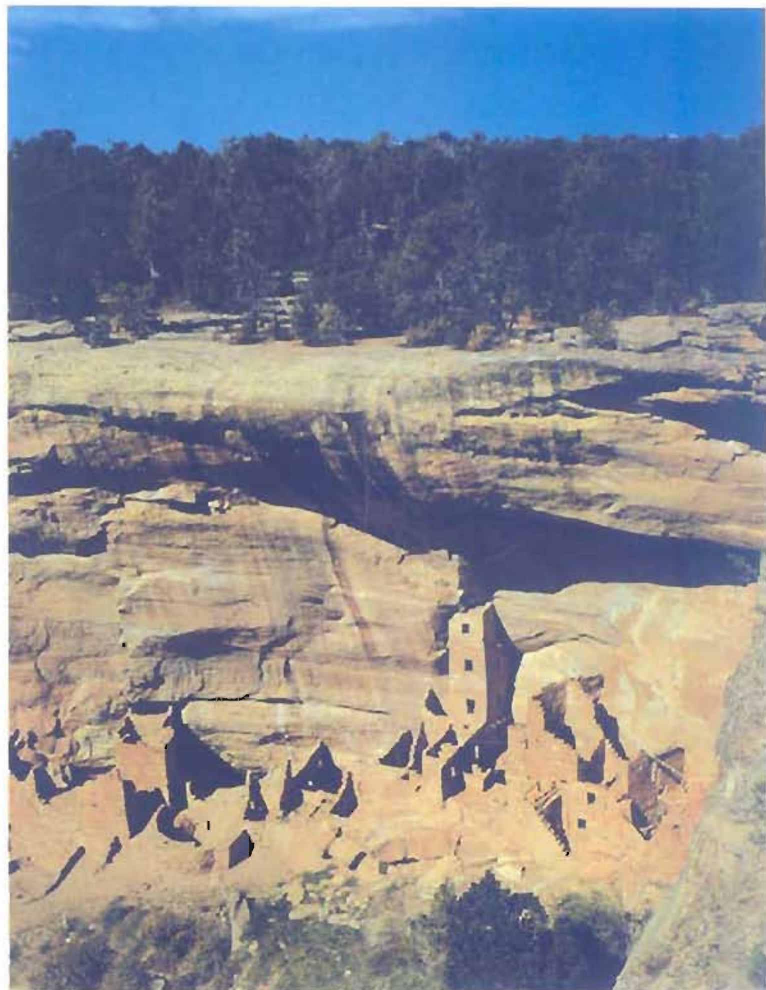
Sự phát hiện cung vách đá và tương tự ở khu vực này, khơi dậy sự suy đoán một cách khiến người hưng phấn đối với một dân tộc thần bí. Rất lâu về trước, họ xây dựng thành trấn và thành lũy ở đây, đột nhiên dân tộc này biến mất trên trái đất một cách không sao hiểu nổi. Về sau truyền thuyết dần dần biến thành sáng rõ, dân tộc biến mất ấy không phải là một dân tộc thần bí, mà là tổ tiên thời tiền sử của người Indian Pueblo ở vùng tây nam nước Mỹ. Vào thế kỷ 16, khi người Tây Ban Nha từ Mexico hướng về phương hướng này thăm dò khảo sát, người trên mảnh đất ấy được gọi là Pueblo (ngữ Tây Ban Nha, ý là "thôn" hoặc "trấn").

Người Indian Pueblo thời tiền sử gọi tên họ là gì, không ai biết. Họ không có chữ của mình. Không thể lưu lại bất kỳ ghi chép bằng chữ nào. Dù cho hồi ấy không có công cụ kim loại và máy móc hiện đại hóa nhưng họ xây dựng được vật kiến trúc phi thường của họ. Ngày nay người Navajo hiện đại gọi họ là người Anasaji. Vật kiến trúc của họ được miêu tả là nhà ở nhiều tầng mang tính vĩnh cửu đầu tiên ở nước Mỹ. Cung vách đá, tức những kiến trúc mà Veslin và Mason nhìn thấy năm 1888, là cái lớn nhất trong tất cả những kiến trúc này, công viên

quốc gia Đất cao Messarveld nhân thế mà nổi danh. Công viên này xây dựng năm 1960, theo sáng kiến của Theodore Roosevelt.

Cung vách đá xây dựng khoảng năm 1073 và năm 1273, trên điểm cao nhất của nó một thôn trang khoảng 400 người cư trú được thiết kế là kiểu dựng mà không phải là kiểu nằm. Nó có hơn 200 gian phòng dành cho người ở, lại thêm nhà tàng trữ và hội đường (gian phòng đặc biệt để cử hành nghi thức bố trí ở bên cạnh). Những gian phòng này trang sức tranh tường đặc sắc, có thiết kế và bố cục đồ hình kỷ hà. Đằng trước vật kiến trúc này, một bãi đất lộ thiên để làm việc tập thể hàng ngày, như chế tác đồ gốm hoặc nghiền nát ngũ cốc.

Gần Cung Vách đá, dọc theo bãi cỏ Messar lại có hai ngôi nhà do cây mây bện thành, trên có 3 tầng lầu, dài 66 mét, rộng 27 mét. Chứa hơn 100 gian phòng, có cái hình chữ nhật, có cái hình tròn, còn có cái hình tam giác. Cái đó toàn dựa vào hình trạng đất trống dưới vách đá tạo dựng.



Từ một góc độ khác mà nhìn, thôn xóm này cuốn lên vách núi, dùng phòng ngự làm tấn công.

Những thôn trang giống như thành lũy này có thể là để phòng ngự mà xây dựng. Nhìn từ tình huống khai quật, người ở bên trong là nông dân, bởi vì bên trong có dụng cụ canh tác, dụng cụ nghiền nát và dâu tằm, còn có cả làn, vải và đồ gốm do người tạo ra, và thịt gà tây rừng họ ăn, lông còn sót lại. Họ xây dựng đập nước nhỏ để phòng ngừa nước mưa vào ruộng của họ. Thời điểm sớm hơn một chút, họ đào được tương đối sâu mãi đến dưới đáy đất, xây dựng nhà tựa như hang, nhưng sau đó tạo dựng được một dãy nhà, liền đem những nhà cũ dưới đất dùng làm trường sở nghi thức tôn giáo. Khoảng năm 1300, cũng có thể bị một thời gian dài hạn hán, họ vứt bỏ nhà vườn của mình. Ở viện bảo tàng công viên trình bày sinh hoạt của người Anasaji, có dây chuyền và vòng đeo tay dùng lông chó làm và vỏ sò ốc vật trang sức mang đến từ bờ biển Thái Bình Dương.



Một chỗ ở trong vách đá Colorado khác, tạo ở phía dưới nham thạch.



MEXICO - XÂY DỰNG NĂM 1531

GIÁO ĐƯỜNG VIRGIN OF GUADELOUPE

Đây là nơi một nông dân nghèo khổ nhìn thấy Đức Bà xuất hiện, sau đó nó thành một thánh địa của toàn thể Mexico.





Giáo đường Đức Bà Guadeloupe trước đây có bốn lầu tháp và một nóc tròn vàng kim, coi là bộ phận tổ thành quan trọng của đất thánh này, trong mấy thế kỷ nay đã xây lại rất nhiều lần; một giáo đường mới, lớn hơn nhiều thời kỳ gần đây đã thay thế nó.

Tại Mexico, ngày lễ "Đức Bà Guadeloupe" một năm một lần vào ngày 11 tháng 12 và kéo dài đến ngày 12. Trong ngày lễ ăn mừng du hành khắp cả Mexico, đâu đâu cũng thấy có người biểu diễn vũ đạo dân tộc.

Năm 1531, một nông dân Indian tên Huan Digo nhìn thấy Đức Bà ở nơi này, và coi nơi này là thánh địa. Giáo đường đầu tiên ở đây là một vật kiến trúc thô sơ dùng gạch bằng đất xây thành, nó đối với người hành hương có sức thu hút lớn mạnh giống như nam châm hút sắt. Trong vài thế kỷ tiếp sau đó, giáo đường được xây lại và mở rộng. Lần gần nhất là vào năm 1895. Ngôi giáo đường này có 4 lầu tháp và nóc tròn cao 40 mét, bên trong dùng cột đá kiểu corinthe dày chắc chống đỡ nóc nhà. Nghe đồn có một số bạc lớn dùng để chế tác lan can vây thánh đàn, giá nến cỡ lớn, dụng cụ và vật trang sức khác, tổng cộng 62 tấn. Đến những năm 70 thế kỷ 20, giáo đường có một chậu thánh bằng vàng đặt trên chỗ cao của thánh đường chế tác bằng đá cẩm thạch và đồng thau, bao gồm áo gió có in chân dung Đức Bà giống như

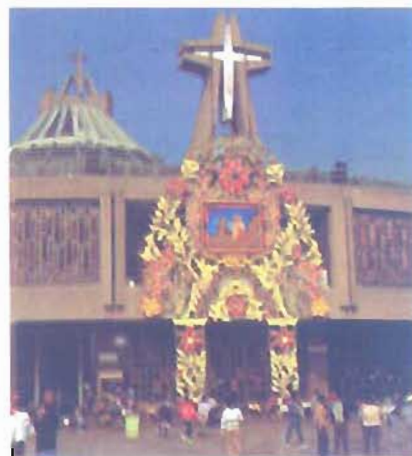


Hình trên & dưới: Giáo đường mới sử dụng kiểu dạng hiện đại hóa về ngoài phù hợp với khẩu vị của rất nhiều người, có một cửa vào trang sức hoa lá đồ sộ. Trong truyền thuyết Đức Bà từng khiến hoa tươi nở rộ trên núi trọc nhẵn lì một cách kì diệu.

kỳ tích của Huan Digo, đằng sau là tượng điêu khắc Huan Digo. Vào ngày lễ Đức Bà, một chiếc vương miện do bảo thạch điểm xuyết được đặt ở phía trên tượng Đức Bà.

Nhiều thế kỷ về trước, bắt đầu từ khi Đức Bà rời khỏi cõi đời, sự sùng bái đối với Đức Mẹ Guadeloupe đã thấm sâu vào lòng người. Bởi vì hình tượng bà đã dần dần hòa nhập vào trong thế giới tình cảm của dân tộc Mexico. Bởi vậy những người hành hương nóng lòng xây dựng ở đây một giáo đường mới lớn hơn nhiều (một kiến trúc sư tên Pedro Lumilezi Fasguyzi thiết kế xây dựng, ông từng thiết kế viện bảo tàng nhân loại học thành phố Mexico).

Ngôi giáo đường xưa này vào tháng 12 năm 1988 bị đóng cửa. Hiện nay nó thành một viện bảo tàng, vật triển lãm bên trong có tranh ảnh tôn giáo, tác phẩm điêu khắc và rất nhiều lễ vật do người hành hương coi là để cảm tạ mà mang đến thánh địa, đương nhiên còn có vật cống hiến của những người mong linh hồn được cứu vớt. Gần đó, một giáo đường nhỏ dựa sát một cái giếng, đó là nơi Đức Mẹ xuất hiện, đi về phía trước có thể từng bước một dẫn bạn lên một ngôi giáo đường khác trên đỉnh núi nhỏ. Ở đây xuất hiện hoa của Huan Digo thu lượm, dưới sự chi phối của Đức Bà Maria, nở một cách thần kỳ. Sự xuất hiện của Đức Mẹ xảy ra năm thứ 10 sau khi người Tây Ban Nha chinh phục Mexico. Huan Digo là một nông dân Aztèque thay đổi tín ngưỡng, tên ông ta trong ngôn ngữ Aztèque ý là "chim ưng biết nói". Khi ông ta nhìn thấy Đức Bà trên núi, nghe thấy Đức Bà nói với ông ta, nhờ ông khiến giáo đường ở địa phương này xây dựng cho bà một giáo đường. Huan Digo rất lễ phép kiến nghị xin bà phái một người Tây Ban Nha đến thay thế, nhưng Đức Bà trả lời, tình yêu của bà cũng sẽ thuộc về Huan Digo và những nhân dân Indian bị chinh phục, và tỏ ý thương xót cảnh ngộ của họ. Huan truyền đạt lại với giáo trưởng yêu cầu của Đức Bà, thoạt đầu vị giáo trưởng này có phần trì nghi, thỉnh cầu có được tín vật của Đức Bà. Do đó Đức Bà giục nở hoa tươi trên đỉnh núi khô cằn. Huan để hoa vào trong áo gió mang đến chỗ giáo trưởng. Khi Huan mở áo gió ra, chân dung Đức Bà hiển hiện trên áo gió. Giáo trưởng liền bị thuyết phục, giáo đường cũng được xây dựng kịp thời.



TÂN THẾ GIỚI

CÁC THUYỀN TRƯỞNG ITALIA NGƯỠNG VỌNG CỦA CẢI CỦA CÁC NƯỚC PHƯƠNG ĐÔNG, DO ĐÓ TRẢI QUA CUỘC THÁM HIỂM HÀNG HẢI CỦA HỌ, CHÂU MỸ ĐƯỢC PHÁT HIỆN

Phát hiện hàng hải của Christophe Colomb là sự mở thăng cuối cùng của Cựu thế giới truyền bá khác toàn cầu chủ nghĩa thực dân Châu Âu và phương thức sinh hoạt Châu Âu. Ông và các nhà thám hiểm thời kỳ đầu khác từng mong muốn tìm cách đến được Châu Á và đem những của cải Trung quốc trong tưởng tượng dùng tàu chở về Phương Tây. Do đó họ dương dương đắc ý sự dự kiến: vượt Đại Tây Dương lên bộ, là đến được Châu Á.

Mùa hè năm 1492, Colomb dẫn ba đội thuyền nhỏ xuất phát từ Tây Ban Nha, ở quần đảo Bahamas, Cuba và nơi hiện nay là Santo Domingo lần đầu phát hiện lục địa. Ở đây gặp được một số người, liền cho rằng mình thành thương nhân có quan hệ mậu dịch với Trung quốc, trong ba chuyến đi biển tiếp theo đó, Colomb phát hiện ngoài Cuba, càng nhiều địa phương tiếp giáp với tuyến bờ biển đại lục nước Mỹ, ông cho rằng đó là Trung Quốc, và đoán định nó là bờ của thiên đường trên cõi đời này, cuối cùng còn thăm dò ra một số tuyến bờ biển ở khu vực hiện nay ở Trung Mỹ châu.

Vào năm 1506, lúc ông chết, ông vẫn tin chắc mình từng đến Châu Á, dù ông phát hiện Tân đại lục, nhưng không hoàn toàn nhận biết nó.



Mặt nạ vàng đàn ông lưu giữ ở viện bảo tàng vàng Trung tâm lớn San Fipoco thủ đô Colombia.

CHÂU MỸ KHÔNG ĐẶT PHÒNG BỊ

Lúc đó một nhà hàng hải Italia khác John Cabot, làm việc cho Anh hoàng Henry VII, năm 1497 ông xuyên vượt Đại Tây Dương đến được Tân đại lục, ông cho rằng đó là mặt đông bắc tận cùng của Châu Á. Năm 1499, một người Florencia tên Amerigo Vespucci, xuất phát từ Tây Ban Nha đi biển đến cửa sông Amazone. Ông cũng cho rằng đó là Châu Á, nhưng không đến vài năm, ông sửa lại ý kiến của mình, và nói đã phát hiện một Tân thế giới. Do đó một nhà văn Đức liền dùng tên ông lên tên gọi Tân đại lục để tán dương ông.

Kỳ thực, tất cả những cái đó cách thực tế rõ ràng còn rất xa, bất luận như thế nào. Tên đại lục bên kia bờ biển đó vẫn tiếp tục hấp dẫn một số nhà thám hiểm hy vọng phát hiện của cải lớn lao và những chuyện ghê gớm. Năm 1509 nhà mạo hiểm Tây Ban Nha Ponce de Leon chinh phục Puerto Rico, sau đó xuất phát đi tìm suối phun vĩnh viễn thanh xuân trong tưởng tượng, ông trên thực tế tìm được Florida.

Vào năm 1511, D. de Velásquez dẫn một đội quân Tây Ban Nha chinh phục Cuba, Velásquez cử Hernan Cortés đến Iucatan thám hiểm, văn hóa Maya cổ vĩ đại do đó được người đời biết đến. Vào năm 1519, Cortés dẫn một đội thám hiểm nhỏ nhặt chỉ có 600 người đến Mexico. Họ cưỡi ngựa đến khiến người bản địa sợ hãi. Bản địa trước đây chưa từng xuất hiện động vật như vậy. Cortés may mắn có được một công chúa Indian, phiên dịch, cố vấn và nữ chủ nhân của ông. Ông còn cùng dân chúng căm thù sự áp bức của người Aztèques kết làm đồng minh, trong thời gian không đến 3 năm chinh phục được đế quốc Aztèques, thành người thống trị lãnh thổ một phương khoảng từ biển Caribean đến Tây Ban Nha.

NỮ DŨNG SĨ VÀ VÀNG

Đội viễn chinh xuất phát từ miền bắc Châu Âu, đi tìm một đường đến Châu Á, vừa có thể tránh khỏi sự đố kỵ của người Tây Ban Nha, vừa có thể gây tác dụng phòng ngự bảo hộ



Vàng vật quyên hiến Thượng đế ở Colombia bị ném xuống hồ Guatavita.

tuyến đường đến Châu Á. Một quan chức làm việc cho chính phủ Pháp từng vào năm 1524 đi biển dọc theo tuyến bờ biển phía đông Bắc Mỹ. Ông là người Châu Âu đầu tiên nhìn thấy vịnh New York. Vào những năm 30 thế kỷ 16, một nhà thám hiểm Pháp Jacques Cartier trong chuyến đi biển đến Bắc Mỹ đầu tiên của ông nhìn thấy bờ biển Labrador, và đặt tên cho nó là vịnh Lawrence. Người Indian bộ tộc Huron lúc bấy giờ nói cho ông biết, ông đã phát hiện ra đất mà dùng ngôn ngữ của họ chỉ là chỉ một thôn trang, "Canada". Nhưng ông nhận lầm đó là tên của toàn bộ khu vực này. Kỳ thực ông nhiều nhất cũng chỉ đến một thôn trang bộ tộc Huron ở nơi ngày nay là Montréal. Đồng thời di dân đã ùa vào Tân Tây Ban Nha (về sau được gọi là Mexico, sau thời kỳ người Aztèques). Nhà đương cục từng phái mấy đội người đi thám hiểm miền bắc, dĩ nhiên hoàn toàn là để tìm kiếm vàng bạc của cải ở nơi đó. Vào năm 1540, Coronado

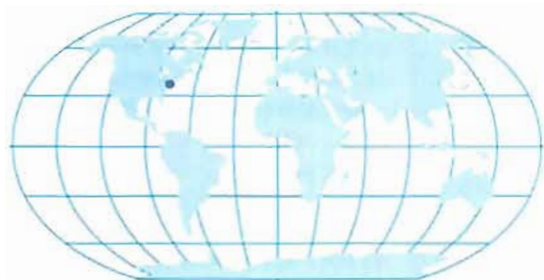


Mặt nạ vàng này mắt của nó là dùng dây kim loại cực nhỏ treo con ngươi biết động đậy của nó.

xuất phát đi tìm kiếm và muốn được của cải ở một nơi miền bắc Mexico được gọi là 7 thành thị Sivola trong truyền thuyết. Ông nghĩ cách tìm của cải, nhưng đội người của ông phát hiện ra khe sâu lớn, hai năm sau khi Coronado rời khỏi, một đội thám hiểm do Juan Rodriguez de Cabrillo đi biển đến tuyến bờ biển Thái Bình Dương lên phía bắc. California được đồn đại là vị trí ở nơi nào đó của phương hướng này, phụ nữ da đen tụ tập cư trú ở đây và do một vị nữ vương thống trị, không có một người đàn ông nào ở giữa bọn họ. Vũ khí của họ là chế bằng vàng, yên cương ngựa hoang của họ cũng chế bằng vàng. Cartier đi một bộ phận lớn của tuyến bờ biển California, nhưng không tìm thấy nữ dũng sĩ và vàng, mà tìm được đất liền bên trong ở chỗ lượng lớn công trường Sartre chờ đợi khai thác, đó là ánh chớp báo trước làn sóng điên cuồng đào vàng ở California năm 1849 sau đó. Tàu của ông đã đi vào vịnh San Francisco. Ông Francis Drax vào năm 1579 cho tàu chạy vào bến cảng to lớn này và tuyên bố Anh có chủ quyền đối với California và lấy tên gọi thân mật của nữ hoàng Elizabeth là Bes, đặt tên cho đất này là Tân Albion. Tất cả những cuộc thăm dò mù quáng để nghĩ cách tìm được vàng và kỳ tích, mở ra và phát hiện những con đường thực dân ở Tân đại lục, như văn minh Châu Âu tìm được một vũ đài có sức sống mới ở Châu Mỹ.



Mặt nạ vàng, nối có bảo thạch.



MỸ - NĂM 1770

MONTICELLO

Đó là nhà của một nhà thiết kế, thợ làm vườn, nhà văn, và nhà khoa học nghiệp dư đồng thời cũng là tổng thống nhiệm kỳ thứ ba của nước Mỹ.





Năm 1826, Jefferson qua đời trong ngôi nhà này, huyệt mộ ông ở dưới lòng đất.

Thomas Jefferson (1743-1826) là tổng thống nhiệm kỳ thứ ba của nước Mỹ, một trong những người khởi thảo chủ yếu của Tuyên ngôn Độc lập nước Mỹ. Là một luật sư có trình độ nghề nghiệp, ông là con trai một nông dân thành công kế thừa lượng lớn tài sản. Ông yêu âm nhạc và thực vật, và thích tiến hành thực nghiệm khoa học. Ông có tiếng tăm là nhà triết học, nhà thần học và nhà phát minh nghiệp dư. Ở bang Virginia nơi ông ra đời, là đất kỷ niệm của một nhân vật nổi tiếng đa tài đa nghệ vĩ đại, không chỉ bởi vì ông thiết kế ngôi nhà này và tự trồng hoa cỏ, bố trí cửa nhỏ như giá xoay vòng bát đĩa và xoay vòng đưa món ăn, còn dốc hứng thú rất lớn vào vẻ ngoài của mỗi một trang sức và đồ dùng trong nhà.

Sự xuất hiện của ngôi nhà này là Jefferson dùng sức tưởng tượng của mình để tái sáng tạo đối với phong cách thiết kế của nhà kiến trúc Italia thế kỷ 16 Paladio. Nơi đây có một hành lang cửa trang sức tam giác và có cột tròn, tổng cộng 21 gian phòng, một nóc tròn nông, - khi xây dựng nhà ở Mỹ, nó là cái đầu tiên được xây dựng. Từ năm 1796 đến năm 1808, biệt thự này trên nền đất này tiến hành sự xây dựng lại hoàn toàn đối với một ngôi nhà thời kỳ trước. Jefferson thiết kế ngôi đầu tiên này, nhưng 5 năm sau, ông coi là một quan chức ngoại giao ở trong một đình viện nước Pháp khiến ông lại tràn đầy rất nhiều cách nghĩ mới. Ông nói "xây dựng và lật đổ" trở thành một trong những lạc thú tiêu khiển mà ông "yêu thích nhất".

Monticello là tài sản của Quỹ Tổ chức kỷ niệm Thomas Jefferson. Ngôi nhà này vào năm 1923 được bán đi và bắt tay vào bảo hộ và duy trì, nó là một nơi có đặc trưng và hoàn cảnh khác với những nơi khác. Người ta thường nhắc đến thói quen của ông Jefferson coi như

là người quản lý, cách làm như vậy rất có thể giúp cho bản thân chủ nhân đang ở một căn nhà khác muốn mua ngôi nhà này, tiếp thụ một số kiến nghị có ích. Vào thời Jefferson, mỗi một chế định thử nghiệm, đều là để khiến bên trong ngôi nhà được tu sửa hoàn chỉnh. Đại đa số đồ vật đóng thành kiện và đồ dùng trong nhà thuộc về gia đình này. Một trong những gian phòng thu hút người chú ý nhất là thư phòng của Jefferson, bên trong có một ghế xoay, một cái bục xoay, ở một cửa sổ có một kính viễn vọng. Ở cửa ra vào có hai mô hình địa cầu. Thư phòng giống như thư viện này chứa khoảng 7.000 cuốn sách.

Jefferson tiến hành lượng lớn nghiên cứu về sự sinh trưởng và phồn thực của thực vật và chăm sóc cực tốt vườn hoa ở Monticello. Mặt hoạt động này trong đời sống của ông được ghi chép tường tận trong cuốn "Sách về làm vườn" do ông viết, trong đó có lượng lớn tài liệu ghi đúng việc thực, cuốn sách này được câu lạc bộ làm vườn Virginia thường xuyên sử dụng và vào năm 1939 do thành viên của câu lạc bộ bắt đầu bắt tay vào sửa sang phục hồi vườn hoa này. Trong vườn có rất nhiều cây, về sau được cung cấp làm lùm cây hai bên đường rợp bóng. Trong vườn rau trồng hơn 250 loại rau và các thực vật cây cỏ khác, tất cả những cái đó làm cho Monticello ngày nay tăng thêm vẻ đẹp. Trung tâm Thomas Jefferson xây dựng gần đây, trong đó trưng bày không ít thực vật có ý nghĩa mang tính lịch sử, có người đã đem một đoạn lời rất thích hợp Jefferson đã nói coi là kỷ niệm: "Đối với tôi không có tiêu khiển nào vui thích hơn vun bón đất, không có vun bón nào sánh được với vun bón vườn hoa".



Sáng tạo của Jefferson, có phong cách thuộc hạng nhất khiến người thích thú, thiết kế ngôi nhà này xem ra nhỏ hơn so với thực tế, nó có ba tầng lầu được che giấu khéo léo đến mức giống như một tầng lầu.



MỸ - XÂY DỰNG NĂM 1853 - 1893

GIÁO ĐƯỜNG ĐẠO

"Sa mạc sẽ nhảy nhót hân hoan, sẽ nở rộ như hoa hồng.

***Sách Isaac**, chương 35, tiết 1*



Bắt đầu từ năm 1835 nhát xẻng đầu tiên xây nền giáo đường của giáo hội thánh đồ đời cuối cùng Jésus Chrit, đến khi xây xong mất 40 năm chẵn. Giáo đường có vang bóng của thời đại "Thánh kinh" vẫn khiến người mãn ý. Giáo đường dùng đá hoa cương xây thành, đá hoa cương khai thác từ ngoài 32km dùng xe bò tốn sức chở đến công trường xây dựng. Giáo đường phong cách kiểu gothique nghiêm nhặt này dường như không có trang sức thừa. Kiến trúc sư của nó, Truman O. Anger là em vợ của lãnh tụ kiệt xuất của giáo hội Mormon Brighem Young. Giáo đường có 6 chỏm nhọn cao vút. Tường đáy giáo đường dày 4,9 mét, dài 57 mét, rộng 36 mét, hai chỏm tháp cao nhất cao đến 64 mét. Trên một chỏm tháp trong số đó dựng một pho tượng thiên sứ Moroni, ông phô bày với người sáng lập đạo Mormon, Joseph Smith, tấm biển màu vàng kim trên khắc kinh Mormon. Thiên sứ đúc bằng đồng bên ngoài dát vàng, cao 3,8 mét. Ông đặt kèn vàng bên môi, để tỏ ý Jésus Christ tái sinh.



Giáo đường đạo Mormon này là do Truman O. Anger em vợ của Brigham Young thiết kế.

Giáo đường chỉ mở ra với giáo đồ Mormon nhưng quảng trường của giáo đường và khu vực gần giáo đường có rất nhiều nơi thu hút du khách, nhất là ngôi giáo đường nóc nhà hình rùa biển lớn. Nghe đồn nó do Brigham Young tự thiết kế. Nó dài 76 mét, rộng 46 mét, lại nhìn không ra bất kỳ vật chống đỡ nào. Nó có thể chứa 7000 người, mà không một người nào đường nhìn bị cột ngăn lại. Phía trên đại sảnh là một cấu kiện bằng gỗ dạng nóc tròn, chống đỡ bằng cột đá ở bên cạnh và dùng đinh gỗ tấm da bò sống dài buộc chúng lại với nhau.

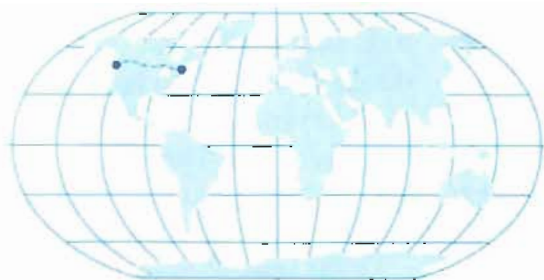
Xem ra đàn orgue là chế bằng kim loại, lầu sảnh là xây bằng đá cẩm thạch, ghế dài là làm bằng gỗ sồi, sự thực những cái đó đều bằng gỗ thông chế thành và được sơn một cách tinh xảo thành giống như thật vậy. Nhà làm lễ có hiệu quả âm hưởng khác thường (bạn đúng là có thể nghe tiếng một cái kim rơi trên mặt đất). Đàn orgue lớn là một trong những nhạc khí tốt nhất hiện còn, acmonium tăng đến 12 cây, có 6 dụng cụ phím. Hàng ngày trong đại sảnh vang vọng khúc nhạc orgue diễn tấu. Mỗi sáng chủ nhật, vẫn sẽ vang lên tiếng hát của ban hát thánh thi của giáo đường đạo Mormon nổi tiếng do hơn 300 người tổ chức thành.

Đại sảnh hội nghị bằng đá hoa cương tương đối nhỏ cũng ở trong quảng trường, là nơi dùng để lễ bái. Phía trước nó dựng bia kỷ niệm Hải Âu, để kỷ niệm hải âu trong giờ phút then chốt, bảo toàn được hoa màu mà đám di dân đạo Mormon đầu tiên dựa vào đó mà sống khỏi bị hàng đàn châu chấu đến ăn hại. Trong sự kiện này, những di dân tựa hồ nhìn thấy bàn tay của Thượng đế. Hai con hải âu ở phù điêu đồng thau trên nền bệ và ung dung bay xuống nóc bia kỷ niệm dường như đang kể lại toàn bộ câu chuyện. Bia kỷ niệm này bắt đầu dựng năm 1913, nhà điêu khắc là cháu của Brigham Young - Mahunri Young.

Ở gần giáo đường, viện bảo tàng lịch sử và nghệ thuật bản địa mở cửa năm 1984, trong đó lưu giữ hơn 6 vạn vật triển lãm về đời sống và lịch sử của giáo đồ Mormon và tác phẩm của các nghệ sĩ đạo Mormon. Thư viện lịch sử gia đình lớn nhất trong số những thư viện cùng loại trên thế giới lưu giữ số lượng tương đối lớn phổ ký giáo tông Mormon. Không chỉ giáo đồ Mormon mà cả những người không phải giáo đồ Mormon cũng có thể dùng để tra cứu. Bắt đầu từ tượng bằng đồng thau của lãnh tụ vĩ đại cao 7,6 mét do Sellers Dalin sáng tác, đến bia kỷ niệm Brigham Young, có thể suy ngẫm về thành quả công việc của một đời ông.



Trên một chòm tháp trong số đó dựng pho tượng thiên sứ Moroni ánh vàng rực rỡ do nhà điêu khắc Do Thái Sellers Dalin sáng tạo.



CANADA - XÂY DỰNG XONG NĂM 1885

ĐƯỜNG SẮT PACIFIC CANADA

Hồi đó, khi xe lửa ầm ầm chạy qua dãy núi Rockies, các hành khách vui thích ngồi trên ba-ri-e đằng trước xe lửa.





Một chiếc xe lửa chạy rời Banff, để lại dãy núi Rockies cao vút.

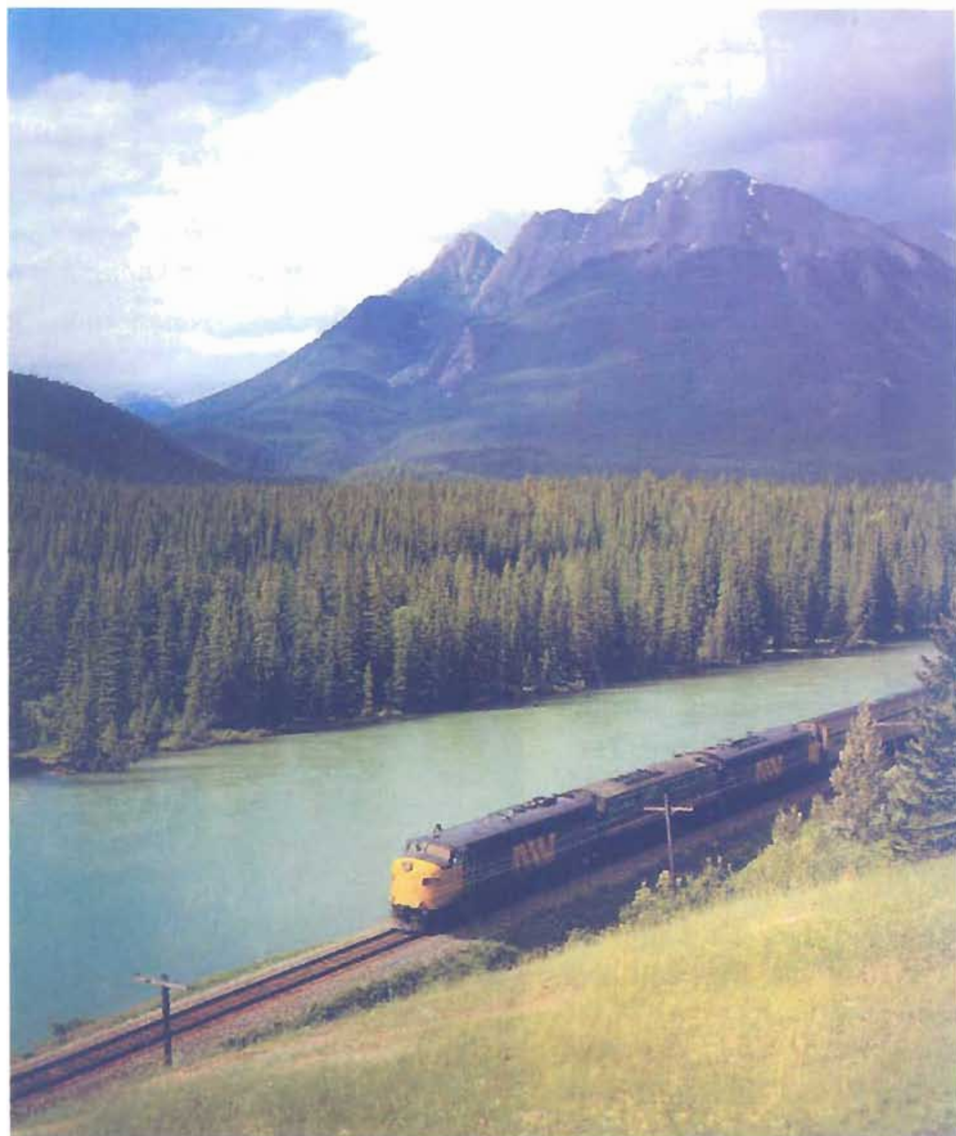
Đường sắt với một đường rầy dài 4696km giữa khoảng Montréal và Vancouver là một trong những sự nghiệp vẻ vang nhất, đáng phấn khởi trong lịch sử công trình (vào hồi bấy giờ bị cho là "hành động xốc nổi thoát ly thực tế"), là nhân tố quan trọng trong sự phát triển của Canada hiện đại. Chuyện bắt đầu từ năm 1867, lúc ấy phần các tỉnh miền đông tổ chức thành Liên bang Canada. Phía tây của họ là đồng cỏ lớn mênh mang và núi cao chót vót. Tỉnh British Columbia bên bờ Thái Bình Dương gia nhập Liên bang, với điều kiện là trong 10 năm tạo một đường sắt xuyên ngang đại lục.

Kết quả, đường sắt bắt đầu khởi công xây dựng năm 1891. Phụ trách công trình này là William Van Horne, một người Mỹ gốc Hà Lan. Ban đầu ông từng làm một báo vụ viên địa vị thấp kém ở đường sắt trung ương Illinois, mà cuối cùng ông được ban tước Sir một cách rất xứng đáng.

Đường sắt xuyên vượt đồng cỏ lớn nhanh chóng bắc xong trong 15 tháng. Xuất phát từ căn cứ cung ứng Winnipeg, xe lửa thi công tương đối có quy luật chạy về phía tây. Mỗi chiếc xe lửa chở vật liệu cần thiết vừa đủ để đặt 1,6km đường rầy: đường rầy bằng thép, gỗ đệm, cột dây điện và vật liệu cần thiết để bắc cầu. Người Indian đến xem, họ nghiêm túc ca ngợi những "xe lửa" này.

Đường sắt phải xuyên vượt dãy núi Rockier lại hoàn toàn là chuyện khác. Bên thôn xóm nhỏ tại Calgari, đường sắt dọc theo sông Bow nhanh chóng vươn dài. Bắc một đoạn rầy dài 183 mét chỉ tốn thời gian kỷ lục, nhưng tiếp theo đó cần huy động đội quân đắp đường 1,2 vạn người, bắt đường rầy ở núi Kirking Horse xuyên vượt khoảng núi cao 1628 mét, mà ở một đầu khác, trên một dốc nghiêng khiến người chóng mặt, đường rầy lại phải nhiều lần lặp đi lặp lại xuyên vượt sông Kirking House quanh co khuất khúc.

Kế hoạch ban đầu là dọc theo sông Columbia xây dựng đường sắt, nhưng một nhân viên đo đạc tên A. B Rogers phát hiện một con đường xuyên qua dãy núi Serkirk (con đường này hiện nay lấy tên ông để đặt tên) có thể bớt bắc 241km đường rầy. Do tuyết lở, tuyến



Xe lửa chạy từ bờ sông Bow, xuyên vượt qua dải đất hiểm trở nhất, cảnh trí đẹp đệ nhất Bắc Mỹ.

đường sắt phải dùng lán phòng tuyết dài vài cây số để bảo vệ. Sau đó ở một đoạn đường, đào ra được một đường hầm trong điều kiện khó khăn nhất. Cây cầu cao nhất Bắc Mỹ xây dựng trên tháp kết cấu gỗ cao 61 mét trên sông Stonick.

Ở phía hồ Shuswap, đường sắt chọn đường khe sâu Freyno hoang vu không người ở cơ hồ không có cách nào lọt qua, khu vực này được Van Horne gọi là "nơi tồi tệ nhất trên thế giới", và xuyên qua dãy núi bờ biển. Vốn tính xây dựng đường sắt đến cảng Mudy ở vịnh Barad, nhưng Van Horne đẩy tuyến đường sắt dọc theo vịnh Barad hướng thẳng đến nơi hiện nay được gọi là Vancouver.

Đường sắt này mở thông khu vực miền trung tây Canada cho hàng vạn di dân ùa vào. Ở bãi điều hành xe Winnipeg chen đầy xe lửa, di dân như nước triều ùa về phía đồng cỏ lớn. Khi chuyến xe lửa đầu tiên vào năm 1882 đến Banff (thắng cảnh du lịch chủ yếu thứ nhất của dãy núi Rockies), tổng giám đốc công ty đường sắt Pacific Canada, một người Scotland đến từ quận Banff, để kỷ niệm nữ hoàng Anh Victoria đáp chuyến xe lửa đầu tiên này đến đây, liền đem thành phố nhỏ nhân sự xuất hiện của đường sắt mà ra đời, đặt tên là Rijana.

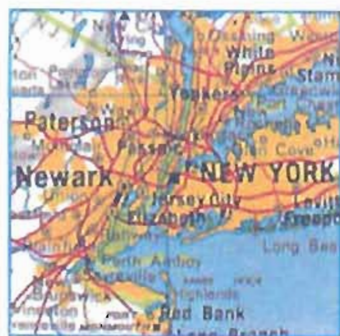


MỸ - DỰNG XONG NĂM 1886

TƯỢNG NỮ THẦN TỰ DO

Hoan nghênh các bạn, những người mệt nhọc,
nghèo khổ, khao khát hít thở không khí hòa bình tấp nập tới đây.

"Người khổng lồ mới" **Emma Laza**



Ngày 28 tháng 10 năm 1886, cảng New York còi tàu thủy kêu vang, pháo hoa bắn lên tứ phía, trong 21 phát đại bác chào mừng, tổng thống Grover Cleveland đem bức tượng nổi tiếng nhất Bắc Mỹ châu hoặc có thể là nổi tiếng nhất thế giới tặng cho nhân dân nước Mỹ. Từ đó hành khách trên tàu tiến vào cảng New York có thể nhìn thấy sừng sững Nữ thần Tự do giơ cao bó đuốc Tự do. Đối với hàng vạn di dân đến nước Mỹ, Nữ thần Tự do là sự bảo đảm thoát khỏi nghèo khổ và áp bức của Cựu thế giới, tượng Nữ thần Tự do thành tượng trưng của nước Mỹ.



Nữ thần Tự do giơ cao ngọn đuốc, đứng bên Cửa Vàng cảng New York.

Tượng Nữ thần Tự do tạo ở nước Pháp. Ngày mồng 4 tháng 7 năm 1884, Pháp chính thức giao cho đại sứ Mỹ coi như là tặng phẩm của nhân dân Pháp tặng cho nhân dân Mỹ. Tiếp theo đó tượng Nữ thần được tách rời đóng gói, dùng tàu chở đến New York, lại lắp ghép lại ở đảo Bedloe (hiện nay là đảo Tự do), do nước Mỹ xuất vốn xây dựng bệ khổng lồ.

Bệ do kiến trúc sư Mỹ Richard Morris Hunt thiết kế cao 47 mét, bản thân tượng Nữ thần cao 46 mét, bởi vậy khiến chỏm nhọn đuốc cao hơn mặt đất 93 mét. Tượng Nữ thần nặng 229 tấn, lưng rộng 10,6 mét, miệng rộng 91cm, tay phải giơ cao đuốc lửa dài 12,8 mét, chỉ riêng một ngón tay trỏ cũng dài 2,4 mét. Trên chân Nữ thần có xiềng sắt gãy tượng trưng cho việc lật đổ chánh quyền tàn bạo, tay trái nắm một bản "Tuyên ngôn Độc lập" của nước Mỹ, trên mũ ở đầu Nữ thần là bảy đường tia sáng chiếu khắp bảy đại dương, bảy đại châu. Trong ruột tượng Nữ thần có cầu thang xoáy trôn ốc khiến du khách có thể



Trên - dưới: Đứng ở ban công ngắm cảnh ở khoảng mũ tượng nữ thần nhìn xa, cảnh sắc vô cùng đẹp.

leo lên vùng đầu, tương đương như leo một ngôi nhà lầu cao 12 tầng.

Tượng Nữ thần Tự do bắt nguồn từ chính trị nước Pháp. Năm 1865 Napoléon III lên ngôi. Một học giả tên Edouard de Laboulaye cùng người trong nhóm của ông hy vọng chấm dứt chế độ quân chủ, xây dựng một nước Cộng hòa Pháp mới, họ chuẩn bị tạo một tượng Nữ thần Tự do để biểu đạt sự tán dương của họ đối với nước cộng hòa vĩ đại ở bờ bên kia Đại Tây Dương và khích lệ lòng đồng tình giữa nhân dân Pháp và nhân dân Mỹ. Nhà điêu khắc trẻ tuổi từ Alsace đến, Frédéric Auguste Bartholdi dưới sự khuyến khích của Laboulaye suy tính thiết kế công trình này.

Bartholdi vẫn hy vọng tạo một tháp đèn Nữ thần khổng lồ giơ cao đuốc trên kênh Suez thể hiện ánh sáng tiến bộ xuất hiện ở Á Châu.

Ông dùng nhiệt tình cực lớn bắt tay vào công trình mới này. Tượng Nữ thần Tự do của ông chịu ảnh hưởng bức tranh nổi tiếng "Thần Tự do dẫn đường mọi người" của họa sĩ Delacroix, mà mặt nữ thần phản ánh khuôn mặt và thần thái nghiêm nghị của mẹ ông.

Tượng Nữ thần đồ sộ, mang lại cho Bartholdi và công trình sư của ông (Alexandre Gustave Eiffel người sáng tạo tháp sắt Eiffel sáng suốt giỏi giang) vấn đề về kỹ thuật hóc búa. Eiffel tạo một giá khung sắt tinh xảo do giá đỡ phụ ở trung tâm chống đỡ. Lớp ngoài tượng chỉ 2,4 milimét chiều dày nhìn thấy được, đặt trên giá khung trong linh hoạt này. Bartholdi bắt đầu chế tác trước một mô hình tượng cao 1,2 mét, rồi lại làm đi làm lại ba cái, mỗi cái đều lớn hơn cái trước, cho đến quy mô to lớn vừa đúng vào chỗ tốt nhất.



PANAMA - ĐÀO XONG NĂM 1914

KÊNH PANAMA



Để đào kênh, những công nhân được thuê đến mang theo cả quan tài của mình.





Một chiếc tàu chạy vào âu chuyển tàu. Chiếc tàu đến từ đầu Đại Tây Dương của kênh được nâng cao lên đến mực nước hồ nhân tạo. Xây dựng những âu chuyển tàu lớn này dùng mấy trăm vạn tấn bê tông.

Ngày mồng 3 tháng 4 năm 1914, chiếc tàu viễn dương đầu tiên đi qua Kênh Panama, từ đó mà kết thúc một công việc gian nan nhiều năm để đào một đường thông (từ Đại Tây Dương đến Thái Bình Dương) xuyên vượt eo biển Panama. Từ một bên của tuyến bờ biển đến một bên khác, kênh Panama toàn bộ chiều dài 64,8km. Từ hải vực Đại Tây Dương đến hải vực Thái Bình Dương cách nhau 81,7km.

Không giống với quan niệm thông thường, kênh không phải là đi theo hướng đông - tây. Địa mạo của eo biển Panama như vậy, dĩ chí đường thủy từ Đại Tây Dương đến Thái Bình Dương phương hướng chung là đi hướng đông - nam. Thành phố Panama đầu bên Thái Bình Dương vị trí ở phương hướng đông nam của thành phố Colon đầu bên Đại Tây Dương (một số địa phương ở Panama có thể nhìn thấy mặt trời từ Thái Bình Dương nhô lên).

Đào kênh này không chỉ bao gồm đào bản thân đường hàng hải, mà còn bao gồm cả việc xây dựng ở hai đầu kênh rất nhiều bến cảng và thiết chế bến cảng. Đê phòng sóng to lớn, đập nước, âu chuyển tàu và hồ nhân tạo. Đồng thời một con đường sắt giữa hai thành phố Colon và Panama đại bộ phận còn đang xây dựng lại.

Một đê phòng sóng ở vịnh Limon đầu bên Đại Tây Dương dài 3,5km, vùng nóc rộng 4,6 mét. Tàu thủy từ đây chạy về phía chính nam, qua thêm ba lần âu chuyển tàu từ đó mà khiến tàu lên đến 26 mét, tiến vào hồ nhân tạo được đào thêm, lại trải qua một cửa đường thông rộng 152 mét ra khỏi hồ. Trước khi tàu đến eo biển Panama đầu tận Thái Bình Dương, độ chênh lệch là 9,5 mét và 16,5 mét, lại xuống đến mặt phẳng biển. Eo biển Panama có một đê phòng sóng dài 5,2km bảo vệ.

Tất cả các âu chuyển tàu đều xây dựng thành đôi, dài 305 mét, rộng 34 mét, như vậy có

thể khiến tàu từ phương hướng ngược lại đi qua âu chuyển tàu. Trên âu chuyển tàu lắp đặt cửa âu chế bằng thép, dày 2,1 mét cao 25 mét, nặng đến 396 - 732 tấn. Đầu máy dọc theo vách âu đi chậm, thông thường do 6 đầu máy kéo một chiếc tàu thủy từ từ đi qua âu chuyển tàu.

Thử nghiệm ban đầu đào kênh này thất bại thê thảm. Ferdinand de Lesseps là người tạo kênh Suez. Ông thành lập một công ty và vào năm 1880 bắt đầu khởi công đào một đường thủy sâu 9,1 mét, rộng 22 mét cao ngang với mặt nước biển từ Đại Tây Dương đến Thái Bình Dương. Khó khăn gặp phải không thể vượt nổi. Các công nhân của De Lesseps nhân mắc bệnh sốt vàng và sốt rét lục tục ngã xuống. Công trình này trở thành cạm bẫy chết chóc mà mọi người đều biết, một số công nhân kiến trúc khi từ Pháp đến mang theo quan tài. Nghe nói khi công ty phá sản, số người chết lên đến 2 vạn người. Năm 1889 công trình bỏ dở.

Năm 1903 Panama và Mỹ ký một hiệp ước, trao cho chính phủ Mỹ quyền đào kênh này, nhưng đầu tiên phải suy tính giải quyết sự uy hiếp của bệnh tật. William Cramford Gogas, vị bác sĩ ngoại khoa trong quân đội Mỹ đột nhiên đến thăm khu vực này. Dùng thời gian hai năm, ông triệt để tiêu diệt bệnh sốt vàng, và khống chế tuyệt đối bệnh sốt rét ở khu vực phát bệnh. Công trình xây dựng kênh bắt đầu vào năm 1907, thượng tá lục quân Mỹ G. W. Gothurs làm tổng công trình sư. Người ta gửi gắm hy vọng cao độ vào việc xây dựng kênh Panama thúc đẩy phát triển mậu dịch và giao lưu hòa bình giữa các quốc gia, nhưng điều rất có ý nghĩa châm biếm là ngày kênh Panama mở ra với thế giới, chính là ngày nổ ra một cuộc chiến tranh mang tính phá hoại lớn đầu tiên trong lịch sử cận hiện đại thế giới.

Một chiếc tàu chở dầu đang chạy trên kênh Panama.





MỸ - BẮT ĐẦU XÂY DỰNG NĂM 1919

THÀNH LŨY HEARST

Châu báu ở Đông bán cầu trang sức cung điện của William Randolph Hearst trên Thái Bình Dương.



Thành lũy Hearst, hoặc như người ta thường gọi là San Michel, là một phủ đệ không tầm thường, cũng từng là một phủ đệ hùng vĩ tráng lệ, đẹp đến mê người. Nó do một người bền chí dẻo dai dùng châu báu đoạt được từ Âu Châu về để trang sức thành lũy này, hao vốn lớn khiến người khó mà tưởng tượng. Bất kỳ cái gì ông mua không nổi ông đều có đồ phục chế. Bản thân ông thích gọi nơi ông ở là "bãi chăn nuôi", nhưng ông ở trên bãi chăn nuôi tiêu tiền không tiết chế và lao vào yêu đương, trái lại từ ngữ do ông thuận miệng nói ra. Những người chưa đến đây có thể từ phim "Công dân Kane" của Orson Wells lưu lại ấn tượng về ông, nhân vật chính là xây dựng từ nguyên mẫu của ông.

Điều khiến người thất vọng là cái mà San Michel nên khoe khoang không phải là một mà là hai cái hồ bơi lớn. Hồ bơi trong nhà là nhà tắm kiểu La Mã, từ Âu Châu đưa vào lại xây dựng lại. Hồ bơi ngoài nhà của nó dung lượng nước là 130 vạn lít. Ở một mé của nó có một mặt cửa của đền Hy Lạp, còn có tượng điêu khắc và hành lang cột cổ điển.

Thành lũy cao cao tọa lạc ở bờ biển California, cúi nhìn xuống Thái Bình Dương và một bến cảng cỡ nhỏ. Theo lời sai bảo của Hearst, hòm gỗ đựng tác phẩm nghệ thuật, đồ dùng trong nhà, toàn bộ gian phòng và toàn thể kiến trúc chở đến bến cảng nhỏ đó. Cha ông, Georges Hearst là ông trùm ngành mỏ, qua đời năm 1891, Hearst thừa kế đất đai ở đây và số của cải lớn. William Randolph là một trong những người sáng lập tờ báo "Tin màu vàng" nhằm tạo hiệu ứng vang dội, từ nghề báo chí khiến của cải tăng thêm rất nhiều lần. Năm 1919 ông bắt đầu xây dựng San Michel, sau khi mẹ ông qua đời, ông thuê dùng Julia Morgan đến giúp ông thực hiện mộng tưởng của ông.

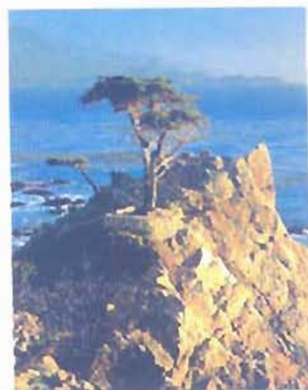
Người đại lý thương mại của Hearst ở nước ngoài đi khắp thế giới sưu tập đồ cổ vô giá, thảm treo, gạch sứ Trung thế kỷ, đồ ngọc và đồ sứ Trung quốc. Nghe nói ông cóp nhặt từng chút một đem cả một ngôi đền từ Tây Ban Nha dùng tàu chở về, do chỗ không quyết định được nên xử trí thế nào, chúng bị lưu lại trong hầm chuyên chở chờ đợi đến mấy năm. Trong thành lũy có một



Phòng ăn lớn.

người thu giữ bình hoa Hy Lạp số lượng rất lớn. Có lúc thiết kế toàn thể gian phòng đều dành cho một vật phẩm mà Hearst đặc biệt thích. Có mấy gian phòng bởi ông thay đổi chủ ý, tạo xong lại đập đi, lại xây lại.

Kết quả rất khiến người khích động. Phong cách kiến trúc Italia Pháp, Tây Ban Nha và người Maures được dung hợp với nhau. Vật phẩm và phong cách ở thời kỳ khác nhau dựa theo thú vị của bản thân Hearst dung hợp thành một thể. Nhà ăn chủ yếu của ông xem ra giống như đại sảnh quý tộc đồ sộ Trung thế kỷ, trong sảnh treo rất nhiều cờ đến từ Siena (thành phố miền trung Italia). Bàn ăn hẹp dài, dài đến nỗi phải dùng kính viễn vọng mới nhìn rõ cái ở đầu xa của bàn ăn, chỉ thấy lọ gia vị bày theo khoảng cách nhất định. Hearst và vợ ông ta - nữ diễn viên điện ảnh được yêu chuộng Mario Davis khoản đãi quá mức tại đây cũng như tiêu phí tiền bạc quá mức trong thành lũy. Tất cả những ngôi sao lớn trong thời đại hoàng kim của Hollywood, từ Charlie Chaplin. Mary Pickford, và Rudolph Valentino đến Garry Cooper, Clark Gable và Cary Grant đều đã đến đây ở. Cái khiến người nơm nớp lo sợ là vườn động vật tư gia của Hearst trong sân vườn, trong đó có bò rừng, gấu, khỉ và chuột túi lớn từ nơi xa xôi chở đến.



Bờ biển California khiến người thích thú.

Năm 1951 khi Hearst qua đời, ngôi nhà vẫn chưa xây xong toàn bộ. Rõ ràng, ông vĩnh viễn cũng không thể suy tính đến việc hoàn thành nó.

Bể bơi đẹp phía ngoài nhà, đằng xa là vùng núi California, ở đây Hearst trồng hơn 6000 cây.



MỸ - XÂY DỰNG XONG NĂM 1922

NHÀ KỶ NIỆM LINCOLN

Đối với bất kỳ người nào không mang ác ý, đối với tất cả mọi người tràn đầy nhân ái, khiến chúng ta tiếp tục nỗ lực hoàn thành việc chúng ta đang làm và chữa khỏi vết thương của dân tộc chúng ta.

Abraham Lincoln. *Diễn thuyết khi tựu chức lần thứ hai (ngày mồng 4 tháng 3 năm 1865)*




Nhà kỷ niệm Lincoln nhìn tựa như một ngôi đền Hy Lạp cổ điển.

Trong tất cả các tổng thống Mỹ vĩ đại nhất, Lincoln trước sau lưu lại trong ký ức mọi người, tình cảm và sự ca ngợi của người đời đối với ông vẫn nguyên vẹn. Nhà kỷ niệm của Lincoln ở thành phố Washington đặc khu Colombia, là một bài tụng từ trang nghiêm, réo rắt, động lòng người, ca ngợi đức tốt khoan dung, thành thực, cương nghị và kiên trinh của ông.

Năm 1865 Lincoln qua đời. Trong hai năm sau đó, người ta nhiều lần đề xuất phải tạo cho ông một nhà kỷ niệm ở Washington, nhưng mãi đến năm 1915 mới xây nền. Ngày 30 tháng 5 năm 1922 cử hành lễ lạc thành nhà kỷ niệm. Người thiết kế nó là kiến trúc sư Henry Bacon, một chuyên gia thiết kế nhà kỷ niệm xuất chúng. Ông còn thiết kế một nhà kỷ niệm Lincoln ở thành phố Lincoln Nebraska.

Ngoại hình nhà kỷ niệm này giống như điện đường Cổ Hy Lạp, có phong cách đền Parthenon. Bốn phía của kiến trúc hình chữ nhật này là 38 cây cột lớn kiểu dorique dùng đá cẩm thạch Coro màu trắng chế thành. Cột cao 13,4 mét, vùng đáy của nó đường kính là 2,26 mét: hai cây cột dùng làm dấu hiệu lối vào cửa, 36 cây còn lại đại biểu cho 36 bang

của Liên bang thời Lincoln gặp nạn. Trên tường bảo hộ phía trên có trang sức 48 đóa hoa rủ xuống, đại biểu khi nhà kỷ niệm lạc thành, Liên bang có 48 bang. Hành lang cột dài 57 mét, rộng 36 mét.

Bên trong nhà kỷ niệm, trong một đại sảnh cao 28 mét, đặt bức tượng lớn tổng thống Lincoln của Daniel Chester French tạo. Độ cao và độ rộng của nó đều là 5,8 mét. Tổng thống Lincoln ngồi trên một ghế tựa, trầm tư. Người tham quan mỗi người có thể dùng tư duy của mình diễn dịch ý nghĩa. Bức tượng này xem ra là dùng một tảng đá cẩm thạch Georgia điêu khắc thành. Mà trên thực tế nó do 28 tảng đá cẩm thạch nạm khảm thành, chúng khít vào với nhau một cách hoàn mỹ, không nhận ra chỗ ghép nối nào.

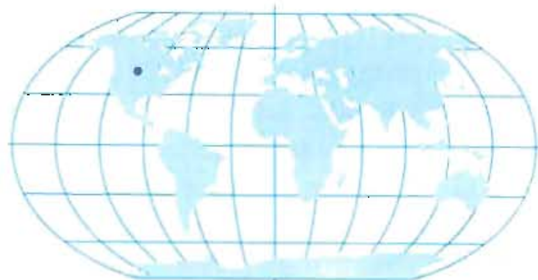
French là một trong những nhà điêu khắc thành công nhất, được hoan nghênh nhất trong thời đại ông. Ông từ thời trẻ thơ đã bắt đầu điêu khắc. Kỹ xảo của ông dùng củ cải điêu khắc ra rất nhiều nhân vật sân khấu lưu lại ấn tượng sâu sắc cho mẹ kế của ông. Lúc 24 tuổi ông ở quê nhà Kancod bang Massachusett tạc lính tượng "Dân binh thời chiến tranh độc lập nước Mỹ mệnh lệnh vừa hạ lập tức nhập ngũ". Năm 1893 lại sáng tác tượng "Nước Cộng Hòa" cho Hội chợ thế giới Colombia tổ chức ở Chicago, lập tức nổi tiếng.

Trên tường phía sau đầu tổng thống khắc văn bia: "Abraham Lincoln vĩnh viễn ghi khắc trong tâm những người trong Liên bang mà ông cứu vớt, ông cùng tồn tại với tòa điện đường thiêng liêng này". Trên tường còn khắc hai bài diễn thuyết nổi tiếng của ông "Diễn thuyết ở Gittisburg năm 1863" và "Diễn thuyết lần tựu chức thứ hai năm 1865". Còn có bích họa của Jules Glinn lấy Nam Bắc hòa giải và giải phóng nô lệ làm chủ đề.

Ban đêm, nhà kỷ niệm dùng đèn ánh sáng lan rộng chiếu sáng, để thu được hiệu quả tráng lệ. Hàng năm ngày 12 tháng 2 sinh nhật Lincoln, trước tượng Lincoln sẽ đặt một vòng hoa. Người ta còn có thể dưới sự dẫn dắt của người hướng dẫn du lịch tham quan hang có măng đá và đá thạch nhũ ở chỗ sâu dưới đất của nhà kỷ niệm. Nhà kỷ niệm Lincoln gần sông Potomac và tòa nhà Quốc hội, bia kỷ niệm Washington liền thành một mảng, phía trước là hồ mỹ lệ. Phía tây nhà kỷ niệm, xuyên qua sông Potomac là cầu kỷ niệm Arlington, bản thân cầu là một tượng trưng cho Nam Bắc hòa giải mà một đời Lincoln hy vọng.



Tượng Lincoln do nhà điêu khắc nổi tiếng Mỹ đương thời Daniel French sáng tác. Khi nhà kỷ niệm lạc thành, nhà điêu khắc 72 tuổi.



MỸ - NĂM 1972 TRỞ VỀ SAU

NÚI RACHMOR

Gezan Boglem dùng thuốc nổ và máy đào đá, xây dựng một đất thánh dân chủ ở vùng núi Blake.





Bốn vị tổng thống từ trên núi đăm đăm nhìn xa.

Trên đá hoa cương núi Rachmor vùng núi Blake tạc nhóm tượng đầu bốn vị tổng thống Mỹ Georges Washington, Thomas Jefferson. Theodore Roosevelt. Abraham Lincoln đăm đăm nhìn thế giới, cao 18 mét. Nghe nói nhà điêu khắc Gezan Boglem rất muốn tạc tượng đầu Theodore Roosevelt bởi vì đôi kính của ông là một sự khiêu chiến đối với kỹ xảo của Boglem.

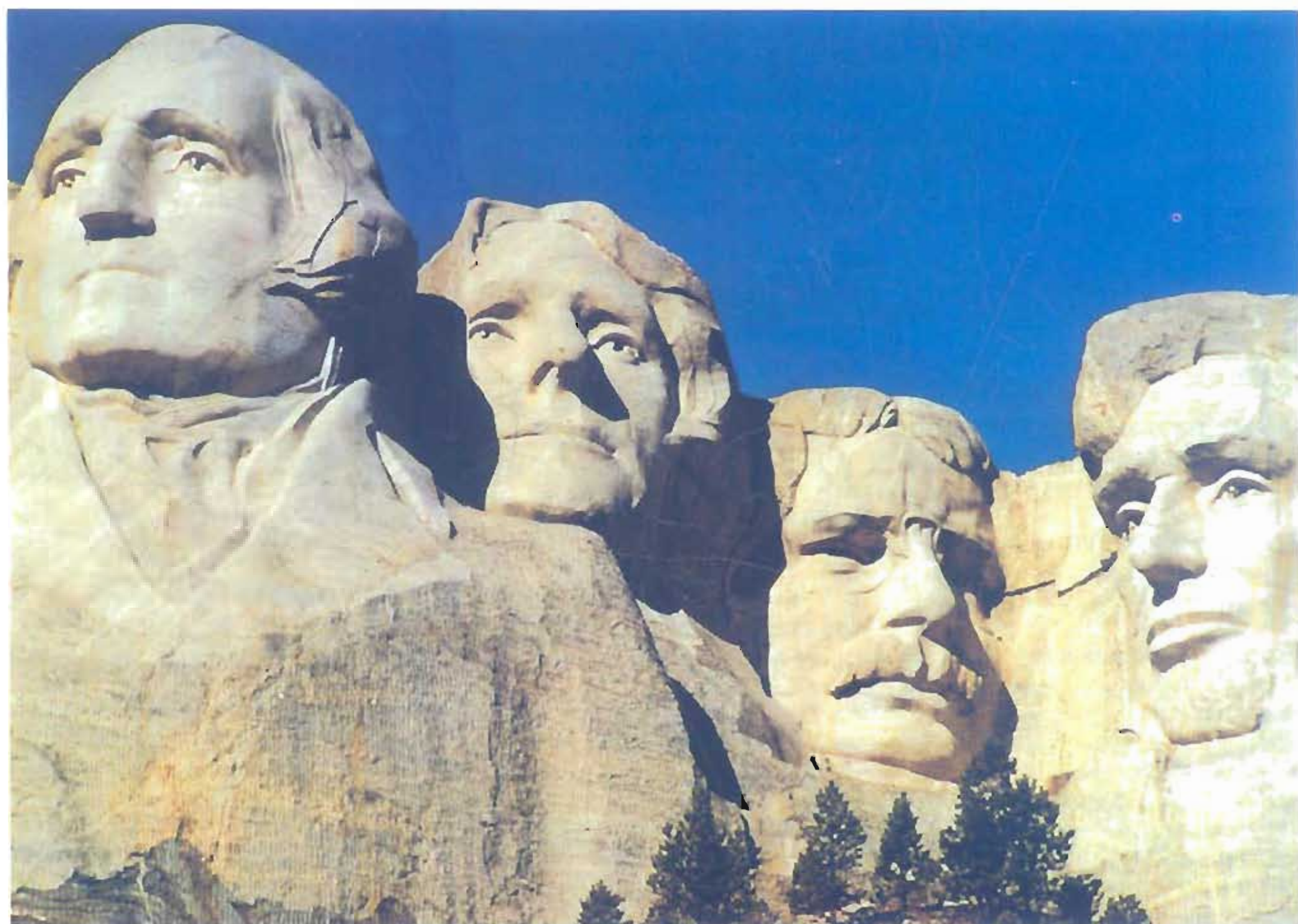
Những người đã xem phim "Bắc, thiên Tây Bắc" của Alfred Hitchcock quay năm 1959, chắc còn nhớ Cary Grant và Eva Saint-Mary trèo lên trên mặt những tượng này, những mặt ấy có tai và mũi khổng lồ khiến người kinh sợ. Người đầu tiên muốn dựng bia kỷ niệm này là một nhà sử học kiêm nhà chính luận ở bản địa, Dorn Robinson. Ông dự kiến tạo một công trình hùng tráng để thu hút càng nhiều khách du lịch đến vùng núi Blake mỹ lệ. Năm 1924, ý định của Dorn Robinson được Boglem chú ý. Boglem quyết định dùng điêu khắc tượng tổng thống khổng lồ để xây dựng một "đất thánh dân chủ". Ông dự tính tạc đến vùng lưng, nhưng công trình này vẫn chưa thể hoàn thành.

Năm 1927 khi Boglem 60 tuổi bắt đầu tiến hành công trình ở núi Rachmor, từ đó ông đem cuộc đời còn lại dồn hết vào đó. Ông người lùn, đầu trọc, làm việc nghiêm chỉnh, tinh lực tràn đầy, có lòng yêu nước, tính thẳng thắn, nhưng lại rất khó cộng sự. Dù vậy, giới thông tin báo chí vẫn ra sức tuyên truyền cho ông, do đó ông được sự thừa nhận của công chúng lớn hơn cái mà một nghệ sĩ đáng có. Ông thiết kế bia kỷ niệm, và chỉ huy một đội ngũ thi công lớn gồm lao công và thợ mỏ ở bản địa. Họ dùng thuốc nổ làm vỡ lớp đá trên bề mặt núi chung quanh đầu tượng rồi dùng đục đẽo gọt tinh tế, trên sàn thi công lắc lư treo người giữa không trung làm việc cần mẫn.

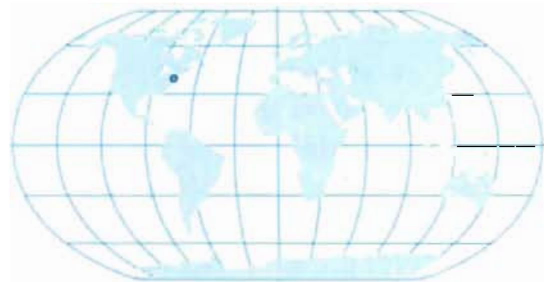
Boglem có rất nhiều cấu tứ lớn lao giống như toàn bộ cái

tên của ông John Gezan D. L. Mathur Boglem vậy (ông có một người em cũng là nhà điêu khắc bia kỷ niệm (ông này khi rửa tội được đặt tên là Solon Hannubal Boglem). Gezan Boglem sinh năm 1867 ở Bel Crick bang Idaho, cha mẹ là di dân đạo Mormon đến từ Đan Mạch, cha ông là một nhà điêu khắc gỗ, sau đó ở thành phố Nebraska hành nghề chữa bệnh. Gezan Boglem được đưa đến học ở một trường nội trú của nhà thờ công giáo La Mã ở Zevil bang Kansas. Ở đây, kỹ xảo hội họa của ông được giáo sư vốn là thành viên Hội Jesuit, khen ngợi. Ông học hội họa ở Paris. Trước khi về Mỹ, ông gặp nhà điêu khắc vĩ đại Auguste Rodin và rất sùng bái Rodin. Năm 1915 ông nhận lời mời tạc tượng đầu khổng lồ của tướng Robert Y. Lee trên núi Ston gần Atlanta bang Georgia. Ông muốn biến công trình này thành một nhóm tượng lớn hơn, dài 0,5km, miêu tả kỵ binh và bộ binh Liên bang miền Nam, bao gồm cả tướng Lee, khắc trên tường đá những nhân vật anh hùng như Jackson và Jefferson Davis cưỡi trên lưng ngựa. Nhưng Boglem và hội đồng không đạt thành hiệp nghị đến nỗi công trình này bỏ dở.

Ở vùng núi Blake, Boglem và sở quản lý công viên quốc gia xảy ra tranh chấp kịch liệt, công trình thường xuyên nhận tiền vốn thiếu thốn và thời tiết xấu mà đứt quãng. Nhưng tượng đầu Washington năm 1930 vẫn hoàn tất; năm 1936 tượng đầu Jefferson hoàn tất; năm 1937 tượng đầu Lincoln hoàn tất; năm 1939 tượng đầu Roosevelt hoàn tất. Năm 1941 Boglem qua đời năm 73 tuổi.



Tượng đầu bốn vị tổng thống ở núi Rachmor. Người nộp thuế ở nước Mỹ gánh vác đại bộ phận phí tổn tạo dựng.



MỸ - XÂY XONG NĂM 1931

EMPIRE STATE BUILDING

Người thắng trong cuộc thi một năm một lần trèo 1860 bậc thềm lên nóc, cần khoảng 20 phút.



Tòa nhà lớn Empire State Building cao vút từng mây tiếng tăm sánh ngang với những vật kiến trúc nổi tiếng trên thế giới như Kim tự tháp và Lăng Taj Mahal, vẫn là tượng trưng cho quyền thế không tầm thường, giàu sức quyến rũ, khiến người hưng phấn của thành phố New York. Hơn nửa thế kỷ nay người đời vững tin nó là vật kiến trúc cao nhất thế giới. Dù cho một số cao ốc khác đã vượt hơn nó, nhưng rất nhiều người vẫn coi nó là tòa nhà chọc trời trong những tòa nhà chọc trời.

Con số thống kê của Empire State Building khiến người kinh ngạc. Nó có 102 tầng cao đến 381 mét. Tháp truyền hình ở nóc lầu khiến tổng chiều cao của nó lên đến 449 mét. Kế hoạch đầu tiên muốn đậu máy bay trên nóc lầu, nhưng ý định ấy vẫn bị gạt bỏ. Tòa nhà lớn này ở đại lộ số 5 New York chiếm đất khoảng 0,8 hecta dù cho tòa nhà lớn nặng đến 33,1 vạn tấn, nền của nó chỉ sâu bằng hai tầng lầu. Nó do đà thép nặng đến 5,4 vạn tấn cứng cáp chống đỡ. Toàn thể tòa nhà lớn dùng 100 triệu viên gạch, tổng chiều dài của dây điện sử dụng khoảng 692km. Có cửa sổ diện tích 2 hecta, lau cửa sổ là một công việc chuyên trách làm cả ngày. Tòa nhà lớn từ tầng đáy đến tầng nóc tổng cộng có 1860 bậc thềm. Cuộc thi trèo lên lầu ở đây mỗi năm tổ chức một lần (thành tích của quán quân là chừng 20 phút lên đến lầu nóc). Trong tòa lầu có trường sở có thể cung cấp cho 1.5 vạn người làm việc, thang máy đông đúc 1 tiếng đồng hồ có thể chở 1 vạn lượt người.



Tranh sơn dầu vẽ Empire State Building đại sảnh bên trong và tranh sơn dầu vẽ bảy kỳ quan lớn thế giới cùng tôn nhau lên.

Do bốn chung quanh tòa nhà lớn công sở mọc tua tủa, muốn từ mặt đất nhìn toàn cảnh tòa nhà lớn là rất khó. Giản khiết, trang nhã là phong cách nghệ thuật của kiến trúc này. Mặt ngoài tường đá màu xám của nó bịt thép không rỉ. Tường ngoài tầng cao tòa nhà lớn theo tầng ngay ngắn thu rút vào. Trong tòa nhà lớn, đại sảnh dùng đá cẩm thạch trang sức dài 30 mét, cao bằng ba tầng lầu. Trên tường đại sảnh treo tranh sơn dầu vẽ tòa Empire State Building. Đại sảnh triển lãm kỷ lục thế giới Guiness và ảnh những người giữ kỷ lục.

Thang máy nhanh chóng đưa người lên bao lơn ngắm cảnh ở tầng thứ 86 và tầng 102. Cảnh sắc đẹp mắt mà cảnh đêm mỹ lệ của thành phố này càng khiến người tấm tắc khen ngợi.





(Trên và phải)
Tòa nhà chọc trời Empire State Building giản khiết, cân đối, tầng lầu phía trên thu vào trong một cách ngay ngắn, hoàn mỹ.

Lấy tên bang New York (hỗn danh Empire State) đặt tên, tòa kiến trúc do Shirif, Hamon và Ramm cùng thiết kế này hao tốn 410 triệu đô la (thấp hơn dự toán xa). Tốc độ thi công của nó cũng chưa từng bị vượt qua. Một tuần lễ lên cao bốn tầng rưỡi, trong một đoạn thời gian bận rộn khích động lòng người, trong 10 ngày lên cao 14 tầng rưỡi. Ngày mồng 1 tháng 5 năm 1931, Empire State Building chính thức mở cửa, nhưng do lúc bấy giờ nước Mỹ chịu ảnh hưởng của kinh tế tiêu điều, trường sở làm việc của Empire State Building không dễ có người mướn. Trường sở làm việc của Empire State Building từ khi bắt đầu gọi cho mướn đến khi toàn bộ được mướn phải mất chẵn mười năm.

Năm 1933 tòa nhà lớn xuất hiện một sự kiện tự sát đầu tiên. Năm ấy phim kinh điển "Kim cương" được chiếu có cảnh như sau: vượn lớn sau khi đánh lui cuộc tấn công của máy bay nép chặt vào tòa nhà Empire State Building, cái đó khiến Empire State Building in sâu vào óc khán giả. Một ngày sương mù dày đặc năm 1945, một máy bay đâm vào tầng lầu thứ 79, tạo thành 14 người chết và tổn thất kinh tế 1 triệu đô la.

TÒA NHÀ CHỌC TRỜI Ở MỸ

TỪ VỰNG TÒA NHÀ CHỌC TRỜI VÀ BẢN THÂN TÒA NHÀ CHỌC TRỜI ĐỀU LÀ PHÁT MINH CỦA NGƯỜI MỸ NHỮNG NĂM 80 THẾ KỶ 19

Trên thế giới không có thành thị nào có nhiều tòa nhà chọc trời phong cách lạ lùng khiến người thán phục bằng New York. Đường phố chủ yếu của thành phố trừ một khe hở dài ở bầu trời trên đầu ra, giống như khe sâu không thấy ánh mặt trời chìm sâu bên dưới những tòa nhà chọc trời đồ sộ không phải là New York mà là Chicago mới có hơn 100 năm lịch sử.



Trung tâm Thương mại Thế giới (World Trade Center) ở New York và những kiến trúc bên cạnh nó.

Sự hưng khởi của tòa nhà nơi làm việc cao tầng và cao ốc chung cư bước đầu không thể không dựa vào sự phát triển của thang máy. Nếu không có một phương pháp có thể khiến người cư trú trên lầu cao có thể lên lên xuống xuống, thì đặt kế hoạch xây dựng một tòa nhà sáu tầng lầu cũng vô dụng. Sử dụng máy đưa lên đưa xuống vận chuyển vật phẩm đã có đến vài trăm năm rồi. Nhưng do dây thừng có khi sẽ đứt, cho nên cung cấp cho người đáp là không an toàn. Ilesa Gates Otis giải quyết vấn đề khó khăn này, ông phát minh một thứ trang trí dù cho dây thừng xảy ra trở ngại, thang máy trong lò đứng vẫn có thể an toàn vận hành. Năm 1854 ông trình bày trang trí này ở New York.

LAO LÊN CHIỀU CAO

Tính khả năng của việc xây dựng kiến trúc cao tầng kết cấu thép đã được chứng thực ở Châu Âu. Cái nổi tiếng nhất là cung điện thủy tinh ở Luân Đôn xây dựng cho Hội chợ thế giới năm 1851. Nó là một vật kiến trúc cao lớn xây dựng bằng pha lê và thép rất tráng lệ. Nhu cầu với đất dùng cho công sở trong thành phố chủ yếu của Mỹ không ngừng tăng lên, thúc đẩy rất lớn nhu cầu đối với kiến trúc cao tầng.

Những năm 80 thế kỷ 19 sự phồn vinh về thương nghiệp của Chicago càng tăng lớn nhu cầu này, một kiến trúc sư chủ yếu ở bản địa William Le Baron thiết kế cao ốc cho công ty bảo hiểm Homme, lầu cao 10 tầng. Bộ khung kết cấu thép không chỉ chống đỡ tầng lầu mà còn chống đỡ tường ngoài, là sáng tạo đầu tiên trong lịch sử, nó mở đường cho việc tạo nhà lầu cao hơn. Trong 10 năm sau đó Chicago lại xây dựng gần 20 cao ốc 12 tầng hoặc cao hơn nữa.

Louis Sullivan, một ngôi sao buổi sớm trong phát triển tòa nhà chọc trời, làm việc ở công ty Janney một quãng thời gian rất ngắn rồi một mình đứng ra xây dựng cơ nghiệp. Ông là con trai một giáo sư vũ đạo di dân Ireland ở Boston, năm 1873 di cư đến Chicago. Năm 1889, Louis và người đồng bạn hợp tác với ông Dankmar Adler xây dựng tòa nhà lớn hội nghị và dọn vào ở tầng 16, nhân đó mà chiếm dụng một chỗ làm việc cao nhất Chicago hồi bấy giờ (kiến trúc sư Frank Lloyd Wright hồi đó mới chỉ là một người học việc trẻ tuổi ở đây). Sullivan tiếp tục thiết kế cao ốc Wenwright 10 tầng lầu, năm 1891 xây xong ở St. Louis. Tòa cao ốc cố ý nhấn mạnh đường vuông góc và một hiên lồi ra ở phía trên rầm đỡ giữa tinh xảo của nóc lều, để lại cho người ta ấn tượng sâu sắc. Ông còn thiết kế tòa cao ốc Guirenti 16 tầng xây ở Buffalo. Nhưng con người Sullivan không dễ cộng tác, việc làm ăn của ông sa sút. Khi ông qua đời năm 1924, đã ở vào cảnh nghèo túng.

Đầu thế kỷ 20, nhân khẩu New York tăng nhanh, giá đất không ngừng vọt lên, thúc đẩy nhu cầu đối với nhà cao tầng.

Các kiến trúc sư tạo lầu lớn ngày càng cao hơn, phong cách bắt nguồn từ kiến trúc quá khứ. Năm 1902 một trong những lầu cao xây dựng tại thành phố này, tòa cao ốc Frantaren 21 tầng hình tam giác, bảo lưu phong cácb kiến trúc thời Phục Hưng. Năm 1909 xây dựng tòa cao ốc công ty bảo hiểm nhân thọ Đại đô hội cao 213 mét, lấy tòa lầu lớn Saint Marc ở Venise làm hình mẫu. Năm 1913 tạo tòa cao ốc Woolworth nóc nhọn hình chùy 52 tầng (cái cao nhất thế giới hồi bấy giờ) xem ra giống một giáo đường lớn kiểu gothique.

SỨC QUYẾN RŨ CỦA KHÔNG TRUNG

Ý nghĩ xây dựng kiến trúc đủ sức tranh giành là "cái cao nhất thế giới" có sức quyến rũ nhất định. Tòa cao ốc Chrysler có phong cách nghệ thuật trường phái "Trang sức" được yêu thích, do kiến trúc sư William Von Allen xây dựng năm 1930. Người hợp tác với ông trước đây, H. Craig Sefrence được giao thiết kế tòa cao ốc ngân hàng Manhattan cao nhất thế giới ở phố Wall. Von Allen đã thiết kế bản vẽ kiến trúc



Tòa cao ốc Sears ở Chicago.

nhưng ghi chép về công trình này chỉ bảo trì vài phút, bởi người mưu cao như Von Allen giấu chỏm nhọn của nhà chọc trời ở bên trong lầu, vào lúc tòa cao ốc Sefrence thiết kế xây xong, Von Allen mới để chỏm nhọn vươn ra nóc nhà, nhân đó mà vượt quá chiều cao 317 mét của Sefrence. Nhưng kiến trúc của Von Allen lại bị tòa Empire State Building thay thế.

Sau năm 1946 những nhà thực tiễn kiệt xuất nhất của phong cách hiện đại quốc tế đã thiết kế quần thể nhà chọc trời New York. Có thể cái nổi tiếng nhất là tòa cao ốc Sigram 38 tầng đường nét phân minh trên đại lộ Park do Mier Van der Roche và Filippo Johnson chung sức xây dựng. Năm 1973 tòa cao ốc Sears 110 tầng cao 443 mét nặng nề ở Chicago thành kiến trúc cao nhất thế giới. Dây ăng ten truyền hình ở chót đỉnh khiến chiều cao lên tới 520 mét. Nó có 1,6 vạn cửa sổ, chứa đựng 16700 người.

Nhưng ý kiến phản đối kiến trúc hộp thủy tinh không chút đặc sắc, rải rác khắp nơi trên thế giới, càng lúc càng mạnh. Những năm 80 thế kỷ 20, thiết kế của các nhà kiến trúc càng hay đẹp, càng ít giống nhau. Quần thể kiến trúc cao tầng trung tâm thành phố Los Angeles là một thí dụ. Năm 1983 Filippo Johnson và John Berge xây dựng cao ốc AT & T 40 tầng ở đại lộ Madison thành phố New York, đường nét khuôn dáng nóc nhà xem ra giống một tủ sách thế kỷ 18. Tường đầu hồi, giống như nền thống trị chuyên chế, không tồn tại nữa.



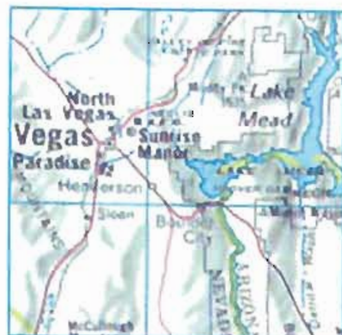
Hình dáng khoảng trời thành phố Dallas ngày nay, phong cách mỗi kiến trúc một khác, khiến người thích thú.



MỸ - XÂY DỰNG XONG NĂM 1936

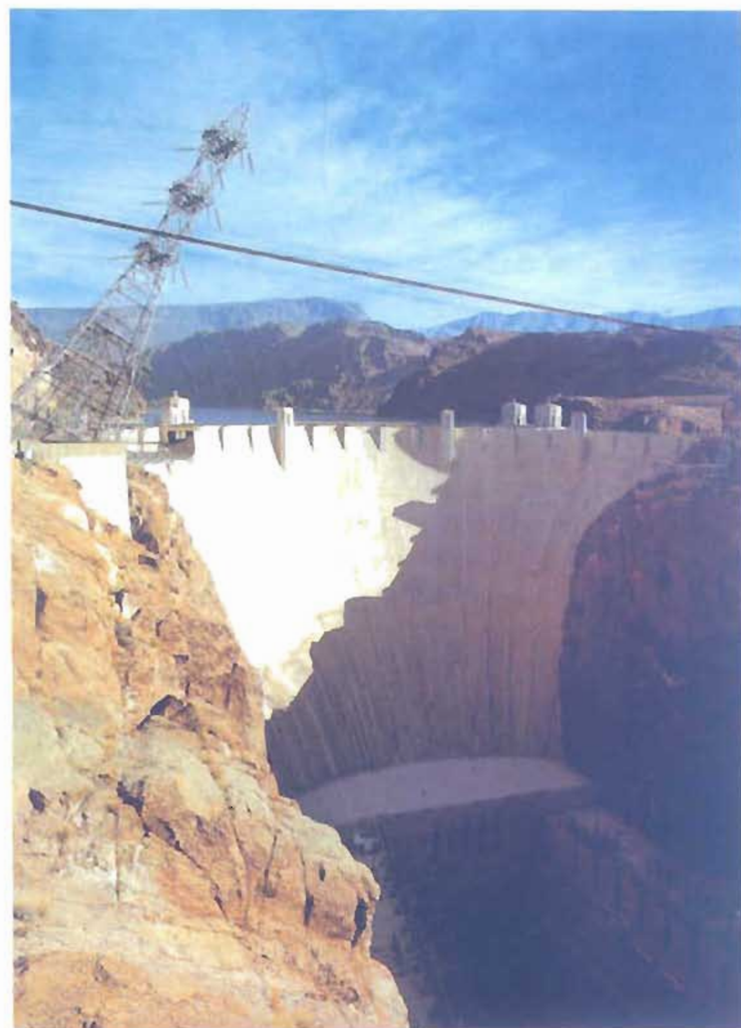
ĐẬP NƯỚC HOOVER

Một đập nước bằng xi măng khổng lồ chế ngự sông Colorado cứng cỏi ngang bướng.



Sông Colorado rộng lớn toàn chiều dài 2333km, nó tưới cho 1/12 ruộng đất nước Mỹ. Nó từ đầu nguồn thượng lưu dãy núi Rocheuses hướng về tây nam xuyên vượt sông Colorado, Utah và chảy qua khe sâu lớn, lại chảy vào bang New Mexico, cuối cùng trước khi rót vào vịnh California, thành sông ranh giới giữa bang Arizona và bang Nevada, sau đó lại thành sông ranh giới giữa bang Arizona và bang California.

Sông Colorado là một con sông không thể đoán trước được, nó thường xuyên tràn ngập. Năm 1905 nó đột nhiên hoàn toàn thay đổi đường sông, hình thành hồ Sorton 77 kilômét vuông, và đe dọa bị dìm ngập đối với lòng sông Inpiril bang California. Để khống chế dòng sông này và cải thiện điều kiện tưới nước, đồng thời cũng để dùng nó phát điện, nhà đương cục quyết định ở đoạn sông giáp giới bang Arizona và bang Nevada xây dựng một đập nước lớn. Năm 1928 quốc hội xuất khoản tiền, công trình khởi công vào năm 1931. Tổng thống lúc bấy giờ Herbert Hoover hết sức quan tâm đến đập nước, nhân thế đập nước lấy tên ông đặt tên. Năm 1936 công trình xây



Đập nước cao bằng 70 tầng lầu này là đập nước lớn nhất xây dựng đương thời. Vật kiến trúc bê tông cốt thép này là một trong những công trình vĩ đại nhất thế kỷ 20.



Đập nước phía sau là hồ Mead. Cung cấp nước cho Los Angeles và đất thánh lowe và cung ứng điện cho ba tiểu bang.



xong, nhưng trong lễ lạc thành chính thức cử hành, tổng thống Roosevelt gọi nó là đập nước Borde, cái tên này dùng mãi đến năm 1947, về sau quốc hội lại khôi phục tên cũ của nó.

Hồi bấy giờ nó là đập nước lớn nhất đã xây thành, một kiến trúc xi măng khổng lồ 250 vạn mét khối. Xây dựng đập nước này đã đào 820 vạn tấn nham thạch, vật liệu thép dùng cho đập tương đương với số lượng Empire State Building dùng. Nền đập dày 201 mét, đập cao 221 mét hoặc giả nói cao suýt soát bằng một tòa nhà chọc trời cao 70 tầng. Đo dọc theo vùng nóc dài 379 mét, nóc đập dày 14 mét. Chỗ dựa sát vào mặt bắc đập nước đã thành hồ Mead, nó là một trong những kho nước nhân tạo lớn nhất thế giới, hiện ra hình răng cưa không có quy tắc, dài 177km, tuyến bờ hồ dài 1323km. Do sở quản lý công viên quốc gia quản lý, là trường sở vận động của thuyền buồm, thuyền chèo và các vận động trên nước khác.

Ở mặt bắc hồ Mead là một công viên quốc gia sa thạch đỏ rộng lớn 14165 hecta. Gọi tên như vậy là bởi vì sa thạch màu đỏ như lửa ở đây từ màu đỏ quít dần dần dần biến thành màu tím nhạt êm dịu. Mưa gió xâm thực, sa thạch bị đẽo gọt thành dạng lọng tròn, dạng tổ ong và các hình trạng lạ lùng độc đáo khác, bao gồm một tạo hình đặc biệt khiến người chú ý. Nó xem ra giống như đầu và vòi của voi lớn. Có một số sa thạch trên có điêu khắc và hội họa thần bí của người Anasaji tổ tiên của người Indian Pueblo ngày nay, sáng tác mấy thế kỷ trước. Họ ở trong những hang núi trên vách đá cheo leo mà nổi tiếng xa gần. Dấu hiệu trên đá núi là một thứ ngôn ngữ, hay là một hình thức địa đồ? Không thể nào biết được. Một vạn người hoặc nhiều hơn từng cư trú trong một thành thị gần bờ sông Mady đã biến mất, một bộ phận đã bị hồ Mead che lấp, ở đây có một viện bảo tàng sản phẩm thủ công của người Indian.

Khoảng 4000 người xây dựng đập nước Hoover ở thị trấn Borde. Đó là một khu làng xã xinh xắn dễ chịu, gồm đủ đặc sắc của thành thị và thôn quê. Nó chuyên xây dựng để tách những người lao công khỏi khu Las Vegas xa hoa phè phỡn. Nghe nói người phụ trách công trình này từng tuyên bố: "Las Vegas là nơi không thích hợp cho người ta cư trú".



MỸ - XÂY DỰNG XONG NĂM 1937

CẦU LỚN GOLDEN GATE

Tượng trưng cho San Francisco; cầu lớn Golden Gate tạo hình màu vàng quít sẫm làm tôn vẻ đẹp, là một trong những cầu kéo nghiêng dài nhất thế giới.





Cầu nâng tháp cầu sơn "màu da cam quốc tế" và dây kéo, tắm trong ánh mặt trời. Tản bộ trên cầu là một hạng mục du lịch được hoan nghênh.

Ngày 27 tháng 5 năm 1937 cầu lớn Golden Gate (Cửa Vàng) nối liền San Francisco và huyện Malin thông xe, những người từng nói cây cầu này không thể dựng được đều câm họng. Nhưng cây cầu này đúng là rất khó dựng, trong 4 năm xây dựng cầu dài 2,7km, công nhân bắc cầu trải đủ gian nan vất vả, chiến thắng sóng lớn, dòng nước chảy xiết và sương mù dày đặc, rất nhiều người thương vong.

Cây cầu này do công trình sư Joseph Strauss thiết kế. Cố vấn kiến trúc Oven Noro trợ thủ cho ông giới thiệu tường tận với ông nghệ thuật phái trang sức. Trong thời gian dài đến hơn 20 năm, khẩu độ của cầu lớn Golden Gate là lớn nhất thế giới. Thân cầu giữa khoảng hai tháp cầu khoảng cách là 1280 mét, tháp cầu cách mặt nước cao nhất 227 mét. Nền tháp cầu phía Nam là bộ phận nguy hiểm nhất của công trình này. Khi xây dựng đệm chạm bê tông khổng lồ cung cấp cho cửa ụ kiểu hòm nổi chìm xuống, công nhân bắc cầu trên xà lan thi công, sóng lớn nâng họ lên lại ném họ xuống.

Hai tháp cầu đã định vị, các công nhân lại phải trèo lên đường thông hẹp treo lơ lửng giữa khoảng hai tháp cầu, để cố định dây treo. Mỗi dây bằng thép đường kính là 93cm, do 27572 sợi dây thép quấn thành. Cường độ của cầu khiến người kinh sợ, mỗi tháp cầu phải từ trên mỗi sợi dây thép chịu đựng phụ tải nặng vuông góc 9,5 tấn,

mà mỗi gối thả neo ở bờ biển phải chịu sức chịu lực kéo 28500 tấn.

Bắt đầu từ khi mới xây dựng, cầu lớn Golden Gate vẫn được sơn màu được gọi là màu da cam quốc tế. Màu đỏ hoặc màu da cam được coi là một thứ màu truyền thống của vật kết cấu thép. Nó là do một thứ vật chất phòng rỉ truyền thống, chỉ màu đỏ thêm vào trong sơn dầu điều chế thành. San Francisco thường bị sương mù bao phủ, thứ màu sắc này giúp cho việc nâng cao độ nhìn thấy được của cầu lớn Golden Gate. Người ta phát hiện do tác dụng của sương mù dày đặc thứ sơn dầu truyền thống này dễ phân hủy, phá hoại môi trường chung quanh. Do đó người ta tiến hành nghiên cứu siêng năng không mỏi mệt, phát minh ra một cách pha chế sơn dầu vô hại. Nó bảo lưu được màu da cam được người ta quen thuộc, hoan nghênh rộng rãi. Mà khi tiến hành công tác này, một bộ phận cầu không thể không bị sơn màu xám, bởi trái với truyền thống nên không được người ta vui vẻ tiếp thụ.

Cầu lớn Golden Gate ban đầu do phát hành phiếu công trái 350 triệu đô la tập hợp tiền vốn để xây dựng, đã thành tượng trưng chủ yếu của San Francisco. Mỗi ngày có 120500 chiếc xe chạy qua cầu, sản sinh tiếng ồn và mang lại ô nhiễm, nhưng lối người đi trên cầu vẫn khiến người ta lưu luyến quên về. Rất nhiều đạo diễn điện ảnh chọn cảnh cầu Golden Gate. Năm 1987 trong lễ kỷ niệm lần thứ 50 xây xong cầu Golden Gate, toàn tuyến cầu lớn cấm xe chạy, tất cả những người tham gia hoạt động kỷ niệm đều có thể đi qua cầu. Vừa hay người đến tham gia hoạt động kỷ niệm quá nhiều, chủ ý không sát thực tế thậm chí nguy hiểm này không thể không vứt bỏ.

Cầu lớn bắc qua Golden Gate. Golden Gate, vực nước ngập đất liền bao vây, một trong những bến cảng thiên nhiên an toàn nhất, nó giải thích lịch sử San Francisco coi như là bến cảng chủ yếu.



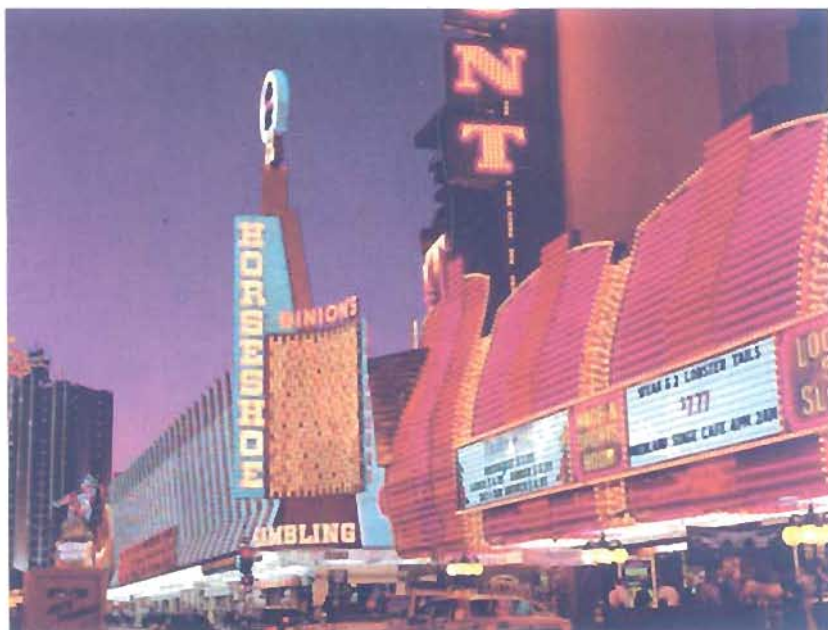


KHU ĐẤT HẸP LAS VEGAS

Nó sẽ thành một trong những nơi vui chơi giải trí lừng lẫy nhất thế giới.

Bagg Sigil *(năm 1946)*





Trang sức đèn nê-ông hùng vĩ nhất thế giới.

Thành phố sòng bạc sáng chói của nước Mỹ là một nơi vui chơi giải trí phù hoa của người thành niên, cũng là mẫu mực của kiến trúc thương nghiệp lừng lẫy tiếng tăm. Rất nhiều lầu tháp và mái khum kỳ hình quái trạng của khách sạn và sòng bạc Casino đứng sừng sững bên khe sâu nước chảy xiết ánh sáng lấp loáng của khu đất hẹp Las Vegas. Rất nhiều cửa hàng bán đồ vật cỡ lớn, cửa hiệu ăn nhanh Hamburg và giáo đường dùng để tổ chức hôn lễ. Khu này đánh bạc thâu đêm suốt sáng. Khi chơi "ăn đồng cắc" trong máy đánh bạc, bạn có thể được 10 triệu đô la. Khi ném xúc xắc hoặc đánh bạc bàn xoay vòng tròn, bạn có thể gặp vận đỏ.

Las Vegas tự hào về việc trang sức bằng tất cả những đèn nê ông chói lòa nhất trên thế giới. Biển hiệu cỡ lớn đủ mọi màu sắc tỏa ánh sáng kỳ lạ. Bắt đầu từ năm 1958, khai trương khách sạn Sands mặt chính quay ra phố đèn màu hồng nhạt và màu xanh da trời như thác rót xuống chẳng khác nào trời sao rực rỡ, ánh sáng màu sắc tuôn tràn ngoài 55 cây số còn có thể nhìn thấy. Quán rượu đoàn xiếc dùng một biển quảng cáo thể hiện một nữ diễn viên ca vũ và một anh hề miệng ngậm cây kẹo cao 38 mét để chiêu khách. Trong quán rượu, trong vật kiến trúc hình trạng giống như lều bạt lớn, từ sáng sớm đến nửa đêm đều có biểu diễn xiếc miễn phí, còn có một nơi vui chơi giải trí biểu diễn đủ các loại trò chơi phong vị cổ xưa, đương nhiên còn có sòng bạc Casino. Ấn tượng chung về ban đêm ở khu đất hẹp Las Vegas có thể khái quát là "đại chiến đèn nê-ông".

Đất hẹp là bộ phận vươn dài ra của đường lớn Nam Las Vegas, từ khu chợ náo nhiệt đến phố lớn trang viên nhà ở về phía nam, dài 6km. Rất nhiều sòng bạc Casino noi theo kinh nghiệm thành công của Walt Disney, thâu lượm chủ đề giàu sức tưởng tượng của nó để

trang sức thành công nhất là Cung Caesar (nó không thuộc về một cá nhân nào - nó thuộc về đại chúng, không chỉ là của Caesar), bắt đầu mở cửa từ năm 1966. Phía trước Cung Caesar là khải hoàn môn, cột kiểu corinthe của nó chống lên một tường tam giác trang sức rất nhiều điêu khắc. Trong cung ngoài sòng bạc Casino hấp dẫn, còn có hoa viên kiểu La Mã, một pho tượng "David" của Michelangelo phục chế cúi nhìn xuống trung tâm mua đồ vật. Một đường đi tự động chở bạn xuyên vượt đi qua một khu vận dụng tranh ghi lại toàn diện và hiệu quả chiếu radium khiến cho thành Cổ La Mã sống lại và một sàn nhảy được gọi là du thuyền cỡ lớn của Cleopatre. Những người gác cửa hóa trang thành quân nhân La Mã, nữ chiêu đãi viên đều mặc áo toga rộng mà thị dân Cổ La Mã mặc.

"Thần kiếm của vua Arthur", khách sạn lớn nhất thế giới khai trương năm 1990 có 4000 gian phòng, 4000 công nhân viên, 7 nhà ăn, 1 sòng bạc 300 mét vuông ngoại hình giống thành lũy Trung thế kỷ, còn có một xóm bán đồ vật phong vị Trung thế kỷ Âu Châu và một "bờ khu vui chơi giải trí". Quán ảo cảnh Milachi tốn vốn hơn 600 triệu đô la, khai trương năm 1989. Ở đây có rất nhiều cây cọ, thực vật nhiệt đới, hồ tuôn nước và một thác cao 15 mét, đằng sau tường pha lê còn có thể nhìn thấy những con cọp trắng quanh quẩn. Trên nóc nhà Aladin tay cầm đèn thần, kèm theo còn có bối cảnh đất thánh và nữ chiêu đãi viên mặc trang phục vũ nữ nhảy múa để hở bụng, dùng phong cách

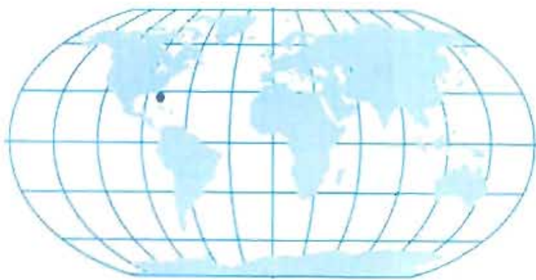


Một trong những phát minh xa xỉ nhất, hùng vĩ nhất của Las Vegas: Lầu cửa cung Caesar.

Maures biểu hiện chủ đề trong "Nghìn lẻ một đêm". Ở Tropicana, bạn có thể vừa bơi vừa đánh bạc. Trong bể bơi có thể chơi bài 21 điểm. Một máy sấy khô giấy bạc có thể dùng để sấy khô tiền giấy bị ướt.



Trang sức đèn nê-ông hùng vĩ nhất thế giới.



MỸ - BẮT ĐẦU XÂY DỰNG NĂM 1949

TRUNG TÂM DU HÀNH VŨ TRỤ KENNEDY

Nơi này là nơi phi công vũ trụ rời trái đất lên mặt trăng. Nó lấy tên tổng thống Kennedy để đặt tên, bởi vì ông ra lệnh cho họ lên mặt trăng.



Ngày 25 tháng 5 năm 1961, tổng thống John Kennedy trong văn kiện đề xuất với quốc hội, tuyên bố Mỹ phải đưa người lên mặt trăng trước khi kết thúc những năm 60. Tuyên bố ấy phát biểu hơn 1 tháng sau khi phi công vũ trụ Liên Xô (cũ) Youri Gagarine hoàn thành chuyến bay đầu tiên chở người vòng quanh trái đất. Toàn bộ những năm 60 và đầu những năm 70, mỗi lần bắn tên lửa vũ trụ lên mặt trăng, mũi Canaveral bang Florida thành trung tâm chú ý của hàng triệu người trên thế giới. Sau khi tổng thống Kennedy bị mưu sát, đem tuyên ngôn của ông biến thành hiện thực càng thành chuyện có liên quan đến danh dự quốc gia. Nơi hoàn thành sứ mệnh này cũng được đặt tên là mũi Kennedy. Năm 1979 đến nay, căn cứ vào nguyện vọng của dân chúng bản địa, tên của nơi này lại được đổi về tên mũi Canaveral, nhưng trung tâm du hành vũ trụ Kennedy vẫn là bia kỷ niệm tổng thống, tính kỷ niệm rất thích hợp ở đây, bởi vì ông quyết tâm muốn khiến người Mỹ lên mặt trăng.

Khu vực mũi Canaveral bang Florida trước khi được chọn là bãi bia thí nghiệm tên lửa quân sự năm 1949 đã là căn cứ không quân Mỹ. Đó là một vùng đầm lầy gần biển, cách xa nơi người ở đông đúc. Năm 1962 theo với sự tăng trưởng thế mạnh của kế hoạch thăm dò mặt trăng, cục hàng không vũ trụ quốc gia Mỹ tiếp thu một vùng đất 550,850 hecta đảo Manrida miền bắc mũi Canaveral, trung tâm du hành vũ trụ Kennedy xây dựng ở đây. Kế hoạch lên mặt trăng Apollo từ năm 1961 đến năm 1972 kéo dài đến 11 năm, đảo Merritt là nơi tên lửa cất cánh. Ở nơi này từng có 6 lần phóng đổ bộ lên mặt trăng thành công. Mà con tàu du hành vũ trụ sau đó nghiên cứu chế tạo cũng phóng lên từ đảo Manrida, do đó mà sức chú ý của thế giới lại lần nữa tập trung vào mảnh đất này ở bang Florida.



Tên lửa đang "nghỉ ngơi".

Trung tâm du hành vũ trụ Kennedy hiện đã mở ra cho công chúng tham quan. Tuy một bộ phận khá nhiều chỉ có thể ngồi trong xe du lịch xem, nhưng được nhìn những cái đó

đã là một chuyện hết sức thú vị. Trạm cuối cùng của cuộc tham quan được gọi là căn cứ hàng không vũ trụ Mỹ, trong đó bao gồm một viện bảo tàng - triển lãm một tên lửa vút ra bên ngoài trái đất bay vài dặm Anh lại bay về trái đất mà gọi là việc bảo tàng quả là kỳ quái.

Ở đây có sự miêu tả tường tận và tranh ảnh thuyết minh lịch sử thăm dò không gian. Người tham quan có thể nhìn thấy rất nhiều dàn phóng con tàu vũ trụ. Bộ phận kinh người nhất của toàn bộ quần thể kiến trúc là tòa lầu lớn lắp đặt tên lửa vận tải (Vehicle Assembly Building), tất cả mọi công tác trước khi phóng của kế hoạch du hành vũ trụ Apollo được tiến hành ở đây. Khi toàn bộ những công tác này hoàn thành, tên lửa do một máy vận chuyển dây xích khổng lồ tốc độ mỗi tiếng đồng hồ 3,2km, đưa lên bệ bắn. Tòa lầu lớn lắp đặt này hiện nay vẫn phục vụ cho con tàu vũ trụ. Nó chiếm đất 3 hecta, cao 160 mét.



Máy vận chuyển khổng lồ từ từ di động về phía bệ bắn.

Tuy thông thường trong khoảng thời gian bắn, trung tâm du hành vũ trụ cấm chỉ tham quan, không khí của toàn bộ trình tự công tác và tình cảm hưng phấn để thể hiện đầy đủ trong một bộ phim quay cảnh phi công tàu vũ trụ tập luyện và vận dụng bắn lên thực. Bộ phim này chiếu trên màn hình khổng lồ khiến khán giả cảm thấy chính mình ở ngay trong cảnh.

Tên lửa vũ trụ trưng bày ở Trung tâm hàng không vũ trụ Kennedy.



MEXICO - XÂY DỰNG NĂM 1964

VIỆN BẢO TÀNG QUỐC GIA NHÂN LOẠI HỌC

Hàng ngàn vạn người trên hòn đá tế bị giết hại coi như vật tế.




Mui che bằng bê tông do một cây cột chống đỡ trong vườn.

Tại Châu Mỹ La tinh, quốc gia nhiệt tình nhất đối với phong cách kiến trúc hiện đại phải kể đến Mexico và Brazil. Kiến trúc Mexico càng đầy táo bạo. Những năm 30 thế kỷ 20, các nhà kiến trúc trẻ Mexico chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của Le Corbusier. Kiến trúc sư Fisk Ketra là một nạn dân trốn thoát ách thống trị phát xít Tây Ban Nha năm 1939 đến ở Mexico. Kiến trúc bê tông ông thiết kế giàu tinh thần mạo hiểm.

Một trong những kiến trúc sư có danh vọng nhất của Mexico sau chiến tranh Pedro Ramirez Backs thiết kế viện bảo tàng quốc gia nhân loại học (ông còn thiết kế giáo đường Guadeloupe gần đây mới xây xong). Viện bảo tàng dựng ở công viên Chapulopec này mở cửa vào năm 1964. Đây là một kiến trúc hai tầng lầu hiện đại, mặt chính dựng đá hoa cương chưa trải qua gia công xây thành, bốn chung quanh đình viện hình chữ nhật trong vật kiến trúc là hàng lang tranh. Một cái mui hình ô giống như cái nấm che một phần mưa gió của đình viện này. Cái mui này do một cây cột xi măng chống đỡ. Nghe nói đó là cây cột đơn độc chống đỡ diện tích lớn nhất trên thế giới.

Diện tích viện bảo tàng này 9300 mét vuông, có vật tàng trữ trước khi người Tây Ban Nha đến Tân đại lục, không gì so sánh nổi, được công nhận rộng rãi là viện bảo tàng đặc sắc nhất Mexico, cũng đúng là thuộc vào một trong những viện bảo tàng đặc sắc nhất trên thế giới. Vật triển lãm trưng bày khéo đẹp. Tuy có thuyết minh tiếng Anh, nhưng toàn bộ những vật triển lãm rất có sức hấp dẫn, ở đây còn có phục vụ tham quan hai tiếng đồng hồ giải thích các bộ phận tinh hoa của nó bằng các thứ ngôn ngữ.

Cũng có thể cái đặc sắc nhất phải kể đến hòn đá tế khiến

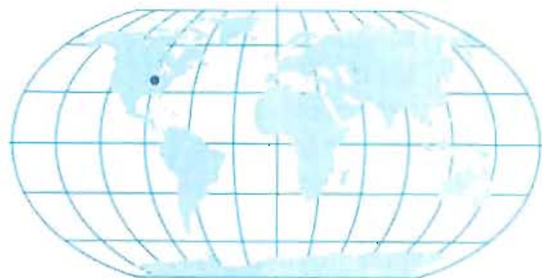
Một trong những Thần Rắn có lông vũ ở Tula.

người rởn tóc gáy. Tư tế của người Aztèque trong nghi thức tôn giáo từng giết người trên hòn đá này để tế thần linh. Người chịu nạn nằm thẳng ngửa mặt trên hòn đá tế, năm tư tế chia ra nắm đầu, hai cánh tay và hai chân y, một tư tế cầm dao sắc nhọn mổ ngực y, móc ra quả tim còn đang đập, giơ về phía mặt trời. Hàng ngàn vạn người chết như vậy trên hòn đá này.

Vật triển lãm khác thu hút người chú ý bao gồm "đá lịch" nổi tiếng, nó thành tượng trưng cho văn minh Aztèque. Đó là một tảng đá đen khổng lồ, trọng lượng vượt quá 24,4 tấn, từ một bãi khai thác đá ở ngoài thành kéo vào thủ đô Aztèque thành Tenochtitlan. Độ cứng rắn của đá rất cao, kỹ thuật điêu khắc tinh xảo, bởi thế đến nay những chỗ tinh tế của nó vẫn có thể nhận ra. Khoảng giữa là tượng đầu Thần Mặt trời, chung quanh đầu tượng có rất nhiều vòng tròn đồng tâm, bên trên có phù hiệu đại biểu cho ngày và tháng và điểm la bàn. Trong viện bảo tàng còn có tượng điêu khắc các thần Mexico cổ đại, thần rắn có lông vũ cũng ở trong số đó. Còn có hàng loạt cổ vật đào được trong giếng tế từ Teotihuacan và Chichen-Itza, đầu tượng đá lớn ở khu vực Uxmal, trang sức đầu lông vũ, đồ gốm, vũ khí, châu báu và một cuốn tranh vẽ đền miếu khu vực Bonanpak. Ngoài ra, viện bảo tàng còn trình bày sinh hoạt thổ dân Mexico thời trước.

Tượng Thần Mưa Tralauk của người Aztèque

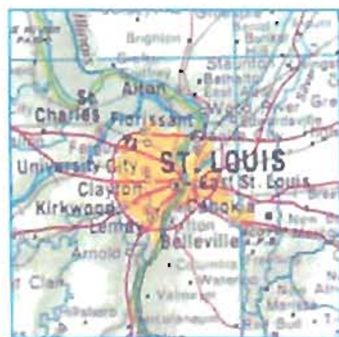




MỸ - XÂY DỰNG XONG NĂM 1965

CỔNG VÒNG CUNG

Cổng vòng cung cao vút tầng mây lưu lại niềm khích động chinh phục miền Tây.

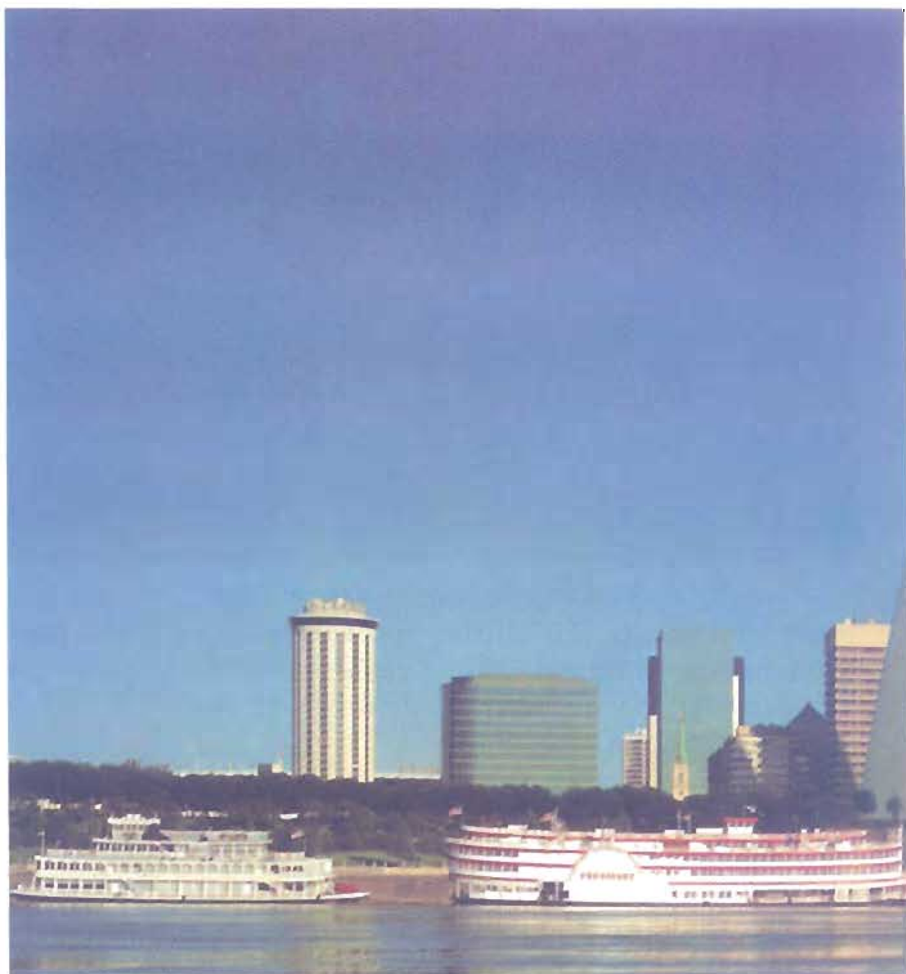


Cổng vòng cung (Gateway Arch) là một cửa lớn cao vút tầng mây chế bằng thép không rỉ sáng lấp lánh mang tính tượng trưng, để kỷ niệm thời kỳ khai hoang St. Louis từng gây tác dụng "thông đến cửa lớn miền Tây".

Cổng vòng cung cao đến 192 mét, hình như một đường cầu vồng, mang ý nghĩa tượng trưng hy vọng đối với tương lai, sự làm lành lại giữa Thượng đế và loài người. Trong "Kinh Thánh" ghi, hồng thủy rút hết Noé cùng người nhà và động vật từ chiếc thuyền vuông an toàn lên bộ, trở lại sống trên trái đất trống không, Thượng đế đặt cầu vồng trên không trung tỏ ý từ nay về sau vĩnh viễn sẽ không khiến hồng thủy hủy diệt sinh linh, bởi vậy dùng hình trạng cầu vồng xây dựng một bia kỷ niệm để kỷ niệm hàng ngàn vạn già trẻ trai gái từ một thế giới quen thuộc tràn đầy hy vọng đến sống ở một địa phương rộng rãi mà thoáng đãng, quả là không còn gì thích hợp hơn nữa.

Cổng vòng hình cung do kiến trúc sư Mỹ Eero Saarineen thiết kế, xây xong năm 1965, nó biểu đạt tình cảm khích động do tinh thần tiến thủ và thành tựu to lớn chinh phục miền Tây mang lại. Thang máy ở bên trong có thể lên đến cửa sổ nhìn xa ở vùng nóc, để ngắm thỏa thích cảnh đẹp của St. Louis và sông Missipipi.

Cổng vòng cung sừng sững trong nhà kỷ niệm khai phá lãnh thổ quốc gia Jefferson bên sông, nơi này vốn trước là thôn St. Louis, nó là do



thương nhân bán đồ bằng da Pháp đến từ New Orléans xây dựng năm 1764. Ông ta dựa theo tên vua Pháp Louis XIV đặt tên cho nó. Năm 1803 nó thuộc về nước Mỹ, thành cửa ngõ để thăm dò và mở rộng miền Tây. Năm 1804, được tổng thống Jefferson cử, Meriwether Lewis và William Clark xuất phát từ núi St. Charles gần đó dấn bước trên dặm đường miền Tây mà mình chưa biết gì hết, họ hy vọng có thể đến được sông Colombia. Zebulon Park xuất phát từ St. Louis lên đường, xuyên qua dãy núi Rocheuses, tìm được đầu nguồn sông Missipsipi. Đến thời đại tàu thủy, về sau đã có đường sắt, St. Louis là nơi xuất phát chủ yếu của di dân chinh phục miền Tây đại qui mô. Ở St. Louis những người khai phá tràn đầy hy vọng có thể có được những vật cần thiết từ bò, xe đến súng trường, công cụ hoặc nồi mâm v.v...

Trong viện bảo tàng giới thiệu việc mở rộng miền Tây sưu tập ảnh, địa đồ, tranh và những vật phẩm của người khai phá và người Indian, bên trong còn có một bộ phim về việc xây dựng cổng vòng cung.

Một bộ phận của nhà kỷ niệm là di chỉ của tòa án. Tòa án



Cổng vòng cung bằng thép không rỉ lấp lánh dưới ánh mặt trời.



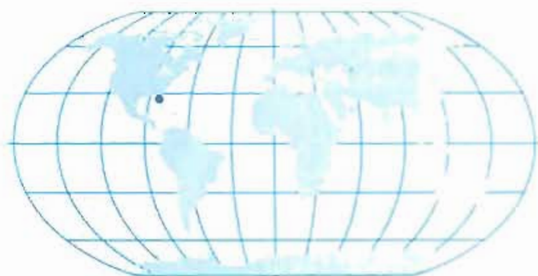
này bắt đầu xây dựng năm 1839, có một hành lang cột Hy Lạp đẹp, bên trong có cột máng lõm kiểu doris, đến năm 1862 mới xây xong. Nóc tròn kiểu Phục Hưng của nó, sau khi trải qua tranh luận lâu dài nó có sẽ dẫn tới vật kiến trúc sụp đổ hay không, mới thêm vào. Vụ án vang dội nhất mà tòa án này xử là vụ án nô lệ Dre Scoot; dẫn tới sự phán quyết của Tòa án tối cao, quy định nô lệ da đen hoặc con cháu của nô lệ da đen không được hưởng quyền khởi tố - sự phán quyết này thúc đẩy nổ ra cuộc nội chiến năm 1861.

Từ bờ bên kia nhìn sang, cổng vòng cung tựa cầu vồng của hy vọng dâng lên trời. Tàu thủy trên sông Missipsipi nhắc nhở người ta tác dụng quan trọng của St. Louis coi như là trung tâm thăm dò giao thông, mậu dịch.

MỸ - XÂY DỰNG XONG NĂM 1971

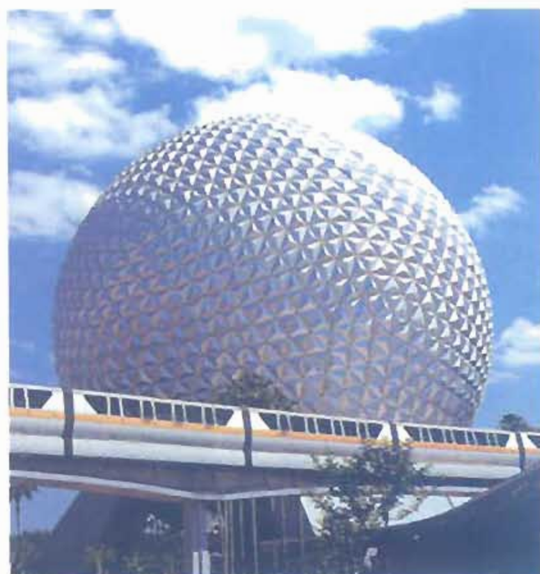
LẠC VIÊN WALT DISNEY

Tạo một cảnh mộng kỳ diệu cho trẻ em các loại lứa tuổi.





Lạc viên Disney (Disneyland) đầu tiên tọa lạc ở Anoheim ngoại ô phía nam thành phố Los Angeles bang California, mở cửa năm 1965. Đó là một quần thể kiến trúc lạc viên kiểu mới. Nó có bốn đặc điểm cơ bản: một, chủ đề trung tâm của nó là "vương quốc thần kỳ" do nhân vật hoạt hình của Disney cấu thành; hai, ở đây trên cơ sở phối ghép lượng lớn thủ pháp ma thuật, tức sử dụng kỹ thuật tối tân, khiến người du ngoạn ở ngay trong cảnh (hoặc tựa hồ ở ngay trong cảnh) đáp thuyền xuyên qua rừng rậm, trong nhà quỷ gặp quỷ quái, hoặc đáp tàu ngầm du lãm đáy biển; ba, chủ đề những thế giới kỳ diệu đều trải qua dày công thiết kế, tính giải trí rất mạnh; bốn, lạc viên Disney lấy gia đình làm đối tượng phục vụ, nặng về nhấn mạnh an toàn, lễ phép và sạch sẽ, tôn chỉ phục vụ của nó không chỉ là vì trẻ em, còn bao gồm người các loại lứa tuổi còn có tấm lòng trẻ thơ. Con đường suy nghĩ mang tính tổng hợp như vậy giành được thành công cực lớn, lạc viên Disney ở California năm 1989 tiếp đãi người khách thứ 300 triệu.



Tàu vũ trụ "Globe" và xe lửa một đường rầy ở trung tâm EPCOT, ở đây biểu hiện thế giới tương lai.



Đáp thuyền chơi trên sông

193b Lạc viên Disney World ở bang Florida mở cửa ngày mồng 1 tháng 10 năm 1971. Lạc viên này chiếm đất 11300 hecta, là cái lớn nhất trong những trung tâm lạc viên cùng loại trên thế giới, tốn vốn 400 triệu đô la, quy mô lớn hơn nguyên mẫu ở California, thiết kế mới hơn, đồng thời bảo lưu được rất nhiều hạng mục đặc sắc. Giống như mô thức ở California, Lạc viên phân ra làm các khu vực như: "thế giới thần kỳ", "thế giới mạo hiểm", "thế giới khai hoang" và "thế giới tương lai" v.v...

Lấy "thế giới khai hoang" làm thí dụ, nó tái hiện câu chuyện truyền kỳ của hoang

mạc miền Tây: có ngôi nhà ma quấy phá, có các thứ cảnh tượng thời khai hoang như con đường tàu có thể thuận theo dòng nước mà xuống, có bè gỗ có thể đi chơi đảo nhỏ Tom Sawyer, còn có một thành lũy do vệ binh người máy canh giữ, bạn chỉ cần dùng súng lục đồ chơi là có thể hạ được họ. Ở đây còn có một sàn biểu diễn tạp kỹ thời xưa, tên là "ca vũ hài hước móng ngựa kim cương", do mấy con gấu máy biểu diễn một điệu múa hình vuông của miền Tây; còn có "đại sảnh tổng thống" ở đây người máy mô phỏng hình tượng trang nghiêm của mấy vị tổng thống đời trước đang diễn thuyết.

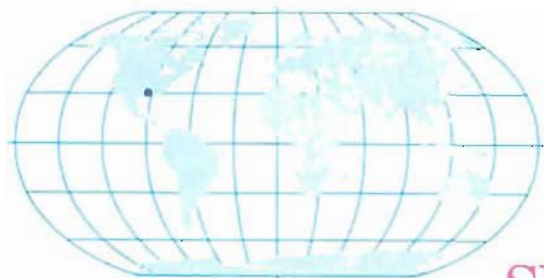

Cá voi cọp biểu diễn ở quán Thủy tộc "Thế giới biển" gây sôi động.

Trang trí ngôi và điểm cảnh vui chơi không ngừng đổi mới. Trong Lạc viên có rất nhiều cửa hiệu bán tặng phẩm và vật kỷ niệm; có hiện trường diễn tấu âm nhạc, còn có quán ăn uống thú vị cung ứng từ kem, sô đa, đến món ăn ngon không thiếu thức gì. Bạn luôn luôn sẽ gặp chuột Mickey và vịt Donald lớn bằng người thật, hoặc bất kỳ một trong số rất nhiều nhân vật hoạt hình khác, cứ cách một quãng thời gian lại xuất hiện đội nhạc đang tiến lên. Bạn có thể đáp xe lửa một đường rầy, xe lửa hơi nước, xe nhỏ ngựa kéo xem ngắm cảnh trí, cũng có thể lên xe dây cáp treo trên không trung ngắm một lượt toàn cảnh. Toàn thể Lạc viên do một tốp công nhân mà du khách không chú ý đến thu dọn hết sức gọn gàng sạch sẽ.

Khu Trung tâm Lạc viên sừng sững Lâu đài của Cô bé Lọ Lem. Lâu đài có ụ trên tường thành và lầu ở góc, dường như từ cảnh tiên dời đến. Ở dưới đất nơi người không thể nhìn thấy có đường thông giống như mê cung, chuột Mickey và các bạn của nó lợi dụng để chúng có thể tùy thời đột nhiên thò ra ở chỗ bạn không ngờ đến.

Trung tâm EPCOT (tên viết tắt của Hình mẫu thực nghiệm đời sống khu làng xã tương lai) mở cửa năm 1982, nó trình bày một cách sinh động hình thái của sự vật tương lai và cảnh trí các nước trên thế giới. Ngoài ra trong một cái hồ có hòn "đảo Phát hiện", trên đảo có khủng long Galapagos và nhà chim nuôi chim quý lạ. Trong "Nước của Sông" có ao lớn, máng dẫn nước và đường nhỏ thông đến cảnh thâm u. Trong toàn thể Lạc viên còn có làng bán đồ vật và rất nhiều khách sạn. Muốn chơi thỏa thích toàn thể Lạc viên cần thời gian đến bốn, năm ngày mới xong.


Kiến trúc trung tâm Lạc viên Disney là Lâu đài của Cô bé Lọ Lem, kiểu dạng thành lũy trong đồng thoại này là được sự gợi ý từ thành lũy Stain trong mộng của Ludwig II quốc vương Baveria.



MỸ - XÂY DỰNG NĂM 1975

NHÀ THỂ DỤC NÓC TRÒN SIÊU CẤP LOUISIANA



Một nhà thể dục hiện đại nhất thế giới hiện nay, vươn lên từ thành cổ mỹ lệ của Tân đại lục.

Nhà thể dục siêu cấp chính thức mở cửa ngày mồng 3 tháng 8 năm 1975 này, tốn vốn 1800 triệu đô la, là nhà đầy đủ thiết bị nhất trong những kiến trúc cùng loại. Tuy có người so sánh nó với một tô canh cỡ lớn đặt ngược, cũng có người nói nó giống như một quả nấm cửa hình cầu hết sức lớn, nhưng đối với thành công của nó, lại không thể chê bai được. Thoạt đầu, nhà thể dục này tổ chức thi đấu bóng bầu dục, hàng năm mồng một tết, ở đây đều tổ chức thi bóng bầu dục Bombo. Năm 1990, cuộc thi lớn bóng bầu dục siêu cấp, cũng tổ chức ở đây. Ngoài ra, mỗi khi gặp năm lẻ, đội đại học Tulanni và đội đại học bang Louisiana, đều đấu tranh giải quán quân ở đây. Nó vừa là căn cứ của đội Saint của New Orleans, vừa là đại bản doanh của đội đại học Tulanni. Nhưng nhà này không chỉ hạn chế ở tổ chức thi bóng bầu dục, công năng của nó là tất cả mọi phương vị - là một "nơi tụ tập công chúng" - trong nhà ngăn riêng ra một bộ phận nhỏ, dành cho tổ chức diễn tấu âm nhạc, vũ hội vui nhộn, thi đấu quyền, thi bóng rổ, hội nghị giao dịch hoặc đàm phán thương vụ v.v... Ngoài ra, ở đây còn diễn xuất xiếc và ba lê trên băng. Năm 1988, đại hội toàn quốc đảng Cộng hòa cũng họp ở đây.

Kết cấu chủ thể của công trình xây xong trong 4 năm, con số dưới đây đủ chứng minh quy mô lớn của nó. Toàn bộ nhà thể dục chiếm đất 21 hecta, nóc tròn đường kính là 208 mét, tổng cộng có 27 tầng nóc tròn diện tích vượt quá 3,6 hecta. Trường sở trong nhà vô cùng lớn, mặt đất xi măng 14900 mét vuông, toàn bộ trải đầy lớp vỏ cỏ nhân tạo dạng tấm dài chiều rộng 4,5 mét, lớp vỏ đó là "bãi cỏ Mady" được khen ngợi trên toàn cầu. Ghế ngồi khán giả dành cho người vào xem thi bóng bầu dục tổng cộng có 70.000 cái, dung lượng của bãi đậu xe là 5.000 xe hơi và 250 chiếc xe buýt.

Bên trong nhà thể dục nóc tròn không có cửa sổ, "khí hậu" của nó do máy tính điện tử khống chế, riêng thiết bị của hệ thống khống chế đã nặng đến 8,2 tấn. Màn hình truyền hình lập thể cỡ lớn tức thời hiển hiện tình huống thi đấu, truyền bá tin tức, cung cấp vui chơi giải trí. Dây điện trong nhà tổng cộng dài 6.400km, trang trí đèn chiếu

sáng có đến 15.000 cái. Có 4 sàn nhảy, 2 nhà ăn, 32 cầu thang có tay vịn tự động, 1 câu lạc bộ, nhà hội nghị không đếm xuể, còn có chỗ nghỉ ngơi như bar và quầy rượu cốc tai.

Hạng mục công trình hao vốn cực lớn này, từng một dạo khiến người ta hết sức lo lắng, mà sự thành công của nó không nghi ngờ gì nữa đã rót một liều thuốc hồi sinh cho vùng New Orleans lúc bấy giờ ngày một sa sút, khiến nó lại vọt lên được. Thành phố thứ nhất ngày trước ở miền Nam này, đến năm 1970 nhân nhân khẩu giảm bớt mà tụt xuống hàng thứ hai, chịu đứng đằng sau Houston. Mà sự lạc thành của nhà thể dục mái tròn lần này, khiến thành phố này lại lấy lại được khí thế oai hùng. Ở trung tâm thương nghiệp sừng sững công sở nhà chọc trời và nhà khách sang trọng, cùng với nhà thể dục, khiến thành phố này thu hút được một số lớn khách đến đây tiến hành đàm phán mậu dịch hoặc du lãm, thành một thắng địa mà người du lịch và người kinh doanh thích đến. Như vậy, hàng năm số người đến dự hội nghị thương vụ thường niên đã đến khoảng 100 vạn.

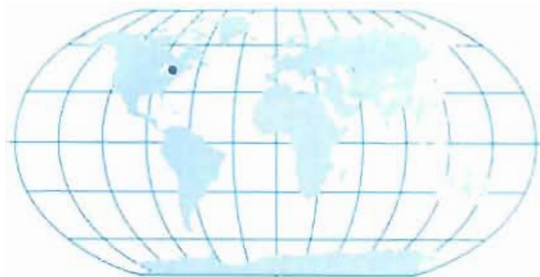
Sức quyến rũ New Orleans ngày nay, vừa đến từ thành cổ thơ mộng trang nhã của nó, vừa đến từ sự hoàn mỹ của thiết chế khoa kỹ tiên tiến trong kiến trúc hiện đại của nó. Nhưng cái khiến người ta khó quên, vẫn là khu Pháp quốc mê người ở đây, đường phố chật hẹp và nhà cửa cổ xưa ở đây vẫn có hội Carnaval náo nhiệt mùa xuân hàng năm (ngày thứ Ba béo - Mardi gras) và nơi ra đời của nhạc Twist.



Nhà cổ xưa của khu Pháp quốc ở thành phố New Orleans, nhất là những lan can sắt hình viền hoa trên ban công độc đáo khiến người chú ý, và hình thành sự đối tỉ với nhà thể dục hiện đại hóa.



Ngước mắt nhìn nhà thể dục nóc tròn siêu cấp giống như một con quái thú khổng lồ đáng sợ trong một bộ phim khoa học viễn tưởng, từ trên bãi đậu xe nhảy lên không trung.



THÁP TRUYỀN HÌNH QUỐC GIA CANADA

Sau Tháp sắt Eiffel và tòa Empire Building, lại một kiến trúc cao nhất thế giới.



Tháp truyền hình quốc gia Canada cao 553,3 mét (đến điểm tột cùng của dây ăng ten), mất 40 tháng mới xây xong. Do thân tháp cao vượt quần thể kiến trúc chung quanh rất nhiều, nhân đó mà có công năng tiếp thu, truyền bá tín hiệu tốt. Đồng thời nó lại là tiêu chí của kiến trúc cao nhất nổi tiếng thế giới hiện nay, là trung tâm vui chơi giải trí và điểm cảnh du lịch của Canada.

Từ tháng 2 năm 1973, trước khi tháp này khởi công xây dựng, nhân viên tổ trù bị xây dựng, đã đi các nơi trên thế giới, tiến hành khảo sát thực địa đối với các loại các dạng tháp cao. Họ quyết tâm khiến ngôi tháp cao này thành cái lớn nhất thế giới, và đặc biệt trong thiết kế suy tính đầy đủ đến vấn đề lưu lượng khách, khiến nó cung cấp cho lưu lượng lớn người tham quan từ nay về sau thiết bị hoàn thiện nhất về điều kiện thưởng thức lý tưởng nhất. Hiện nay, hàng năm lưu lượng khách cao đến 170 vạn. Khi người ta lên tháp cao không chỉ có thể ngắm toàn cảnh Toronto, còn có thể xem thỏa thích toàn cảnh trong vòng chu vi hơn 30 kilômét.

Từ trong khảo sát thực địa, những người thiết kế hấp thu được sở trường của những kiến trúc khác, sử dụng ngoại hình dạng kim, và phối ghép với kết cấu khối cầu không trung, đài nhìn xa phong kín hình hình vòng, cung cấp cho du khách dựa vào lan can xem ngắm cảnh đẹp trong ngoài nhà. Một câu lạc bộ ban đêm, một nhà ăn quay vòng, chiều cao của nó là 351 mét. Ngoài ra chỗ nóc nhà thế giới cao hơn, có một hành lang xem ngắm được gọi là "boong tàu vũ trụ" ở chỗ cao 447 mét, cung cấp cho du khách thưởng thức cảnh đẹp tuyệt diệu. Đứng ở một độ cao như vậy, người ta có khi sẽ cảm



Trong khối hình cầu không trung ở đỉnh tháp, có thể nhìn cảnh sắc trong vòng 160km.

thấy thân tháp hơi lay động, đương nhiên sự an toàn của người tham quan là tuyệt đối được bảo đảm. Tất cả những kiến trúc tầng cao đều suy tính đến lực tác dụng sản sinh do hiệu ứng cao đối với thể lầu. Chính bởi vì như vậy, thứ hơi lay động này, vừa khéo chính là cái mà sự an toàn của vật kiến trúc không thể thiếu được.

Coi là kiến trúc cao nhất thế giới, tháp truyền hình quốc gia Canada cần phải không có chút sơ suất về phương diện an toàn. Tuy vấn đề mà nhà thiết kế,

nhân viên kỹ thuật công trình của tháp gặp phải cũng giống như các nhà xây dựng và những người xây dựng cao tầng khác, nhưng công trình này lại dính dấp đến lĩnh vực chưa từng biết, mà thành một thứ thử nghiệm mạo hiểm, bởi vậy mỗi một bộ môn từ thiết kế đến xây dựng tháp đều cần do những chuyên gia tuyệt đối tin cậy và có quyền uy, nghiêm nhặt nắm chắc khâu quan trọng. Thiết kế tổng thể tháp quyết không phải là công lao của một kiến trúc sư hoặc kỹ sư cá biệt nào. Tháp hôm nay đứng cao sừng sững là thành quả sáng tạo tập thể nhiều năm, là kết tinh của trí tuệ tập thể (cái dự tính xây dựng, là kết cấu hoàn toàn khác - ba cái tháp, bên trong do cầu nối liền, nhưng kế hoạch này không được chấp nhận).

Quá trình xây dựng kết cấu tháp này, một triển lãm ảnh trong thể cầu không trung đã thể hiện đầy đủ. Ở đây, có một loạt con số đúng là khiến người khó mà tin nổi, bao gồm: 40522 mét khối xi măng, 129km cốt thép, 5080 tấn cốt thép gia cố, tổng trọng lượng thân tháp là 132080 tấn, nhân số người xây dựng là 1537 người. Chỉ riêng đắp nền đã đào 63000 tấn đất đá, đào sâu mãi đến 15 mét.

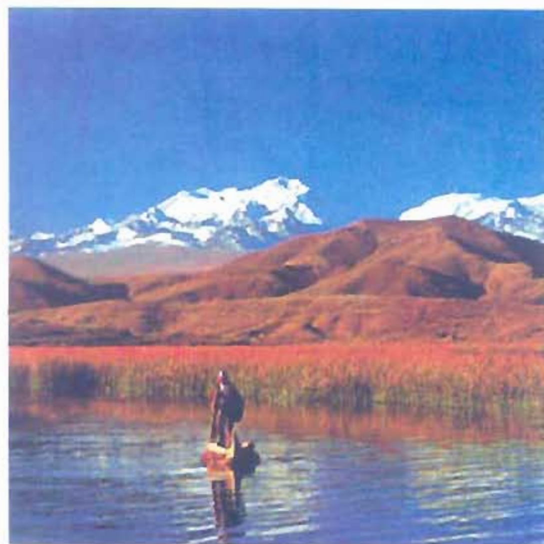
Tháp truyền hình quốc gia Canada kết tinh thống nhất hoàn mỹ giữa kỹ thuật cao siêu và tính toán chuẩn xác, là kiến trúc hùng vĩ nhất hiện nay, nó không thể không khiến người thán phục và kinh ngạc không dứt.



Ngước nhìn tháp cao khiến người đầu váng mắt hoa.

Tháp cao chọc thẳng bầu trời khiến cho những nhà cao tầng hiện đại bốn chung quanh nó ngượng ngùng vì thua kém.

CHÂU NAM MỸ


Dùng sào chống một thuyền nhỏ bằng lau sậy, đi trên mặt nước hồ Titicaca, phía xa là dãy núi Andes quanh năm chứa tuyết.

Châu Nam Mỹ là châu lớn thứ tư của thế giới, trên đất đai 7403 kilômét vuông của nó, cảnh sắc đẹp đẽ, khí hậu nhiều biến đổi. Bờ biển phía bắc là đại lục Tây Ban Nha, ở đây có thuyền buồm lớn Tây Ban Nha, cướp biển và của cải. Xích đạo xuyên qua phía bắc của nó. Đại lục mấy nghìn kilômét vuông bị rừng rậm rạp Amazone mà vùng đảo Tierra del Fuego của nó lại dựa gần núi băng Nam cực. Ngoài ra, xích đạo ở dẫy núi Andes tuyết trắng phau phau cao vút tầng mây lại cơ hồ gần trong gang tấc.

Do thời gian dài bị thực dân Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha thống trị, những nước cộng hòa độc lập Châu Nam Mỹ ngày nay tổ chức thành, cơ hồ đều nói tiếng Tây Ban Nha hoặc tiếng Bồ Đào Nha. Ở bờ biển phía đông là hai thành phố lớn nhất sôi động nhất trên thế giới Rio de Janeiro và Buenos Aires. Nhưng văn minh ban đầu của Châu Nam Mỹ lại là từ một bên khác của mảng đại lục này từng bước trưởng thành lên. Ở đây dãy núi Andes kéo dài vươn về phía trước, song song với tuyến bờ biển phía tây, giống như tường thành khổng lồ đứng sừng sững một bên.

ĐỀN MIẾU VÀ ĐỒ ÁN

Dãy núi Andes chiều cao bình quân là 3960 mét, trong đó đỉnh cao vượt quá 6096 mét không sao đếm xuể. Ở Peru và Bolivia có hai dãy núi song song, ở giữa chúng là hai cao nguyên, hoặc giả gọi là dải đất khe sâu núi cao. Ở đồng bằng ven biển giữa khoảng núi cao và biển lớn quật khởi lên thành bang và đế quốc đầu tiên. Bởi không lưu lại văn tự ghi chép, lịch sử của họ trước sau bị che bởi tấm mạng thần bí, càng không sao biết được niên đại sát đúng của nó.

Người Nasca trên đất đai cằn cỗi bờ biển phía nam Perou, sáng tạo nghệ thuật phẩm được coi là lớn nhất thế giới. Họ tốn công vất vả dùi những tảng đá vô cùng lớn trên mặt đất, để đất màu trắng bên dưới lộ ra, tiếp liền đó họ vẽ lên bề mặt trái đất các thứ đường nét và đồ án. Có những cái đường kính dài đến 8 mét, có cái thậm chí dài hơn, vẽ rất chuẩn xác, còn có những cái là đồ hình kỷ hà, hoặc hình trạng cá, chim, bướm, khỉ v.v... Muốn hoàn thành tác phẩm lớn như thế, nhất định là thành quả khó nhọc năm này qua năm khác, tiếc rằng hiện giờ không ai biết mục đích của nó.

Trên cao nguyên cao nhất thế giới gần hồ Titicaca, là di tích của Tiahuanaco. Ở đây có đền đá, cửa đá, đình viện lõm sâu xuống và lượng lớn điêu khắc, đều là di tích của thủ đô đế quốc Andes, lịch sử của nó hoặc có thể dõi nguồn ngược lên đến thế kỷ 2 công nguyên.

Ở Chinchan Peru, có thể nhìn thấy di tích kinh đô đế quốc Chimu. Ở đây chứa đựng rất nhiều đền miếu, cung điện, vườn hoa và huyệt mộ, cấy thành thành gạch đất lớn nhất trên trái đất hồi bấy giờ, người Tây Ban Nha phát hiện và xóa sạch nó. Trước đó, vào thế kỷ 15, người Chimu bị người Incas chinh phục, người Incas từ thủ đô Cuzco xây dựng nên đế quốc lớn nhất trên đất đai Châu Mỹ, và có một đội quân rất hăng hái, bảo vệ lãnh thổ đất nước. Ngoài ra họ còn xây dựng hệ thống đường sá đến nay còn khiến người ca ngợi không dứt.

Khi người Tây Ban Nha đến Châu Mỹ, đế quốc Incas còn tồn tại, nhân đó về tình huống của họ người đời sau biết được nhiều hơn so với người Chimu tổ tiên của họ.

SỰ TẤN CÔNG CỦA CHÂU ÂU

Năm 1498, Christopher Colombus trong chuyến đi biển thứ ba của ông, đi qua bờ biển Venezuela, sau đó lại có một số nhà thám hiểm khác theo sau đi qua đất này. Năm 1531 Francisco Pizarro từ Panama đi về phía nam tìm vàng ở El Dorado. Ông mang 180 người và 27 con ngựa, đi đến bờ biển Peru gần xích đạo. Pizarro lúc bấy giờ khéo léo lợi dụng một cuộc nội chiến giữa người Incas, khiến mình trong mấy tháng chinh phục được toàn thể đế quốc. Một bộ hạ của ông tên Pedro Valdavisi lại tiến quân thẳng đến Chili, khiến Tây Ban Nha vào năm 1540 khống chế được toàn thể dải đất miền tây Châu Nam Mỹ từ Colombia thẳng đến San Diego.

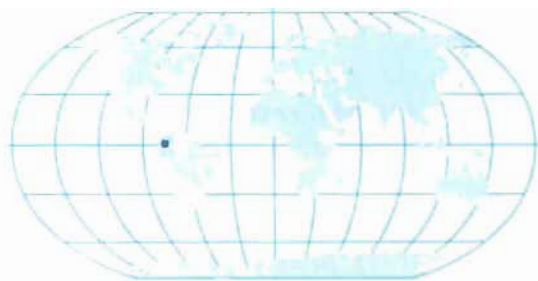
Ở một bên khác của đại lục, phương thức khống chế Brazil của người Bồ Đào Nha lại hòa dịu hơn. Ở đây không có đế quốc nào cần họ đi cướp bóc khống chế. Ở đây vườn trồng mía rất được phát triển, những nô lệ da đen từng thuyền một từ Châu Phi chở đến đây, đến làm việc trong ruộng trồng mía.

Những nơi bọn thống trị thực dân đến không lâu liền có giáo sĩ truyền giáo đến truyền bá đạo Cơ đốc. Do đó ở Quido, ở Equateur liền xuất hiện giáo đường Cơ đốc phong cách kiến trúc baroque hùng vĩ Laconpania. Cái đó vừa chứng thực sự giàu có của bản địa, vừa là sự tấn công của thế lực Thiên chúa giáo La Mã trên đại lục Châu Mỹ. Sự tấn công của văn hóa Châu Âu đối với đại lục này còn biểu hiện ở nhà hát ca kịch Colon nhộn nhịp ở Buenos Aires. Nó là một trong những nhà hát ca kịch sang trọng nhất trên thế giới.

Các quốc gia Nam Mỹ vào thế kỷ 19 giành được độc lập. Sau đó, chính trị của những quốc gia này liền bị cuốn vào xoáy nước lớn của chính quyền tàn bạo, cách mạng, đảo chính. Sau đại chiến thứ hai, ở đây xuất hiện mấy lần nguy cơ kinh tế, đồng thời với cái đó, ở đây cũng có một số thành tích trác việt về các phương diện công trình, kiến trúc, tổ chức v.v... Brasilia trong thời gian ba năm, từ trên đất hoang chỉ có rừng cây và bùn lầy xây dựng lên thủ đô mới, còn có đập nước lớn Itaipu, là trạm phát điện thủy lực lớn nhất thế giới.



Brasilia thủ đô mới Brazil, trong ba năm từ trên đồng hoang đất liền bên trong vươn lên thành phố mới hiện đại hóa.



COLOMBIA - VÀO THẾ KỶ 6 TRƯỚC CÔNG NGUYÊN

HANG TƯỢNG ĐIÊU KHẮC

Những tượng điêu khắc trong mộ, đang lặng lẽ canh giữ một nền văn minh đã mất.



Phía bắc rặng núi Andes, cao hơn mực nước biển 1800 mét, có một trong những phát hiện khảo cổ quan trọng nhất Nam Mỹ châu, tức hang tượng điêu khắc. Đến nay đã phát hiện được 500 tượng. Những tượng đá ở mộ này khắc người, động vật hoặc thần, phân tán ra hơn 20 chỗ, chúng đứng lặng trong rừng rậm rạp hai bờ khe sâu sông Magdalena. Một mảng lùm cỏ rậm rạp xanh tốt, trong từng đám bụi hoa lan tím nhạt, cạnh thác nước ồn ào, những tượng nguyên thủy sần sùi ấy, vẻ mặt nghiêm túc, lặng lẽ không nói. Sự thực, đó là tàn tích của một nền văn hóa đã mất, không ai biết.

Từ khoảng giữa thế kỷ 18, sau khi một tu sĩ Tây Ban Nha Freyjuan San Tagadis phát hiện những tượng này, các nhà khảo cổ đối với niên đại của nơi có tượng, đến nay cách nói vẫn không thống nhất. Có một số người đánh giá, đó là sản vật thế kỷ 6 trước công nguyên, mà một số người khác lại cho rằng, những tượng đá này sau đó mới dựng lên, thời gian có thể là trước khi thực dân Tây Ban Nha chinh phục đất này, nói là văn hóa thời kỳ bị đế quốc Incas thống trị. Cũng có người đem chúng với những tượng điêu khắc trên đảo Phục sinh Thái Bình Dương, phân là cùng một thời đại. Nhưng đại đa số chuyên gia liệt nó vào văn hóa Andes thời kỳ trước của Colombia, thuộc thời kỳ giữa của Mỹ châu.



Điêu khắc đá này tạc một mặt người, nhưng lại mọc nanh báo Mỹ châu.

Do rất nhiều tượng điêu khắc đều liền sát với lăng mộ dưới đất, hang núi này rất có thể là trung tâm đế điện, người bản địa sau khi cử hành tang lễ long trọng, đem mai táng người chết ở đây. Có một số tượng điêu khắc được nhận ra, là một số động vật được đương thời coi là thần thánh, như: báo Mỹ châu, ếch và chim ưng. Ngoài



Đằng sau tượng đá này là một nền văn minh ít người biết.

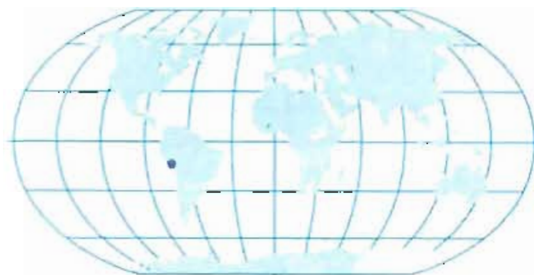
ra một số lại có hình người.

Tượng điêu khắc ở trong một công viên Aculrogik cách thị trấn 2,5km, từ San Augustine đi về phía trước, rất tiện lợi. 130 tượng điêu khắc trong công viên này, đều để ở chỗ cũ, không bị di động, chỉ có một số đổ xuống, được nâng lên, ngoài ra có một số bị dây điện quây lấy. Ngoài những cái đó ra, còn có 35 pho tượng, được bày thành dãy đặt trong rừng nhỏ ở Diras Astantu (rừng tượng điêu khắc), khoảng giữa có đường nhỏ thông với nhau. Trường sở tế điện quan trọng nhất trong công viên đó, cũng có thể là ao Lavapoda. Theo phỏng đoán, ao nước đó có thể là nơi người cổ đại chịu lễ rửa tội và tế thủy thần. Ở lòng sông đáy nước nhiều đá, có đường ngòi quanh co và từng đầm nước một, còn có thể nhìn thấy vật điêu khắc rắn, thằn lằn và người.

Chỗ cách nơi này xa hơn, ở mạn bắc sông Magdalena là một khu đất cao được gọi là Altu, từ San Augustine đi bộ mất 10km. Khu đất cao này có thể cúi nhìn xuống toàn thể thành thị. Ở đây là nhóm tượng trị an, mỗi tượng canh giữ một mộ huyệt. Có một số mộ bị đào lên, lộ ra tảng lớn hóa thạch, có một số bị ván đá dày che lấp, trên ván khắc hình giống như trên mộ. Chỗ không xa là khu đất cao Pieguras, mộ ở nơi này xếp thành hàng, trên bia đá trước mộ sơn màu đỏ, đen, vàng. Cái nổi tiếng nhất trong số đó là tượng Dopoiju. Đó là cái trên cùng một tảng đá đồng thời khắc bốn chữ thứ hình thái. Ở tháp Rapilo có một tượng bôi màu duy nhất còn lại, mà ở Rachavala lại có thể nhìn thấy tượng thần điêu khắc trực tiếp trên thân núi.



Rất nhiều cột đá khắc tượng đá chống đỡ một cái bệ phía trên mộ địa.



PERU - XUẤT HIỆN KHOẢNG THẾ KỶ 1 CÔNG NGUYÊN

HÌNH ĐƯỜNG NÉT NASCA

Trên hoang mạc rộng bao la, có người dùng đường nét dạng lưới, khắc hình chim thú cỡ lớn.





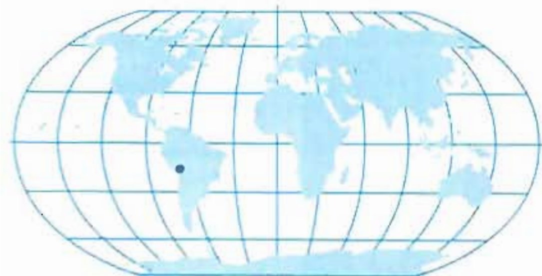
Đồ án một con chim sâu Nam Mỹ (ăn mật hoa và sâu bọ nhỏ trên hoa), nhìn từ trên không xuống mới có thể nhận rõ hình trạng của nó.

Hình đường nét Nasca là những hình kỳ quái, cỡ lớn, khắc ở khe núi Nasca trong hoang mạc Panpa Inhanio. Có hình các loại các dạng như hình đường thẳng, đồ hình kỷ hà, còn có chim, thú. Trên mặt đất chúng tựa hồ giống như từng đường nhỏ quanh co trên sỏi vụn màu đỏ tối. Chỉ có từ trên không nhìn xuống, những đường nét ấy mới có thể hiện ra hình khổng lồ của các loại chim thú. Thí dụ như: một con nhện lớn 50 mét; một con chim ưng trọc lớn, cánh xòe ra đến 120 mét; một con thằn lằn dài 180 mét, mà một con khỉ thì cao 100 mét.

Những đồ án giống như mê cung này chiếm 500 kilômét vuông, muốn tạo chúng, phải dời tảng đá rắn chắc trên mặt đất để lộ ra lớp đất màu trắng vàng mà khắc lên đó. Sau khi người ta phát hiện những đồ án này năm 1926, mỗi người nói một cách, nhưng ý đồ mà những đồ án này muốn biểu thị, cho đến nay vẫn là một câu đố chưa giải nổi. Alfred Cruber và Migya Aiksby, hai người chú ý sớm nhất đến đồ án này cho rằng, những cái đó là ngòi dùng để tưới nước. Sau đó Aiksby lại nói những đường nhỏ đó giống như ceques của đế quốc Incas, hoặc gọi là con đường thiêng liêng. Những chùy đá hình nón ấy là tụ điểm của những đường nét giao nhau, cũng có thể là trường sở cử hành tế lễ.

Paul Corsuck đến nơi này năm 1941 vào hôm đông chí, ông quan sát thấy mặt trời vừa vặn từ trên không sa xuống ở đoạn chót của một đường trong những đường nét này. Hiện tượng kỳ diệu này khiến ông cho rằng: đây là sách thiên văn lớn nhất thế giới. Học giả Đức Maria Rheinche sau khi trải qua hơn 30 năm miệt mài nghiên cứu, cũng đề xuất lý luận giống như vậy. Bà giải thích rằng, những đường thẳng và đường xoáy trôn ốc ấy đại biểu cho vận động của tinh cầu, mà những hình vẽ động vật là đại biểu cho chòm sao.

Trong tất cả những lý luận,



BOLAVIA - BẮT ĐẦU TỪ THẾ KỶ 3 CÔNG NGUYÊN

TIAHUANACO

Một trung tâm văn hóa tôn giáo có ảnh hưởng rộng rãi sâu xa.



Người ta có các loại các dạng nói về Tiahuanaco, nhưng cái có sức hấp dẫn nhất là giải thích nó thành vườn Eden thời cổ. Ngoài ra còn có một cách nói lạ lùng độc đáo là, nơi này là nơi nghỉ ngơi trên trái đất của phi công hàng không vũ trụ cổ đại 1,2 vạn năm trước. Một thứ quan điểm khá là truyền thống ngược lại với nó, đem trường sở kỷ niệm gần hồ Titicaca, coi thành trung tâm của một dân tộc vững tin tôn giáo. Mà dân tộc đó bất luận đối với Nam Mỹ hay là miền trung Mỹ Châu, thậm chí xa đến đối với đảo Phục sinh, đều có ảnh hưởng cực kỳ rộng rãi sâu xa.

Muốn nói ra cụ thể thời điểm của nó e rằng rất khó khăn, thuyết thế kỷ 7 đến thế kỷ 11 công nguyên chiếm đa số. Nhưng, hiện nay đã phát hiện, từ trước thế kỷ 7 công nguyên, đã có loài người cư trú ở đây,



Một điêu khắc đá đứng bên hồ Titicaca.

mà còn có thể đoán văn hóa của tổ tiên Tiahuanaco ít nhất có thể dõi nguồn ngược lên đến thế kỷ 2 công nguyên. Nhưng sau đó, nó bị người đời sau tàn phá. Bọn thực dân Tây Ban Nha coi nó là đất của tà giáo mà lăng nhục nó. Mấy chục năm trước, một số tượng đá lớn nguyên khối rất đặc sắc ở đây đã bị dùng xe chở đi để lát đệm nền đường sắt. May mắn là, Tiahuanaco còn lưu lại rất nhiều di sản văn hóa, chúng đủ để trình bày với loài người sự thông minh tài trí của người xây dựng.

Ở một khu vực thiếu tài nguyên thiên nhiên cung cấp cho rất nhiều nhân khẩu, sự tồn tại của một pho tượng đá cao hơn mực nước biển 3962 mét, và của một số khác không phải là trường sở cư trú mà là kiến trúc mang tính kỷ niệm, đều chứng tỏ nơi này trước đây quyết không phải là cái gọi là thành thị, mà là một nơi hành hương.

Thời kỳ xa xưa ở miền trung Mỹ Châu và Nam Mỹ, người ta không khó phát hiện người bản địa đối với định vị phương hướng các thứ vật kiến trúc khác nhau, có sự quan tâm cực lớn. Điểm này chứng tỏ người ở đây từng quan sát nghiên cứu Mặt trời, còn hết sức sùng bái Mặt trời. Ở đây một trong những bia kỷ niệm mang lại cho người ấn tượng rất sâu là "Cửa Mặt trời". Trên một tảng đá lớn, chạm hai cây cột đá lớn, giữa khoảng đó bắc ngang dạ cửa lớn. Một tượng thần - cũng có thể là chủ tạo vật,— tượng Viracochas đứng trên hai cây cột lớn, nhìn thẳng

Đồ án giống như một con khỉ, nhìn từ trên không xuống.

cái nổi tiếng nhất lại cũng khiên cưỡng phụ họa nhất, phải kể đến sự giải thích của Erik Vandanniken trong cuốn sách "Chiến xa của Thượng đế": những cái đó là dấu vết người hành tinh ngoài trái đất đổ bộ xuống để lại. Một thuyết khác cũng hoang đường kỳ quái không kém, đó là người thời cổ đại ngồi nhiệt khí cầu để lại dấu vết. Chỗ dựa của sự phỏng đoán này là, những đồ án ấy chỉ ở trên không trung mới nhìn thấy rõ ràng. Ông còn nói trong đồ án có rất nhiều dấu vết xem ra rất có thể là của những vật bị đốt cháy để khiến khí cầu rời khỏi mặt đất bay lên, để lại. Còn nhà khảo cổ học Josy Lanchio lại đơn giản giải thích tất cả những cái đó là địa đồ, đánh dấu một số lối đi thông tới những trường sở quan trọng, thí dụ như ngòi nước dưới đất, v.v... Nhưng về thời gian của các nhà khảo cổ học là xuất hiện trước sau thế kỷ 1 công nguyên, như vậy là sớm hơn so với dự đoán trước đây.

Nhưng, dù cho là nhà chuyên môn hay là nhà phân tích không chuyên nghiệp đều cảm thấy khó thể kháng cự đối với sức quyến rũ của nó. Để khiến nó vẫn bảo tồn lại được, hiện nay đã sử dụng nhiều biện pháp bảo hộ. Ở chỗ 20km về phía bắc Nasca, xây một tháp nhìn xa, chuyên cho những du khách không thích nghi đáp máy bay, cung cấp cơ hội nhìn hướng nghiêng ba đồ án trong số đó. Nếu đứng trên đất bằng để nhìn thì những đồ án kỳ diệu này lập tức mất đi tất cả sức quyến rũ của nó, bởi vì chúng quy mô lớn, kiểu dạng phức tạp, nên khó mà nhận thấy được.



Hồ hình bàn đạp yên ngựa Nasca màu sắc phong phú.

Đầu mút phía trên mặt trước của "Cổng Mặt Trời" tạc một tượng nữ thần, đeo dây chuỗi đầu báo, mỗi tay cầm một cây gậy, đầu gậy là đầu chim ưng núi.

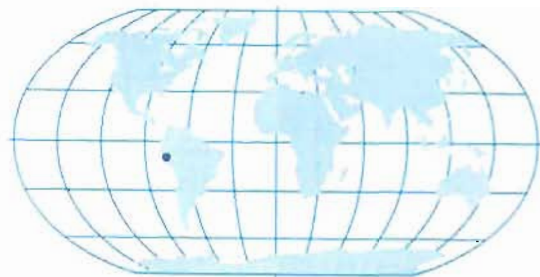
về phía trước, chung quanh ông rất nhiều phù điêu tiểu thiên sứ chạy về phía thiên thần. Người ta ngày nay ở Nam Mỹ chỗ nào cũng có thể thấy loại mí cửa này, là bắt đầu từ nơi này.

Hệ Karasasaya cao vượt mặt đất, giống như chỗ giao nhau của mấy đường phố. Người ta có thể từ một sân bóng lõm xuống ở gần đó đi vào bệ này. Chung quanh nó là tường vây dùng tảng đá lớn xây, có một số tảng đá nhô ra bên ngoài, hình dạng của nó cũng có thể khiến các kiến trúc sư của Feotihuacan của Mexico sản sinh linh cảm. Trên nền phẳng, trên rất nhiều tượng đá lớn nguyên khối, từng đôi mắt lớn đăm đăm nhìn, rất giống với đôi mắt những tượng vệ sĩ bằng đá ở Tula Mexico.

Vật kiến trúc hình tháp của Tiahuanaco ít nhất có hai tầng trên dưới, một tầng là một đền miếu vùi một nửa dưới đất, một tầng khác là toàn bộ vật kiến trúc dưới lòng đất mà chưa được đào ra, nơi này lại giống như là nơi phát nguyên của đồ gốm và vật trang sức hàng dệt đồ án trừu tượng lấy một số động vật trong tưởng tượng diễn hóa thành, rất được người yêu thích.



Một trong những đảo lau sậy trên hồ Titicaca.



PERU - BẮT ĐẦU XUẤT HIỆN
THẾ KỶ 2 CÔNG NGUYÊN

CHINCHAN

Đó là một thành gạch đất lớn nhất thế giới, người ở đây từ thời xa xưa đã dùng vàng trang sức vật kiến trúc, ở đây nghe đồn còn có những thực vật chế tác bằng kim loại quý.





Đồ án khắc hình chim và cá trên tường thành.

Peru ở giữa khoảng chân núi Andes và Thái Bình Dương, ở khu vực chật hẹp ven biển và không có tài nguyên thiên nhiên là đá, cho nên gạch đất là vật liệu người ta xây nhà, cái gọi là gạch đất là gạch sau khi đem đất sấy khô dưới mặt trời chế thành. Mà Chinchan là nơi có di tích một thành cổ to lớn dùng gạch đất xây dựng lên. Thành cổ này từng là kinh đô của đế quốc Chimu nhân khẩu rất nhiều, cường thịnh mà giàu có.

Lãnh thổ đế quốc Chimu là bắt đầu từ Chinchan chiếm khoảng 16 kilômét vuông, tiếp theo đó vươn ra khu vực ven biển 966km. Theo người ta nói, dân tộc này từ thế kỷ 12, sau khi Tiahuanaco sa sút, mới bắt đầu hưng khởi. Dân tộc này có người xây dựng và là công trình sư rất xuất sắc, họ còn là thợ giỏi chế sản phẩm kim loại. (nếu không có thông minh tài cán của nhân dân bản địa, một thành thiếu nước nghiêm trọng như Chinchan, khó mà tồn tại). Một số quần thể kiến trúc chủ yếu trong thành, đều dùng các thứ gạch đất hình trạng khác nhau xây dựng, xem ra giản đơn mộc mạc. Nhưng trên một số vật kiến trúc quan trọng, có dấu vết trang sức dát vàng. Người ta hiện nay vẫn có thể nhìn thấy một số đồ án trang sức nạm trên mặt tường đất. Điều đáng tiếc là những cái quý báu nhất đã mất mát nhiều năm (ngày nay vẫn còn đồn đại trong một số hoa viên thành Chinchan, từng có một số thực vật dùng vàng chế tác ra).

Về sự xây dựng thành Chinchan, nghe đồn có một người tên Neymrapu, từ biển đến đất này, xây dựng lên một tòa thành thị, sau đó ông ta lại đi về phía tây. Lại có lời đồn thành này có liên quan với một con rồng, mà con rồng đó lại sáng tạo ra mặt trời và mặt trăng. Các thứ truyền thuyết

và thần thoại đó chưa thể cung cấp đường dây có giá trị. Nhưng rõ ràng đế quốc Chimu có ý thức phát triển đoàn thể xã hội mạnh mẽ. Rất nhiều khu vực khác nhau trong thành Chinchen đều xuất hiện các thứ vật kiến trúc đều xếp thành hình thước thợ, cái đó không nghi ngờ gì nữa là tượng trưng cho lô gích và trật tự.

Trung tâm thành Chinchan là thành lũy Chajudi giống như đền miếu, có một nhà nghị sự đến nay vẫn bảo tồn được rất hoàn hảo. 24 chỗ ngồi được bao vây bằng tường đất của đình viện hình thước thợ, xem ra rất giống nhà hội nghị tiến hành tranh luận. Bên trong nhà này hiệu quả truyền thanh rất tốt, người ngồi ở chỗ ngồi không giống nhau, dù nói rất khẽ, vẫn có thể nghe thấy rất rõ (thứ hiệu quả truyền thanh này, đến nay vẫn được thể hiện). Một số kiến trúc, trong đó cũng bao gồm nhà nghị sự này chung quanh đều đắp tường đất mang tính phòng ngự. Ngoài những cái đó ra, chung quanh còn có kho nước baracas, một số khu cư trú và nền phẳng để cử hành nghi thức tôn giáo v.v...

Thành lũy Chajudi dường như là một trong khoảng mười kiến trúc của quần thể kiến trúc trong thành Chinchan. Trong chúng có một số tường vây phía ngoài kiến trúc cao đến 9,1 mét. Trong một số vật kiến trúc thú vị khác, càng nổi bật đó là: Flevaka Esmerada (đền đá lục bảo thạch) và Hevaka Akouyris (đền cầu vồng). Cái trước năm 1923 mới được phát hiện. Sau đó hai năm từng bị mưa gió tàn phá. Đền này hình trạng kim tự tháp, có hai nền phẳng đền miếu, chung quanh có phù điêu quý giá, điêu khắc sinh vật đáy biển và loài cá. Một đền miếu hình tháp khác là đền Cầu vồng, chung quanh tường cao vây bọc, trên tường dày công điêu khắc các loại các dạng sinh vật, (tên của đền này cũng khiến người ta liên tưởng đến những sinh vật giống như rồng hoặc rắn .



Một trong những đền miếu còn sót lại.



BOLIVIA - XUẤT HIỆN VÀO THẾ KỶ 15

CON ĐƯỜNG PHÁT ĐẠT CỦA ĐẾ QUỐC INCAS

Ngày trước đế quốc Incas dày công xây đắp những con đường Incas, cung cấp cho người ngày nay đi bộ tiện lợi và thú vị.



Người Incas giống như người La Mã giỏi về đắp đường và thích lựa chọn tuyến đường trực tiếp. Chỗ khác nhau là, trước mặt người Incas sừng sững rặng núi Andes, cái đó mang lại một sự khiêu chiến cho nhân viên kỹ thuật công trình Incas, làm thế nào đối phó với vách núi cheo leo thường gặp. Họ cần phải có kỹ thuật cao siêu, mới có thể đục bậc đá trên dốc, đào đường hầm trước quãng núi đứt, tạo cầu treo giữa khoảng khe sâu, trên đất cao dùng đá xây tường ngăn tuyết mà ở đoạn đường hoang mạc lại đắp tường đất, ngăn ngừa cát bay đá chạy.

Nếu muốn đem việc xây đắp mỗi một cây số đường Incas quy công cho người Incas, nghiêm khắc mà nói, điều đó không xác thực cho lắm. Bởi vì người Incas kế thừa đường đã đắp xong của người đi trước của họ. Nhưng dù cho ai là người đầu tiên tạo đường, có

Đường đắp trên núi thông đến núi Machu Picchu.

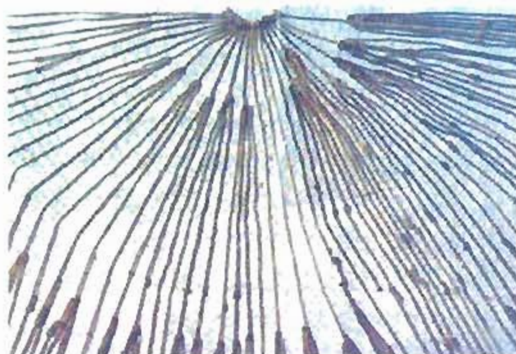


Người đi bộ trên con đường Incas trên rặng núi Andes thông đến Bolivia. Họ đang đi trên đường núi cheo leo. Điều bất hạnh là những năm gần đây, theo với sự không ngừng tăng du khách đến đây, cũng mang theo rác rưởi, hỗn loạn trên dọc đường tạo thành sự tổn hại cho mặt đường.

một điểm khẳng định, đó tức là trong những đường này có rất nhiều đường, vẫn được người ta đi cho đến ngày nay, mà chỗ sáng tạo độc đáo của nó, được người đời rất khen ngợi. Thí dụ như ở Bolivia có một đoạn đường Incas được bảo tồn hoàn hảo nhất. Một nửa của con đường này, tức 40 kilômét là dùng tảng đá lớn nhỏ hình trạng không giống nhau lát thành, kỳ thực đó là hình thù đầu tiên của những con đường quanh co mà ngày nay chúng ta nhìn thấy ở đình viện thôn quê. Từ chỗ cửa vào ở khoảng núi đá hoa cương đen nhẵn lì cao cao, đi bộ hai ngày, đi mãi đến khe sâu ấm áp mọc đầy xây cỏ xanh tốt, đó là khe Iongas, con đường này khiến người ta ngắm thỏa thích cảnh sắc biến ảo ly kỳ.

Bắt đầu từ Bentia, đường núi không ngừng lên cao, mãi đến 4650 mét. Tuy bậc đá bằng phẳng mà thoải mái, nhưng đoạn đường cheo leo lại rét lạnh, đáng an ủi là sau khi trải đủ gian nan vất vả, có thể tận tình thưởng thức vẻ hùng tráng của ngọn núi phủ tuyết trắng phau và khe Iongas xanh mướt dưới chân ngồn ngộn sức sống. Từ đây đường núi bắt đầu đi xuống dưới, thẳng đến thôn Tacosi. Qua khỏi thôn này cái trước tiên in vào mắt người ta là rêu xanh biếc khắp vách núi, sau đó dần dần lại nhìn đến thực vật, đó là điều rất khiến người nao nức. Con đường này đi theo Rio Tacosi, sau đó quanh vòng qua núi Baribari, thông đến Kakapi, lại đi xuống thẳng đến Rio Quimasa Chata, từ đây sau khi lại xuyên vượt thôn Tacosi, cuối cùng đến Huaráz, chỗ thấp nhất của nó là 2100 mét.

Nếu xuất phát từ Laconbray (đỉnh núi), cao 4725 mét, đến phương hướng Coroico, cần đi bộ bốn ngày, chặng đường này dài hơn, nhưng cũng dễ đi hơn. Trong khoảng đó, cũng có thể thưởng thức cảnh lạ giống như vậy. Ở đây có đường từ thời xa xưa đắp được rất xuất sắc. Đầu mút đường có một tượng Jésus chỉ hướng cho người đi đường thông đến đỉnh núi độ cao 4850. Đỉnh núi có một đống đá hình nón coi là dấu hiệu. Từ đỉnh núi đi xuống có một đường núi rõ ràng, vươn dài mãi đến thông Akura. Từ đây đến khoảng Kauro là đoạn đường đắp rất tốt, bậc đá đi xuống ở chỗ ngoặt thường hiện hình quạt. Sau khi đi xong đoạn đường hai bên là cây cối, liền xuất hiện thực vật nhiệt đới tươi tốt, đầy núi đầy đất, chen chúc làm cho đường hẹp đi. Ở Kauro có chiếc cầu treo, từ đó trở đi đường này theo Rio Varanira đến Ziro, cuối cùng biến mất trong vườn chuối và cam quít ở Coroico.



Dây bằng lông lạc đà thắt nút. Người thời cổ cầm dây như thế này, chạy trên đường núi, người này truyền cho người khác, từng chặng đường một truyền đạt tin tức.



PERU - XUẤT HIỆN VÀO THẾ KỶ 15

MACHU PICCHU

Một nơi sùng bái mặt trời và có nghi thức tôn giáo thần bí, ở đây phụ nữ nhiều hơn đàn ông.



Machu Picchu - "đỉnh núi cổ xưa" ở trên núi Andes lãnh thổ Peru phía trên sông Urubamba 457 mét, nó giống như một người khổng lồ, ở trên sườn núi hình yên ngựa khoảng giữa hai trái núi, ở đây từng là đất hoạt động tôn giáo, lại nhân người đời không sao biết nổi tên ban đầu của nó cho nên mượn tên một dẫy núi ở gần nó mà gọi tên nó.

Khi nhà khảo cổ học ở đại học Yale Hiram Bingham phát hiện di tích cổ xa xôi, rộng 2 hecta này, ông tin chắc mình đã thành công tìm được Vicabanba - theo lời đồn là nơi lánh nạn cuối cùng của người Incas. Từ sau khi bọn chinh phục Tây Ban Nha từ thủ đô Cuzco đuổi vua Incas của họ đi, họ may mắn còn tồn tại ở đây 36 năm. Bingham lúc bấy giờ bị tất cả những cái nhìn thấy trước mắt ông làm kinh ngạc ngây người ra, ông lập tức ghi lại cảm giác đầu tiên của mình, ông viết: "Tôi lúc này mới bắt đầu nhận thức được, tường thành ở đây và đền miếu họp thành nửa vòng tròn chung quanh nó, là công trình bằng đá đẹp nhất thế giới. Chúng đúng là khiến tôi không dám tin vào mắt mình!" Những công trình này rất đồ sộ, điểm này không còn nghi ngờ gì nữa, nhưng khảo chứng về nơi này mà Bingham lúc bấy giờ xác nhận, ngày nay bị coi là sai lầm. Tên gọi thực của Machu Picchu và các thuyết khác về đất này, ngày nay xem ra thuần là suy đoán mà thôi.

Nơi này có vẻ là một nơi tụ tập hoạt động tôn giáo hơn là một thành thị. Niên đại nó xây dựng thành vẫn còn chưa biết nhưng rất có thể là xây dựng vào cuối thế kỷ 15, thời kỳ toàn thịnh đế quốc Incas mở rộng thế lực ra ngoài. Có người đánh giá nói ở đây ít nhất cư trú 1500 người. Từ xương đầu đào được, có thể suy đoán tỷ lệ nhân số phụ nữ so sánh với nhân số đàn ông là 10: 1, điểm này hỗ trợ cho suy đoán dưới đây: ở đây từng là trường sở hoạt động tế lễ tôn giáo, người ở đây sùng bái mặt trời, bởi vì phụ nữ được gọi là trinh nữ của Mặt trời.

Suy đoán về người Machu Picchu sùng bái mặt trời, còn xuất phát từ một dấu vết khác, là một tòa kiến trúc "nơi buộc mặt trời lại". Đó là một kết cấu đá kỳ diệu, tựa hồ là một trang trí thiên văn phức tạp, khi những cái khác không còn chút tàn tích, chỉ có riêng nó may mắn còn lại đến nay. Theo phỏng đoán cái đó là để tính toán một số nhật kỳ quan trọng, như Hạ chí, Đông chí v.v... Tên của nó dường như có liên quan với một ngày lễ, bởi vì theo người ta nói vào ngày Đông chí, mặt trời bị buộc lại ở đây. Mà trên tháp Mặt trời, tựa như từng có quan sát và nghiên cứu thái dương hệ. Tháp này là một kiến trúc hình móng ngựa, một cửa sổ chầu về phía đông rất đặc thù, vào ngày đông chí, có thể đón lấy ánh sáng mặt trời. Lại nữa, ở đền ba cửa sổ, ba cửa sổ xếp thành một đường thẳng này, một tảng đá hình chữ nhật thẳng tắp ở chính giữa nhà, những cái đó rõ ràng đều có ý nghĩa đặc thù, mỗi khi đến ngày Hạ chí hoặc Đông chí, người Incas liền cử hành hoạt động mừng ngày lễ Mặt trời tại đây.

Machu Picchu chỗ nào cũng là vườn hoa, đường thông, kiến trúc và cung điện hùng vĩ. Ở đây có dấu vết chứng tỏ có ngôi



rãnh, ao nước, bể tắm, và bắp, khoai tây và rau cỏ khác. Vườn hoa và đường thông cao thấp không giống nhau dùng bậc đá nối liền. Những di tích cổ này, từ thời kỳ người Tây Ban Nha đến xâm lược là một câu đố, vẫn bị bỏ quên một cách không sao hình dung nổi. Có người nói là bởi vì nội chiến giữa các bộ lạc người Incas làm điếm nhục sự mỹ lệ và thiêng liêng của nơi này.

Nơi "buộc Mặt trời lại".

Núi Machu Picchu trên đỉnh rặng núi Andes hình yên ngựa, vách núi từ hai bên vùng đất có di tích cổ đi thẳng xuống

ĐẾ QUỐC INCAS

Thời kỳ Incas được coi là một thời đại hoàng kim.

Năm 1532 Francisco Pizarro và thủ hạ của ông, lên bộ ở bờ biển Peru, xâm lược một đế quốc lớn mạnh. Đế quốc này có của cải kếch sù và khống chế đất đai chu vi 3220km miền tây Nam Mỹ. Phạm vi thế lực của đế quốc Incs hồi bấy giờ là Ecuador về phía nam, đến Peru và Bolivia và thẳng đến Chili, cương vực rộng lớn này.

Cuzco kinh đô của đế quốc, là do những người thống trị Incas lớn mạnh mà hiếu chiến thế kỷ trước xây dựng nên. Chính quyền quan liêu hồi ấy bấy giờ có một đội quân thường trực, và thống trị tất cả mọi lĩnh vực trong đời sống nhân dân. Tuy không có chữ viết và bánh xe, nhưng thủy lợi trong nước phát đạt, còn khai thác khoáng sản và xây dựng nhiều đền miếu, cung điện rất đặc sắc và đồn trại quan trọng. Hai lần động đất năm 1950 và năm 1986 khiến rất nhiều vật kiến trúc thời kỳ thống trị thực dân Tây Ban Nha và sau đó bị hủy hoại, chỉ riêng vật kiến trúc Incas vẫn yên ổn không việc gì, do thế có thể thấy kỹ thuật kiến trúc cao siêu của thời kỳ Incas.



Mặt nạ vàng thời kỳ Incas. Vàng bạc của cải của Incas giống như nam châm hút sắt, thu hút bọn thực dân Tây Ban Nha.

CON CỦA MẶT TRỜI

Người thống trị tối cao đế quốc Incas là Saba Incas, là con của Mặt trời, là tổng đốc ở cõi đời được thần Mặt trời phê chuẩn. Để giữ cho thuần dòng máu vương tộc, đệ nhất phu nhân là em gái ruột (cũng giống như pharaoh Ai Cập). Đằng sau quốc vương là cung đình do vương tộc và các thành viên khác tổ chức thành, chưởng quản sự vụ hàng ngày trên dưới của quốc gia. Nhà nước bắt nông dân nộp cống vật còn bắt phu đi xây dựng đền miếu, cung điện và đắp đường (tiến hành bóc lột đối với đại chúng lao khổ). Đồng thời với cái đó, nhà nước Incas cũng mưu phúc lợi cho nhân dân của họ, thí dụ như đem lương thực thừa tích trữ lại, đợi khi thu hoạch không tốt, lấy ra phát cho nông dân. Nghe nói, sản lượng lương thực hồi bấy giờ cao hơn thời cận đại, trong đó 1/3 lưu lại cho nông dân.

Nhân tố chủ yếu khiến đế quốc cường thịnh là sự phát đạt của đường giao thông. Lúc nhiều nhất, tổng cộng xây đắp công lộ 4 vạn km. Chỉ riêng

đường ven biển đã đến 3600km. Những lao công bị bức đi đắp đường, khi núi cao ngăn đường đào đường ngầm, trên đất đầm lầy đắp đê đập, khi gặp vách núi đứt lại dùng dây leo tạo cầu treo. Quân đội Incas dựa vào những đường sá này nhanh chóng đến các địa phương trong toàn quốc, để giải quyết mâu thuẫn và chia rẽ, duy trì trật tự. Đương nhiên người Tây Ban Nha về sau vào xâm lược, cũng được ích lợi rất lớn ở những đường giao thông thuận tiện này. Hồi bấy giờ tuy không có chữ viết, nhưng nhân viên hành chính, trên sợi dây dài, cứ mỗi khoảng cách nhất định, thắt một cái nút, dùng biện pháp đó để ghi chép số liệu và tư liệu cần thiết cho người thống trị, cái đó bản địa gọi là guifus. Thứ ký hiệu dùng nút đó là dùng số thập phân. Mà một số quan chức ghi chép lịch, cũng dùng nó giúp ghi chép những thành tựu và truyền thống của đế quốc Incas.

Mặt Trời là tín ngưỡng tôn giáo của đế quốc Incas. Trên sườn núi Mach Picchu dẫy Andes, có đền thờ Thần Mặt Trời và các thần bảo hộ. Ở đây người ta tiến hành hoạt động tôn giáo, khi ấy còn đem người sống và động vật giết để tế thần.

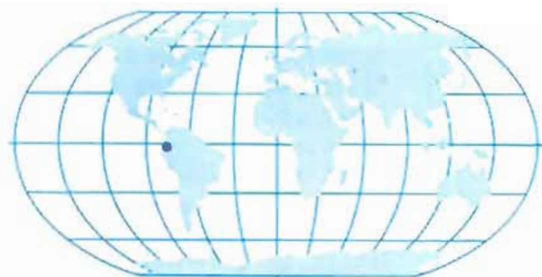
THÀNH CỦA ĐỘNG VẬT

Người Incas vào thế kỷ 13 cư trú ở Cuzco. Theo truyền thuyết, họ được Thần Mặt trời Indi phái đến nơi này định cư, bởi vì nơi này là trung tâm của thế giới. Họ đánh úp các thôn trang chung quanh và đòi vật cống. Năm 1438, lãnh tụ nhiệm kỳ đầu tiên của đế quốc Incas Babacuti cướp lấy vương miện từ tay của anh em ông. Ông và người kế thừa của ông, Tuba, dùng chiến tranh chinh phục thế giới chung quanh, xây dựng một đế quốc trung ương tập quyền lớn mạnh và xây dựng kinh đô Cizco, đường phố của đô thành đều xây thành hình trạng một con thú lớn, mà đầu của con thú lớn này là đồn trại quan trọng, saksavamen.

Đúng lúc thế lực các phái trong nước Incas bận về nội chiến, Pizarro lập tức nắm lấy thời cơ nội loạn này, bắt vua saba thống trị Incas lúc bấy giờ Atahualpa, sau khi bức bách ông ta nộp lượng lớn vàng bạc của cải, tuyên án ông ta loạn luân và phạm tội phản quốc, là đại biểu của tà ác, mà xử tử ông ta. Pizarro lại dùng vua mới bù nhìn chịu sự khống chế của Tây Ban Nha, Manco II. Sau đó nội bộ đế quốc Incas không ngừng vì tranh quyền đoạt lợi mà nổ ra nội chiến, nhưng quyền khống chế của bọn thực dân Tây Ban Nha lại không bị ảnh hưởng nghiêm trọng, một người làm saba Incas cuối cùng Tubac Amarou vào năm 1572 bị xử tử. Bộ máy tuyên truyền của Tây Ban Nha hồi bấy giờ lại ra sức gieo rắc luận điệu, một số người thống trị Incas nào đó mưu đồ lật đổ chính quyền Incas vốn có, sau khi gặp phải sự can thiệp chính đáng của Tây Ban Nha mà bị phế truất. Nhưng người Incas vẫn không quên. Đến thế kỷ 18, một thủ lãnh do dòng máu Indian và dòng máu Tây Ban Nha hỗn hợp xuất hiện, ông ta tự xưng là Tubac Amarou II, là hậu duệ hoàng tộc Incas, tổ chức tập đoàn khởi nghĩa, công khai dựng ngọn cờ chống lại nền thống trị thực dân Tây Ban Nha. Hàng ngàn người Indian đứng lên ủng hộ ông, trong cuộc trấn áp tanh máu của Tây Ban Nha, vài ngàn người hiến dâng sinh mệnh, mà Tubac Amarou II vào năm 1782, ở quảng trường Cuzco, chịu hình phạt tàn nhẫn phanh thây. Ngày nay người ta ca ngợi ông là người tiên khu giành độc lập dân tộc. Trong nhân dân Nam Mỹ có rất nhiều người coi đế quốc Incas trước khi thực dân Châu Âu đến xâm lược, là một thời đại hoàng kim.



Một cái hố hình trạng đầu báo. Nhân dân Incas dưới sự thống trị thực dân, có rất nhiều cống hiến đối với nghệ thuật Incas.



ECUADOR - XÂY DỰNG NĂM 1605

GIÁO ĐƯỜNG LỚN LANCONPANIA

Ngôi giáo đường ở Quito này hoàn toàn có thể đối địch với giáo đường Sixtine.





Sự xa hoa của trang sức vùng ngoài giáo đường thể hiện quyền uy và của cải của thực dân Âu châu xây dựng nó.

Sau khi đế quốc Incas bị xâm lược quân sự và bị chinh phục, lĩnh vực tinh thần của nó cũng bị khống chế. Tín ngưỡng tôn giáo của người bản địa bị chà đạp, họ bị bức đổi theo đạo Cơ đốc. Nam tu sĩ đạo Cơ đốc thay thế hoạt động truyền giáo Indian, trong số giáo sĩ truyền giáo có giáo sĩ truyền giáo hội Franciscan, hội Dominican hoặc hội Augustinian. Những giáo đường xây dựng thời kỳ đầu của họ là kiến trúc rất giản đơn, cho nên lễ Misa quy mô lớn tiến hành ở bên ngoài nhà. Nhưng đến những năm 50 thế kỷ 16, lao công Indian dưới sự chỉ đạo của mục sư, xây dựng giáo đường lớn.

Những giáo đường có phong cách kiến trúc Tây Ban Nha đó, tường của nó đắp giống như công sự trận địa, tựa như thành lũy bảo vệ sự nhiệt thành và trung trinh đối với thần linh, ngăn cản sự tập kích và xâm phạm của người thổ trước ở bên ngoài. Đồng thời với cái đó, do bởi mỏ vàng ở bản địa được khai thác (năm 1545 ở Potosi Peru từng phát hiện cả quả núi bạc), những giáo đường đó liền được trang sức hết sức hoa lệ, để thờ phụng thánh linh của Chúa vạn năng.

Giáo đường Laconpania ở Quito được công nhận là mẫu mực ở Nam Mỹ của kiến trúc baroque sang trọng nhất, tinh xảo nhất trên thế giới. Giáo đường khởi công xây dựng từ năm 1695, đến thế kỷ 16 mới được xây xong. Bên ngoài dưới nóc nhà lớn vàng son lộng lẫy, có từng cây cột tròn hình xoáy trôn ốc, trong vách khám có tượng tinh xảo. Mà bên trong lại được màu đỏ rực rỡ và ánh sáng vàng chiếu sáng bốn phía, tô điểm vô cùng sang trọng. Nghe nói trang sức thánh đàn, tường và bục phụ dùng khối vàng 6,4 tấn. Thánh đàn chính mang góc tròn nhỏ và 10 thánh đàn chung quanh đều mạ lớp vàng dày. Trên gỗ của giảng đàn và nhà sám hối, đều dày



Từng tấn vàng hao phí để trang sức bên trong giáo đường.

công điêu khắc hoa văn đồ án mỹ lệ. Mỗi một tấc Anh bên trong đều tô màu sắc sáng đẹp. Có một số kết cấu đan xen phức tạp rất có phong cách kiến trúc kiểu Maures.

Ngôi giáo đường lớn này ngày nay là viện bảo tàng mỹ thuật của học viện nghệ thuật Quito, được người hết lời khen ngợi. Các giáo sĩ truyền giáo hội Franciscan vào năm 1535 tổ chức trường học này trong thành phố. Những nghệ sĩ thủ công dòng máu Indian và con lai giữa Indian và Tây Ban Nha, học hội họa và điêu khắc tôn giáo kiểu Âu Châu ở đây, đương nhiên trong tác phẩm của họ, cũng không thiếu lộ ra văn hóa bản thổ. Hội họa trên trần nhà của giáo đường lớn vẫn được coi là tác phẩm có thể đối địch được với giáo đường Sixtine.



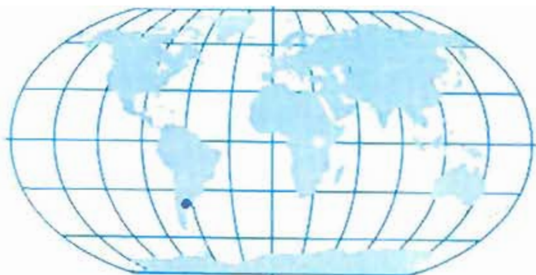
Gạch màu lam bảo thạch trang sức nóc tròn.

Một bức tranh sơn dầu tên là "Nữ thần buồn rầu", khung tranh dùng vàng và lục bảo thạch chế, món của cải lớn của loài người này ngày thường cất trong kho bảo hiểm ngân hàng, mỗi khi gặp ngày đặc biệt, mới được lấy ra trưng bày. Trong giáo đường còn giữ di thể của thánh đồ Quito, Mariana Padia Frause. Bà mất năm 1645. Bà ra đời trong một gia đình Tây Ban Nha hết sức quan tâm đến người Indian nghèo khổ. Bà một đời cam nguyện sự khổ hạnh cực kỳ tàn nhẫn và có tinh thần dâng hiến vô tư. Khi thành Quito có bệnh dịch lan rộng, bà tự nguyện hiến thân cho Thượng đế, chuộc tội cho dân. Năm 1950 Mariana được chính thức phong thánh.

Tu sĩ hội tu Friars (Thiên chúa giáo) cũng có thế lực tương đương ở Quito. Ở gần giáo đường lớn Laconpania, có giáo đường hội Franciscan kiểu baroque hùng vĩ, bên trong có càng nhiều tranh sơn dầu của học viện nghệ thuật Quito. Giáo đường hội Dominican thì nổi danh vì tượng trinh nữ nhân từ trên thánh đàn chính. Tu viện hội Augustinian sớm nhất, ngày nay thành viện bảo tàng. Trong khu thành cũ Quito, giáo đường, tu viện đâu đâu cũng có, tiếng chuông tiếp nối ngân nga, khiến người hiểu được đầy đủ thế lực của đạo Cơ đốc ở Nam Mỹ.



Phía trên đàn tế cao là tượng Đức Bà Maria.



ARGENTINA - LẠC THÀNH NĂM 1908

NHÀ HÁT LỚN COLON

Những ca sĩ siêu cấp thế giới, từ Erik Caruso đến Louisiano Pavaroti đều từng ở đại sảnh nhà hát nhộn nhịp này, trình diễn giọng hát tuyệt diệu của họ.



Đây là một trong những nhà hát diễn xuất ca kịch lớn nhất mà nhộn nhịp nhất thế giới, mà hiệu quả âm hưởng tuyệt diệu của nó càng hoàn mỹ đến mức không thêm thắt gì vào được nữa. Trên quảng trường đại lộ mồng 9 tháng bảy ở Buenos Aires, sừng sững nhà hát lớn Colon, tòa kiến trúc khổng lồ kiểu Phục Hưng điển hình. Năm 1890, khi khởi công, nó dường như chiếm cứ toàn thể khu phố thành thị, sau nhân biến động chính trị và chủ nghĩa quan liêu, khiến đến 18 năm mà chưa xây xong. Đến cuối thế kỷ 19, Buenos Aires phát triển nhanh mạnh, nhân khẩu từ 4 vạn năm 1800, tăng vọt đến 130 vạn năm 1910. Đám lớn di dân Italia và Tây Ban Nha ùa đến thành phố này. Do đó theo với sự tiến mạnh đột xuất của thành phố này, nhà hát lớn cuối cùng xây xong. Từ khi vở ca kịch đầu tiên "Anh thợ cạo thành Séville" của Rossini diễn năm 1825 ở thành phố này, ca kịch liền có lịch sử vẻ vang lâu dài ở Buenos Aires. Cuối thế kỷ 19 theo với sự phát triển bồng bột của thành phố, xây dựng nhà hát hết cái này đến cái khác, khêu gợi công trình sư Francisca Tanmupyulini nảy sinh linh cảm xây dựng một nhà hát ớn. Dự kiến xây dựng lớn lao của ông, là muốn nhà hát lớn này siêu phàm thoát tục, khiến tất cả những nhà hát đã xây dựng xong phải lu mờ. Điều không may là, năm 1892 sau khi nhà hát vừa khởi công không lâu, vị công trình sư liền mang hùng tâm của ông rời bỏ cõi đời. Sau đó có hai người nối tiếp nhau kế thừa sự nghiệp của ông. Hai người đó là Victor Mino và Julio Dormo. Ngày 25 tháng 5 năm 1908, nhà hát lớn Colon cuối cùng lạc thành. Trong khoảng thời gian đó, diễn vở ca kịch "Alda" của Verdi. Bản thân Mino miêu tả nhà hát lớn này như sau: Lấy phong cách Phục Hưng Italia làm cơ sở, trong kiến trúc kiểu Pháp của nó, thêm vào cái ung dung, hoa lệ đa dạng và một thứ siêu phàm thoát tục, ngoài ra còn gồm cả cái kiên cố kiểu Pháp. Vẻ ngoài hùng vĩ của nó lại vô cùng khéo đẹp đến mức khiến người nghẹt thở. Hành lang đá cẩm thạch có vô số cây cột tròn và từng pho tượng điêu khắc, có mạ vàng lóa mắt. Salon Dorado càng choáng lộn, được khen ngợi là "ngôi nhà

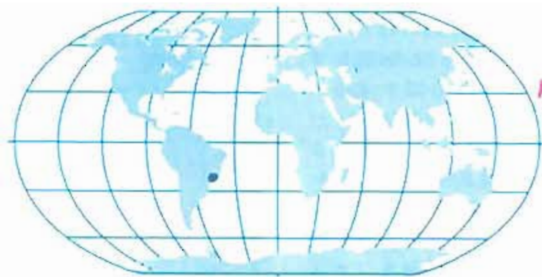

Bia kỷ niệm hình vuông nhọn chĩa thẳng lên trời, trên đại lộ mồng 9 tháng 7, để kỷ niệm ngày khởi công xây dựng thành phố này năm 1536.

Vàng", chỉ thấy đầy nhà nạm dát vàng, từng dàn đèn treo hình nhiều cạnh sáng lấp lánh chiếu cho trong nhà càng rực rỡ. Lễ đường lớn, bốn vách ánh vàng chói lọi, dưới chân trải thảm nhung đỏ, toát lên vẻ xa hoa. Ngoài 2500 chỗ ngồi của khán giả, còn có thể chứa 1000 khán giả đứng. Chỉ riêng dãy trước phòng chính đã có 632 chỗ ngồi, khoảng giữa chỗ ngồi rộng rãi thoải mái có thể để cho những khách nữ ăn mặc sang trọng, mình mặc lễ phục hoa lệ váy dài quét đất đi đi lại lại giữa các hàng ghế, mà không cần khán giả ngồi ghế phải đứng lên nhường không gian cho tiện đi lại. Ghế lô và tầng lầu từng dãy một lên đến tận tầng thứ bảy "El Pareso", tức "Thiên đường". Chỗ cao nhất là nóc tròn, trên nóc treo 600 chiếc đèn treo lớn hình nhiều cạnh, chung quanh nó trang sức của họa sĩ Argentina Ral Suldi.

Rất nhiều nhà chỉ huy dàn nhạc, nhạc sĩ sáng tác vĩ đại có danh vọng trên thế giới từng đến đây chỉ huy dàn nhạc diễn tấu. Trong số họ có: Toscanini, Richard Strauss, Pikin, Crompeler, Calayan và Bensdin v.v... Những ca sĩ nổi tiếng đến đây diễn kịch trình bày giọng hát, càng là loại "danh nhân thế giới" như Lilian, Bentz, Chaliapin, Chiri, Lut, Laymen, Lawrence Helchar, Maria Callas, John Susalanle, Elisabeth Swotsgote, Eva Harden v.v...



Nhà hát lớn hầu như chiếm cứ toàn thể khu thành thị của thành phố, vừa là sự kết hợp khéo léo các kiểu kiến trúc Châu Âu vừa là một món quà hậu hĩ của văn hóa Cựu thế giới để lại cho thế giới ngày nay.



BRAZIL - DỰNG NĂM 1931

TƯỢNG ĐIÊU KHẮC CHÚA CỨU THẾ JESUS CHRIST

Một tượng điêu khắc Jesus Christ lớn, sừng sững trên đỉnh núi cao, cúi nhìn xuống một thành phố phồn vinh.



Vào năm 1960 trước khi xây dựng Brazilia, Rio Janeiro vẫn là thủ đô của Brazil. Nhân dân Brazil đem cảnh đẹp thiên nhiên giống như cảnh tiên của thành phố này quy công cho Thượng đế. Họ nói: "Thượng đế dùng thời gian 6 ngày sáng tạo thế giới, mà đem ngày thứ bảy hiến cho Rio". Biển cả màu xanh đậm tràn đầy không khí nhiệt đới, dãy núi phía xa ôm lấy, một dải bãi cát màu trắng chung quanh mọc cây cọ xanh biếc. Thượng đế đúng là đem thiên đường mỹ lệ nhất trong mộng tưởng của người ta phú cho Rio. Nhưng cái khiến cho Rio đặc sắc hơn cả, vẫn là cái mốc ranh giới nhân tạo, một pho tượng điêu khắc Jesus Christ vô cùng to lớn. Nó cao 30 mét, bệ 7 mét, cả pho tượng điêu khắc sừng sững trên đỉnh núi hoa cương 740 mét, trên cao cúi nhìn xuống toàn thành. Trái núi này nhân hình trạng của nó mà có tên "Núi Lưng lạc đà", người bản địa gọi nó là núi Corcovado.

Năm 1921 vào dịp toàn quốc Brazil mừng 100 năm ngày độc lập, dự kiến xây dựng một pho tượng điêu khắc, lần đầu được nêu ra để bàn bạc. Lúc bấy giờ một tờ tạp chí rất được hoan nghênh, kiến nghị thiết lập một giải thưởng lớn phương án bia kỷ niệm mang tính toàn quốc. Phương án của Haikdo Dasilfa Costa chiếm giải nhất, đề nghị của ông là pho tượng Christ lớn này, vị Chúa Cứu thế dang hai cánh tay rộng lớn của Người, giống như muốn ôm lấy toàn thể thành phố và đem tình thương xót và bác ái của Người tưới cho thế giới.

Để giải quyết một loạt vấn đề khó về kỹ thuật như xây dựng và đặt tượng, các nhân viên thiết kế, công trình sư, nhà điêu khắc tụ tập ở Paris, cùng nghiên cứu thảo luận những việc có liên quan. Đặc biệt là làm thế nào chuyển pho tượng khổng lồ ấy lên đỉnh núi đá hoa cương cao hơn mực nước biển 732 mét. Mô hình vùng đầu và hai tay của tượng do nhà điêu khắc Pháp Paul Landoski chế tác, mà bộ phận cánh tay và thân thể của tượng thì ủy thác cho các công trình sư và kiến trúc sư hoàn thành. Từ những số liệu dưới đây, người ta có thể nhìn ra sự lớn lao của công trình này: đầu tượng nặng 35,6 tấn, cao 3,7 mét; mỗi cái tay nặng 9,1 tấn, khoảng cách của đầu ngón tay giữa hai ngón tay là 23 mét.

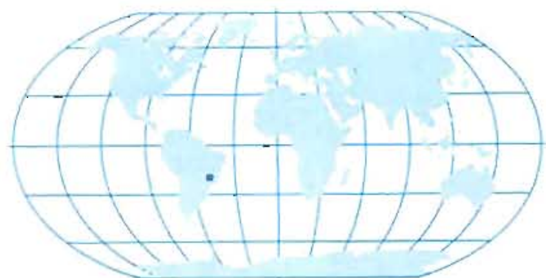
Tượng sau khi tạo xong ở Paris lại chở về Rio. Trước khi nó được cẩu lên núi Lưng lạc đà, vùng mặt của nó được ngâm trong đá xà phòng. Ngày 12 tháng 10 năm 1931, tượng đá cuối cùng lạc thành. Guglielmo Marconi chủ trì lễ lạc thành. Marconi là người thiết kế ánh đèn chiếu sáng xung quanh tượng. Vị kỹ sư rất có khiếu hài hước này, ông đem bàn điều khiển ánh sáng đặt trên một

chiếc du thuyền của ông đậu ở cảng Quino Italia cách Rio vài ngàn kilômét một cách đầy kịch tính. Sau đó, vào năm 1965, tượng lại đổi ánh đèn mới, lần này do giáo hoàng Paul VI chủ trì sử dụng ánh đèn mới. Sau đó, lại vào ngày mồng 2 tháng 10 năm 1981, giáo hoàng John Paul II lại chủ trì nghi thức kỷ niệm mừng 100 năm lạc thành tượng Jesus Christ.


Tượng Jesus Christ.

Năm 1985, Francisco Passos và Tegesra Suris xây dựng tuyến đường sắt thông đến núi Lưng Lạc đà, cách đỉnh núi 40 mét, từ chỗ này trèo 120 bậc đá, thì có thể đến nền phẳng bệ tượng, ở đây có thể tựa lan can thưởng thức toàn cảnh Rio. Bãi biển Copacabana và Ipanema ở bên phải thu hết vào đáy mắt, bên trái là quán thể dục lộ thiên Marakeno (quán thể dục lộ thiên lớn nhất thế giới) cả sân bay quốc tế, phía trước là núi Bánh mì ngọt hình dạng độc đáo.

Tượng Jesus Christ lạc thành vào dịp Brazil kỷ niệm 100 năm ngày độc lập.

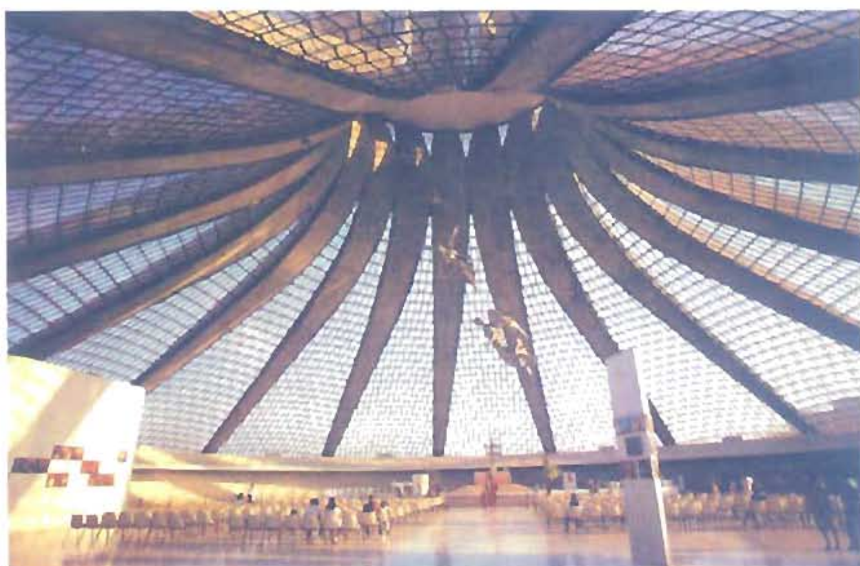


BRAZIL - XÂY DỰNG NĂM 1960

BRAZILIA

Chỉ trong ba năm, ở một nơi không ai biết, một thành phố hùng vĩ, một thủ đô hoàn toàn mới vươn lên.





Tạo hình nóc tròn của giáo đường lớn tượng trưng cho chiếc mũ miện lớn mà nhiều gai nhọn, do bậc thầy kiến trúc Brazil Oscar Nimiya, nhà thiết kế của Tổng bộ Liên Hợp Quốc ở New York, thiết kế.

Dự kiến xây dựng một thủ đô mới ở Brazil, đầu tiên nảy sinh vào thế kỷ 19. Năm 1898, sau khi nước cộng hòa Brazil ra đời, kiến nghị này được liệt vào hiến pháp. Đất đai Brazil rộng rãi, nhưng nhân khẩu và của cải chủ yếu của nó, đều tập trung ở Rio de Janeiro và vùng ven biển chật hẹp chung quanh. Dời đô vào đất liền bên trong, không nghi ngờ gì nữa sẽ là một hành động mạnh mẽ khai phát nội địa. Nhưng kiến nghị đầu tiên trước sau chưa được coi trọng. Về sau, Juscelino Kubitachek trong diễn thuyết tranh cử, đem việc xây dựng thủ đô mới coi là lời hứa hẹn, ông cuối cùng vào năm 1956 được bầu làm tổng thống.

Kubitachek không để lỡ thời cơ tuyên bố với quốc dân, Brazil nhất định phải trong vòng 5 năm, đạt tới mục tiêu lớn lao 50 năm phát triển, mà Brazilia, thủ đô hoàn toàn mới chỉ dùng thời gian 3 năm vươn lên trên vùng đất hoang vu cỏ không mọc được ở nội lục, là chứng minh tốt nhất. Ngày 21 tháng 4 năm 1960 cử hành lễ lạc, là thành thủ đô mới. Ngày nay nó đã thành một trong những thành phố đẹp nhất trên thế giới. Ưu thế về không gian của nó biểu hiện ở trong khu thành thị thoáng đãng là vườn hoa lớn mỹ lệ và đường phố cực kỳ rộng rãi, mà quần thể kiến trúc chủ yếu hai bên đường cái, càng giống như từng



Tượng võ sĩ thoi cỗ lấy cung Pranarto làm bối cảnh nghệ thuật hiện đại của đô thị hiện đại hóa.

tác phẩm nghệ thuật kiệt xuất. Cũng có người quyết đoán nơi này thiếu sinh khí và quy mô hiển lộ đặc điểm của loài người, cho nên không muốn đến định cư và công tác. Nhưng cách nói ấy e rằng vẫn là quá sớm. Một thành phố mới hưng khởi dựa theo kế hoạch xây dựng lên, chỉ có lịch sử ngắn ngủi 30 năm, đương nhiên vẫn không thể so sánh được với đô thị lớn cổ xưa đã phát triển mấy thế kỷ và có rất nhiều vật kiến trúc phong cách đa dạng khác nhau. Nhưng, điều không thể bác bỏ được là, nó cung cấp cho người ta hoàn cảnh dễ chịu và đời sống đô thị thoải mái mà thảnh thơi.



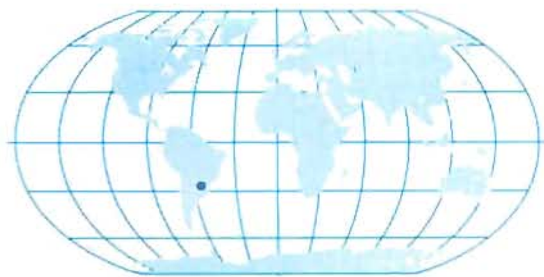
Tòa nhà Quốc hội là hai ngôi nhà lầu 28 tầng đứng song đôi

Thiết kế toàn diện của Lucio Costa là sản vật của cạnh tranh đấu thầu quốc tế, hình trạng của nó được hóa làm một chiếc máy bay hay một bộ cung tên. Có hai con đường chính, thứ nhất là tuyến chính công lộ quanh co, nó xuyên vượt trung tâm thương nghiệp và khu nhà ở, thứ hai là đường lớn nhà kỷ niệm, hai bên nó là các quần thể kiến trúc lầu chủ yếu và nhà kỷ niệm do Oscar Nimia thiết kế.

Xây dựng Brasilia là một nhiệm vụ khó khăn, bởi vì chung quanh vừa không có nhà cửa vừa không có đường sá. Đội quân lao động đến hàng nghìn người từ các địa phương trong toàn quốc đến công trường mới, không phân ngày đêm liên tục làm việc. Tất cả những cái mà họ cần thiết, đều chỉ có thể thông qua máy bay chở đến. Những người lao động này, trước khi xây xong thủ đô mới, còn dựng lên ở đây một thành thị khác, một khu lán họ sống được gọi là "thành phố tự do", nhân khẩu ở đây theo đó tăng lên rất nhanh đến 10 vạn.

Cái mà người xây dựng đầu tiên gặp là công trình đào hồ lớn Parano. Nó dài 80 km, rộng 5km, ở đây tạo ra một trung tâm vui chơi giải trí và lạc viên thể thao trên nước và có giao thông tiện lợi thông đến thành phố. Việc xây dựng tòa lầu lớn công sở, các cơ quan chính phủ và một số thiết chế công cộng được quan tâm đầy đủ. "Quảng trường ba kiến trúc lớn (là trung tâm của chính phủ, bốn chung quanh quảng trường chia ra là phủ tổng thống, tòa nhà lớn nghị viện và tòa án tối cao Liên bang). Tòa nhà lớn nghị viện là hai tòa lầu cao 28 tầng hoàn toàn giống nhau, đứng sừng sững bên nhau, bên dưới là hai kiến trúc thấp, thượng nghị viện và hạ nghị viện. Tạo hình của chúng giống như hai cái bát lớn, cái trước đặt ngửa, cái sau úp xuống. Phía ngoài tòa lầu lớn tòa án tối cao là một tượng nữ thần chính nghĩa hai tay bịt mắt. Chính giữa quảng trường là pho tượng điêu khắc "Hai Cantanco", đó là tác phẩm của nhà điêu khắc Brazil Bruno Zioki, lấy cái đó tặng cho những thanh niên và phụ nữ đã có cống hiến cho việc xây dựng thành phố này.

Chính phủ Brazil một dạo từng không thể không dùng kích thích vật chất tương đối khả quan, khuyến khích nhân viên hành chính di cư đến Brasilia. Thành phố này kế hoạch nhân khẩu cũ là 60 vạn, ngày nay đã tới 150 vạn. Thủ đô đẹp đẽ trẻ tuổi của Brazil, dùng sự tồn tại của nó, hấp dẫn người đi khai phát khu vực trung tâm và làm nên sự nghiệp lớn lao.



BRAZIL - XÂY DỰNG XONG NĂM 1982

ĐẬP NƯỚC LỚN ITAIPU

Trạm phát điện thủy lực lớn mạnh nhất thế giới chế ngự mẹ của biển, nước sông.




Cảnh sắc đẹp đẽ của thác Ignacu ở phía nam đập lớn.

Ngày mồng 3 tháng 10 năm 1982, là lần đầu tiên trong lịch sử loài người đối mặt với cuộc thử nghiệm cải tạo tổng hợp thứ nhất dòng sông to lớn như thế. Sau một tiếng lệnh, là cánh cửa khổng lồ dưới máy ép dùng chất lỏng không ngừng hạ xuống, đến cuối cùng chìm xuống đáy kênh đào Paraná. Toàn bộ quá trình thao tác chỉ 8 phút. Nước sông nhân bị giam cầm mà cuồng nộ gào thét trong đập lớn xi măng không ngừng dâng lên đến khi cao hơn mặt nước cũ 100 mét. Nước đạt tới độ cao như thế chảy ùa vào mương phân lũ chiều rộng là 300 mét, lượng chứa nước đạt tới mỗi tiếng đồng hồ 60.000 mét khối.

Sông Paraná (ý là mẹ của biển) phát nguyên ở Brazil, toàn bộ chiều dài 4830km. Nó vị trí ở phía tây nam trấn Guara, trong đó có 190km đường sông là giáp giới của Brazil và Paraguay. Nó hướng về phía hạ lưu chảy vào thác Iguacu và Argentina, sau cùng là vươn dài thành ranh giới quốc gia của Paraguay và Argentina, đi về phía nam chảy qua Argentina, sau khi vào Buenos Aires chảy vào sông La Plata. Công trình to lớn ra sức khai phát thủy lực của sông Paraná và chi lưu của nó là tiến hành ở Brazil. Tổng cộng có hơn 30 trạm thủy điện, có cái đã xây xong, có cái đang trong xây dựng, còn có cái đã liệt vào kế hoạch xây dựng - tổng lượng phát điện của chúng sẽ đạt tới 2500 vạn nghìn watt. Trong số đó còn chưa kể nhà máy phát điện cỡ lớn Itapu, nó hiện nay là nhà máy phát điện duy nhất trên thế giới công suất lên đến 1260 vạn nghìn watt. Tuy công trình Itapu là định kế hoạch trước năm 1973 giá dầu mỏ chưa lên cao vọt, nhưng giá dầu mỏ lên cao càng thúc đẩy chính phủ Brazil hạ quyết tâm nén bớt tiêu hao dầu mỏ, ra sức khai phát và lợi dụng nguồn vốn thủy lực trong nước tiến hành phát điện.

Nhà máy phát điện do một

công ty tên Itapu Pinaono điều khiển. Đó là một xí nghiệp hợp tư, vào năm 1973 do Brazil và Paraguay cùng xây dựng và chung hưởng điện năng. Cái tên Itapu rất có ý thơ, hàm nghĩa của nó là "đang ca hát" - khi nước sông cuồn cuộn về phía trước, sóng nước đập vào vách núi mà phát ra từng hồi ca hát vui vẻ. Đập nước bê tông vô cùng to lớn (gấp 5 lần đập nước Aswan) vị trí ở chỗ cách thác Iguacu 20km về phía bắc. Nó dài đến 8km, cao 225 mét cơ hồ tương đương với tòa lầu cao 75 tầng. Dòng sông ở đoạn này rộng 400 mét, sâu 60 mét. Khi xây dựng đê lớn, người ta cho nổ sập đất bằng, bửa thông vách núi, tạo nên một sông đào dài 2km, rộng 150 mét, khiến nước sông đổi đường. Công trình này hoàn thành năm 1978. Tháng đầu năm 1979 liền lao vào công trình dựng đập. Máy phát điện của nhà máy phát điện này lớn nhất thế giới, công suất mỗi cỗ máy 70 vạn nghìn watt.


Nước sông bị đập lớn vây khốn cuốn lên sóng ngàn trượng, bọt nước bắn tóe, gầm thét, sôi sục.

Đồng thời với xây dựng đập này còn đào một hồ nhân tạo chiếm đất 1350 kilômét vuông, đồng thời còn từ trên 300 công trường đào ra cổ vật văn hóa 6000 năm trước, có hàng nghìn động vật sống hoang dã sau khi bắt được lại được thả về khi bảo hộ tự nhiên bên bờ hồ. Ngày nay người ta đang mang trồng 20 triệu cây ở đây. Đập lớn là hồ nhân tạo sớm đã thu hút rất nhiều du khách, lưu lượng khách lên đến một năm là 70 vạn người.

Đập nước trong khi đang xây dựng.

AUSTRALIA VÀ CHÂU ĐẠI DƯƠNG



Những tượng này hoặc có thể là tượng thần, hoặc có thể là tổ tiên. Nhưng từ lúc toán người Châu Âu đầu tiên đến đảo Phục sinh, những tượng đá này đã thành một câu đố không giải nổi.

Thái Bình Dương chiếm đất 166 triệu kilômét vuông, so với tổng hòa diện tích toàn bộ lục địa trên trái đất còn lớn hơn. Hơn 1 vạn đảo san hô và đảo nhỏ hình thành sau tác dụng của núi lửa, lấm tấm rải rác trong nước biển mênh mông của nó. Những đảo ấy là trường sở được loài người định cư muộn nhất, sau đó người Châu Âu phát hiện ra chúng và thực hành thống trị thực dân đối với chúng. Bởi vậy chúng cũng thành nơi thoát khỏi ách thống trị thực dân cuối cùng trên thế giới.

Những dân đảo trên Thái Bình Dương, thời gian dài đến nay vẫn đều là những nhà hàng hải xuất sắc nhất. Họ vẫn cứ tràn đầy tự tin, dùng thuyền độc mộc và chèo trên biển cả mênh mông, dựa vào mặt trời, sao triều lên triều xuống, chim đi chim về chỉ đường đi biển.

CÁC NHÀ HÀNG HẢI THỜI ĐẠI XA XƯA

Tổ tiên người thổ trước Châu Đại Dương, vào khoảng 4 vạn năm trước từ Đông Nam Á đến Australia, họ là những người định cư sớm nhất trên mảnh đất này. Nhưng, khi toán thực dân Châu Âu đầu tiên đây, nhân khẩu của họ nghe nói đã xuống đến 30 vạn.

Người ta tin rằng, 2 vạn năm trước, nguyên quán người định cư trên Thái Bình Dương cũng là Đông Nam Á. Trước thế kỷ 1 công nguyên một quần đảo chủ yếu ở phía Tây Thái Bình Dương phần nhiều đã có người cư trú. Từ thế kỷ 5 đến thế kỷ 10, người ta họp thành đám dời về phía đông, vượt qua Thái Bình Dương, đến trên đảo phía đông định cư. Những nhà hàng hải thời đại xa xưa ấy đem thuyền độc mộc của mình đầu đuôi nối liền với nhau, biến thành bè gỗ, chở heo, chuối và hạt giống cây quả bánh mì, đến cơ ngơi mới gieo trồng, vun bón.



Người Maori coi nhà thờ là người "sống". Mặt nạ này là vùng đầu của người nhà thờ "đang sống" ở vịnh Nghèo khó.

Do đó, New Zealand, Hawaii, cũng có thể bao gồm cả đảo Phục sinh, cũng có người định cư như vậy. Trong mấy thế kỷ khoảng từ năm 100 đến năm 1600 công nguyên, người trên đảo Phục sinh sáng tạo ra câu đố của thế giới - tượng đá không sao đếm xuể, 3,5 - 4,6 mét hoặc có thể cao hơn, được xếp trên mặt đất phẳng chúng từng cái một đều đăm đăm nhìn Thái Bình Dương mênh mang. Không ai hiểu những người thời cổ ấy tại sao phải làm như vậy, cũng không

ai giải thích nổi họ vì sao mà ngừng cách làm ấy và đem những điều khắc đá chưa hoàn thành vứt bỏ trên bãi đá. Đến khi người Châu Âu đến, cũng trước sau không thể khiến người trên đảo có bất kỳ sự giải thích nào đối với điều này, cũng có thể họ không biết? Hoặc cũng có thể họ không muốn nói?

Câu đố khiến người tốn công tìm hiểu còn xuất hiện ở Nan Mador thuộc quần đảo Carolines - một nơi theo người ta gọi là Venise trên Thái Bình Dương. Ở đây những người thống trị một triều đại nào đó dùng đá chất tạo gần trăm đảo nhỏ nhân tạo, chung quanh đảo có đê biển cao 9 mét, giữa chúng còn có kênh thông với nhau. Xem ra nơi này ban đầu giống như một trường sở hoạt động tôn giáo, bởi vì có đền miếu và bia mộ. Ngoài ra trên đảo Lirubu cũng có trường sở loại như vậy.

VƯỜN EDEN ĐÃ MẤT

Người da trắng đi biển trên Thái Bình Dương và đến Mũi Horn sớm nhất là chuyến đi của Magellan (mũi Horn là do Magellan đặt tên). Tiếp theo đó, một số nhà thám hiểm Châu Âu cũng bắt đầu đi biển về phía Viễn Đông, mưu đồ tìm được của cải như trong thần thoại. Người nào đó trong số họ đặt tên cho những đảo này là đảo Salomon, người này tin rằng mỏ kim cương trong truyền thuyết về quốc vương Salomon, rất có thể ở trên những đảo này.

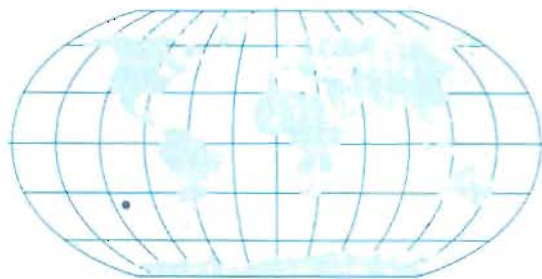
Châu Đại Dương là do người Hà Lan hồi thế kỷ 17 phát hiện và gọi nó là Tân Hà Lan. Abel Tasman phát hiện Fiji và từng đậu ở New Zealand, nhưng người Maori ở bản địa mang đầy ý thù địch đối với ông. Thuyền trưởng James Cook thì vào khoảng năm 1768 đến năm 1779, đã có ba chuyến đi biển vĩ đại, ông khai phát càng nhiều nơi trên đảo Thái Bình Dương, còn yêu cầu đem New Zealand và Australia quy thuộc Anh quốc. Ông bỏ mạng trong một cuộc xung đột nhỏ ở Hawaii, chết năm 1779.

Đến năm 1788, có một bộ phận nhỏ người Anh, đến định cư ở Cofa thuộc Sydney Australia. Trong 750 người đó có tội phạm giết người, trộm cắp và kỹ nữ v.v... họ đều là phạm nhân bị sung quân. Mãi đến thế kỷ 19, vẫn có từng tàu một chở phạm nhân bị phát phối đến Châu Đại Dương. Những người này và tổ tiên của họ và con cháu họ ngoài việc xây dựng nên chính thể dân chủ thành công nhất trên thế giới, còn xây dựng một trong những kiến trúc mỹ lệ nhất trên thế giới, khắp nơi nghe tiếng - nhà hát ca kịch Sydney.

Khi toán người Châu Âu đầu tiên đến đây, tất cả những người ở Australia và trên các quần đảo Châu Đại Dương, còn ở vào thời đại đồ đá cổ xưa. Những người đến thăm từ vườn Eden trên những quần đảo vây quanh màu lam sậm, đá san hô mỹ lệ, cây cọ xanh biếc, bãi cát trắng phau và những thiếu nữ niềm nở, đáng yêu. Nhưng vườn Eden tốt đẹp đó đã bị tàn phá. Trong hoàn cảnh người Châu Âu vào xâm lược, cướp bóc kinh tế, tôn giáo thẩm thấu và bệnh tật lan truyền, mảnh vườn Eden đó không tồn tại nữa. Ngày nay nghiệp vụ du lịch đại quy mô đang hoàn thành sứ mệnh này.



Ráng chiều màu tím từ từ buông màn xuống nhà hát ca kịch Sydney mỹ lệ.



CẢNH QUAN XUẤT HIỆN VÀO THẾ KỶ 11 ĐẾN THẾ KỶ 16

ĐẢO PHỤC SINH

Những tượng đá khổng lồ này lặng lẽ đứng, đăm đăm nhìn Thái Bình Dương một cách thần bí.



Trên đảo Phục sinh có một số hiện tượng hiếm lạ cổ quái khiến người khó hiểu, cái đó chứng minh đầy đủ hiện thực thường thường ly kỳ hơn tiểu thuyết. Nó là đảo núi lửa, hình trạng hơi mang hình tam giác, thể tích là 16 x 18 x 24km, một mình lặng lẽ nằm trong Thái Bình Dương, cách nơi loài người cư trú xa đến vài nghìn cây số. Năm 1722 khi người Âu Châu trong ngày chủ nhật lễ Phục sinh lần đầu lên đảo này, cái đầu tiên nhìn thấy là một số tượng đá khổng lồ không đếm xuể xếp thành hình tròn vây quanh đảo, chúng nhìn biển cả phía xa một cách khó hiểu. Những người trên đảo hữu hảo giơ đuốc lửa chào đón những người đến thăm lên bộ. Dưới ánh lửa chiếu, thuyền trưởng Jacob Roggeveen và các thủy thủ Hà Lan của ông phát hiện những dân đảo này có ba giống người: da đen, da đỏ và da trắng mọc tóc đỏ. Trong số họ có một số người trên dái tai đặc biệt dài đeo vòng tai giống như mâm tròn. Những người này dường như đặc biệt kính sợ tượng khổng lồ. Họ rất hữu hảo, chẳng qua chỉ là vẫn muốn chiếm làm của mình những thứ đưa tay ra là tới. Trên đảo dường như không nhìn thấy phụ nữ, mà một bộ phận rất lớn trong số nhân khẩu tựa hồ chui vào trong hang dưới lòng đất, khiến người không nhìn thấy.

Năm 1770 khi một đội thám hiểm người Tây Ban Nha xuất phát từ Peru đến đảo này, cũng từng có phát hiện giống như thế. Người trên đảo vẫn rất hữu hảo, ruộng đất cũng cày bừa được rất tốt. Nhưng cách bốn năm sau, khi thuyền trưởng Cook đến, tình hình khác hẳn. Trên đảo trước vốn vừa không có vũ khí vừa không có chiến tranh, những con người chán chường ủ rũ, đứng trên đất đai đã hoang vu, tay cầm gậy gỗ và giáo dài, mang đầy ý thù địch. Những tượng đá khổng lồ ấy không được người sùng kính nữa, bị xô đổ xuống đất. Đến thế kỷ 19, nơi này thành nơi lui tới của những lái buôn nô lệ.

Đến lúc đảo Phục sinh bị xâm lược, tàn phá, sắp bị hủy diệt, thế giới Tây phương cuối



Một dãy tượng đá trầm tư nhìn ra biển.

cùng mới bắt đầu nghiên cứu mọi cái về nơi này, nghiên cứu về người trên đảo và văn hóa của họ. Giáo sĩ truyền giáo Tây phương truyền bá đạo Cơ đốc cho những người may mắn còn lại trên đảo, thuyết phục họ vứt bỏ tín ngưỡng đối với thần Mek Mek mà đổi sang tin Chúa Jesus. Mục sư khi truyền giáo phát hiện trong nhà người bản địa thờ một tượng thần nhỏ, nhưng rõ ràng họ không cử hành tế lễ long trọng gì với tượng thần này. Và sau phát hiện được ván gỗ khắc văn tự tượng hình, điều đó chứng tỏ người trên đảo biết viết chữ. Có một số ván gỗ loại này bị phán xử là công cụ tuyên truyền tà giáo mà bị hủy hoại. Ngoài ra có một số may mắn được bảo tồn lại. Có một số kinh văn được người bản địa gọi là "rongo rongo", là một số văn tự khắc trên ván gỗ, dòng thứ nhất trước viết từ trái sang phải, dòng dưới lại viết từ phải sang trái, lấy phương thức đổi hàng đổi phương hướng viết tiếp. Còn như hàm nghĩa của những phù hiệu tượng hình ấy, thì trước sau vẫn là một câu đố không giải nổi.

Nhưng cái thần bí nhất trên đảo Phục sinh vẫn là 1000 tượng đá khổng lồ mà người bản địa gọi là moal. Trong số đó không ít pho cao đến 3,7 - 4,6 mét nặng khoảng 20,3 tấn, còn có pho lớn hơn, đến 9,8 mét, nặng 91,5 tấn. Những tượng đó vùng đầu rất lớn, cằm lồi ra ngoài, tai kéo xuống dưới rất dài. Có một số tượng vùng đỉnh có tảng nham thạch đỏ, giống như đội một cái "mũ". Ngoài ra ở một hang đá còn phát hiện một số tượng bán thành phẩm.



Dựa theo cách nói truyền thống, những tượng này chế tác người dái tai dài và người dái tai ngắn coi như tiêu chí cuộc chiến tranh của họ kết thúc.

Người ta vẫn đang suy nghĩ, người trên đảo Phục sinh cổ đại, rốt cuộc sử dụng phương pháp gì, mới dời chuyển được những tượng đá lớn như thế (truyền thuyết của bản địa không cho phép tranh cãi nói tượng đá tự đi đến)? Điều tra chứng tỏ trọng tâm tượng nghiêng về thấp, cho nên chỉ cần 15 người dùng thừng là có thể nâng nó lên và nhanh chóng di động. Những tượng đá này đều không có chân. Điều trùng hợp thú vị là, trong ngôn ngữ đảo Phục sinh có một động từ, ý của nó là không dùng chân để bước chậm về phía trước.

Về chế tạo và di chuyển tượng đá đã không còn là một câu đố nữa. Nhưng đến nay điều khiến người ta suy nghĩ mãi mà không hiểu nổi là: tượng đá rốt cuộc đại biểu cho cái gì? Đại biểu cho thần linh, hay là đại biểu cho tổ tiên của họ? Chúng vì sao đăm đăm nhìn về biển cả phía xa? Về điều đó, tượng lại trước sau im lặng không nói.



QUẦN ĐẢO CAROLINE - THẾ KỶ 12

NANMEDOR

Một Venise trên Thái Bình Dương - một thành đá cổ đại có mạng lưới đường nước.





Người xây dựng nó là những người thống trị có một nền văn minh cao độ đã tiêu vong.

Quần đảo Micronesia có hơn 2000 đảo, rải rác ở khoảng xích đạo và chí tuyến bắc trên Thái Bình Dương. Punenpe là một trong số đó, diện tích là 337 kilômét vuông, nhân khẩu chừng 1 vạn, ở đây có rất nhiều cảnh đẹp thiên nhiên, có cảnh sắc núi lửa và thực vật cực kỳ phong phú nhiều vẻ (đó là do khí hậu trên đảo tạo thành, ở đây lượng mưa một năm tới 838cm). Mà khiến Punenpe đặc biệt nổi tiếng bởi vì nó có một vùng dân cư cổ đại không giống với các nơi khác - Nanmedor.

Nanmedor khoảng hơn 100 ngòi rãnh nối liền đảo nhỏ nhân tạo tổ chức thành, được ca ngợi là Venise trên Thái Bình Dương, từ rất lâu về trước, có thể là thế kỷ 12, những người thống trị vương triều được gọi là Satrus bắt đầu xây dựng đảo, và dựng nhà cửa bên trên. Vật liệu kiến trúc của họ là đá đen, đó là một thứ nham thạch dạng cột hình tam giác rất kỳ quái có trên đảo Punenpe.

Những người xây dựng Nanmedor không chỉ có thể vận chuyển lượng lớn nham thạch một cách hoàn chỉnh, mà còn có thể khéo léo sử dụng những đá này. Đảo nhỏ nhân tạo này có đê phòng sóng dày công xây đắp, cao 9,1 mét, là dùng từng lớp cột đá đen đắp xây mà thành. Những đê phòng sóng này dùng để bảo vệ nhà cửa, những nhà cửa ấy cũng là dùng đá đen dựng. Nhìn từ di tích hiện đại, ở đây từng có một quần thể cư trú, nghi thức tôn giáo là một bộ phận quan trọng trong đời sống của họ.

Rất ít có dấu vết sinh hoạt gia đình lưu lại, nhưng đã phát hiện đền miếu, lăng mộ và di chỉ xem ra dường như là công sở nhà nước.

Thần Sấm ở đây được sùng bái (điều đó không đáng cho là lạ, bởi vì lượng mưa rất nhiều), trong ao thiêng liêng dường như đã nuôi nhiều loại sinh vật ở biển. Một con lươn thiêng đóng vai chính trong một nghi thức, nghe nói con lươn này được nuôi bằng một món ăn ngon - một con rùa đã nấu chín. Nanmedor là nơi có những lăng mộ dày công xây dựng, ở đây có bốn lăng mộ từng cái tách rời nhau, chung quanh có tường cao che chở, đó là vật kiến trúc lớn nhất hiện còn có thể nhìn thấy. Rất nhiều kiến trúc đã nhìn không ra chiều cao vốn có của chúng.

Nanmedor có thể tốn thời gian dài đến 300 năm mới xây dựng xong cột đá đen nặng từ bãi khai thác đá đảo Punenpe vận chuyển đến Nanmedor ở đầu mút phía đông nam bờ biển (đánh giá là phải cố hết sức đi qua đường thủy). Trên đảo Micronesia không có nguồn kim loại cho nên cắt xẻ tảng đá và thành hình là không dùng công cụ kim loại.

Trong một thời kỳ nào đó, những người thống trị vương triều Satrus bị đuổi ra khỏi Nanmedor, không ai biết rốt cuộc lúc bấy giờ xảy ra chuyện gì, nhưng trong truyền thuyết dân gian nhắc đến sự tham dự của Thần Sấm, để ám thị Nanmedor từng bị người trên một đảo khác tên Kosée ở phía đông nam đến đánh chiếm. Khi người Âu Châu và người Mỹ Châu từ thế kỷ 19 bắt đầu tiến hành thăm dò nơi này, Nanmedor đã bị bỏ rơi. Ngày nay tuy đáp tàu dọc theo đường thủy đến xem những di tích còn sót lại ở đây không khó khăn, nhưng những người trên đảo tin rằng đây là một nơi quỷ quái ẩn hiện.

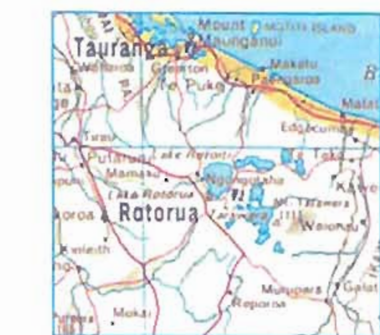


Hệ thống ngòi rãnh rải đầy đảo nhỏ nhân tạo nơi này vốn trước là một trung tâm tôn giáo.

NEW ZEALAND · BẮT ĐẦU XÂY DỰNG TỪ NĂM 1880

ROTURUA

Chung quanh suối phun núi lửa và đầm lầy sôi sục, nở rộ bông hoa nghệ thuật truyền thống của người Maori.



Hơn 100 năm trước, khu vực Roturua chỉ là một mảnh đất đầm lầy và bụi cây nước hoang vu. Ở đây khắp chốn đều là suối phun núi lửa bốc lên hơi nước sôi và suối nước nóng tỏa ra mùi lưu huỳnh cháy, nước suối nóng đến bỏng da. Ngày nay bốn chung quanh nó bóng cây xanh ôm ấp, thành một trong những thắng cảnh du lịch quyến rũ nhất của New Zealand.

Trước khi thực dân Âu Châu đến đây, đây là nơi bộ lạc Avara người Maori đời đời cư trú mấy thế kỷ, đến nay nó vẫn là trung tâm của văn hóa truyền thống người Maori. Hồi bấy giờ, bộ lạc Avara nhận giúp đỡ người Anh đánh những người Maori khác, mà bị các bộ lạc tấn công. Người Âu Châu tin rằng suối nước nóng ở đây là có ích cho sức khỏe của thân thể con người, cho nên nảy sinh hứng thú nồng nàn đối với chúng. Do đó vào năm 1880, chính phủ New Zealand và người Avara ký hiệp nghị, ở bên cạnh hồ Roturua, xây dựng một nơi điều dưỡng suối nước khoáng, cái đó là hình thù đầu tiên của thành phố này ngày nay.



Một trong những suối phun núi lửa.

Ở thôn xóm người Maori cư trú sớm nhất, có một nhà thờ, xây dựng từ thế kỷ 19, trên vật kiến trúc có điêu khắc gỗ tinh xảo. Điêu khắc gỗ được coi là nghề thủ công truyền thống quý giá nhất của người Maori. Nó là một môn nghệ thuật tôn giáo. Nghệ thuật điêu khắc gỗ thể hiện sinh động thần thoại lưu truyền rộng rãi trong dân gian hồi bấy giờ trước mắt mọi người, khiến thần thoại được dồi dào và biến thành vĩnh cửu. Nghề thủ công điêu khắc gỗ hồi bấy giờ bị hạn chế nghiêm ngặt trong thế giới đàn ông. Phụ nữ thậm chí không cho phép nhìn xem thao tác của thợ.

Đền thờ là trung tâm văn hóa tinh thần của thôn trang Maori và được người Maori phú cho sinh mệnh: bên trong của nó được coi là thành xoang bụng, xà ngang của nó là cột xương sống mà trang sức mặt người ở dưới mui chống lên là vùng đầu. Đền thờ trang sức rất dụng công, có điêu khắc gỗ và hội họa khéo đẹp, biểu hiện thần linh, tổ tiên và một số sự kiện quan trọng trước đây, cái đó ghi lại lịch sự của bộ lạc và thể hiện tinh thần của nó.

Kỹ thuật cao siêu của thợ thủ công Maori, được thể hiện đầy đủ trong giáo đường Cơ đốc. Như giáo đường Saint Phis trong thành Ohenometu kiến trúc kết cấu nửa gỗ xây năm 1910 này, đặc điểm của nó là trang sức bên trong giáo đường có điêu khắc gỗ phong phú nhiều vẻ và rất nhiều vật treo hàng dệt mỹ lệ. Trên một

cửa sổ điêu khắc Jesus khoác áo khoác không tay lông vũ của tù trưởng Maori, đi trên mặt nước hồ Roturua. Phía ngoài giáo đường là nơi an táng tù trưởng Maori, mộ địa nằm ở chỗ cao hơn mặt đất, để giảm bớt sự xâm thực của nước sôi.

Ngày nay ở học viện công nghệ Maori Vak, nghệ nhân thủ công thế hệ trẻ đang nỗ lực học tập nghề thủ công Maori truyền thống, học điêu khắc gỗ và dệt. Học viện tọa lạc ở thôn Maori, chung quanh dựa theo tập tục truyền thống quây lán gỗ cao cao, đường thông vào học viện tỏ ra trang nghiêm, có những vật điêu khắc động vật kỳ hình quái trạng và các thứ đầu, còn có tượng điêu khắc một đôi tình nhân trong truyền thuyết thần thoại. Trong nhà thờ có diễn viên mặc phục trang dân tộc Maori, biểu diễn ca vũ dân gian của người Maori. Bốn chung quanh là suối phun núi lửa, suối nước nóng không đếm xuể và một số đầm lầy sôi sục bốc hơi nóng cuồn cuộn, còn có người giống như người Maori cổ đại, biểu diễn cử động dùng hơi nước sôi chung quanh nấu cơm.

Trung tâm điều dưỡng suối nước khoáng của người Âu Châu là tháp Doric, kiến trúc phỏng theo kiểu Doric này ban đầu là một nhà tắm công cộng. Ngày nay chung quanh nó vườn hoa vây bọc, có bãi cỏ sân bóng gỗ lăn và bãi bóng chày. Những bãi cỏ xanh rất có đặc sắc của bãi cỏ Anh quốc, vừa nhìn đã khiến người ngỡ mình đang ở Anh quốc, mãi đến lúc bạn nhìn thấy nước ao đang bốc lên hơi nóng sùng sục, mới sẽ chợt tỉnh ra.

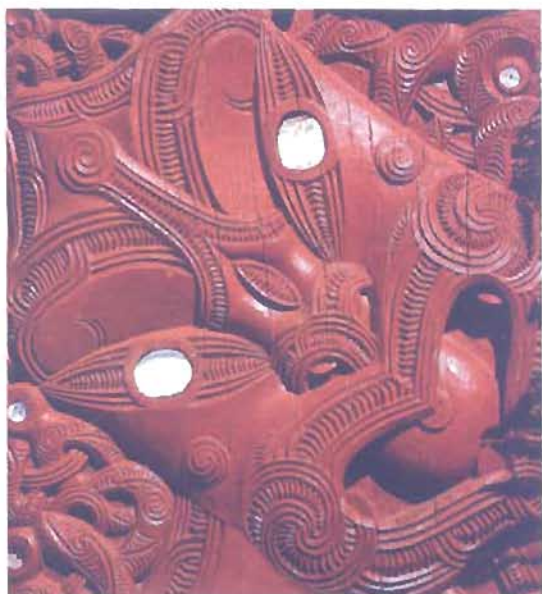


Một nhà thờ ở Roturua.

NGƯỜI MAORI Ở NEW ZEALAND

NHỮNG VÕ SĨ MAORI TỪNG TẮM MÁU QUYẾT CHIẾN BẢO VỆ LÃNH THỔ NHƯNG BỊ THẤT BẠI

Theo truyền thuyết của người Maori, tổ tiên của họ là từ một đảo tên Hawaki (Hawaki này không phải là Hawaii, mà là quần đảo Society gần đảo Tahiti) đến New Zealand. Vào khoảng trước sau năm 1350, tổ tiên người Maori đáp 7 chiếc thuyền độc mộc dài, mang theo chó và chuột, đó là những động vật mà ở New Zealand trước đó không ai biết, dưới sự dẫn đầu của thủ lĩnh đảo Tahiti Dicapova. Ngày nay nhà thờ ở Ohinimesi là lấy tên ông ta đặt tên.



Khắc gỗ, nghề thủ công Maori này hoàn toàn hạn chế nghiêm nhặt trong thế giới đàn ông.

Các nhà khảo cổ học đã phát hiện ở thời điểm sớm hơn, vào khoảng thế kỷ 8 công nguyên, người Polynesia từng vượt qua Thái Bình Dương mênh mông đến New Zealand. Nhưng người Maori ngày nay vẫn cứ truy tầm dấu vết tổ tiên của họ từ "đội thuyền lớn".

TIỆC MỪNG CÔNG ĂN THỊT ĐỒNG LOẠI

Trước khi người Châu Âu đến, người Maori phân tán ở 40 - 50 bộ lạc, mỗi bộ lạc có rất nhiều phần bộ lạc, tù trưởng thế tập là thủ lĩnh của bộ lạc. Họ ở trong nhà mái tranh, bốn chung quanh nhà quây rào gỗ, đào ngòi rãnh, chung quanh thôn đắp thành lũy phòng thủ.

Đây là xã hội võ sĩ của đàn ông thống trị, dũng khí, trung thành và danh dự là tất cả. Giữa bộ lạc không ngừng xảy ra chiến tranh, vũ khí sử dụng là đao kiếm, côn gỗ và côn đá, một bên chiến bại, trong số họ bất kể đàn ông, đàn bà và trẻ con đều bị giết chết và bị ăn thịt, nghe nói những người ăn thịt đồng loại là những người thắng lợi, do thế hấp thụ được sức sống và sức mạnh tinh thần của người bị ăn thịt.

Võ sĩ Maori là người hiếu chiến, nói năng giỏi và thích báo thù. Họ đều phải chịu nỗi khổ xăm mình, vùng mặt bị khắc sâu hình hoa văn xoáy trôn ốc, và trên vết thương banh da nứt thịt bôi lên các thứ màu sắc.

Trên người tù trưởng Maori tỏa ra một thứ hơi thánh nguy hiểm mạnh mẽ. Thí dụ như khi bóng của tù trưởng in vào ngôi nhà có chứa thực phẩm, cả ngôi nhà ấy và ngay cả những vật chứa trong ngôi nhà ấy đều bị thiêu hủy. Mà hai tay của người bới tóc cho tù trưởng trong một đoạn thời gian không được phép đụng vào bất kỳ vật gì, do đó ông ta chỉ có thể để người bón cho ăn giống như trẻ thơ.

CHIẾN TRANH CỦA NGƯỜI MAORI

Nhà thám hiểm Hà Lan đầu tiên đi biển đến Châu Đại Dương, Abel Tasman vào năm 1642 phát hiện ra đảo này, trước đó, người Châu Âu không biết New Zealand và người Maori, một số người cùng đi với ông lúc bấy giờ bị người Maori sát hại, ông liền cho thuyền chạy trốn. Cho nên cái tên New Zealand là người Hà Lan đặt cho. Năm 1769, thuyền trưởng Cook đến đây và tuyên bố đất này thuộc Anh quốc.

Do đó hết tốp này đến tốp khác người da trắng đến New Zealand, họ ở một số nơi ven biển đặt trạm đánh cá voi. Các

thủy thủ bắt ăn thịt cá voi một cách vô tình đến khi chúng gần tuyệt chủng. Ngoài ra ở đây không có chính quyền cũng không có pháp luật, cho nên thành một nơi tị nạn của những phạm nhân bị truy nã và kẻ lang thang. Những người mới đến bán cho người Maori rượu và súng ống, đó là vũ khí mà người Maori dùng để giết nhau hồi chiến tranh giữa các bộ lạc. Người Maori đối với một số bệnh tật và bệnh sởi của Châu Âu không có sức đề kháng, do đó trong số họ có một số người mắc bệnh mà chết.

Các mục sư đạo Cơ đốc truyền bá đạo Gia Tô cho người bản địa, nhưng người Maori ban đầu rất ít hưởng ứng, trên mảnh đất không có pháp luật và không bị pháp luật kiềm chế này cuối cùng vẫn phải chịu sự can thiệp của đế quốc Anh, họ cử William Haboson đến thống trị đất này. Năm 1840 William ký với 45 tù trưởng bộ lạc Maori hiệp định Waitangi quy định cung cấp trường sở định cư cho người Châu Âu với điều kiện không xâm phạm quyền lợi của người Maori. Sau đó số người Maori tin theo đạo Cơ đốc tăng mạnh.

Theo với việc người định cư Châu Âu ngày càng tăng, thừa dịp chiếm dụng ruộng đất và tiến hành canh tác, mâu thuẫn giữa đôi bên càng kịch liệt, cãi cọ xung đột thường thường tiến tới đánh nhau, thậm chí phát triển thành chiến tranh quy mô nhỏ. Những năm 40 thế kỷ 19, các tù trưởng cực kỳ phẫn nộ trên đảo đứng lên khởi nghĩa, nhưng bị bọn thực dân dưới quyền Georges Gori trấn áp. Khoảng năm 1869 đến năm 1872 xảy ra từng loạt cuộc chiến tranh phản kháng, để đánh bại võ sĩ Maori. Anh không thể không điều động quân đội và chiến thuyền đến đảo. Trên đảo có một số bộ lạc bầu ra Potato 1 làm quốc vương của họ vào năm 1867 tiến hành khởi nghĩa vũ trang. Phong trào phản kháng "Hou Hou ("Hou Hou" là dựa vào tiếng gào thét của người Maori khi tác chiến mà đặt tên) biểu hiện sự cuồng nhiệt và dũng cảm của người Maori. Năm 1868, người bản địa lại tổ chức lên phong trào "Sweincado" kết hợp giữa văn hóa truyền thống Maori với tín ngưỡng đạo Cơ đốc.

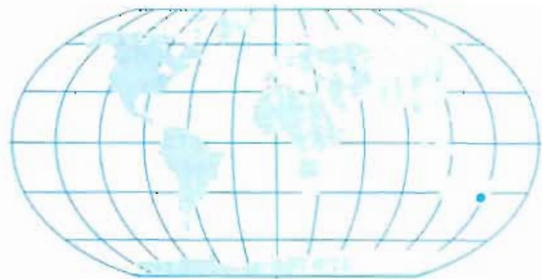
Người da trắng chiếm ưu thế về kỹ thuật lại không địch nổi sự dũng cảm của người Maori. Năm 1872 khi chiến tranh chung kết, người Maori mất đi mảng lớn đất đai tổ tiên họ để lại. Người Maori coi đất đai dưới chân họ đời đời truyền nối mà không thuộc bất kỳ cá nhân nào. Xã hội truyền thống Maori nhân người Châu Âu đến và sự thâm nhập của tôn giáo mà bị tiêu hủy. Nhưng vấn đề "cướp đoạt ruộng đất" của người da trắng mãi đến thế kỷ 19 còn khơi lên căm hận trọng những người Maori ngày nay.

Nhìn từ một phương diện khác, người Maori đi vào xã hội Âu châu thành công hơn so với người thổ trước Australia. Người Maori với người Châu Âu nhào trộn, lẫn lộn với nhau, kết hôn với nhau. Ngày nay người thuần dòng máu Maori cơ hồ không tồn tại, mà trong số dân đảo New Zealand ngày nay đại đa số có dòng máu Maori.



Bên trong nhà cầu nguyện Rotorua hoặc gọi là "trong xoang bụng" chỗ nào cũng có thể thấy trang sức khắc gỗ phong phú nhiều vẻ.

AUSTRALIA - XÂY DỰNG NĂM 1973



NHÀ HÁT CA KỊCH SYDNEY

Giống như một con thiên nga trắng vô cùng to lớn siêu phàm thoát tục chế bằng bê tông cốt thép, đang dang cánh muốn bay



Thiết kế nhà hát ca kịch Sydney, năm 1959 từng hấp dẫn 222 đối thủ cạnh tranh 32 quốc gia trên thế giới. Người cuối cùng thắng cuộc là nhà thiết kế kiến trúc Đan Mạch ít được người biết. Chunn Utson, năm ấy ông mới 40 tuổi. Giống như rất nhiều người dự thi khác ông chưa hề đến địa điểm hiện trường, chỉ là dựa theo ảnh mà tiến hành thiết kế. Linh cảm của ông, một phần là bắt nguồn từ những chấm thuyền buồm ở cảng Sydney rộng rãi mà đẹp đẽ, mà một phần khác linh cảm là bắt nguồn từ đền miếu mà trước đây ông nhìn thấy ở Mexico.



Đằng sau nhà hát là cầu lớn của cảng Sydney.

Thiết kế của Utson dù cho không phải là cái lạ lùng độc đáo nhất, nhưng muốn thể hiện được yêu cầu thiết kế của nó, từ kỹ thuật mà nói, là khó khăn hơn cả. Ngụ ý của ngoại hình vật kiến trúc và giá thành không ngừng tăng lên của nó, dẫn tới sự hiếu kỳ và quan tâm cực lớn của mọi người. Trên đường phố lớn Sydney, những lái xe tắc xi vì tranh luận về ưu khuyết điểm của nó mà ẩu đả. Kế hoạch trước là năm 1963 chính thức mở cửa, tốn vốn 760 vạn đô la, mà trên thực tế phải chậm lại 10 năm, tốn vốn lại là 100 triệu đô la.

Công trình này dường như được tiến triển trong tranh luận không ngừng và trong tiếng chửi rủa đầy ý thù địch. Vào năm 1966, Utsun từng một dạo đau khổ và thất vọng vứt bỏ. Bởi vì vỏ ngoài bê tông mỹ lệ là "buồm" dùng tiếng chuyên môn tức mặt parabôn hình bầu dục, bị tuyên phán là: căn bản không có cách nào dựa theo cấu tứ vốn có xây dựng, thiết kế vốn có cần sửa đổi. Máy tính tốn mấy nghìn tiếng đồng hồ, ngày đêm không ngừng tiến hành tính toán, giúp đỡ giải quyết vấn đề khó khăn.

Ngày 20 tháng 10 năm 1973, Elisabeth II chính thức tuyên bố nhà hát ca kịch lạc thành, nó không chỉ được ca ngợi là kiến trúc đẹp nhất thế giới từ đại chiến thứ hai đến nay, mà ở bất kỳ thời kỳ nào nó đều thuộc vào loại tốt nhất. Từ vùng biển của cảng nhìn có thể đạt tới hiệu quả lý tưởng, một con thiên nga mỹ lệ màu trắng titan

đang dang cánh muốn bay về phía trời xanh. Đến đêm, ánh đèn chiếu sáng nó, càng giống thiên thần, khiến người say mê.

Vị trí nhà hát ca kịch ở một nơi tên Bernirandi gần hải cảng, nơi này lấy tên một người thổ trước Australia đặt tên, người này là bạn của một tên thống trị thực dân nhiệm kỳ đầu tiên. Nơi này trước đây từng là đồn trại quan trọng, sau đó lại là kho đậu xe của xe điện có đường rầy. Toàn bộ diện tích kiến trúc của nhà hát ca kịch là 1,8 hecta. Vỏ ngoài nóc nhà nặng 161.000 tấn, do dây cáp điện dài 360km chống đỡ. Vùng ngoài hình buồm của nó gắn hơn 100 vạn viên gạch gốm sứ chống vi khuẩn Thụy Điển, vĩnh viễn không cần làm sạch lại có thể lấp lánh phát sáng dưới ánh mặt trời.

Hiệu quả bên trong của nhà hát ca kịch cũng đạt tới mức độ của thời kỳ không gian vũ trụ, vòm cốt thép kiểu gothic, thể hình quạt bê-tông, ngoài ra còn thêm 6225 mét vuông pha lê màu. Màn che lông cừu của nó nghe nói là màn cửa sổ nhà hát lớn nhất trên đời, mỗi tấm có thể che kín 93 mét vuông, cần 6 người mới có thể kéo nó lên. Nó được dệt ở Pháp. Người thiết kế là người Australia John Cauben, ông gọi thiết kế này là "màn mặt trời và mặt trăng". Trong đại sảnh nhà hát ca kịch có đàn orgue máy lớn nhất thế giới, nó tổng cộng có 10500 ống. Trong nhà hát có 5 đại sảnh công năng khác nhau, 1 rạp chiếu bóng, 3 nhà ăn. Trong nhà hát ca kịch có 1550 chỗ ngồi, phòng hòa nhạc 2700 chỗ ngồi. Đoàn nhạc giao hưởng Sydney, đoàn hợp xướng Yêu Nhạc Sydney và nhà hát kịch Sydney trước sau đã đến diễn xuất ở nơi được gọi là "một con thiên nga trắng xô vào vương quốc của thiên nga đen" này.



Nhà hát ca kịch Sydney ban đêm.

MỤC LỤC

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN
43 Lò Đúc, Hà Nội - ĐT: (04) 8264725; 9719512

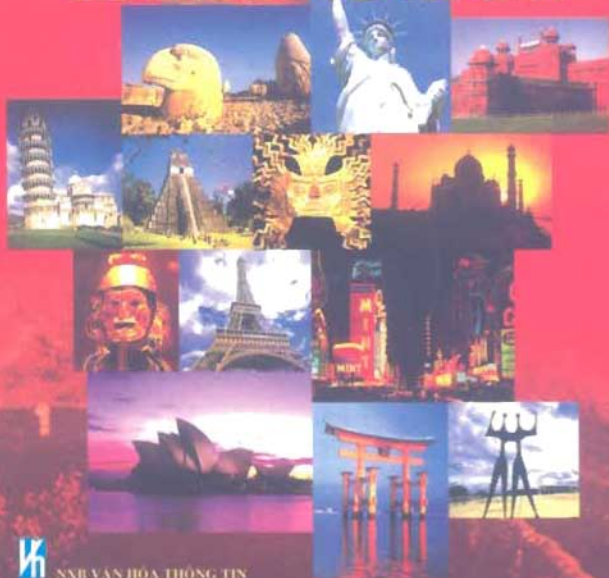
100 KỲ QUAN THẾ GIỚI

Chịu trách nhiệm xuất bản:
BÙI VIỆT BẮC
Biên tập: THÁI HÀ
Bìa: HOÀI ĐỨC
Trình bày: NHẤT NHÂN
Sửa bản in: THIÊN NGA

Liên doanh và giữ bản quyền:



In 1.000 cuốn, khổ 19 x 26 cm, tại Xưởng in Ban TT Văn Hóa T/Ư
Số đăng ký KHXB - 537-2007/CXB/02-82/VHTT, ngày 10-7-2007.
Quyết định XB cấp ngày 11-7-07. In xong và nộp lưu chiểu Q3/07



Thời đại
THOIDAIBOOKSLTD
Website: www.sachthoidai.com.vn & nhasachtre.com
NHÀ SÁCH TRẺ
394 Nguyễn Thị Minh Khai, TPHCM. ĐT: 8344030
Fax: 8344029. E-mail: nhasachtre@yahoo.com



GIÁ: 168.000Đ